

ROMAIN GARY

CÁI ĐÁU

TỘI LỖI

CÁI ĐẦU TỘI LỖI

Tác giả: Romain Gary

Người dịch: Lê Khắc Cầm

Phát hành: Phương Nam



ebook©vctvegroup

Lời tựa

Romain Gary, nhà văn Pháp, sinh tại Vilnius (Lituanie), 1914, là “một trong những tiểu thuyết gia lớn nhất thế giới” (nhận định của tạp chí St. Louis Post Dispatch). Tác phẩm đầu tiên, Les Racines du Ciel viết năm 1954, gây tiếng vang lớn, được giải Goncourt năm 1956. Cái Đầu Tội Lỗi được tác giả viết bằng tiếng Pháp và tiếng Anh (Pháp: La Tête Coupable; Anh: The Guilty Head) năm 1969. R.Gary và vợ là diễn viên điện ảnh Jean Séberg tự sát tại Paris năm 1980.

Bản tiếng Việt dịch từ bản tiếng Anh, New American Library, 1970.

*Người dịch: **Lê Khắc Cầm.***

1

Lão Chong Mập ngăm nhìn cái gã ngoài lề xã hội đó mà lòng buồn nẫu ruột. Đó là tình cảm huynh đệ bất đắc dĩ mà ai cũng phải cảm thấy khi chứng kiến hành vi sa đọa của người khác khiến lòng tự trọng của chính mình bị xúc phạm: gã người Mỹ nọ đầu cúi thấp, cóm róm theo đúng cái tư thế điển hình để bày tỏ lòng hổ thẹn và tội nhục. Thì Cohn chính là người yêu thích tinh thần cổ điển kia mà. Tuy chẳng có thể rặn ra một giọt nước mắt nào nhưng y vẫn cố xử sự sao cho rõ ra là đang mang một tâm lý tội lỗi. Tóm tắt, tư thế y biểu đạt nói lên rằng y đã mất quyền mang cái danh từ kiêu hãnh mà tự điển Larousse đã định nghĩa: Con người, động vật đứng thẳng.

Lão người Hoa bắt y quả tang. Cohn đã nạy cửa sổ leo vào phòng bếp và người chủ danh giá của “quán ăn Paul Gauguin - Thức ăn chính hiệu ở Tahiti” - tức Chong - tắt trệt xuống mắt cá, nút quần chưa kịp gài, đã bắt gặp cái gã người Mỹ tội tệ này đang ngồi chồm hổm trên sàn nhà, thè lưỡi liếm đĩa sữa y vừa trộm trong tủ chén bát của nhà hàng.

Dẫu chưa hề đọc Sự Suy Tàn Của Tây Phương của Spengler, lão người Hoa cũng thấy đau buồn sâu sắc trước cảnh tượng một công dân Hoa Kỳ trong hoàn cảnh tội hổ như vậy.

“Ông Cohn ạ, đáng lẽ ông phải xấu hổ. Hoa Kỳ là một quốc gia vĩ đại. Một người Hoa Kỳ mà có hành vi tội tệ đến thế ở vùng Thái Bình Dương này trong khi quốc gia anh ta đang chiến đấu oai hùng đến vậy để ngăn chặn hiểm họa Đỏ...”

- Vàng chứ, Cohn lẩm bẩm.

- Áo, người Trung Hoa cài lại.

Chong Mập là một người Pháp gốc Hoa, một kẻ theo chủ nghĩa De Gaulle nhiệt thành, một người Hoa nói tiếng Pháp theo âm sắc xứ Corse mà nhiều thể hệ lính sen đầm và lính đoàn đã gieo xuống miền đất Tahiti này.

“Ông Cohn này, tất cả chúng tôi đều hổ thẹn về ông. Tương lai của thế giới tự do tùy thuộc vào thể giá của Hoa Kỳ. Ông phải biết điều đó chứ.”

Đầu cúi gằm, ngón chân vẽ những vòng tròn vờ vẩn trên sàn nhà, Cohn biểu đạt một niềm tủi nhục hoàn hảo cho đất nước Cờ Hoa. Thì bạn phải tỏ ra kính trọng cái vũ trụ đạo đức của kẻ khác, nhất là khi bạn mới trộm tiền trong tủ két của người ta chứ. Số tiền chôm trong tủ của lão Chong, Cohn nhét vào túi sau quần jean. Y cẩn thận đứng quay đít vào tường. Hồi nãy, y vừa kịp giấu tiền xong thì nghe tiếng Chong Mập đi xuống cầu thang, y chỉ kịp thì giờ chạy sang nhà bếp, ngồi xồm xuống sàn và chụp lấy chai sữa dành cho mèo.

“Ông Cohn, ông đúng là một sự phiến toái hoàn toàn.”

Cohn phờ phợt trong dạ. Y vẫn hằng bị dày vò bởi niềm khao khát không nguôi về sự hoàn hảo.

Cohn đưa tay gãi mái, tự hứa phải ghé vào tiệm thuốc mua một chai dầu trừ rệp. Không bao giờ nên quên những điều nhỏ nhặt đó.

“Xin lỗi”, y bẽn lẽn nói, như những người đảng hoàng phải nói. “Tôi bắt rệp.”

Cohn, người mà tên thật ra không phải là Cohn và cũng không phải là người Mỹ, tự xem mình là hậu duệ của những kẻ phiêu lưu bạt mạng thuộc thời đại hoàng kim thời trước, gọi là picaro, mà theo Posada của trường Đại học Salamanea, có lẽ bắt nguồn từ Juan Valdés, một kẻ chinh phục giả mạo, phái viên giả mạo của Giáo hoàng, cùng với nhiều lý lịch giả mạo khác, bị treo cổ vào năm 1602, người mà dân chúng yêu mến phong tặng danh hiệu Hijo-de-puta, con của một mụ điếm. Truyền thuyết về con người này hiện vẫn còn ở Castile, với

những câu chuyện phiêu lưu vô tận được nhuộm màu muôn vẻ, luôn luôn được kết thúc bằng thắng lợi của gã là thoát khỏi tay nhà cầm quyền. Các Picaro sống sung túc nhờ tiền của giới quý tộc Tây Ban Nha trong hơn một thế kỷ rưỡi. Đó là những kẻ nhạo báng và là loài ăn bám với một niềm thù hận, những kẻ vô chính phủ đầu tiên của nhân loại, những kẻ nổi loạn không cả niềm hy vọng lẫn đức tin, mà mục đích là lừa gạt tầng lớp cai trị ở mọi dạng, dầu là giáo hội, vua chúa, quý tộc, thương gia hay cảnh sát... Chúng là những tên đòi bại theo một cách kiêu hãnh và thách đố: Khinh bỉ cái xã hội tội lỗi và đòi truy, chúng hãnh diện làm những tên bịp bợm trung thực. Giờ đây Cohn cố gắng duy trì cái tinh thần tự do của những bậc tiền bối đã khuất bóng từ lâu trong lịch sử đó.

Lão người Hoa hét lên, “Tôi sẽ làm cho người ta trục xuất ông. Tôi...”

Cohn nhú mào, càu nhàu: “Im đi, lão già. Đã có một thời tôi kiếm ăn rất khá bằng cách cung cấp cho nhân dân Châu Phi và Châu Á một hình ảnh hấp dẫn về sự suy tàn của Tây Phương. Tôi nhớ là đã sống qua một tháng trời thật là thú vị khi đứng ăn xin ngay trước sứ quán Hoa Kỳ ở Ghana. Đúng là một biểu tượng hoàn hảo cho sự thất bại của chủ nghĩa thực dân. Thật tuyệt vời cho tinh thần Phi Châu! Tôi đứng đó, dưới quốc huy hình con ó của Hoa Kỳ, ngửa tay xin tiền, như một biểu hiện cho sự bất lực của người da trắng. Cuối cùng thì Tòa Đại sứ Mỹ phải chi tiền cho tôi: một trăm năm mươi đôla một tháng, với điều kiện tôi phải làm kiểu ấy trước tòa đại sứ Pháp. Chẳng may, tờ Herard Tribune đánh hơi được và tố cáo chuyện này, thế là chính quyền ở Ghana trục xuất tôi như là một tên provocateur người Hoa...”

Điều này cũng có thật. Vào khoảng thời gian đó, báo chí có nhắc đến hai gã Picaro kiếm ăn ở San Francisco bằng cách tuyên bố rằng họ chính là người đã thả bom Hiroshima và giờ đây không thể nào sống nổi với mặc cảm tội lỗi của mình. Ngày ấy tội lỗi là một chứng khoán đắt giá và đầu tư vào tội lỗi thì chắc chắn có lời. Một trong hai gã đó

kiếm được bọn tiền nhờ đi nói chuyện trước công chúng và chấm dứt bằng việc mở ra một loạt cửa hàng bán đồ lưu niệm Hiroshima cho một công chúng tội lỗi. Mọi người đều thích có mặc cảm tội lỗi ở Hiroshima hay ở Việt Nam, vì điều đó chứng tỏ họ vô tội. Mặc cảm tội lỗi làm cho người ta trở thành văn minh: Vào cái giây phút mà một tên khốn kiếp vô tội hoàn toàn cảm thấy tay mình vấy máu, hẳn biết rằng mình được kể như là người. Mặc cảm tội lỗi là một đặc quyền đạo đức.

... Ngoài kia, trong đêm đen, sóng vỗ vào bờ đá như bắt chước con tim phần nộ của Cohn. Chỉ có đại dương quyền lực mới có thể cất tiếng nói nhân danh con người...

Một trong hai gã đó rút lui đúng lúc, còn kẻ kia thì đi tù vì hắn là một tên giả mạo, một kẻ lường gạt và hắn chẳng hề bỏ bom xuống Hiroshima gì ráo. Nghĩa là hắn không có quyền gởi tin dụng cho hành động đó, một loại bản quyền của tội lỗi. Luật quốc tế mà. Cái người thật sự đã xóa bỏ Hiroshima và là người độc nhất có tác quyền về hành động đó đã truy tố hắn về tội giả mạo.

“... Thế là tôi bèn đến Tahiti để giúp đỡ dân bản xứ. Hành động phát xuất từ sự suy vi và điều tàn và sụp đổ của Phương Tây, trong một khí hậu dễ chịu và trong một môi trường thú vị. Tên Kaput da trắng cao lớn. Hết thời rồi. Đến mức phải đi liếm trộm sữa dành cho mèo. Tôi thể hiện nơi xứ này cái chung cục khốn nạn của người da trắng, và người ta hoan nghênh họ. Ở thì có quan trọng gì cái màu da. “Con người sẽ chiến thắng”, Faulkner đã từng khẳng định chính xác như vậy trong diễn văn nhận giải Nobel. Thánh thần trời phật ời, lão có nhận thức điều đó nghĩa là gì không? “Con người sẽ chiến thắng”, khiếp chưa. Thôi chào.”

Cohn đưa tay vẫy chào ông phật đang bức tức và nhảy ra khỏi cửa sổ. Ba mươi ngàn franc trộm trong tủ của Chong Mập đựng đưa khoái trá sau đít phải của y.

2

Đêm Tahiti - mà ngày xa xưa, khi sự vật còn giữ đúng tên thật của chúng, được gọi là “Mẹ của Hoan Lạc” - đắm thắm môn trốn ôm lấy Cohn. Y có cảm giác như mình đang bước một nhà thổ bằng hơi nơi đó những ả đười vô hình đang dang tay đón chào khách, mỗi làn không khí đều gợi lên một cái gì đặc thù của nữ tính, như hơi thở hỗn hển thăm kín, như tiếng thở dài dịu ngọt và như lời thì thầm đầy hứa hẹn.

Dải ngân hà đang quét cái đuôi hàng tỉ năm ánh sáng lên những đợt sóng biển. Dầm nước, cột buồm, hàng cây dừa nằm bất động trong cái thanh bình mong manh mà ánh trăng có thể tặng cho cặp mắt và đôi khi, cho con tim con người. Đâu đây, nơi tận đáy sâu của cái yên tĩnh triền miên đó, những ngọn núi lửa từng tạo ra hòn đảo này giờ đây đã chết từ lâu gợi cho Cohn nhớ đến những ngọn lửa, những niềm hy vọng đã bị dập tắt từ xa xưa. Chính từ đam mê, hy vọng đó mà những hòn đá này ra đời.

Hòa lẫn trong sóng biển là tiếng nhạc, tiếng reo hò, tiếng cười mà cơn gió nhẹ buổi tối mang lại từ các túp lều nơi những thổ dân Maori và người Trung Hoa đang quây quần để mừng ngày tổ chức lễ hội mừng ngày phá ngục Bastille của người Pháp. Chân Cohn thấy bồn chồn: y vốn thích khiêu vũ. Dẫu sao thì nhảy múa cũng làm cho gánh nặng của thế giới nhẹ đi trên vai y. Cohn vẫn thường nghĩ rằng thần Atlas hẳn phải là một vũ công.

Dưới chùm hoa tím vàng của cây maa - loại cây mà Gauguin từng viết “Tôi muốn vẽ cây này như một loại cây đẹp nhất ở đây, tuy

thế nói vậy e có hơi vội, vì mỗi ngày ở đây đều đem lại những khám phá mới và điều ngạc nhiên còn lớn hơn nữa” - Cohn thấy Meeva đứng giữa làn ánh sáng bạc, vú và háng dong đưa dưới làn áo mỏng, tròn trịa và đầy sắc màu như một bức tranh cổ đại.

“Thật đáng tiền.”

Đối với y Meeva giống hệt Tohatoa, người mẫu ưa thích nhất của Gauguin. Môi Meeva cũng cong và tròn như thế, cũng ánh mắt nghiêm trang, hơi buồn, cũng mớ tóc đen dày, tất cả làm y nhớ đến cái ả Vahine bất tử mà Cohn nghiền ngẫm mãi nơi tấm ảnh treo ở viện Bảo Tàng địa phương.

Meeva vốn từ đảo Tuamotus đến, và ả đã từng tới Paris chín tháng trước đây. Trong thời gian trước khi họ gặp nhau, ả đã khéo thu xếp để làm cho mình danh nổi như cồn ở Tahiti. Cohn gặp ả trong đám tang của Raffat, tác giả của những cuốn sách lừng danh như *Lạm Phát Người* và *Đả Đảo Nạn Đói*, là người đã dùng quãng thời gian đẹp nhất của đời mình để chống lại nạn đói trên toàn thế giới. Rồi vào tuổi năm lăm, thất vọng trước việc hàng tỉ đôla được dành cho cuộc chạy đua vũ trang và cho chương trình lên mặt trăng, Raffat đã từ bỏ cuộc Thập Tự Chinh nhân đạo của mình để đến sống những ngày cuối đời ở Tahiti. Nơi đây, ông ta đến với dự tính như cách người ta tìm đến với rượu. Nỗi tuyệt vọng, sự thất bại của ông hóa thân thành một sức mạnh nam tính không hề biết đến tuổi tác và giới hạn. Ông vẫn không ngừng nhận hàng đồng thư từ, điện tín chúc tụng, khích lệ và ủng hộ ông từ những nhóm trí thức từ khắp nơi trên thế giới, lúc này đang sát cánh quanh Bertrand Russel. Thế nhưng Raffat nói rằng tất cả những lời ủng hộ đó chẳng thấm gì với những thất bại của ông ở Ấn Độ, Phi Châu... nói chung là trong cái gọi là “thế giới thứ ba.” Chỉ ở Tahiti, những nỗ lực cuối cùng của đời ông, trong lãnh vực tình dục, mới thành công rực rỡ. Cohn thì cho rằng có lẽ cái khía cạnh vui sướng nhất của việc làm tình là nó cho ta cái cảm giác thành tựu. Bởi vào lúc đó, quả thật ta đã xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn trong cơn khoái

ngất và còn kéo dài ít lâu sau đó. Dục tính là một cái chết không đau đớn, một thứ chất kích thích tức thời cho tuyệt đối, là một cuộc tự sát nho nhỏ và vui thú mang lại cho ta sự giải phóng, cả sự sống sót. Vì thế Raffat theo đuổi mục đích ảo tưởng này bằng một tấm lòng hăng say đến nỗi ông chẳng cần chú ý gì đến cái nguồn gốc dòng dõi vua chúa của Meeva, cái ả Vahiné từ một hòn đảo xa xôi nào đó thuộc Polynesie vừa mới đến Tahiti này.

Trong cái thế giới Polynesie không còn giữ lại được gì của di sản quá khứ thì Meeva có vẻ như có mối liên hệ cá nhân mạnh mẽ với những thế kỷ xa xưa. ả có thể kể cho Cohn nghe hàng giờ liền những huyền thoại về những quần đảo san hô, về những vị thần nước đã bị thần Taaroa hủy diệt, về năm mặt trăng có khuôn mặt người mang lại điều dữ và điều lành cho kẻ mà mình chọn. Meeva kể về cách thần Taaroa khuất phục năm mặt trăng đỏ và đuổi chúng ra ngoài biển cả, từ đó mà các hòn đảo Bora Bora, Enuo, Huahiné, Raiatéea và Tubuai thành hình. ả nói say sưa về thần Taaroa, về những chiếc thuyền độc mộc màu đỏ của thần, và về những chiến binh của thần, tường tận như thể ả đã ngủ với từng người một vậy.

Giọng của Meeva vừa dịu ngọt vừa khàn trầm một cách kỳ lạ với những âm họng của người Tuamota, rất giống với âm tiếng Đức. Cha ả, theo ả kể, là thủ lĩnh của đảo Takule, đã sáu mươi tuổi khi sinh ra ả với sự giúp đỡ của mặt trăng buổi sớm trước khi lặn lúc bình minh, đã ban phép cho con người vừa thức dậy cái quyền lực mà người đó cần. Meeva đã nói như thế. Mẹ ả đem ả tặng cho những người bạn ở hòn đảo láng giềng, nhằm duy trì truyền thống xa xưa của vùng Polynesie là hiến con mình cho kẻ nào muốn có con cháu không mang huyết thống, như thế họ sẽ thương yêu đứa con đó nhiều hơn. Cohn, vốn tuyên bố rằng mình chẳng hiểu quái gì về chuyện dân gian, nghi tiết cổ truyền, thần linh, huyền thoại - cái thứ thuốc phiện ấy của nhân dân - lại say sưa nghe Meeva kể, mặc dầu y bảo chỉ bởi vì giọng nói của ả

đã chạm đến tận cùng những điểm nhạy cảm nhất trong người y, bằng một rung động phù thủy nào đó.

“Cohn, tại sao anh không cố tỏ ra dễ thương với mọi người? Tất cả các popaa đều ghét anh.” Popaa là tiếng Tahiti tương đương với “dân da trắng.” “Họ bảo anh là kẻ phá hoại.”

“Kệ xác chúng nó.”

Họ đi dạo dưới bầu trời đầy sao, dọc theo đại lộ Paul Gauguin, ngang qua ngôi trường cũng mang tên Paul Gauguin.

Sáu mươi lăm năm trước đây, người có thẩm quyền cao nhất về đạo đức ở nước Pháp Hải ngoại là giám mục Martin ở Marquesas đã công khai gọi người nghệ sĩ đang hấp hối đó là một verolé - tên giang mai.

Tiếng gầm, tiếng vỡ của sóng biển càng dữ dội hơn về đêm, bởi người ta đọc thấy trong đêm đen của biển niềm xao xuyến thâm sâu nơi chính mình.

“Với lại, họ cần tôi. Tôi rất quý giá đối với ngành du lịch. Kẻ bị loại bỏ nơi vùng này. Màu sắc địa phương mà. Sự huyền bí của miền biển phương Nam - người nghệ sĩ vừa là con heo dâm dục vừa là kẻ nổi loạn. Somerset Maugham - Hủi - Lậu. Chúng mình làm ăn được lắm. Gauguin sẽ giúp đỡ cho tụi mình.”

Mười hai tháng trước đây, khi mới tới hòn đảo này, Cohn đã nhận ra ngay ở đây người ta tôn thờ Gauguin một cách cuồng nhiệt. Hồi trước, nhà cầm quyền Pháp và chức sắc địa phương đã để cho người nghệ sĩ ấy chết trong đói rách, bị kết tội, bị lên án, đó là chưa nói đến sự thù ghét của các nhà truyền giáo, kịch liệt cho đến nỗi, gần ba mươi năm sau khi Gauguin chết, người cuối cùng ở đây còn sống sót là Giám mục ở Marquesas còn viết cho vị tu sĩ dòng Benedictine là Henry De La Borde như sau: “Tôi ước chi niềm im lặng sẽ phủ lên cái sinh vật đáng ghét đó mãi mãi.” Thế mà giờ đây con cháu họ lại trân trọng ký ức về “cái sinh vật đáng ghét đó”, người mà tác phẩm bây giờ

bán giá hàng triệu đôla và là người làm cho Tahiti được ghi vào bản đồ văn hóa và du lịch của thế giới.

Cái con người đã từng viết cho một người bạn tên là Monfreid rằng: “Khi bọn họ nói: Bạn biết đấy, nghệ sĩ mà? Giọng họ mang một vẻ bề trên, nhạo cợt, kèm theo một nụ cười bao dung, che chở làm cho tôi giận điên lên”, cái con người đó giờ đây là kẻ được quần chúng tín ngưỡng nhất.

Tóm tắt, đó là cả một huyền thoại, và Cohn kiếm cách khai thác lợi tức từ đó. Y đã thành công trong việc áp đặt lên Tahiti một loại thuế truy thu sau khi chết của Gauguin nhằm trả cho y. Việc hưởng lợi này là hoàn toàn đạo đức. Nó vừa giải quyết những vấn đề của con người nổi loạn ngày trước ấy vừa cả những vấn đề của riêng y với nhà cầm quyền.

Cohn thừa nhận Gauguin làm ông thánh bảo trợ của mình. Mọi người ở Tahiti đều biết đến “Ngôi nhà Hoan lạc” của y, đặt theo tên chỗ ở của kẻ ly khai vĩ đại Gauguin ở Marquesas. Cách xử sự cũng như vẻ bề ngoài man dại của Cohn, sự hằn học của y đối với các nhà truyền giáo, cách sống buông tuồng, thái độ thách đố của y với chính quyền địa phương được nhiều người thừa nhận như một thái độ nghệ sĩ. Không ai ở Tahiti muốn phải đeo một Gauguin khác trên lương tâm mình. Bởi thật sai lầm khi nghĩ rằng con người luôn luôn lặp lại cùng một lỗi lầm và họ không học được gì từ lịch sử.

Còn về các “tác phẩm” của Cohn, thì là do các học sinh trong xưởng vẽ ở Pavaa vẽ giùm cho y, bắt chước rất khá theo các bức tranh của nhà danh họa. Y chỉ việc ký tên tác phẩm “Genghis Cohn”, tên của một kẻ nổi loạn tiếng tăm khác. Y đã đọc câu chuyện về người này và để tỏ lòng ngưỡng mộ, y đề luôn cái tên này vào giấy thông hành giả mạo của mình.

“Cohn, anh lại fiu nữa rồi.”

Là cái từ nổi tiếng nhất trong ngôn ngữ Tahiti, fiu có rất nhiều nghĩa: buồn, sâu, chán, tuyệt vọng, nhớ nhung, mõi mòn, đời dẫu. Từ

này bao trùm hết cả những bất hạnh của tâm hồn con người.

“Đó là tại anh cứ hay suy nghĩ, Gene ạ. Anh không được suy nghĩ. Nó có thể làm anh điên đấy.”

“Đừng gọi tôi là Gene. Genghis là tên tôi. Genghis là một tên rợ nổi tiếng, một kẻ chinh phục man rợ mà Chúa, bằng sự khôn ngoan vô hạn của mình, đã chọn lựa để thiêu đốt và hủy hoại những kẻ tội lỗi và suy đồi.”

Người ta đồn rằng tại quần đảo này vẫn còn một số quần đảo san hô kỳ diệu, những thánh đường trinh nguyên của cái đẹp và sự thanh bình mà con người chưa hề đặt chân đến. Thế nhưng Cohn biết rằng y không thể sống trong một hòn đảo hoang được. Y cần đến kẻ thù bên ngoài. Sống đơn độc với chính mình sẽ trở thành kẻ ăn thịt bản thân.

Y thường tự hỏi tại sao mình lại bị ám ảnh cuồng nhiệt bởi sự khởi đầu của thế giới, bởi cái bình minh đầu tiên, chiếc thuyền độc mộc đầu tiên, tia sáng hy vọng đầu tiên, khi sự sống còn mới mẻ và tất cả con đường đều rộng mở. Khi ấy y không phải dẫm lại lên vết chân của chính mình. Cơ hội đó giờ đã mất. Thế tuy nhiên niềm khát khao vô vọng và hỗn độn ấy vẫn dày vò y, và những dòng thơ của Yeats vẫn vọng lên trong trí y mỗi khi sức nặng y mang trên vai trở thành quá gay gắt:

Tôi tìm kiếm khuôn mặt nguyên sơ của mình

Trước khi thế giới này bắt đầu.

...

Đêm Tahiti chảy qua người họ. Những cánh hoa maa nhẹ nhàng rơi trên đầu. Thiên nhiên đang mùi lòng và, bằng từng hơi thở của đêm sâu, phụng phỉ những món quà của mình lên trên họ. Lũ thiêu thân bám lấy hai khuôn mặt dưới ánh trăng còn lũ đom đóm thì chập chờn những đốm sao trần gian khiêm tốn xung quanh hai người. Tiếng gầm của biển đã dịu đi, vì thế giờ đây không còn ai lên tiếng nhân danh Cohn nữa.

“Nào. Tụi mình hãy nhảy múa.”

3

Ngôi làng mang tên “Phá ngục Bastille” chạy dài suốt bờ biển từ ngoại ô thị trấn Papeete đến Pouaavia, Từ cách xa một dặm, ta đã ngửi được mùi hơi người. Mùi này chân thật vì chỉ cần ngửi là ta biết ngay nó phát xuất từ đâu ra. Nơi mỗi túp lều cỏ đều có một dàn trống tamure chỉ nhằm mục đích: Kéo dài cuộc nhảy múa. Vào thời xa xưa, khi cuộc sống còn trinh nguyên vô tội, dàn trống tamure thường cất tiếng nhịp nhàng quanh người vũ nam đang bỏ dưng vật của mình vào nơi trú ẩn tự nhiên của nó. Người này cố giữ cho niềm hứng khởi của mình được lâu chừng nào hay chừng nấy trước khi chìm vào cơn động kinh cuối cùng, rồi sau đó rút lui nhường chỗ cho một vũ nam khác.

Nụ cười sáng khoái rạng rỡ trên mặt, chiếc mũ thủy thủ hất ngược ra sau, hàm râu đen dựng thẳng, mũi vênh vảo chĩa lên trời, chiếc khoen vàng lắc lư bên tai trái, hai hòn dái tung tăng, mồ hôi hoan lạc vã đầm cả mặt, Cohn lắc mông càng lúc càng nhanh, thỉnh thoảng vừa lắc vừa đưa tay gãi háng sồn sột vì mấy con rệp quá ác. Đối diện với y là Meeva đang lắc hông, lắc háng cuồng nhiệt trước các cặp mắt vui sướng thỏa thuê của đám du khách do gã hướng dẫn viên Puccioni mời đến tham dự và được nghe gã dặn là “ráng chụp cho được bức ảnh cái người đàn ông bất hạnh và cái ả vahine của gã - một trường hợp bi thảm, một quá khứ bí ẩn - một ví dụ điển hình về một người da trắng bị ký ức hủy hoại - Hai con người đó thực sự là ai, chẳng có ai rõ cả.”

Sau khi nhảy múa quá độ, hoặc, cũng có thể là chưa đủ, Cohn nằm nhẹ lấy tay Meeva, dẫn ả ra bãi biển, để gạt bỏ tất cả những đờn đau còn lại trong bản thân y bằng cái giây phút thánh thần ngắn ngủi. Rồi thì sau đó, y sẽ thả một điệu xì gà, trần truồng bước xuống đại dương và đứng đấy, ngửa mặt vênh váo thách đố với những ngôi sao cách xa hàng triệu năm ánh sáng bằng cái đốm lửa nhỏ nơi đầu điệu xì gà của mình.

Khi trời gần rạng, Cohn lại dẫn Meeva ra bãi biển một lần nữa, nhưng là để tán chuyện, và y nhận thấy cô ả chẳng hề chú ý. Một nhòai, y nằm ngửa xuống nền cát mịn, ngắm sao. Những ngôi sao được gắn chặt vào bầu trời. Cohn nghĩ đến một việc nhỏ nhặt.

“Nhớ nhắc tôi mua ít thuốc rận. Nghĩ xem, tới lúc này, 1968, mà còn có rận. Thật y như thời Trung Cổ.”

Sao nhạt đi. Đại dương bắt đầu tìm lại giọng nói ban mai còn ngái ngủ của mình. Một chiếc độc mộc đỏ thắm chất đầy ngư phủ nổi lên giữa những hàng dừa, tựa hồ bất động trong cái thế giới trong suốt của riêng mình, cái thế giới không đêm không ngày, không là đại dương cũng không là bầu trời. Rồi thì bầu trời chuyển hồng, vàng, thành cam nhạt ở tất cả mọi nơi mọi chốn.

Cohn nhìn lên vũ trụ, dịu dàng nói: “Đồ điểm rạc.”

Meeva nổi cáu “Anh không được gọi tôi như vậy. Anh phải gọi tôi bằng tên đảng hoàng. Nói cho anh biết, bà cố bên ngoại của tôi từng ngủ với vua Pomare đệ ngũ. Có sử sách minh chứng đảng hoàng đấy.”

Cohn trang trọng đáp: “Tôi đâu có nói cô, tôi đang nói với trời mà.”

Tình thần mệt mỏi làm cho y nhanh chóng phục hồi sức mạnh thể xác. Thoạt tiên y nghịch ngợm một cách lười biếng thân thể mình, sau đó với Meeva. Làn môi mát rượi của cô ả lướt dọc người y làm sống lại ngọn lửa ham muốn vừa rồi đã lịm tắt.

Những chiếc thuyền độc mộc nằm trong vũng nước cạn. Sóng vỗ nhẹ vào mạn thuyền rong rêu. Cohn cố cưỡng lại nỗi cảm dỗ muốn nhảy vào những chiếc thuyền đó rồi bỏ bờ biển lại phía sau. Bởi chẳng nào thì y cũng phải quay trở lại. Đại dương vô tận chỉ là một ảo ảnh, và đó là lý do y đành phải luôn luôn mang cái mũ lưỡi trai để tự nhắc nhở mình.

Sóng biển cầu nhàu đập vào mỏm đá như phụ họa theo con tim cáu giận của Cohn. Cả thế giới san hô bị chìm lấp dưới làn thủy triều, rồi rút đi, để lại trên mép biển một con dã tràng cuống quýt chạy về tổ trú ẩn. Những mảnh thiếc bọc quanh thân dừa - để khỏi bị chuột gặm - phản chiếu lấp lánh ánh sáng bạc của bình minh, trông giống như vầng hào quang mà những người thợ thời Phục Hưng đã đặt lên đầu các tượng thánh.

Từ một chiếc thuyền câu bỏ hoang trong rừng dừa, có một bóng người nhô lên, thụp xuống, rồi bỏ đi. Cohn nhận ra một khuôn mặt quen thuộc: cái di sản giả mạo mà cuộc hành trình thử thi của Hayerdhal đã để lại trên quần đảo Polynesie. Đó là “thuyền trưởng” Skip Ellis, một gã bịp chuyên nặn túi tiền của du khách bằng cách tự xưng mình là một trong những thành viên của đoàn thám hiểm trên chiếc bè Kon-Tiki nổi tiếng.

Dàn trống tamure vẫn chơi những nhịp cuồng loạn, nhưng giờ đây, khi đêm đã tàn, khi ánh sáng hồng của bình minh bắt đầu hiện lên, âm thanh nghe như tiếng thở nặng nề của một người làm tình đã kiệt sức, vừa không kết thúc nổi, vừa không muốn bỏ cuộc. Cohn đột nhiên cảm thấy bức tức vì hình ảnh chiếc thuyền độc mộc treo lơ lửng giữa trời và biển, trong một vũ trụ nhuộm hồng như đang sẵn sàng cho lễ hội mừng rạng đông của miền nhiệt đới. Màu sắc địa phương hơi quá đà. Meeva cũng vậy. Sau khi đã hoan lạc suốt đêm, giờ đây ả không làm tình theo kiểu đón nhận nữa, mà theo cách “tự phục vụ.”

“Được rồi, tiếp đi, cô tự làm đấy”, Cohn nói, người lún sâu xuống cát do sức nặng của Meeva đè lên y.

“Cohn này, có một tên đằng kia đang chụp ảnh chúng ta đấy.”

Cohn ngược mắt lên, thấy sau thân cây dừa có một gã popaa đang cúi đầu xuống ống kính.

Y gầm lên “Kệ nó. Tôi không làm ăn gì được nếu không có ai chụp ảnh.”

Nói vậy nhưng y cũng rút ra khỏi Meeva, người vẫn còn đứng đứng. Y gọi: “Ê, anh kia.”

Người đàn ông nọ nhìn y. Có vẻ là một khách du lịch điển hình: quần đùi quá gối, chân rám nắng, áo sơ mi chim cò kiểu Hawaii với chiếc mũ Tahiti có gắn vỏ sò chung quanh.

Gã nói, không chút bối rối, “Xin lỗi, tôi đang chụp cảnh mặt trời mọc.”

Cohn khoái chí, “Cám ơn lời khen ngợi của anh bạn. Đây, mặt trời mọc đây này, chụp lấy một tấm thật đẹp mà về đưa cho vợ anh xem. Cứ cho mẹ vợ anh thấy tận mắt là quả trên đời có một cái như thế này.”

Gã kia nhún vai và quay đi. Cohn nhìn theo gã khuất sau rừng dừa, một nỗi nghi hoặc mơ hồ dâng lên trong y. Cohn đánh hơi thấy nguy hiểm. Có phải họ vẫn theo dõi y? Không, không thể được. Y không còn dấu tay còn mặt y thì cuộc giải phẫu ở Caracas đã làm thay đổi hẳn. Không còn cách gì để nhận dạng y.

“Có chuyện gì nữa vậy Cohn?”

“Có gì đâu. Chỉ suy nghĩ thôi.”

“Thì tôi biết là anh suy nghĩ rồi. Thấy rất rõ. Anh đang nhún lại đây này.”

“Thế ra cô không có cái gì khác trong đầu sao, cái cô Tahiti truyền thống này?”

“Chúng ta đeo hay nói chuyện đây? Đó là điều em muốn biết.”

Cohn thở dài. Y đã gặp một ả vahine chẳng có máu lãng mạn chút nào. Có cả một thế kỷ của ngôn ngữ thủy thủ đã để lại nơi cô ả.

Chẳng thể không có gì lạ khi cái bông hoa đẹp và thanh nhã nhất của cái vườn hoa nhiệt đới này đột nhiên sừng sộ thốt ra những lời lẽ của lính lê dương, những lời lẽ mà thường khi nói về những khía cạnh thơ mộng của “tình yêu nơi quần đảo hoan lạc này” người ta thường cố tình không nhắc đến.

“OK. Đéo thì đéo. Nhưng đừng có ngồi thừ ra đấy.” Y nói, giọng nghiêm trang. “Cô làm gì đi chứ.”

Trong khi ả chủ động làm tình, y quan sát khu rừng dừa, lòng ngờ vực. Y đã phát triển cái giác quan thứ sáu để đánh hơi thấy sự nguy hiểm.

Dẫu cái thân phận “bên lề xã hội” ở đây chứng tỏ việc cải trang của Cohn rất thành công, y hiểu rằng người ta vẫn không ngừng truy đuổi và sớm muộn gì họ cũng tìm ra để đặt một viên đạn - rất đáng đời - vào cái đầu tội lỗi của y.

...

Mười chín tháng trước, Cohn ẩn trốn tại Trinidad, tại nhà một ả đợi ở nhà chứa Blue Cat. Ả này tên là Lamartine Jones, một phụ nữ da đen đồ sộ, giao du rất rộng. Cohn bơi lội, tắm nắng, sống qua những ngày tháng yên ả ngắm nhìn biển cả - người anh em phần nọ của y - và hoàn toàn thoải mái trong thân phận vô danh của mình. Ngọn lửa linh thiêng vẫn cháy bỏng trong lòng y, nhưng nó được giấu kín an toàn, không ai biết, không thể dò tìm nơi con tim và tâm trí của một kẻ lạc lõng bơ vơ bên bờ biển Trung Mỹ. Không ai có thể nắm được nó để đốt cháy thế giới. Prométhée hẳn đã đánh cắp lửa thiêng quá sớm. Cái gã lạc loài này đúng là một kẻ chống phát xít trước tuổi.

Một chiều nọ, Cohn ngồi trên bãi biển trống vắng gần lâu đài Morgan, ngắm nhìn thế giới Ca-ri-bê đang chuyển thành màu tím thẫm trong khi chân trời đằng xa vẫn còn pha chút vàng óng ả, y bỗng thấy ba người đàn ông xuất hiện từ rừng cọ. Cách chừng 50 bước, họ đứng lại bàn tán với nhau. Một gã ngậm điếu xì gà, gã kia mang kính đen,

bận bộ đồ xanh sáng. Gã thứ ba khuất sau hai gã kia, chỉ nhìn thấy chóp mũ panama trắng.

Không còn ai trên bờ biển ngoại trừ ánh hoàng hôn đỏ rực sống động. Thế rồi gã đội mũ trắng tiến lên trước, khẩu súng máy trong tay, lặng lẽ bước về phía Cohn.

Y chỉ thoát khỏi cái chết cầm chắc nhờ chiếc xe buýt màu vàng chở du khách đến thăm lâu đài Morgan mỗi ngày. Xe chỉ cách họ chừng 100 thước, gã đội mũ trắng nhìn lui, rồi nâng súng lên khai hỏa. Cohn có cảm giác cháy bỏng ở đùi và thấy cát quần lên như những con rắn bao quanh mình. Y nhanh trí ôm lấy ngực, ngã gục xuống sau một tảng đá, giả vờ chết.

Kẻ sát nhân có vẻ tin rằng đối tượng đã tắt thở. Chiếc xe buýt giờ đỗ lại bên rừng cọ và Cohn có thể nghe thấy tiếng cười nói vui vẻ của họ.

Úp mặt xuống cát, nằm bất động, Cohn vẫn cố đưa mắt nhìn về phía rừng cọ. Vết thương ở chân tuy máu me ra nhiều nhưng không nghiêm trọng.

Thế là họ lại săn đuổi y.

Cohn nằm yên giả chết cho đến khi những đám mây nhiệt đới theo gió mùa phủ kín mặt trăng mới bò về Blue Cat, nhờ một trong mấy ả ở đây liên lạc với Dee Dee.

Dee Dee trước đây từng là người cộng sự của vị tu sĩ danh giá Boysie Sing - đã bị treo cổ sau hơn 20 năm cai trị giới anh chị ở Trinidad, với thành tích là hơn 100 vụ giết người. Có nhiều cuốn sách và bài hát từng nói về Boysie. Còn Dee Dee thì giờ tuy đã là người giàu nhất Trinidad, vẫn rất năng động và xông xáo. Lão điều khiển những nhà chứa bảnh nhất tại xứ này và kiểm soát đến bảy mươi lăm phần trăm đường dây ma túy, cờ bạc. Lão làm ăn là do bệnh tưởng: lão tin rằng một người làm ăn mà về hưu thì luôn luôn chết vì bệnh tim!

Dee Dee sáu mươi lăm tuổi. Đó là một người da đen khổng lồ có pha những nét da đỏ. Lão mang một viên kim cương 5 ca-ra nơi răng

cửa - theo truyền thống xưa thì đó là cách phô trương sự giàu sang - khiến các cô con gái lão, vốn là phu nhân của những vị tai to mặt lớn ở xứ này, muốn chết được vì ngưỡng.

Cohn chìa cho Dee Dee xem cẳng chân đẫm máu.

“Ai làm vậy?”

“Dee Dee ơi, chúng săn đuổi tôi. Chúng suýt giết chết tôi rồi đó. Tôi phải đi khỏi xứ này hoặc là tiêu đời.”

“Nhưng chúng là ai?”

“Người của Fidel chứ ai.”

Viên kim cương nơi cửa miệng lão lóe sáng, tiếp theo đó là một tràng chửi thề vang dội. Cohn biết rất rõ rằng lão đồ tể này vốn ghét cay ghét đắng chủ nghĩa cộng sản vô thần.

“Tại sao?”

Cohn lựa lời: “Bố phải tin tôi, bố Dee Dee ạ. Tôi không thể nói gì hơn. Lệnh của tổ chức. Tôi cung cấp tin cho CIA. Bố biết đấy, tôi đâu chẳng ra gì nhưng tôi yêu nước Mỹ của tôi. Người ta có thể là một thằng khốn nhưng vẫn là một người ái quốc. Đây là một âm mưu của phe cộng. Chúng tìm giết tôi. Bố phải giúp tôi, không thì tôi tiêu.”

Cắn một miếng xì gà to tướng vào miệng, Dee Dee bảo:

“Được rồi, cứ để đấy cho bố.”

Thế là ngày hôm sau báo chí ở Trinidad đăng đầy tin tức về xác một gã lang thang nào đó, bị giết trên bờ biển cạnh lâu đài Morgan. Không có chứng tích gì để xác định lai lịch nạn nhân và cảnh sát đang nỗ lực truy tìm hung thủ.

Ngay đêm đó Cohn bí mật rời Trinidad trên một chiếc tàu buôn của Dee Dee đến Venezuela. Nơi đây, một trong những người bạn thân nhất của lão, cũng là một tay buôn bán ma túy, đã trang bị cho Cohn một “diện mạo mới”, nói theo cách của giới anh chị Nam Mỹ. Nhà phẫu thuật đã làm việc một cách tài tình, và thế là Cohn đến Tahiti trong một khuôn mặt mới toanh. Y chỉ còn việc phải làm là đốt cháy

các ngón tay để xóa dấu. Y chẳng hề do dự chút nào. Nếu không làm thế thì chỉ còn cách xóa cái đầu y đi mà thôi.

...

Meeva dịu dàng áp người bên y, trong một giấc ngủ thanh bình. Từ trong lều cỏ, tiếng trống tamure đã tắt, chỉ còn vài tiếng đàn ghita, tiếng dương cầm rời rạc buông ra những âm thanh cuối cùng. Đại dương lái những con sóng bạc vào bờ đá san hô và reo lên những tiếng dịu dàng trên cát. Đảo Mooréa nằm im trong làn sương tím nhạt buổi bình minh.

Cohn ngồi dậy bước vào đầm nước. Y đứng yên lặng trong làn nước mát dịu, chiếc mũ hải tặc vênh váo chĩa lên trời.

Hôm nay sẽ là một ngày trọng đại. Nếu có một tình thế mà y quyết định phải chiến thắng cho bằng được thì đó là cuộc đối địch giữa cá nhân y với Verdouillet. Hôm trước y đã đưa cho Văn phòng du lịch một tối hậu thư: họ phải quyết định xem ai có thẩm quyền, ai xứng đáng hơn - Cohn hay là cái gã giả mạo Verdouillet kia. Lão giám đốc đã phải gọi cả hai ông Gauguin đến văn phòng sáng nay để công bố quyết định của mình.

4

Viên giám đốc Văn phòng du lịch Pháp ở Hải ngoại đang ngồi trước bàn giấy, bên cạnh là một quả địa cầu khổng lồ đội chiếc mũ panama. Tên đầy đủ của ông ta là Hervé Bizien De La Longerie và, vào tuổi 45, được mọi người xem là “vị hoàng đế trong ngành du lịch.” Hiện giờ ông ta đang tập trung mọi nỗ lực vào Tahiti và quyết định, như ông ta đã nói trong buổi nói chuyện mới đây tại Phòng thương mại, là “biến nơi này thành một Vườn Địa Đàng đẹp hơn và hạnh phúc hơn.” Tahiti đang trải qua thời buổi khó khăn. Việc thử nghiệm quả bom hạch tâm sắp tới của Pháp tại đảo san hô Mururoa làm cho du khách sợ hãi không muốn đến Tahiti. Tệ hơn nữa là Tahiti đang bị Hawaii cạnh tranh ráo riết và tin này Bizien theo dõi từng ngày.

Rõ ràng là đã có cái quyết định biến Hawaii thành một “sân khấu sống” của vùng Polynesie, một ấn bản trung thực nhằm tái tạo cái quá khứ văn hóa của vùng Nam Thái Bình Dương đã từng bị quét sạch một cách triệt để trước đây. Các nhà nhân chủng học lớn nhất thế giới đang nỗ lực làm sống lại những vị thần, những đền thờ, những thần thoại, những lễ tiết tôn giáo, tất cả huyền thoại và dân ca của người Maori. Năm triệu đôla đổ vào cho chương trình vĩ đại này.

Tuy vậy, có một điều mà Hawaii không thể vượt được Tahiti, đó là cái chất cuồng nhiệt không gì so sánh được của huyền thoại Paul Gauguin ở đây. Truyền thuyết lãng mạn về cuộc đời, tình yêu, cái chết, hàng tỉ ấn phẩm tranh của Gauguin là một cái nguồn vô tận cho việc

quảng cáo cho cái “Địa đàng” này, và cho cả cái nữ tính đặc thù của xứ này, các cô ả vahine bản xứ.

Bởi vậy Bizien đặt cược lớn cho ưu thế này. Ông ta đang sửa soạn cho vở kịch “Đoạn đường khổ nạn”, dựng lại từng bước đi của cuộc hành trình mang cây Thập Ác của vị thánh nổi loạn Gauguin cho đến khi chết trong “Ngôi nhà Hoan lạc” tồi tàn của mình. Những chi tiết gây khó chịu nhất thì tất nhiên phải bỏ đi. Sẽ không hề nhắc đến những đêm trụy lạc của Gauguin, vốn đã được họa sĩ diễn tả rất khoái trá trong thư gửi Monfreid: “Các cô gái - trẻ con quái ác một cách tuyệt vời ấy đã ùa vào giường tôi... Có ba trong số những cô ấy cùng tôi trình diễn suốt đêm qua.” Còn cái việc in ẩn những bức ảnh khiêu dâm cũng nhất thiết phải bỏ đi. Một số chi tiết thực của người ấy sau lớp huyền thoại đã trở thành cát bụi và không còn quan trọng. Cái chính là huyền thoại.

Cái chính là chọn người thích hợp để đóng vai người họa sĩ ấy. Bizien một lần nữa ngược nhìn hai ứng viên đang chờ ông ta phán quyết.

Verdouillet có thần kinh nhạy cảm và dùng ông ta thì phải rất thận trọng. Là một người hướng nội bệnh hoạn, ông ta không thích hợp mấy với hình ảnh Gauguin. Ông ta cũng thiếu cái sức mạnh thể xác, cái dáng vẻ hoang đàng, thách đố, chiếc mũi ngạo mạn thấy rất rõ nơi những chân dung tự họa của Gauguin. Nơi Verdouillet không hề có một nét nổi loạn nào cả. Đã thiếu dáng vẻ bên ngoài, tệ hơn nữa, ông ta còn thực sự tin ở tài năng của mình, mà có lẽ cũng có đôi chút tài thật. Bizien nhăn mặt.

Cohn thì lại hoàn toàn khác: Chưa kể về thể chất giống hệt không thể chối cãi, y còn giống hệt Gauguin về phương diện tinh thần, và y rất biết cách làm cho danh tiếng vị thánh này sống lại nơi y.

Vị Hoàng đế du lịch vừa quan sát hai đối thủ, vừa lơ đãng quay quả địa cầu khổng lồ. Verdouillet, nhợt nhạt, cầu nhàu, nóng nảy đưa tay gãi gò má hóp đầy tàn nhang.

Đưa mắt dò ý nghĩa của Bizien, Verdouillet bắt đầu càu nhàu, giọng chua chát: “Tôi đến đây trước ông ta, tôi có cả bảng pha màu của Gauguin, tôi có phong cách vẽ, nhãn quang của Gauguin. Du khách sẽ nhận ra điều đó ngay. Còn ông Cohn đây thì tranh của ông ta là do các sinh viên trường Mỹ thuật Paava vẽ. Thế mà ông gọi là thẩm quyền, là đích thực ư? Thật không công bằng. Thế mà khi tôi muốn ghi bảng hiệu trên xưởng họa của tôi là “Ngôi nhà Hoan lạc” thì chính quyền địa phương cấm, với lý do là nó nằm trên đại lộ Đại Tướng De Gaulle!”

Cohn khinh bỉ nhìn Verdouillet, dựa bàn giấy của Bizien, mở ngăn kéo bên phải, nơi cái lão Bizien ti tiện cất giấu hộp xì gà.

Y chớp một điều, châm lửa rồi đưa điều thuốc chỉ vào đối thủ: “Ông là một kẻ lừa gạt, Verdouillet ạ. Ông chẳng có cái vẽ Gauguin một chút nào cả. Ông mà là Gauguin? Ha ha, thật là xúc phạm đến ký ức của tôi.”

Mặt Verdouillet vàng bệt đi - Chắc chắn đây là lần pha màu thành công nhất của ông ta, với tư cách là một họa sĩ.

“Còn việc gọi cái tổ của ông là “Ngôi nhà Hoan lạc” ấy à, cứ hỏi bất cứ cô gái nào mà ông đang đeo đuổi xem. Tất cả các cô vahine ở đây đều biết rằng khó mà thấy ông vẽ nên được một bức cỡ nhỏ xiu đi nữa...”

Bizien giơ tay hòa giải: “Nào nào... Verdouillet có quyền sử dụng cây cọ thế nào tùy thích. Vấn đề kích cỡ không có liên hệ gì ở đây cả.”

“Nói dối!”, trong khi đó Verdouillet gầm lên, gần phát khóc.

“Đơn giản là ông không có bất cứ cái gì cần thiết để bước theo vết chân của Gauguin cả”, Cohn tiếp.

Bizien bắt đầu cảm thấy rằng cái gã Cohn này hơi quá tự tin, ông ta can thiệp “Ông bạn Verdouillet đây có một ưu thế hơn ông đấy, ông Cohn ạ. Ông ta có một mối liên hệ cá nhân, huyết thống đấy nhé, với con người vĩ đại của chúng ta, Paul Gauguin.”

Verdouillet đỏ bừng mặt vì sung sướng, khiêm tốn không nói gì.

“Ông ta là cháu họ của gã sen đầm Claverie, người kẻ thù tàn ác không ngừng trừng phạt Gauguin đấy”

Lần này Cohn tỏ ra quan tâm thật sự: “Hả, tôi không biết điều này.”

“Verdouillet là một di vật đấy”, Bizien kết luận, “Ông có hình dung thiên hạ sẽ xúc động đến thế nào nếu chúng ta có được một hậu duệ trực tiếp của Judas trong chúng ta không? Một mối dây lịch sử sống động với Christ đấy. Thử tưởng tượng xem, người đó sẽ có thẩm quyền về mặt tinh thần và đạo đức lớn lao đến chừng nào!”

Mặt Verdouillet sáng lên vì hãnh diện: “Tôi có đủ giấy tờ để chứng minh điều này đấy. Chính là Claverie, ông chú ngoại của tôi, đã giúp Gauguin trở thành một người tuân giáo. Các ông còn nhớ ông ta đã truy tố Gauguin ra tòa không? Và còn bỏ tù Gauguin nữa chứ.”

Cohn vẫn luôn luôn xúc động khi gặp một mối liên quan trực tiếp còn sống động, còn nóng hổi, với một trong những chất liệu lớn lao của lịch sử.

Quả là có cái hào quang của sự đích thực ở đây thật.

Người ta bảo rằng Judas tự sát. Cohn không tin. Judas có lẽ đã sống đến hết tuổi già, sống khá lâu để chấm dứt cuộc đời của mình một cách huy hoàng, giữa tình yêu thương và lòng kính trọng của tín đồ. Chắc chắn rằng cuối cùng thì người ta cũng chán y, như chán tất cả các anh cựu quân nhân, cứ ngồi kể mãi chuyện cũ, về mối quan hệ gần gũi giữa mình với Jesus ở Nazareth tiếng tăm vang dội kia. Nói cho cùng, thì y, Judas, chính là kẻ phản bội nguyên thủy nhất và trên cơ sở đó y có quyền xem mình là kẻ sáng lập ra tất cả nền văn minh của chúng ta. Cái lão Judas già cỗi, vô vọng, lẩm cẩm đó hẳn cuối cùng làm cho mọi người không chịu nổi, bởi lão luôn luôn đòi hỏi người ta phải tỏ thái độ kính trọng và rộng lượng hơn nữa đối với lão, và hẳn là luôn luôn nổi sùng lên khi thấy mọi người không quan tâm đến lão nữa.

Cohn biết rằng y không hề cường điệu trí tưởng tượng. Cuốn sách Cuộc đời của Paul Gauguin của Perruchot cung cấp nhiều những chứng cứ vụn vặt khẳng định ý tưởng của y.

Cái lão Chenpillet to như bò mộng ấy đã về sống tại Haute-Saône cho đến hết đời. Những kẻ ngưỡng mộ người họa sĩ đã khuất từ lâu đó thường đến thăm viếng cái lão sen đầm về hưu này. Khi có khách đến thăm, ông cụ già đáng kính sẽ vui lòng kể lại, mặt đầm đìa nước mắt. “... Họa sư Paul Gauguin, cái con người ngoại hạng ấy, nhà nghệ sĩ bất hạnh vĩ đại ấy, người mà tôi đã may mắn được biết đến khi còn ở Marquesas. Ông ấy không giống bất cứ ai tôi đã từng biết đến. Ông ấy là một nhà tiên tri.”

Còn cái lão sen đầm tàn nhẫn, Claverie, cái ông chú họ của Verdouillet ấy, thì còn ngưỡng mộ, sùng bái Gauguin hơn nữa. Lão rút về sống ở Montgaillard trong vùng Pyrénées, mở một tiệm bán thuốc lá. Và trong tiệm thuốc lá đó, theo Bernard Villaret, “... lão thành kính trưng bày một hộp thủy tinh nhỏ chứa một tác phẩm điêu khắc nhỏ bằng gỗ của nhà họa sư mà lão ta đã từng kết án với những lời lẽ độc địa vốn giờ đây đã thành thần tượng của lão. “Một di sản quý giá” lão thường nói với khách vừa đưa mắt âu yếm nhìn tác phẩm điêu khắc.

Nếu có một câu nói mà Cohn không thể chịu đựng nổi, thì đó là câu “nhân tình là thế mà.”

Vào lúc đó, bỗng vị Hoàng đế của ngành du lịch đột nhiên lóe lên một sáng kiến.

Chính là do nơi bộ râu đỏ, cặp mắt xanh, khuôn mặt nhợt nhạt, bệnh tật của gã Verdouillet khốn khổ.

“Tôi nghĩ rằng tôi đã tìm ra giải pháp, ông Verdouillet ạ”, Bizien nói.

Verdouillet chớp mắt, ngờ vực “như thế nào?”

“Ông sẽ đóng Van Gogh.”

“Tuyệt vời” Cohn thán phục.

Bizien hài lòng.

Verdouillet, rút sâu vào trong cái vỏ sò vô hình, đưa mắt mệt nhọc nhìn cả hai người. Ông ta cảm thấy có một âm mưu nhằm lừa gạt mình.

Bizien nói giọng kết thúc: “Ông có những gì cần thiết để đóng Van Gogh.”

“Nhưng mọi người đều biết là Van Gogh chưa hề đặt chân đến Tahiti!” Verdouillet lấp bắp.

Bizien nhún vai oai vệ: “Thế thì sao nào? Thì mọi người đều biết là Gauguin đã chết rồi. Đây chỉ là sự tái tạo, ông Verdouillet ạ, làm cho thực. Mối liên hệ giữa Van Gogh và Gauguin là phần cốt yếu của huyền thoại. Mọi người đều biết. Cứ tưởng tượng cảnh hai ông, Van Gogh và Gauguin cãi vã nhau tưởng lên trong quán cà phê, tuyệt quá chứ lại. Ở Hawaii người ta không có được. Du khách sẽ đá trong quần vì khoái. Ông biết đấy, tận bên kia, ở Arles ấy mà, có một quán mang tên “Lỗ tai Van Gogh”, với hình chiếc tai bằng nê-ông to tướng.”

Giờ thì Verdouillet trở thành một nghệ sĩ bướng bỉnh. “Nhưng tôi vẽ giống Gauguin, tôi đâu có vẽ giống Van Gogh.”

“Thì ông thay đổi bút pháp chứ có khó gì. Mọi người nghệ sĩ đều phải thay đổi mà.”

Nạn nhân toan mở miệng, nhưng cái khoát tay mạnh mẽ của Bizien đẩy những lời phản đối sắp thoát ra của Verdouillet trở lại vào cổ họng.

“Hoặc Van Gogh hoặc không gì hết”, Bizien khắc nghiệt.

Cohn nhìn con người bị ép dẹp đó, lòng cảm thấy thương hại, muốn bảo vệ ông ta. Thì Vincent Van Gogh vốn luôn luôn yếu đuối đáng thương, không tự bảo vệ nổi.

“Tôi sẽ lo cho ông mà”, y bảo Verdouillet bằng giọng bề trên, cố nén cười.

“Xéo... anh... đi.” Kẻ bất hạnh còn cố tranh luận một lần cuối. “Tôi vẫn không thấy được Van Gogh làm gì ở Tahiti này?”

Bizien kiên nhẫn giải thích: “Nghe đây, thế thì tất cả những kho báu nghệ thuật Polynésie làm gì ở các viện bảo tàng Mỹ và Âu Châu? Phải trao đổi văn hóa chứ. Chúng ta đã lấy văn hóa Polynésie ra khỏi dân chúng xứ này, nay thì ta đem Van Gogh cho họ để đổi lại.”

“Thế còn tại sao Gauguin lại phải do một người Mỹ đảm nhiệm?”

“Trước hết, ông Cohn đây không còn là Cohn hay là người Mỹ gì hết. Tôi cũng chẳng hề biết ông ta là ai hay làm gì, và tôi cũng chẳng cần biết. Vả lại, đa số du khách đến đây là người Mỹ. Họ sẽ hài lòng. Nước Pháp đã cưu mang gánh nặng văn hóa khá lâu rồi.”

“Nào, thế là cái chuyện nhỏ này ta đã giải quyết xong rồi đấy, tôi còn có một số việc phải làm. Tôi phải thực hiện “Vườn Địa Đàng” tại Tahiti này. Đó chính là điều mà người ta tìm kiếm nơi xứ này. Không phải là một loại công việc giải trí đâu: cái đó hãy để cho Disneyland của Hawaii. Không, đây là một dạng mà vị bộ trưởng văn hóa của chúng ta, André Malraux, gọi là Viện Bảo tàng. Tưởng tượng, Musée Imaginaire, nhưng được dựng thành đời sống thực. Du khách sẽ thực hiện cuộc hành trình bằng xe buýt; khởi đầu từ Adam và Eve và tội lỗi nguyên thủy, ngang qua nơi Victor Hugo lưu đày ở Guernsey. Tôi định ném cả Napoléon vào đây nữa, không biết chừng. Cái đó còn tùy thuộc André Malraux tài trợ cho tôi bao nhiêu tiền. Một cái gì đó thực sự Pháp, nhưng theo nghĩa rất Gaullist kia, từ La Joconde của De Vinci đến kho tàng nghệ thuật Ai Cập ở Louvre, việc chiếm đóng Byzantium của Thập Tự Quân, Jesus, Mark Twain, Goethe, cả Picasso, Chagall, Pasteur, Kinh Thánh, lâu đài ở Loire, Moise và các phiến đá, nghĩa là mọi thứ góp phần tạo nên sự vĩ đại của văn hóa Pháp “một nước Pháp lớn hơn biên giới quốc gia”, nói cách khác, cái sứ mạng thế giới, Mission Universelle của chúng ta. Tất cả đều ở trong bối cảnh thiên nhiên. Có thể tôi còn xin được Malraux cho phép tôi chở ngược về đây kho tàng nghệ thuật Polynésie tại Viện Bảo tàng ở Pháp, ít nhất là mượn trong một thời gian. Cũng có thể có những mẫu giáo đường Chartres và điện Versailles thu nhỏ. Du khách cũng không

cần phải rời xe buýt nữa. Tôi có 3 dặm đất trên vùng Pouaavia, đủ để cho du khách ngồi trên xe thưởng ngoạn, từ Khải Huyền cho đến Brigitte Bardot. Đừng quên rằng nước Pháp có ưu thế hơn Disneyland. Chúng ta có cả ngàn năm văn vật hơn họ.

Cohn nhiệt tình tham gia: “Cảnh Thánh Antoine được các ả Vahiné sùng bái...”

Nhà kế hoạch vĩ đại hăng hái hân lên: “Một khách sạn Hilton và một sông bài ở Mooréa, với cái sông ru-lét, bắc-ca-ra, hoặc bài crab của Mỹ. Một sân gôn ở Atuana, nơi chôn Gauguin...”

Cohn gào to: “Jeanne D’Arc mặc bi-ki-ni!”

“Ừ, Jeanne D’Arc trong bối cảnh Polinésie điển hình, khiêu vũ ở Shalom! Nhất thế giới!”

“Bach! Bắt buộc phải có!” Cohn gầm lên, với một niềm thù hận được nuốt sâu vào tận đáy lòng.

“Tất nhiên phải có Bach, cả Saint Louis, Picasso và một trại Auschwitz thu nhỏ! Phải có Auschwitz mới được, vì có ít nhất bốn mươi phần trăm trong số khách du lịch Mỹ là gốc Do Thái!”

“Auschwitz, cả La Légende Des Siècles của V. Hugo do các cô gái Tahiti ngâm dưới ánh trăng...”

“Chúa Trời! Chúng ta phải để Chúa Trời vào một nơi nào đó chứ”, Cohn gào lên, “nhất định phải có.”

“Người ta sẽ kiếm cách đặt Chúa Trời vào, cái này thì để cho du khách tự làm.”

“Còn Napoléon ở Saint-Hélène nữa, chúng ta cần phải thêm một vẻ vinh quang chứ!”

“Diệt chủng! Chúng ta có hình ảnh diệt chủng mới được.”

“Kennedy! Chúng ta phải có Kennedy nữa!”

“Kennedy lội dưới biển!”

“Kennedy chữa bệnh cho người hủi.”

“Schweitzer nữa! Cần thiết phải có!”

“Gandhi! Phật! Đ.m, chúng ta phải có Đức Phật! Không thể toàn là Kitô giáo hết được. Không có phân biệt đối xử.”

“Còn sự thống khổ của người Mỹ da đen, cũng phải có mới được.”

“Mỗi phòng đều có TV.”

“Cảnh giám mục Martin rửa tội cho Gauguin trên giường bệnh!”

“Và nữ hoàng ngoại đạo Pomare quỳ gối đón chào những thừa sai Kitô giáo đầu tiên ở xứ này!”

“De Gaulle khám phá ra chất trụ sinh!”

“Dục tính và mặt trăng, phải có cái đó mới được.”

“Được rồi, người phi hành gia đầu tiên trên mặt trăng đang thủ dâm!”

“Lễ quốc táng Paul Gauguin, hài cốt được an táng rong điện Panthéon! André Malraux đọc diễn văn trong dịp này! Gauguin ngồi bật dậy giữa đám người chết và vén quần dài!”

“Phải có cái gì đó của Mỹ nữa, bắt buộc!”

“Phải, phải. Phải có chất Mỹ vào đây! Vụ ám sát người thứ ba nhà Kennedy!”

Trước khi đến trú ngụ tại Tahiti, người tự xưng là Genghis Cohn đã từng tìm kiếm một hòn đảo hoang trong quần đảo Tuamotu. Nhưng sau đó y đổi ý. Y có một bản năng tự bảo tồn rất bén nhạy. Trên một hòn đảo hoang, tính nhân loại sẽ còn thu lại trên chính mình, khi đó sẽ không giải quyết được bất cứ vấn đề nào, dầu là một cách thuần túy tượng trưng và chiếu lệ.

Vị hoàng đế của ngành du lịch lấy lại hơi thở. Trong khi đó, Verdouillet từ nãy giờ miệng há hốc, chìm đắm trong một trạng thái kinh sợ đến tê liệt. Một cơn ruồi nhiệt đới vấy vùng tuyệt vọng nơi kính cửa sổ.

Cohn biết rằng y đang chứng kiến buổi bình minh của một kỷ nguyên mới, sự ra đời của một đức tin mới, đó là đức tin của ngành du

lịch. Quy luật căn bản của nó là kẻ sát nhân luôn luôn trở lại nơi phạm tội, nhưng lần này mang theo vợ con và túi xách.”

Cohn rời văn phòng du lịch trong trạng thái tui nhục và phần nộ không cách gì chế ngự được mãi cho đến khi cả ngày sau, y phải nốc một lượng rượu kinh khủng, ngay cả trong bối cảnh Tahiti. Y cố gắng nhớ xem mình làm sao thoát khỏi cơn hoan lạc đó, nhưng tất cả những gì y nhớ được là họ đã tổng y ra khỏi quán Con Mèo Hồng, sau khi y gây gỗ và ẩu đả vô số lần trong quán, rồi y nhớ mơ mơ màng màng là y đứng trên quầy quán Chez Ricco, tông ngồng, oai vệ như đứng trên bục giảng, trước một đám thính giả gồm thủy thủ và đười, giảng rằng nguồn năng lực vĩ đại nhất là Tupapau, linh hồn con người; tất cả điều bạn phải làm là điều khiển nó, nó sẽ hoạt động cho bạn mãi mãi, như các nguyên tử tự vận hành và tự đeo lấy nó vậy. Dĩ nhiên, với linh hồn con người là một năng lượng như vậy, nảy sinh ra vấn đề ô nhiễm môi trường trầm trọng do chất bã của linh hồn thải ra. Y nhớ rằng đến đó thì người ta buộc y phải mặc quần trở lại và tổng y ra. Y cố gắng bước thấp bước cao về tổ ấm, “Ngôi nhà Hoan lạc” của mình, vừa ngêu ngao hát “Tiến lên! Hỡi những chiến sĩ của Đức Kitô” nhưng lực bất tòng tâm, y ngã xoài xuống đất, trong khi chòm sao Đại hùng chiếu ánh sáng thân thương huynh đệ lên vầng trán y.

Gia đình Bradford gặp y đang ngủ say mê mệt ngay giữa lòng đường.

5

Đó chính là cái giờ phút chuyển mình khi Tahiti-noui, nàng Vahine Tinoo Taato, “Bà chúa của sự sinh nở”, từ giường vườn dậy điểm trang trong buổi sáng. Khi các nữ tì của bà chúa vén chiếc màn đêm, thì Cohn ra khỏi cơn say và thấy mình đang nằm thoải mái trên chiếc đi văng, đầu dựa lên gối, trên boong chiếc du thuyền Antinea. Trước đây Cohn vẫn thường ngắm nghía chiếc du thuyền tuyệt đẹp này. Nó buồm neo đúng nơi địa điểm mà hai thế kỷ trước đây chiếc thuyền buồm Tây Ban Nha Aguila của Maximo Rodriguez, người da trắng đầu tiên đến đảo này, đã cập bến.

“Chúa ơi!”, Cohn thốt lên, một cơn đau như một nhát búa nện lên đầu y.

Ông Bradford nhìn Cohn, giọng thương xót: “A, người Mỹ.”

“Wichita Falls”, Cohn thì thào thốt ra tên một thành phố ở Texas, chỉ bởi y cảm thấy như mình cùng chiếc đi văng rơi từ trên cao xuống đáy vực. “Chúa ơi! Đây là cơn nhức đầu khủng khiếp nhất trong tuần này.”

Y lại cố mở mắt ra và thấy một khuôn mặt phụ nữ khá dễ chịu đang nhìn xuống. Chừng bốn mươi, nhưng trông còn được lắm. Có lẽ chỉ khoảng năm sáu, bảy, cái tuổi tốt nhất nếu bạn muốn gọi ra tình mẫu tử. Người chồng thì tính tình dễ chịu, tóc xám, có cái dáng vẻ một người Mỹ trung lưu điển hình, ngoại trừ có khác biệt nhỏ là có chiếc du thuyền đến ba trăm ngàn đôla. Cohn đỡ lấy cốc cà phê Lee Bradford trao.

Bà Bradford bảo: “Tôi nói không phải, nhưng đúng ra ông không nên uống nhiều đến như vậy.”

Ông chồng chen vào, theo giọng đùa: “Những lời khuyên kiểu đó không bao giờ khiến các nhà làm rượu phải sợ cả.”

Cohn nhấp một ngụm cà phê đặc. Y thấy thích những người tốt bụng này ngay. Y biết đáng lẽ y phải cảm ơn họ một cách thích hợp.

“Ông nằm xoài ra ngay giữa đường. Thật lạ là không có một chiếc xe tải nào cán ngang qua ông đấy.”

Cohn buồn bã đáp: “Tôi ước chi có một chiếc cán qua cho rồi.”

Y hiện không sẵn sàng để bịa chuyện. Thường ngày y không thiếu chuyện đặt bày, nhưng với cái đầu nhức như búa bổ hiện giờ, y không biết y có đủ sức đặt ra một chuyện gì thích hợp không đây. Thấy y nhắm mắt, nhăn mặt vì đau đớn, bà Bradford đi sang phòng bên lấy nước đá ra đắp lên trán y trong khi ông Bradford quan sát y bằng cái nhìn thương xót: Áo quần Cohn dơ dáy, đầy mồ hôi và đất. Bộ râu đen như đám rừng hoang mọc vung vãi trên khuôn mặt với đôi mắt sâu hoắm, mũi y chìa thẳng lên như mũi một con thuyền chìm đắm.

Thật khó tin, nhưng lần này Cohn mất hết sáng kiến. Không một lời nói nào hiện ra nổi trong trí y.

Y phải cầu viện đến ký ức về bậc tiền bối vĩ đại của mình, một gã picaro bất tử tên là Pedro Gomez sống giàu có vào thế kỷ 17 nhờ tiền của của giới cầm quyền Tây Ban Nha trong suốt năm mươi năm, kẻ đã vui sướng giẫm đạp gót chân của mình lên tất cả những thiên kiến, những đức tin giả hiệu, những sự giả dối sùng kính của thời đại mình, kẻ đã ăn cắp của người giàu và chẳng chia xu nào cho người nghèo. Kẻ cho đến hiện nay tại Sevilla người ta vẫn còn nhớ đến với danh hiệu “người khiêu vũ.” Pedro Gomez chết vào tuổi già, lúc gần 80 tuổi, vì bệnh cương cứng dương vật kéo dài cả bảy tuần lễ, mặc cho các tu sĩ quây quần bên giường bệnh hết lòng săn sóc.

Bà Bradford trở lại với một đĩa trứng chiên. Bà mặc quần đùi, như tất cả mọi phụ nữ không nên mặc. Bà ta có đôi móng đẹp, nhưng là loại móng cần mặc váy hoặc cởi truồng ra kia. Đôi vợ chồng người Mỹ này mang một tính cách dễ mến, hiền lành phát xuất từ thiện chí và lòng tin nơi đồng loại. Tất nhiên không thể để họ ra đi với tấm lòng như vậy được. Cohn nghĩ rằng không thể để họ rời hòn đảo này mà không có một món quà gì làm phong phú cho chuyến đi du lịch của họ, món quà đó là một kinh nghiệm họ không thể quên. Hình ảnh rất chi là du lịch về “một gã bị đày ải nơi hòn đảo thiên đường” chắc chắn là không đủ liều lượng trong trường hợp này.

Y cầm cúi ăn đĩa trứng chiên.

“Thật tình mà nói, đây là bữa điểm tâm kiểu Mỹ mà quá lâu rồi tôi chưa hề được nếm.”

“Vì sao ông đến xứ Tahiti này vậy?” Bà Bradford tò mò hỏi.

Cohn nóng lòng muốn bịa cho họ một chuyện làm quà. Cái đầu đau nhức vì rượu không làm nhụt đi cái thiện chí trời sinh của y.

“Bởi vì tôi chẳng còn biết đi đâu nữa. Nó theo tôi khắp nơi. Tôi là một kẻ bị săn đuổi.”

Ông Bradford chen vào, ra vẻ thông cảm, “Bởi cảnh sát hả?”

“Không, bởi lương tâm tôi”, Cohn nói, như phóng mình xuống nước mà vẫn chưa biết mình sẽ bơi đi theo hướng nào.

Y ngừng lại, ra vẻ bí mật và nhận điều xì gà ông Bradford mời để suy nghĩ trong khi ông này quan sát y một cách kín đáo, yên lặng theo kiểu để khuyến khích người ta thú tội. Thật là những con người tốt bụng. Mình không thể rời họ mà chẳng có gì làm quà. Cohn ngẫm nghĩ.

Phải là một chuyện gì thuộc “tội lỗi”, tất nhiên rồi. “Tội lỗi” là một tình trạng đức lý mà. Nó nâng cao đời sống luân lý và văn hóa của con người lên. Đó là một món trang trí xa hoa, một chiếc xe Cadillac của ý thức xã hội. Nó là cả một giai cấp.

Một bi kịch Phi-Mỹ. Nói cách khác, cái tầm quan trọng của mặc cảm phạm tội. Về một con người không thể tạo dựng được một lương tâm dày vò, hay là câu chuyện về bài hát nổi tiếng số một, “Hiroshima, người hủy diệt ta” ra đời như thế nào.

Ý tưởng hình thành, Cohn đã sẵn sàng. Con người thanh giáo trong y chưa bao giờ lỡ hẹn với ngọn lửa thiêu đốt đó. Cái con người lý tưởng bí mật sâu kín trong Cohn chưa bao giờ ngừng cung cấp cho y những gì thô bạo nhất.

Một niềm thôi thúc không cưỡng lại được, sắc bén, đầy hoan lạc và tin tưởng tràn ngập con tim y. Con người phải xem các dải thiên hà trên trời cao như những hòn cuội vô nghĩa dưới bước chân và phải chiếu sáng con đường đi bằng hàng tỉ tỉ năm ánh sáng.

Và thế là y đã sẵn sàng để lại nhảy múa.

“Tôi chính là đứa con trai bất hạnh của con người đã ném bom Hiroshima. Cha tôi không dám nhìn vào mắt tôi do bi kịch cá nhân của ông - mặc dù ông ta là một con người đã phạm vào một tội ác khủng khiếp nhất trong lịch sử, ông ta vẫn không thể nào có được một mặc cảm tội lỗi trong mình. Chính vì thế mà ông ta cảm thấy không Mỹ chút nào cả và chỉ là một tên khốn kiếp.

“Ông trốn tránh đồng loại, xa lánh mọi người, bị dày vò, bị nghiền nát bởi cái mặc cảm khủng khiếp rằng mình không có một mặc cảm tội lỗi chút nào hết. Ông thay tên đổi họ luôn luôn, nhưng báo chí vẫn tìm ra ông vì ông chính là biểu tượng tội lỗi lớn lao của nước Mỹ và là người tuần giáo cho khoa học. Bố tôi là một người đơn giản và ông chịu không nổi đủ thứ niềm thông cảm, lòng xót thương của mọi người dội xuống đầu ông, kẻ đã phạm một tội ác lớn lao đến thế.

“Mẹ tôi thì lại xuất thân từ một gia đình có nguyên tắc đức lý chặt chẽ hơn, vì thế đối với bà lại dễ dàng hơn nhiều; bà tự nhiên có mặc cảm tội lỗi, thế là bà liền có những tình nhân người Nhật, hết người này đến người khác. Dĩ nhiên, đó là nhằm được tha thứ và nhằm trừng phạt ông chồng tội lỗi của bà. Thế là khách Nhật Bản đổ đến nhà

tôi như thác, trong một thời gian dài gia đình chúng tôi sống rất khá và cha tôi cũng không cần đi làm việc nữa. Chúng tôi có cả một căn nhà nghỉ mát trên núi và hai chiếc xe hơi”.

“Nhưng rồi tôi bắt đầu gặp khó khăn vì danh tiếng của tôi đối với đám bè bạn, bọn chúng biết tôi là con trai của kẻ đã xóa sạch một thành phố, thế là tất cả bọn chúng đều xem tôi như lãnh tụ và chờ đợi những điều lớn lao nơi tôi. Điều đó ăn sâu vào tôi và tôi trở thành một tên anh chị thứ thiệt khi mới tới tuổi 15. Tôi thường xuyên bị buộc tội thiếu nhi phạm pháp, nhưng ra tòa thì luật sư của tôi liền kêu bác sĩ phân tâm ra giải thích trước tòa rằng tôi mang một nỗi ẩn ức bên trong muốn khước từ bởi tôi thù ghét cha tôi và muốn trừng phạt ông ta. Thế là được tha bổng. Tôi biết ngay rằng tôi có thể thoát khỏi mọi thứ trừng phạt. Đó là những năm đẹp nhất trong đời tôi”.

“Bất cứ lúc nào gặp cha tôi, tôi đều thấy ông say sưa. Quý vị phải hiểu rằng ông là một người vốn rất tâm thường, ông không có tâm vóc ngay với tội lỗi của ông. Và thực ra ông đã bỏ bom Hiroshima vì ông chẳng thể làm gì khác. Ông không phải là loại người dành cho những cái lớn lao. Khi ông nhận thức rằng mọi người muốn biến ông thành một kẻ tuần giáo, một loại Judas bị đóng đinh, ông cũng cố thử. Ông quả cố thử làm kiểu mình bị dẫn vật về lương tâm. Nhưng ông không làm nổi. Bởi cơ bản ông là một người bình thường và lành mạnh. Ông chẳng thấy ăn năn day dứt gì hết, ông ngủ chẳng có cơn ác mộng với xác cháy thiêu ám ảnh, và mặc dầu ông cố hết sức, điều khủng khiếp là ông vẫn chẳng có mặc cảm gì cả”.

“Cuối cùng chính điều đó đánh gục ông. Ông cảm thấy mình là một tên vô loại không Mỹ chút nào chỉ vì ông không tạo dựng nổi một mặc cảm tội lỗi thích hợp về Hiroshima, theo cách mà cả quốc gia này mong đợi nơi ông. Ông đã làm hạ giá nước Mỹ. Ông cảm thấy mình là một con quái vật không tâm hồn cũng không lương thức. Ông bắt đầu uống tối ngày. Trước đây thì ông cũng đã uống nhiều, nhưng bây giờ thì ông biết tại sao ông uống”.

“Ông thường gọi tôi đến quán rượu. Chúng tôi có nhiều điều để nói với nhau, nhưng cả hai chúng tôi đều quá sợ, sợ nói ra những điều không nên nói trong hoàn cảnh của chúng tôi. Cả hai chúng tôi đều không ngang tầm với hoàn cảnh của mình. Có người đủ sức gánh vác những tầm vóc lớn lao, có người thì không. Bố tôi thiếu tầm vóc thích hợp. Có lần ông bảo tôi tất cả là do lỗi của quân đội. Lý ra trước khi tin nhiệm để giao cho một người cái nhiệm vụ dùng bom nguyên tử hủy diệt một thành phố cùng với đàn ông, đàn bà, trẻ em, người ta phải khảo sát kỹ để chọn người có ý thức đạo đức cao, có tinh thần nhân bản, một người xứng đáng với công việc đó. Rồi chúng tôi ngồi đó, chẳng nói gì thêm, nhưng chúng tôi hiểu nhau”.

“Mẹ tôi thì dễ hơn, bà vẫn tiếp tục giao du với người Nhật. Vốn là con một mục sư dòng Giám lý, bà tự nhiên có khuynh hướng tự trừng phạt. Có lần ngồi với tôi cùng uống bia, cha tôi thu hết can đảm và hét lên rằng ông đã quá chán phải bị đóng đinh, bị tuần giáo để làm ông Thánh Judas, ông cóc cần làm cái biểu tượng tội lỗi lớn lao của Mỹ gì hết, rằng vất cha Hiroshima đi. Theo cách ông nói, hình như ông muốn quay trở lại bỏ bom nơi đó một lần nữa không biết chừng. Tôi cảm thấy hiểu và gần như là thích ông”.

Càng ngày ông càng cảm thấy mình bị cả một dân tộc giam giữ và canh chừng, ông nghi ngờ mọi người cho ông là một tên tồi tệ, dần dần tâm tính ông trở nên dữ tợn và chống xã hội. Cuối cùng cái tâm lý đó đã đưa ông đến hành động đánh cướp nhà băng, bằng một khẩu súng đồ chơi. Ông được tha bổng. Mọi người đều hiểu rằng ông chỉ cố ý làm cho mình bị trừng phạt do cái hành động đã làm ông biến thành một Judas trước loài người. Báo chí viết chuyện này rùm beng.

Rồi bố tôi tu tỉnh lại. Ông bắt đầu thỏa hiệp. Tinh thần cứng cỏi của ông bị dập gãy, ông đầu hàng. Bây giờ thì ông hưởng thụ cái thẩm quyền đạo đức với tư cách là biểu tượng tội lỗi lớn lao của Hoa Kỳ. Ông không còn chạy trốn, chửi rủa khi được mời tham dự những buổi lên án Mỹ vì hành động này hành động nọ. Nhưng ông từ chối không

làm gì về Việt Nam. Bố tôi hết sức ghét Việt Nam và tất cả dư luận về vấn đề này. Ông thấy đó như là một âm mưu nhằm làm lãng quên sự chú ý của công chúng Hoa Kỳ vào Hiroshima và vào ông. Ông không chịu nổi khi ai đó nói với ông về Việt Nam. Ông cảm thấy bị xem thường.

Và giai đoạn có nhóm người khuynh hướng tự do điều khiển công luận trên cái nền của tinh thần “tội lỗi Mỹ” tiếp xúc với cha tôi. Người Nga nói đến việc trao giải thưởng hòa bình Lênin cho ông. Tất cả những người hòa bình chủ nghĩa, những người nhân văn, những nhóm chủ trương tái vũ trang đạo đức đều theo sau ông, đó là chưa kể những người tu sĩ nữa. Bố tôi thì càng ngày càng uống nhiều. Điều đó càng làm cho tư thế ông thuận lợi hơn và đúng với những gì người ta chờ đợi.

Mọi người chờ đợi tôi trở nên một kẻ bất thường do ở lòng thù hận cha, và quả thật tôi đã cố gắng hiến cho họ nhiều điều. Bác sĩ phân tâm của tôi cố giúp tôi thêm vào cái viễn tượng đó nhưng tôi từ chối thỏa hiệp. Tôi chẳng thấy có lý do quái gì phải dính líu vào cái chuyện quái quỷ ấy, chỉ bởi vì cha tôi đã xóa sổ một thành phố. Chẳng lẽ như vậy là chưa đủ hay sao. Tôi bắt đầu cảm thấy xã hội đòi hỏi tôi quá nhiều.

Rồi bố tôi lại nổi chướng. Thấy báo chí viết rằng ông không dám nhìn thẳng vào mắt đứa con trai, thế là ông quay lưng lại đám phóng viên và nhìn thẳng vào mắt tôi, chỉ để chọc họ. Rồi thì ông còn lè lưỡi ra nhạo tôi, cái này thì quá sức. Tôi bèn chụp lấy một chai bia và ném choang vào đầu ông. Ngày hôm sau trên khắp các trang báo đều kể chuyện ấy và cả nước Mỹ khóc. Họ đã biết đến cái điều nằm trong lòng tôi, cái tình cảm thù hận cha đầy mà. Thật chúng ta chẳng thể hơn được công luận. Nó mạnh hơn chúng ta nhiều lắm.

Thế rồi tôi bỗng khám phá ra rằng tôi cũng có danh tiếng của riêng tôi. Tôi nhận được lời khuyến khích từ tất cả mọi người. Hẳn rằng người ta yên tâm khi thấy mọi sự diễn ra như nó đáng phải diễn

ra. Tôi đang trở thành một biểu tượng lớn của Mỹ: Người - thù - hận - cha mình. Tôi được mời đi diễn thuyết ở Berkeley, rồi tại các trường đại học khác. Nhưng một lần nữa, tôi thiếu cái nền tảng văn hóa cần thiết. Thật ra tôi chưa bao giờ có một nền giáo dục chính quy nào cả. Chỉ trình diện trước các chú sinh viên và tuyên bố mình là thằng đánh cha phản chú không thôi thì chưa đủ, phải cho họ một cái gì khác - sự lãnh đạo tinh thần, chứ không thể triển khai mãi trên cái nền tảng “đánh cha” đó mãi được. Phải có tinh thần biện chứng, mà tôi thì chẳng hiểu đó là cái quái gì.

Tôi cho rằng nếu trước đây tôi cố gắng làm việc và học hành thì tôi rất có thể đã trở thành “biểu tượng cho niềm bất mãn của tuổi trẻ Hoa Kỳ” được lắm. Nhưng tôi đã để mất cơ hội. Tôi đổi thành phố luôn luôn và cuối cùng sống ở Memphis với một ả đợi.

Rồi thì người ta xôn xao về vụ có đến mười bảy gã khác tự nhận là đã thả bom Nagasaki và Hiroshima. Nhưng báo chí chứng minh rằng không một ai trong số các gã đó đã có tham dự các trận ném bom ở hai thành phố này. Toàn là đồ giả mạo. Không lực Hoa Kỳ phát hành một tài liệu xác nhận bố tôi là hàng thật.

Quý vị hiểu cho, tôi đã được nuôi dưỡng từ nhỏ đến lớn trong cái bối cảnh phạm tội ấy. Tôi bị nung nấu bởi ý tưởng được gia nhập vào không quân để đi bỏ bom Hiroshima hay New York hay bất cứ một thành phố nào khác. Tôi tình nguyện đăng ký, nhưng cố nhiên họ từ chối, chỉ vì bố tôi. Đúng như một viên đại tá ở phòng tiếp nhận đã bảo tôi: “Rất tiếc, nhưng cậu phải dành phần cho người khác nữa chứ.”

Cuối cùng thì chính ả đợi nuôi tôi ở Memphis thuyết phục tôi cố tạo thêm tiếng tăm với tư cách một đứa con bị hủy hoại cuộc đời vì tội lỗi của cha mình. Ả kiếm được một gã viết những bài báo cho tôi, tôi chỉ việc ký tên, ả cũng kiếm luôn một nhân viên đại diện tổ chức cho tôi đi tiếp xúc trực tiếp với công chúng. Tôi kiếm được chút đỉnh. Nhưng bố tôi chẳng chịu chuyện này. Có lần ông ấy đến San Diego, nơi tôi đang nói chuyện với công chúng, ông bảo tôi hãy xéo đi khỏi

công chuyện của ông. Tôi cướp cơm của ông, ông bảo vậy. Cuối cùng, đại diện của tôi và bố tôi đi đến một thỏa thuận: Tôi làm ăn ở bờ biển phía Tây, còn bố tôi hoạt động trên tất cả phần còn lại của đất nước.

Bố tôi biết chơi đàn ghita sơ sơ, nên có người viết cho ông một bài dân ca, “Hiroshima, người hủy hoại đời ta.” Ông thu đĩa và tức khắc bán vượt con số đĩa của Joan Baez, đứng đầu trong mười bài ăn khách nhất trong năm. Từ một gợi hứng tương tự, ở Pháp người ta làm phim Hiroshima, Mon Amour hết sức thành công. Quả là bố tôi và quả bom của ông ta đã khởi đầu cho một sự bùng nổ văn hóa thực sự.

Tôi bắt đầu thật sự thù ghét cha tôi. Cái lão già này xem ra hên quá. Cố bắt chước, tôi cũng mua một cây đàn ghita điện và cố làm một vài bài dân ca của riêng mình, với sự trợ giúp của một vài cậu mới từ ở Việt Nam về. Nhưng vào lúc này có quá nhiều người làm cái vụ này quá, nên không ăn nổi.

Phần còn lại chắc quý vị đã biết. Bố tôi quả đã tạo ra được cả một phong trào phục sinh trong dân ca. Bom, phóng xạ, Việt Nam, phân biệt chủng tộc... tất cả trở thành một phần không thiếu được của di sản văn hóa và nghệ thuật dân gian Hoa Kỳ, những bài du ca, dân ca mang tính chất phản kháng xã hội của Bob Dylan, Joan Baez và hàng trăm người khác, những thành tựu đồ sộ đến nỗi không ai có thể bảo việc bỏ bom Hiroshima là vô ích được. Hiện giờ, bố tôi làm chủ một công ty thu đĩa và một nhà xuất bản băng, đĩa nhạc, ông trở thành biểu tượng của sự phấn đấu, sức phục hồi tinh thần lớn lao của Hoa Kỳ, là bằng chứng sống động rằng ta không thể coi thường một con người tốt được. Người ta nhắc đến ông như một ví dụ điển hình con người Hoa Kỳ tự tin khởi đi từ con số không - thì đúng là cái thành phố ấy đã bị xóa sạch mà - và làm được những điều kỳ diệu vượt qua mọi trở lực. Người Mỹ chúng ta gọi là “thành công thần kỳ” mà. Bố tôi là một trong những “dòng giống tiên phong”, người ta bảo vậy.

Ông chẳng hề cho tôi lấy một xu. Ông bảo ông bất bình việc tôi làm và khuyên tôi nên kiếm một việc khác chứ đừng xía vô cái chuyện

Hiroshima của ông. Hễ tôi hỏi xin tiền là ông viết thư nghiêm khắc “lên lớp” tôi, nhắc tôi rằng, bằng máu, mồ hôi và nước mắt mà ông bước lên tới đỉnh cao và tất cả những gì tôi phải làm là theo gương phấn đấu của ông. Có lẽ ông nói đúng. Có lẽ tôi nên đổi tên và đăng ký đi lính qua bên đó, bên Việt Nam, để chia sẻ nỗi đau khổ với người Việt Nam tại đây, bắn giết họ và trở thành tội lỗi. Nếu gặp may một chút, có thể tôi sẽ được họ gọi đi ném bom Hà Nội và thế là ăn tiền. Tôi sẽ trở về với một lương tâm run rẩy và rất nhiều chủ đề cho những bài hát phản chiến tuyệt vời. Thế nhưng sự thật là tôi không có cái đó trong người. Có một cái gì đó sai trong tôi, thật sai, có lẽ trong cả thế hệ tôi. Chúng tôi không còn có cái hạt giống Mỹ căn bản trong người nữa. Chúng tôi đã hư hoại rồi. Chúng tôi chỉ buông trôi cuộc đời vì dường như chúng tôi thích buông trôi hơn là thích sống. Tôi không hề nói là chúng tôi sẽ không ném bom đâu nhé. Không, tôi không muốn nói vậy. Tôi chỉ muốn nói không chắc gì rằng chúng tôi sẽ ném bom đúng người, tôi muốn nói, sai người, như đã làm ở Việt Nam. Nghĩa là quý vị không thể tin chúng tôi khi chúng tôi có bom nữa. Điều đó thật tệ. Đó là suy đồi. Chúng tôi có thể mang bom bay đi và ném xuống người của chính chúng ta, đó, phong cách của chúng tôi là như thế.

Giờ thì chắc quý vị đang tự hỏi tôi đang làm gì ở đây, tại Tahiti này. Được rồi, tôi sẽ nói với quý vị. Tôi có chút quen biết với vị giám đốc du lịch ở đây. Ông ta cho tôi cái đặc quyền có một không hai để diễn cái vai trò mà tôi đang diễn trước mặt quý vị đây, và khi tôi cầm chiếc ghita và hát bài hát nổi tiếng của tôi “Bản du ca của một đứa con bị nguyên rửa” ngay giữa cái thiên đường trần gian này, du khách bị một cú kích động hết cỡ. Họ thường đòi “bít”, và thế là tôi hát thêm bài “thằng Mỹ chửi cha đánh mẹ vĩ đại”, bài này hiện rất phổ biến bên quê nhà mình.

Đó, ông bà thấy, tôi đang bắt đầu tạo tên tuổi của riêng tôi, và khi tôi đạt được danh vọng tôi thường quay lại du khách, bảo: “Thưa quý ông quý bà, cảm ơn đã chú ý, và tôi xin nói với quý vị bằng những lời

của chính Paul Gauguin vĩ đại mà tôi trích dẫn sau đây “Xéo các người và cái tình cảm tội lỗi của các người đi, tôi muốn cho các người biết rằng tôi hoàn toàn hạnh phúc, rằng tôi đã rơi xuống tận cùng đáy sâu như thế nào”.

Ông bà biết đấy, tôi chẳng có mặc cảm tội lỗi về bất cứ điều gì hết, và người ta còn có thể chìm sâu hơn là mình đã chìm nữa. Tuy vậy, để tỏ lòng kính trọng công chúng của mình và để khẳng định sự suy đồi đạo đức toàn diện của mình, tôi xin trưng ra đây những bức ảnh đồi trụy, chỉ để chứng minh rằng tôi là truyền nhân tinh thần đích thực, chân chính của Hiroshima, một trong những sự đồi bại lớn lao nhất của mọi thời đại. Đây, quý vị hãy nhìn...”

Cohn móc túi lấy mấy bức ảnh, ném lên bàn. Đó là những bức chụp lại những bưu ảnh mà Gauguin đã mua tại Port Said trên đường đến Tahiti, những bức ảnh này hiện được lưu giữ tại Viện bảo tàng Con Người ở Paris.

Bà Bradford bật khóc vì tủi hổ, trong khi ông chồng đưa mắt giận dữ nhìn Cohn. Nhưng Cohn cảm thấy an toàn, bởi y biết rằng con người Thanh giáo nằm sâu trong y đã được che giấu khỏi người trần mắt thịt. Nước biển xanh ngắt, hàng dừa thỉnh thoảng, bãi cát trắng ngần cùng với bầu trời cao tít trên kia, tất cả thiên nhiên kỳ diệu tỏ bày sự hững hờ lạnh nhạt đối với những gì mà con người không thể không quan tâm.

“Yêu cầu anh đi khỏi chiếc thuyền của tôi ngay lập tức”, ông Bradford nói, giọng run lên vì giận dữ. “Thật quá đáng. Tôi biết rằng thế hệ các anh chẳng còn kính trọng bất cứ cái gì nhưng ngay cả sự khinh mạn, khiêu khích gì nữa thì cũng phải có giới hạn chứ.”

Cohn đứng lên: “Tôi lấy một điều xì gà được không?”

“Lấy đi và cút khỏi đây!”

Xì gà hiệu Monte Cristo. Cohn cuồn luôn cả hộp. Y cảm thấy một niềm khoái trá cực độ của một người chiến sĩ Thập tự chinh trên

đường đi giải phóng lăng mộ đức Kitô ở Jerusalem, được ngừng lại để cướp phá Constantinoble.

“Anh có thể lấy chiếc xuồng. Cứ để lại trên bờ cho tôi.”

Cohn chẳng cần mượn xuồng để vào bờ. Y chuôi mình xuống nước, bơi ngửa, tay giơ cao hộp xì gà trên đầu cho khỏi ướt. Y nhìn lên thấy bà Bradford ném xấp ảnh xuống biển. Phí thật! Ảnh có nhiều tư thế làm tình rất thú vị và mang tính ý thức hệ sâu sắc làm Mao Trạch Đông và đám vệ binh đỏ của ông ta có xem cũng không thể coi thường.

Cohn - người Thanh giáo - bông bênh, nằm ngửa trong nước xanh, điệu xì gà vẫn gắn nơi miệng, bầu trời phủ đầy mắt y.

Bên kia đầm nước và bãi biển, trên sườn ngọn núi Orohena, những bông hoa đại khổng lồ nhô lên từ dòng suối xanh ngắt, và từ dưới lũng sâu những đền thờ - nơi thần linh không còn trú ngụ - chìm trong giấc ngủ đời đời. Và xa hơn nữa, về phía rừng Faaone ẩn khuất, các cửa sông dâng hiến những dòng nước ngọt ngào cho biển cả. Đại dương đập đôi cánh vĩ đại của mình lên bờ đá, biến thành hàng ngàn con đại bàng trắng tỏa ra, nhô lên trên hàng rào san hô rồi nặng nề rút lui, để lại đám lông trắng xóa. Còn đối với những cặp mắt từng chiêm nghiệm tranh Gauguin nơi viện bảo tàng thì còn có thể thấy cả những ả Vahiné khổng lồ cỡi các con ngựa hồng và vàng lang thang khắp nơi trên nền cỏ biếc.

Về phía bán đảo Taiaropu, năm mươi chiếc thuyền độc mộc, mỗi chiếc hai mươi tay chèo, như từ trong ký ức đi ra, đua nhau lao về phía chiếc tàu La Boudeuse từ hai thế kỷ trước đây, trên mỗi chiếc chất đầy các ả Vahiné trần truồng làm quà tặng cho những người khách lạ.

Cohn bước ra khỏi Đại dương, qua bãi biển, bước xuyên khu rừng chuối. Ngọn núi Orohena cao vút trên y. Gauguin đã vẽ ngọn núi này thực cho đến nỗi người ta ngạc nhiên khi thấy nó vẫn sừng sững ở ngoài đời.

Y thấy Meeva đang ngồi rầu rĩ trước cửa nhà, chiếc xà rồng đỏ chói quăn quanh hông, đôi vú khổng lồ no tròn như lấy ra từ bức Okahi, bức tranh ưa thích nhất của Cohn.

“Có chuyện gì vậy?”

“Cohn, chúng ta cần tiền. Chủ tiệm không cho mua chịu nữa.”

“Thế hai chục ngàn franc tôi đưa cô hôm qua đâu hết rồi, cô ả?”

“Thì em mua một cái áo dài mới rồi.”

Với loại chuyện này thì chẳng có thể tranh cãi gì được với cô ả.

Cohn - gã bao gái đưa tay gãi râu, ngẫm nghĩ. Có một nhóm du khách mới đến khách sạn Palace.

“OK” y bảo “Lấy cho tôi một cái quần sạch, một chiếc áo sạch, với chiếc găng da màu đen của tôi nữa.”

6

Mataoa Jenkins, quản lý khách sạn Paul Gauguin Palace, một người Tahiti chính cống, đưa mắt nhìn Cohn với cái vẻ vênh váo, kiêu ngạo của một người chủ nhân ông đã dám xây một hồ bơi hàng trăm thước ngay trước mũi Thái Bình Dương. Chính cái cảnh tượng này làm Cohn phát khùng. Hình ảnh một hồ bơi nhân tạo nằm ngay bên cạnh cái vô cùng thật quá sức chịu đựng của y. Vì thế nhiều lần y đã định tổ chức một chiến dịch biệt kích cá nhân nhằm phá hoại hồ bơi, và nhiều lần y đã kiểm cách đá vào hồ bơi ngay giữa ban ngày ban mặt. Vì lý do đó, và vì nhiều lý do khác nữa, Mataoa Jenkins hết sức nghi kỵ cái gã vô loại tai tiếng nhất Tahiti này.

“Ông Cohn, chúng tôi đã yêu cầu ông đừng đến đây. Hôm qua có một chiếc tàu cập bến chở toàn những du khách đang hoàng đến đây. Họ không cần đến... sự phục vụ của ông đâu.”

Cohn đồng dục đáp: “Dọn buổi điểm tâm cho tôi ở sân thượng. Anh không cấm tôi được. Đây là một nơi công cộng. Tôi cũng có một tình cảm đáng kính, Mataoa. Nhớ nhà đấy mà. Tôi cần thấy những khuôn mặt Mỹ cùng quê cùng xứ ở quanh mình cho đỡ nhớ. Nếu anh để tôi vào, tôi hứa sẽ không bao giờ đá vào hồ bơi của anh nữa. Hình như anh đã phải thay nước đến năm lần thì phải. Nào, giờ hãy cho anh một dịp may đi.”

Gã quản lý khách sạn nhìn y từ đầu đến chân. Cái tên vô loại này hôm nay trông có vẻ ít tồi tệ hơn thường ngày. Quần sạch, áo sạch, chiếc mũ thuyền trưởng trông cũng đỡ bẩn hơn. Y còn mang găng tay, chỉ có một chiếc băng da màu đen bên tay phải. Trông lần này đáng vẻ

y có thể chấp nhận được, ngoại trừ cái mũi trông vênh váo quá, như nó sinh ra để biểu lộ sự xấu láo hơn là dùng để thở vậy.

“Thôi được, ông Cohn, nhưng nhớ đừng có giở trò đấy.”

“Cứ tin ở tôi đi mà.”

Cohn lên sân thượng và đưa cặp mắt sắc lẹm liếc quanh một vòng. Toàn những khuôn mặt Mỹ lớn tuổi, tốt bụng. Y gọi một cốc cà phê và khi cô hầu bàn Marua lại gần, y phải cố hết sức để không thò tay vào dưới váy cô ta. Y ngồi yên, hiền lành vô tội, trong khi Mataoa lượn quanh như một con kên kên, sẵn sàng lao xuống quặp lấy y nếu như thấy y có ý định giở trò gì.

Sau khi từ tốn nhấp nháp cốc cà phê, y nghiêng người sang bên, hỏi, giọng rụt rè: “Xin lỗi ông, tôi có thể mượn ông tờ Time một lát có được không ạ? Tôi xa nhà đã nhiều năm rồi...” Y gục đầu và thở dài náo nuột.

Người đàn ông lớn tuổi, khuôn mặt hiền từ dễ thương bảo: “Xin mời ông sang đây với chúng tôi cho vui. Tên tôi là Chaffee, Jim Chaffee, quê ở Des Moines. Đây là vợ tôi, Betsy, và em vợ tôi, Marjorie.”

“Tôi là Bill Smith”, Cohn tự giới thiệu. Y luôn luôn khoái đặt cho mình một cái tên mới, đơn giản, phát xuất từ niềm khao khát mơ hồ và vô vọng nhằm vừa trốn thoát bản ngã và vừa đạt đến sự đơn giản tuyệt đối.

Cohn sang ngồi cùng bàn với họ. Mataoa nhận ra ngay, sẵn sàng phản ứng để bảo vệ khách của lão. Nhưng Cohn tỏ ra thoải mái và lễ phép. Y ngồi nói chuyện nho nhỏ với những người cùng quê hương xứ sở, chắc là cho đỡ nhớ, có vậy thôi. Yên tâm, Mataoa bỏ đi chỗ khác.

“Thế ra cả hai năm rồi ông chưa trở về Mỹ?” Ông Jim Chaffee hỏi y, giọng đượm vẻ cảm thông.

Cohn nhún vai, tuyệt vọng “Làm thế nào được. Ông biết bên nhà họ đối xử với những người cùi như thế nào. Họ nhốt lại một nơi. Luật mà.”

“Cùi? Ờ, tôi không...”

“Tôi thừa thật với quý vị, từ khi bác sĩ xác nhận tôi bị phong mấy năm trước đây - xứ này nhiều người bị lắm, quý vị biết đấy - tôi không còn nghĩ đến chuyện về quê nữa. Bên đó họ nhốt vào bệnh viện ngay. Ở đây thì họ để cho chúng tôi đi lại tự do như ông bà thấy đấy. Ở đây họ không xem bệnh này là bệnh lây lan, trừ trường hợp tiếp xúc trực tiếp.”

Y đưa bàn tay đeo găng đen ngay dưới mũi cái cô Marjorie quáỉ quỉ gì đó.

“Cô sờ xem. Bằng thép đấy. Mấy ngón nơi bàn tay phải tôi rụng hết cả. Bị ăn trụi, có thể ăn len lên đến tận cùi chỏ. Thật ra nếu điều trị ngay ở giai đoạn đầu bằng thuốc Enelpha thì cũng có thể chế ngự được, tiếc rằng tôi khám phá ra mình mắc bệnh hơi muộn.”

Cả ba người du khách bỗng nhiên hóa thành pho tượng. Một trong ba pho tượng, Marjorie quáỉ quỉ gì gì đó xem chừng sắp vỡ thành mảnh vụn. Cô ta ta kinh hoàng nhìn bàn tay đeo găng đang huơ huơ thân mật trước mũi mình.

“Tự nhiên là đời sống tôi hơi khó khăn. Tôi không thể làm việc, tôi cũng không thể gửi thư xin tiền nhà. Gia đình tôi bên ấy không biết gì chuyện này. Tôi không muốn làm họ đau khổ. Tội nghiệp má tôi, quý vị tưởng tượng xem, nếu như bà ấy biết... Cũng may mà mọi người ở đây rất tốt với tôi. Đặc biệt là đồng hương người Mỹ. Họ không bao giờ để tôi nguy kịch. Họ là cái dân tộc tốt bụng còn lại trong cái thế giới buồn thảm này.”

Y nhẹ nhàng rút tay về. Y sợ cái cô Majorie hoảng loạn hơi sớm. Đó là một kinh nghiệm về con người cực kỳ thú vị. Bản chất có giáo dục khiến họ ngồi cứng trên ghế chứ không lập tức đứng dậy chạy trốn mặc dầu họ rất muốn. Jim Chaffee, ở Des Moines, mặt xám ngắt, hồi hủ đưa tay lục túi áo.

“Dĩ nhiên, tôi rất sung sướng,... ờ... ông cho phép... ờ, tôi không mang tiền mặt, ông nhận chi phiếu cũng được chứ ạ?”

“Tôi không hề có ý định xin tiền ông”, Cohn nói bằng giọng tôn trọng.

“Ồ, nhưng mà ông phải...”

“Không, nhất định không...”

“Nhưng tôi van nài ông mà, là người Mỹ đồng hương với nhau...”

Cuối cùng thì Cohn cũng nhượng bộ. Cái lão già tội nghiệp đó hiểu rằng họ chẳng có cách gì chạy được trừ phi phủ lên sự rút lui bằng một cử chỉ nhân đạo. Viên quản lý, cảm thấy có cái gì bất ổn, bắt đầu lượn gần chỗ họ ngồi một cách bồn chồn. Cohn ngậm dùng một ngón tay chỉ về phía lão với một cử chỉ thô tục. Cuối cùng y nhận của ông Mỹ kia một chi phiếu 300 đôla. Xem ra khá hơn lần trước.

“Xin lỗi, nhưng chúng tôi có việc phải đi”, Jim Chaffee vừa nói giọng hơi run, vừa bật ra khỏi ghế như bị ai đập vậy.

Cohn đề nghị: “Tôi rất muốn đưa quý vị đi xem hòn đảo.”

“Ồ, không... không, cảm ơn ông! Bên công ty du lịch người ta lo hết mọi việc rồi.”

Cả ba giờ đây đã rời khỏi ghế. Đây là cái cảnh tượng nực cười và thú vị nhất, khi cái ý tưởng “Bill Smith” sẽ bắt tay họ làm cho cả ba thấy lạnh xương sống.

Chaffee ấp úng: “Nếu như tôi có thể làm gì đó cho ông tại Mỹ...”

Ba trăm đô la, Cohn ngẫm nghĩ. Tiền họ bỏ ra đáng lắm. Nói cho cùng thì đây là đỉnh cao trong cuộc du lịch của họ. Rồi họ có thể kể cho bạn bè nghe suốt buổi về câu chuyện một chàng trai Mỹ sáng sủa bị mắc bệnh phong ở Tahiti. Đúng là một bức ảnh nhiệt đới hoàn hảo, thuần túy Somerset Maugham, mang dáng dấp truyền kỳ của vùng biển phương Nam. Quả thực y đã làm cho 300 đô la họ bỏ ra xứng đồng tiền bát gạo.

“Ông có thể chụp một bức ảnh tôi với bàn tay này.” Cohn tử tế đề nghị. Họ làm như không nghe.

“Nếu như tôi có thể giúp ích gì ông bên nhà...” Ông Chaffee lặp lại y như một cái máy, mồ hôi tươm trên trán.

“Không có gì đâu”, Cohn nói, “Ờ, có một điều này...” Giọng chùn xuống, y thở dài, “tôi sợ như thế này thì quá lãng mạn, nhưng... nhưng ông hãy gởi cho tôi một nắm đất quê nhà, qua khách sạn này. Tôi sẽ mang nắm đất luôn bên mình. Tôi biết điều này thật kỳ cục, nhưng mà tôi xa nhà lâu quá rồi. Ờ... ờ người mẹ tội nghiệp của tôi, thôi...”

Người đàn bà lớn tuổi bật khóc. Lão quản lý xuất hiện tức khắc, quan sát Cohn như người ta thăm dò một trái bom.

“Ông Cohn, chúng tôi đã yêu cầu ông đừng làm phiền khách.”

Jim Chaffee, ở Des Moines, trừng mắt nhìn lão, nghiêm nghị “Hãy để ông ta yên.”

Rồi ông ta quay lại nhìn Cohn và tuyệt vọng tìm kiếm một lời để an ủi y, một lời lạc quan, một lời thật sự mang chất Mỹ.

Cuối cùng ông nói: “Ông hãy liên hệ với ông lãnh sự của chúng ta ở đây. Liên hệ với ông ta thường xuyên nhé. Tôi chắc chắn ông ấy giúp ích được nhiều cho ông đấy.”

Mặt lão quản lý Mataoa thộn ra vì ngạc nhiên. Hai người phụ nữ đứng tuổi kia bật khóc, Cohn thì đưa tay chùi mắt, trong khi Jim Chaffee sụt sịt chùi mũi bằng chiếc khăn tay. Quá xúc động, y giang rộng đôi tay định ôm cái ông người Mỹ tốt bụng vào lòng khiến Chaffee xanh mặt, nhảy lùi lại mấy bước. Cohn nhặt tờ Time trên bàn lên đưa cho người đồng hương.

“Ông quên tờ tạp chí...”

Cả ba lùi lại, tụm vào nhau thành một khối phòng thủ, hãi hùng trước cái ý tưởng phải chạm tay vào tờ báo đầy vi trùng cùi kia.

“Không sao, không sao. Cứ giữ lấy, giữ lấy...”

Jim Chaffee hơi vẩy tay chào y, rồi thúc hai người phụ nữ rút lui nhanh nhanh về phòng khách sạn. Cohn đứng yên, hình dung ba người

này trần truồng, đang lấy rượu tưới lên thân thể nhau, không chừa chỗ nào. Rồi y đi đến quầy khách sạn và đưa tờ chi phiếu du lịch ra.

“Đổi tiền mặt cho tôi.”

Người phụ nữ sau quầy đeo kính lên. "Ba trăm đô la? Lần này ông bày đặt chuyện gì để nói với họ vậy, ông Cohn?"

Cohn đáp gọn: “Ờ thì bạn cũ của gia đình chứ có gì đâu. Đổi nhanh lên.”

Nhưng quá muộn. Y nghe thấy tiếng gầm dữ dội của con tê giác bị thương là Mataoa Jenkins đang phóng rầm rập xuống cầu thang, bộ mặt giống như một mặt nạ Polynesie nhăn nhúm vì hận thù.

“Thằng khốn, mày đừng bao giờ đặt chân vào đây nữa đấy. Tao sẽ cho mày biết tay nếu như mày còn làm cho khách của tao hoảng hốt vì những lời bịa đặt của mày!”

“Ý ông nói mấy vị khách đó họ phàn nàn điều gì à?”

“Tất nhiên rồi chứ còn gì nữa?” Mataoa gầm lên, “Họ dọa sẽ bắn tôi vì đã để bọn cùi quanh quẩn trong khách sạn làm phiền khách!”

Cohn cảm thấy bị “sốc” thật sự. “Thật đúng là những người tàn nhẫn, chai lì. Thú thật với ông, tôi đau lòng hết sức. Tôi thất vọng quá!”

“Cút ra!”

Lão nắm lấy cổ áo Cohn, tay kia nắm lưng quần, áp giải y ra đến cửa và kết thúc cái nghi thức trang trọng đó bằng một cú đá đít chính xác khiến Cohn văng ra khỏi khách sạn, té nằm úp mặt trên đất. Cohn có cảm giác khoái trá khôn tả. Lại một lần nữa y đã làm được một cái gì tích cực cho thế giới của người da trắng ở Nam Thái Bình Dương này.

Trước khách sạn có một số người Âu, trong số đó là ba anh em nhà Vervieux từ Congo đến đây. Ở Congo họ đã mất sạch tài sản cha truyền con nối từ hai thế hệ. Cohn đang lóp ngóp bò dậy, phui bụi định bước đi thì gã trẻ nhất trong ba anh em người Bì chặn đường.

“Ê, tên kia.”

Đó là một gã vạm vỡ, dữ dằn, mặt quăm quăm tỏ ra không hề biết đùa chút nào. Cohn thật ra không hoàn toàn chống chủ nghĩa thực dân. Y vẫn cho rằng vài thế kỷ đô hộ của người Âu lên Phi Châu biết đâu cũng có cái hay. Đời sống dục tính của Tây Phương càng ngày càng trở nên máy móc và buồn chán.

“Thằng khốn, nếu mày còn để cho một tên bản xứ đá đít mày như vậy thì tụi tao sẽ đi hãm hiếp và giết chóc bọn bản xứ ngay tại đây, như đã làm ở Congo đấy.”

Trí tò mò của Cohn nổi dậy, y hỏi “Thế thực sự ở Congo ông đã hiếp và giết ai vậy?”

Gã người Bỉ tiến lên một bước, Cohn lùi lại hai bước.

“Thằng da trắng phản bội kia, nếu lần sau mày còn để cho một tên bản xứ đá đít mày, chúng tao sẽ cột đá vào cổ mày và ném xuống nước đấy, liệu hồn.”

Cohn vốn luôn nhanh nhạy nhất khi y bị giằng co giữa sự vênh váo và nỗi sợ hãi. Lần này trí óc y vụt hiện ra một ý tưởng sáng tạo tuyệt vời.

“Ông dám làm thế không?” Y cao giọng, âm sắc Mỹ mạnh mẽ: “Tôi là tổng lãnh sự Hoa Kỳ ở đây, và tôi không cần ai dạy bảo về phẩm giá của người da trắng cả.”

Gã người Mỹ há hốc: “Tổng, tổng...”

“Đây, danh thiếp tôi đây, thưa ông.”

Học theo đúng phong cách của một Picaro chân chính, Cohn luôn luôn mang theo danh thiếp của ngài Tổng lãnh sự Hoa Kỳ ở xứ này, người mà y căm ghét thậm tệ, chỉ vì cái lão khốn này thường xuyên tìm cách trục xuất y khỏi xứ.

Cohn bỏ đi, miệng huýt sáo vui vẻ. Rỉ tai là phương tiện truyền thông mau lẹ nhất ở xứ này. Chỉ trong vài giờ nữa là cái vụ lá cờ sao sọc bị làm nhục này sẽ được truyền đi khắp nơi, và Ngài T. Jefferson

Jr. ấy hẳn sẽ ngạc nhiên tự hỏi tại sao cả người Pháp lẫn người Tahiti đều nhìn mình cười tủm tỉm vậy. Vụ chơi khăm này quả là một nét cợt hoàn hảo. Thì Cohn là một nghệ sĩ thật sự mà.

Cô ả Meeva đang đợi y bên lề đường, trước một cửa hiệu Tàu. ả mặc quần Jean, điều mà Cohn rất tởm - Phải có sắc luật cấm các cô gái Tahiti mặc blue jean mới được, y thầm nghĩ - Y đưa cho ả tấm chi phiếu.

“Đây này. Ba trăm đô. Đổi đi.”

ả nhổ một tiare, bông ban trắng, trên đầu xuống, âu yếm đặt lên vành tai của gã popaa của ả. Y cầm lấy tay ả. Y thích thấy tay ả trong tay mình cũng như y thích cùng ả tay trong tay đi dọc đại dương, với một bông hoa trên vành tai. Bằng cách nào đó, y cảm thấy mình vô tội, tưởng như y nắm lại được ít nhất một phần nào đó của “con người của mình trước khi thế giới bắt đầu.”

Mặt trời - đỏ ối, sừng vù như thể sắp bung ra và hạ sinh một thiên anh hùng ca mới, đầm máu - đang nặng nề chìm xuống biển trong ánh sáng nhạt nhòa của buổi bắt đầu của thế giới, như đang khẳng định rằng hẳn phải từng có ánh sáng nào đó cho một cuộc chuyển dạ như vậy. Rồi màu chàm và xanh thẫm ngự trị hết vùng Moorea, còn đầm nước thì chìm hẳn vào bóng tối - Hàng dừa chỉ còn là những bóng đen, tuy vẫn chút ít ánh bạc nơi chỗ mà cát bắt đầu trải ra biển. Và cái thế giới đã chết của những đá - mẹ, Madrepore, thường được gọi là san hô, đang đưa lên khỏi đầm nước đen những mảnh xám xịt của sự sống của mình, với những con còng biển màu vàng nhỏ xíu đang chạy rối rít giữa đám rong.

Ba trăm đô la thì cũng lớn bộn, nhưng một phần còn phải để trang trải cho sơn, bút vẽ. Thật là phí tiền vô ích nếu xét rằng Cohn chẳng khi nào sờ đến cây cọ; rằng y hoàn toàn thiếu khả năng trong lãnh vực này. Tuy vậy, các du khách mà gã hướng dẫn viên Puccioni đưa đến Ngôi nhà Hoan Lạc chờ đợi gặp nơi đây một không khí có vẻ nghệ thuật, nên đơn giản là cần phải có nhiều sơn dầu, “cho những

bức sấp thực hiện” và bút cọ vứt lung tung. Cũng như tất cả những tên bịp khác, Cohn rất có tinh thần hiện thực. Điều kiện tiên quyết để làm một Picaro là phải tạo lòng tin - Đâu phải không có cái gì chứng thực mà phỉnh người ta được. Cho nên Cohn đã chạy đi mua chịu ở cửa hiệu bán dụng cụ hội họa của Smirnoff. Tóm tắt, y cần thêm tiền.

Ở đây có một người Đức mới đến mà y chưa khai thác. Một người Đức thì hẳn phải hiểu “tội lỗi” và tội lỗi thì luôn luôn là một cơ hội tốt cho ta kiếm tí tiền.

Y leo lên chiếc Honda cà tàng.

“Lên đi”, y bảo Meeva.

Khi y nổ máy xe, Meeva bắt đầu cất tiếng hát. Đó là một bài dân ca Maori xưa kể về bầu trời đã giao hoan với mặt đất như thế nào, và buồn thay, cuộc yêu đương của họ bị gián đoạn trong bất hạnh bởi ngọn thủy triều khổng lồ của đại dương, vốn ghen tuông điên giận với trời bởi đại dương cho rằng trái đất thuộc về mình và chỉ đại dương mới có quyền vuốt ve mặt đất. Và thế là, niềm hoan lạc của hai kẻ làm tình bị ngưng ngang, và trái đất, thay vì hạ sinh một nhân-thần như đôi lứa mong đợi, chỉ sinh được một con người phàm trần. Cohn nghĩ, chắc chắn đó là một Coitus interruptus - một cuộc giao hoan bị gián đoạn - khó chịu nhất của mọi thời.

Y gắt: “Im đi, cô làm tôi fiu quá.”

7

Họ chạy xe ra đến bãi biển san hô. Cohn dừng lại, xuống xe và đi vào rừng dừa, khoái cảm thấy đôi chân trần chạm lên nền cát mịn. Ngôi biệt thự mà lão Popoa người Đức thuê hiện ra giữa hàng dừa, trắng xóa rực rỡ. Đây là ngôi biệt thự đẹp nhất ở Pouavia này.

“Đợi tôi ở đây.”

Cohn tuột quần áo. Trần như nhộng, y lăn mình trên cát trắng cho đến khi y giống hệt như một con người tiền sử vừa bò ra khỏi tổ của mình để kiếm một con thằn lằn hay một cái trứng rùa nào đó.

“Cohn, anh định làm gì với cái ông người Đức đó? Trông anh ghê quá.”

“Đừng lo.”

Y để ả đứng sau hàng dừa, tiến về phía biệt thự. Phía bên kia đầm nước, hàng dừa nghiêng đầu, cúi mình xuống làn nước xanh biếc trong dáng vẻ phiến muộn, giống như vẻ sầu muộn của những bức tranh tôn giáo Ý, hay vẻ tang tóc của những dàn đồng ca Hi Lạp cổ đại. Hàng dừa phủ lên toàn đảo một vẻ trầm buồn càng lúc càng đậm hơn khi bóng in của chúng trải dài thêm trên cát.

Ngôi nhà, do một kiến trúc sư Thụy Sĩ xây dựng, nổi tiếng vì dáng dấp hiện đại nhất trên toàn đảo, bao quanh bởi những thảm cỏ mượt mà, rất hiếm thấy ở Tahiti. Thảm cỏ trồng kéo dài từ mép đầm đến tận ngôi nhà, được chăm tưới kỹ lưỡng. Giữa các thảm xanh biếc mênh mông ấy, chủ nhân, một người dáng sang trọng, đang đuổi mình trên chiếc ghế dài, tâm trí rõ ràng thanh thản, mắt đưa mông lung nhìn vào vô cùng.

Cohn liếm môi. Rõ ràng đây là một kẻ trốn chạy. Cái lão khốn này hẳn tưởng rằng mình đã chạy đủ xa, lão cảm thấy bình yên nơi đây, thoát khỏi mọi sự. Được, y sẽ dạy cho lão biết rằng người ta không thể trốn thoát khỏi bất cứ điều gì.

Người làm vườn đang tưới hoa. Tên lão là Muhuu, nhưng ai cũng gọi lão là Popaul. Lão nhìn thấy Cohn và tất nhiên có phản ứng như tất cả những người ở Tahiti có liên hệ cách này hay cách khác với tên vô loại khét tiếng này. Lão buông vòi nước xuống và chạy ra chặn y.

“Anh làm gì mà trần như nhộng vậy Cohn?”

“Ừ thì mới bơi xong. Có ông kia muốn hỏi mua tranh của tôi ấy mà.”

Rồi y rón rén bước lại gần con mồi, vừa đi vừa lập lại một số động tác co giật thần kinh. Không quá cường điệu, chỉ vừa đủ để trông có vẻ thật và gợi lòng tin. Y quyết định co vai phải đồng thời giật giật ở mắt phải và méo miệng cho bọt mép sùi ra, thêm vào đó là tiếng gừ gừ phát ra từ cổ họng như tiếng chồn. Chính nhờ cái tiếng kêu nhỏ thảm thiết của một con thú hoang đó khiến lão người Đức đang mơ màng nhận ra có sự hiện diện của con người bên cạnh mình.

Ông ta thấy trước mặt mình một kiểu đạo sĩ Ấn Độ trần truồng, người và mặt dính đầy cát. Vẻ bề ngoài đáng kinh sợ đó còn được tô đậm thêm bởi cơn co giật thần kinh liên hồi trông rất khủng khiếp. Vốn là người nhả nhận, ông ta bèn đứng dậy, hoặc chắc là thấy cái thân thể trần truồng, cùng với những cơn co giật đó, với đôi mắt man dại và hàm râu rậm rì, ông ta tưởng mình đang rơi vào trong một cảnh giới thánh thần nào đó.

“Tôi xin lỗi vì...”

Kèm theo là tiếng kêu gừ gừ từ cổ họng, một cơn co giật ở gò má phải. Và trong giây phút sáng tạo ấy, Cohn quyết định thêm vào tất cả làm cho đủ bộ.

“X... xin... lỗi... đã... làm... ph... phiền... ông.”

Cohn nhẹ nhõm khi thấy lão người Đức này khá già để hiểu biết lịch sử. Tóc bạc trắng, khuôn mặt nhạy cảm và buồn, cặp mắt trầm tư. Cohn luôn luôn thích làm ăn với những kẻ nhạy cảm: họ dễ nhượng bộ hơn. Và lại loại người này khiến cho y có cái cảm giác khoan khoái rằng y đang thanh toán nợ nần với chính mình

“Ch... chúng... ta... là... h... hàng... x... xóm...Tôi... s... sống nơi... một cái h... hang... gần đây. T... trốn, ông hiểu chứ. Kh. khi tôi nghe cuối... cùng ông đã đến đ... đây, tôi... tôi biết ch... chẳng sớm thì... muộn...” Y thôi không làm mặt co giật nữa, không nên phí công làm quá nhiều “C... có lẽ ông còn... nh... nhớ tôi?”

“Ơ... tôi không chắc...”

“Ch... cho phép tôi nhắc ông. Cohn. Moshel C... Cohn, con trai của Leiba Cohn.”

“Còn tôi là Martin Grutt, từ Munich đến. Rất mừng được gặp ông.”

“Ô... ông kh... không nhớ ra tôi?” Cohn thì thào. “Ông đ... đã... qu... quên hết cả.”

Ông già người Đức trông hơi bối rối, Y nghĩ. Vượt tám ngàn dặm bằng máy bay đến nơi tận cùng thế giới, Tahiti, thiên đàng trần thế, hẳn lão nghĩ rằng mình đã bỏ lịch sử lại đằng sau. Lão đưa tay làm một cử chỉ bất lực.

“Tôi xin lỗi, nhưng... mặc dầu tên nghe rất quen.”

Đại dương cất tiếng cười vang trên bờ đá san hô đến nỗi Cohn sợ rằng người anh em biển cả của mình sẽ phá hỏng cuộc chơi.

“Tôi thấy rằng tên tôi không gợi ra gì nơi ông, giờ đây, sau hai mươi lăm năm. Nhưng mà cái họ Cohn, ông cũng không nhớ ra à? Một loại Nhật ký của Anne Frank và tất cả những gì tương tự - Ghết-tô ở Varsovie - không à? Những cái đó không gợi cho ông điều gì ư?”

Một loạt co giật ở mặt, ba tiếng gừ gừ nhỏ thốt ra từ cổ họng, một làn sóng co giật liên tiếp ở đầu, cổ và vai mà thật ra là một vũ điệu dậm dật ngắn mà Cohn thường làm. Lão Popaa người Đức đứng lặng,

cuốn Những hòn đảo kỳ thú của Gonçalves còn kẹp nơi nách, những bông hoa đỏ rực phủ lên nền phía sau nhà và xa hơn, đằng kia, đại dương toét miệng cười, khoe hàm răng trắng muốt trên bờ đá mượt.

“Khi tôi nghe ông đến đây, tôi tự bảo “Cohn, đã đến lúc rồi, mày phải khai tức khắc. Mày không thể trốn chạy mãi được nữa.”

Mặt y mở rộng, trắng dã, chấn động trước một nỗi kinh hoàng không tên. Để đạt đến trình độ nghệ thuật hoàn hảo này cũng như khi y trình diễn một vũ điệu co giật thần kinh, y luôn nghĩ đến giáo sư Teller, cha đẻ của bom hy-drô, để làm cho khắp người y nổi da gà lên. Nhưng hôm nay trời nóng quá, không làm thế được. Y bèn cho làn môi mấp máy. Nói đến nghệ thuật, Cohn là người theo chủ nghĩa hiện thực mà.

“Hai mươi lăm năm nay tôi sống chỉ bằng chuối. Tôi chui dưới đất như một con chuột chù. Nhưng đầu sao trong 25 năm cái tên Cohn này vẫn sống sót được trong khi gia đình hẳn, chị hẳn, cha hẳn, mẹ hẳn, anh em hẳn, tất cả họ đều...”

Lại một đợt co giật cơ bắp trên khắp người y. “Auschwitz! Auschwitz!”

Mắt y tràn đầy một nỗi kinh hoàng, khiến người đàn ông kia không phải khó khăn gì để thấy nơi cặp mắt đó hình ảnh của sáu triệu xác chết Do Thái. Cohn nghe thấy từ đám hoa tiếng cục cục gọi cảm. Tiếng bồ câu. Vì Tahiti thiếu chim, nên Bizien, gã giám đốc du lịch đã cho nhập vào đây cái giống chim dễ thương và có giới tính rất mạnh này để làm tăng thêm tính hấp dẫn cho truyền thuyết về tình yêu vĩnh cửu.

Ông già Đức trắng nhợt như xác chết.

“Tôi không thể khẳng định với ông rằng tôi không có dính dáng gì với cái chuyện khủng khiếp ấy cả”, giọng ông ta vỡ, lạc đi.

Lão làm vườn Muhuu, tay vẫn cầm ống tưới cây, quan sát hai người. Lão chắc hẳn có chuyện gì lộn xộn đây, và sẵn sàng đợi có một dấu hiệu nhỏ nhất là can thiệp ngay. Nhưng Cohn cảm thấy an toàn.

Cái con người đáng kính này chắc hẳn không bao giờ là một tên phát xít. Vậy thì ông ta sắp xùy tiền ra. Ông ta phải làm thôi. Bởi chỉ người vô tội mới có mặc cảm tội lỗi.

Cohn sáng tạo thêm một cú co giật đầu gối rất tuyệt, lần này có cơ sở y học thật sự.

“Có lẽ ông thắc mắc là ngôi sao David của tôi đâu, nhưng ông thấy đây, ở đây chúng ta sống trong Vườn Địa Đàng và tôi hoàn toàn trần truồng. Luật bắt người Do Thái phải đeo sao sáu cánh ở trên quần áo, chứ đâu phải trên da thịt. Có thể ông bảo rằng bây giờ luật đã đổi, rằng người Do Thái phải đeo hình ngôi sao trên da, bởi vì có nhiều thay đổi, và bởi vì Fermi, Einstein, Oppenheimer và Teller đều là Do Thái hết, nhưng tôi đâu có biết. Tôi thì tôi không hề biết, tôi thế đấy!”

Nếu cái lão khốn với cái khuôn mặt hiền từ, nháy cảm này tưởng rằng chỉ cần mua vé máy bay đi đến đây và thuê một biệt thự đẹp đẽ này ở Tahiti là có thể trốn thoát khỏi lịch sử thì lão đã lầm.

Người Đức nói bằng một giọng ngấp ngừng, mặt trắng bệch như một người da trắng có thể trắng - “Chuyện đó chấm dứt rồi. Chấm dứt lâu rồi. Điều đó không bao giờ xảy ra lại nữa.”

Cohn thoáng có cảm giác ông khách du lịch này không chịu trả tiền, nhưng y tự trách mình ngay vì cái ý tưởng bất chính đó.

Y lắp bắp: “Tôi mừng thấy ông đến xứ này. Tôi đã chờ đợi quá lâu trong sợ hãi. Chờ đợi đã hai mươi lăm năm rồi - đợi họ đến và chất lên tàu đưa đi - đưa trở về nhà...”

Từ tận đáy sâu trong cổ họng y thoát ra một tiếng kêu, tiếng một con thú ở bước đường cùng, một con thú - người, tất nhiên.

Y đứng yên một lát, mắt mở trừng trừng, mồm méo xệch. Rồi y lắc lay đầu và nhìn quanh, như thể vừa ra khỏi một cơn mơ.

“Tôi sống gần đây” - y lắp bắp từng hồi - “Chúng ta là láng giềng. Nếu ông cần điều gì thì tôi, Cohn, Moses Cohn... tôi xin chào mừng ông đến nơi thiên đàng trần thế này.”

Y quay người và bước đi, dáng cứng ngắt như một rôbô. Y gặp Meeva, dưới hàng dừa và mặc lại quần áo.

“Anh kiếm được bao nhiêu, Gene?”

Cohn ngạc nhiên nhớ ra “Chết tiệt, tôi quên mất..”

Hồi này y hoàn toàn quên mất chuyện tiền. Điều này thường xảy ra khi y có hứng khởi thật sự. Không còn gì quan trọng nữa ngoại trừ nhảy múa. Hoặc hủy hoại. Cũng là một thôi. Chẳng hề gì, ý nghĩ. Đôi khi người ta hành động theo tinh thần nghệ thuật vì nghệ thuật, có sao.

8

Từ dưới kia, về phía Mooréa, vòng cung đá san hô đứt đoạn chừa một chỗ cho nước biển tràn vào, sóng biển trắng xóa lao vào bờ biển đang dang tay đón chào với cái vẻ tự tin, oai vệ đầy nam tính của thần Teona, người cha đầy sinh lực của mọi biển cả. Bọt biển - vẫn mang vẻ tinh khiết nguyên sơ của hành động sáng tạo đầu tiên - đang chìm dần xuống cát trong tiếng thì thầm khoái cảm nhẹ nhẹ. Hàng ngàn cây dừa cúi đầu xuống dưới chân của thần Orohena, vị Thần Phần nộ sau này bị đánh bại và trở thành một ngọn núi lửa chết. Những dải cỏ xanh ngắt ôm lấy tấm thân trần truồng sù sì của ngọn núi lửa chết khuất hút vào những thung lũng sâu đen thẫm, nơi ánh sáng của biển và trời giao nhau trong một màu tăm tối bí nhiệm.

Trên đường về họ ghé lại chỗ ở của Le Goff - Đây là một gã phiêu lưu đang gặp buổi khó khăn. Vài ngày trước, nàng Vahine của gã có ghé Meeva và khóc lóc bảo Meeva rằng gã Popaa của cô nàng chắc sụm rồi và đòi Meeva tìm cho cô nàng một ông chủ nào khác mà cô nàng có thể yêu thương cung phụng hết cuộc đời còn lại. Bởi cô nàng đã quá chán phải ăn chỉ toàn cá và cả mấy tháng nay không có được một cái áo mới nào cả - Thật là mất mặt. Nếu có một điều trên đời này Meeva biết tường tận, thì đó là các câu chuyện mùi lòng. Thế là ả thúc giục Cohn. Y biết còn một vai khuyết và đã nói với Bizien chuyện này. Viên Giám đốc Du lịch đồng ý rằng Le Goff có râu tóc vàng, dáng vẻ buồn, nhần nhục đúng với nhân dáng và công việc đòi hỏi.

Họ nghe tiếng nước chảy và thấy túp lều cỏ trên ngọn đồi giữa hàng cây đu đủ trái to bự treo lủng lẳng. Hình như ánh sáng khắp mọi nơi ở cái xứ Tahiti này đều chứa tính chất của biển cả. Mỗi giọt ánh sáng đều mang trong mình màu lục biếc của vịnh, màu vàng của lưu huỳnh, màu xanh trong suốt của đầm nước. Họ bỏ xe và đi xuyên qua con đường hầm đầy hoa đỏ ối và tím thắm dẫn đến ngôi nhà.

René Le Goff, trần như nhộng, chồm hồm trước nhà đang nướng cá. Ngôi bệt trên đất bên cạnh gã là cô nàng Vahine Taimaha, áo màu xanh và trắng, đang cho đứa bé mới sinh bú, đứa bé mà cô nàng đã yêu cầu những gia đình khá nhất trên đảo nhận làm con nuôi. Cohn thường ngẫm nghĩ về cái phong tục của người bản xứ Polynesie đem đứa con máu huyết của mình cho người lạ và nhận đứa con khác làm con nuôi. Có lẽ tục này bắt nguồn từ nghi tiết tôn giáo Arii bắt buộc tín đồ phải giết con của chính mình. Bắn cách đem con cho người khác và nhận con người khác làm con mình, họ thoát khỏi lời nguyền mà không hề xúc phạm đến thần linh.

Le Goff có khuôn mặt buồn, bộ râu vàng dài thượt, tóc phủ xuống vai, cả người gã bôi đầy sơn đỏ, xanh, vàng.

“Chào René, có gì mới không?”

“Chào Cohn, tôi nghĩ tôi bị lậu tái phát.”

“Đó là do khí hậu đấy”, Cohn khôn khéo nói.

René thở ra. Với tóc và râu vàng óng, rục rỡ, gã trông giống một người chiêm tinh Cohn từng quen biết ở khu La Tinh.

“Tất nhiên, tiêm một phát pê-ni thì hết ngay. Nhưng làm thế thì phạm vào một vấn đề đạo đức. Trên nguyên tắc thì tôi phải tự chữa bằng cách đặt tay lên người chứ. Nếu họ biết tôi phải đi nhờ bác sĩ chữa...”

“Thì nhờ cha Tamil, bên dòng Dominican ấy, nhờ ông ta tiêm cho một mũi. Ông ta vui lòng ngay. Ông ta không nói cho ai biết đâu.”

“Nhưng nhờ đến sự giúp đỡ của một tôn giáo khác thì bề mặt quá.”

Le Goff đến Tahiti ba năm trước đây. Vào thời gian đó giới trẻ ở nước Anh làm cuộc diễn hành hàng chục ngàn người trên khắp đất nước nhằm phản kháng sự điên rồ của cuộc chạy đua vũ khí hạt nhân và tình trạng gọi là “sự thăng bằng của nỗi khủng khiếp.” Le Goff nói rằng gã cũng cố tổ chức những phong trào phản kháng tương tự ở Pháp, nhưng gã phải chịu thua vì người Pháp vốn quá cá nhân chủ nghĩa nên không hề quan tâm đến mối đe dọa về cái chết tập thể. Quả là mọi người Pháp dường như đều cho rằng không có niềm an ủi nào lớn hơn là cái chết của chính cá nhân mình.

“Thoạt đầu tụi tôi cố diễn hành qua Musée de L’Homme ở Paris, trần truồng và bôi sơn từ đầu đến chân, để tượng trưng cho tình trạng sa đọa và man rợ của chúng ta. Tụi tôi chỉ gọi được sự tò mò chốc lát của quần chúng, thế thôi. Tụi tôi cố kéo dài vài tháng nhưng quần chúng thì hoàn toàn lạnh nhạt. Anh biết đấy, người Pháp chúng tôi rất khinh bạc, họ chẳng hề thềm tin vào sự chấm dứt của thế giới. Tụi tôi cảm thấy mình chỉ mua vui cho họ. Thế là tôi tự bảo “Cút xéo chúng mày đi!” Rồi tôi trốn đến đây. Dân ở đây thấy tôi ngồi trần truồng, mặt sơn xanh đỏ, họ bèn xem tôi ít nhất cũng là một vị thần, một Tiki mà nước Pháp trả lại cho họ. Người ở đây thấy cần phải tin vào một cái gì đó. Họ cho tôi ăn. Tôi trở thành một loại phù thủy - thầy thuốc của họ.”

Thế là dần dần, chẳng biết bằng cách nào, Le Goff trở thành một Đạo-sờ, tức chữa bệnh bằng cách đặt tay mình lên thân thể người bệnh, dĩ nhiên trừ người hủi, bởi gã chẳng dám đặt tay vào. Một lần, gặp một nữ bệnh nhân khá đẹp, thay vì chỉ đặt tay, gã lấy luôn ả Vahine này.

Gã suy sụp hoàn toàn, chỉ uống rượu và làm tình suốt ngày; đầu gã vẫn tự làm ra bộ nghiêm chỉnh như một thầy lang có bùa phép thật sự, và vị thầy lang này vẫn phần nộ dữ dội khi các ngư dân ở Buuva đi ra biển mà chẳng thềm dâng cúng gì cho gã, có một sự thật là chỗ của gã chẳng hề được đưa vào danh sách “những địa điểm văn hóa phải

đến thăm cho bằng được” do công ty du lịch ấn hành, nghĩa là gã chẳng hề kiểm soát gì được từ du khách cả. Dân làng thì tử tế, vẫn cung cấp cho Tiki của mình cá và trái cây để đủ sống qua ngày. Dầu vậy Le Goff vẫn mơ màng đến vinh quang trong tương lai.

“Tôi muốn thiết lập một cơ sở vững chắc hơn”, gã vừa nhận điều xì gà Cohn đưa, vừa nói, “Tôi muốn dân ở đây xây cho tôi một thánh đường.”

Cohn bật cười. Y chẳng hề tin một lời nào của Le Goff về cái cuộc thập tự chinh của gã chống lại bom hạt nhân ở Pháp cả. Tất cả những vết sơn xanh vàng đỏ trên người có lẽ chẳng qua là nhằm ngụy trang cho khuôn mặt của một gã anh chị mà Cảnh sát quốc tế đã biết quá rõ.

“Anh thấy ý kiến được không? Ai cũng phải cần đến cơ sở vật chất cả. Sau này, khi họ thôi tin tưởng ở tôi, thì ít ra tôi cũng còn được ngôi nhà thờ. Tôi tin vào bất động sản.”

Đứa bé khóc ré lên và Taimaha cười hãnh diện nhìn Cohn.

“Anh xem thằng bé đẹp không? Nó bắt đầu giống anh như hệt rồi đó. Chị gái tôi cũng có một đứa con trai với một thủy thủ người Anh, nhưng đâu có đẹp bằng thằng này.”

“Cô chắc chắn rằng tôi đã ngủ với cô rồi à?” Cohn hỏi. Y đưa tay véo mũi đứa bé, thằng nhỏ đập đập chân.

Taimaha nói ngay: “Đó, nó nhận ra anh đó.”

Meeva tươi mặt, vẻ đồng tình.

Từ trên hàng cây Matave lá đỏ thắm, ngọn núi mà Gauguin đã vẽ trong các bức họa lừng danh của mình, bao phủ một vẻ đẹp nhục cảm phàm trần, có vẻ ít là một biểu lộ của thiên nhiên hơn là một sản phẩm từ một cặp mắt người đang cố sức hình dung. Trong bối cảnh đó là gã phiêu lưu tóc vàng trần truồng, khuôn mặt sơn văn vện, có lẽ nhằm che giấu dưới lớp sơn nét mặt của một tên Nazi hoặc một gã tội phạm quốc tế bị săn đuổi; là người đàn ông mà tên không phải là Cohn, là hai ả vahine chỉ là vahine; là đứa bé mà do một màu nhiệm nào đó sẽ

trở thành một người đàn ông sau này, tất cả lặng im giữa đám hoa lá sắc sỡ trong ánh chiều.

Rồi Taimaha hỏi, “Anh cho em ít tiền được không Cohn? René từ ba ngày nay chẳng nhận được gì ngoại trừ mấy con cá ươn cả. Bác sĩ thì bảo rằng em phải ăn thịt và tinh bột. Dầu sao đây cũng là con anh mà.”

Không đúng, nhưng Cohn vẫn thường xem mọi đứa bé là con y. Y cho họ hai trăm franc và bảo Le Goff đáp xe buýt lên Papete gặp Bizien ngay chiều nay, gấp.

Rồi Cohn và Meeva rời nơi đây. Chiều nhiệt đới buồn tênh phủ lên họ.

...

Ánh trăng thô viền bọc lấy cơn mưa rào xám nhạt, và đại dương vẫn còn lóe lên những ánh sáng tàn tạ cuối cùng của cái mặt trời sừng vù, đỏ ối. Khói từ một con heo quay bốc lên cao, phía trên một ngôi làng khuất sau rừng dừa. Ngọn núi của Gauguin như vươn lên, đột nhiên tiến sát lại gần như tựa vào người Cohn.

...

Chiếc Citroen đen theo dõi họ suốt đường về Pouaavia, đến gần, người tài xế tắt đèn, lái xe dọc con đường rợp bóng dừa ven bãi biển. Mây vẫn đen kịt bao kín mặt trăng. Bóng dừa lơ mờ trên cát. Người ngồi sau tay lái mặc chiếc áo “vét” trắng, cây thánh giá tổ bố đeo trước ngực. Giữa hai lông mày điểm một chấm đỏ theo kiểu Ấn Độ. Người Trung Hoa ngồi cạnh anh ta thì mập ú, mặt tròn vành vạnh, giống mặt trăng hơn chính cái mặt trăng thật đang lơ lửng giữa đám mây trên kia. Y cắn chặt điều thuốc trên miệng trông như một cây sáo cắm vào ổ bánh sinh nhật. Họ đậu xe xa xa nhà Cohn, ngồi yên lặng trong bóng

tối, giữa đám đom đóm, không nói với nhau một lời, chăm chú nhìn ánh sáng ngọn đèn dầu từ trong nhà. Rồi ánh sáng vụt tắt.

Callum nói, “Cũng chẳng có gì lạ. Anh có chắc vậy không?”

“Chắc chứ” lão người Hoa trả lời, “Thằng cháu tôi theo dõi nó từ ba tuần nay, chuyện đó xảy ra hai lần. Nhưng mà tôi không hiểu. Tôi không hiểu chút nào cả, ông Callum ạ. Tại sao một người quan trọng như ông lại đi chú ý đến cái thằng chết dịch đó? Tại sao cơ quan CIA vĩ đại lại đi chú ý đến cái tên họa sĩ dơ bẩn đó? Tại sao? Đó là điều tôi muốn biết”.

“Có lẽ hẳn ta đang dự trù ám sát Tổng thống Mỹ đó.”

“Hẳn ta à? Hẳn là một thằng vô tích sự.”

“OK, thôi để tôi bảo cho ông biết. CIA khám phá ra rằng hẳn là người duy nhất trên thế giới mà họ không biết rõ lý lịch. Điều này làm họ chấn động. Cho nên họ phải chăm chút hẳn.”

Lão Hoa lắc đầu bất bình, “Toàn là đùa”, lão tiếp, “Đó là điều bậy nhất của nước ông: Đùa. Đó là lý do tại sao các ông thua trận ở Việt Nam: do đùa. Cái gã này theo tôi có lẽ do Cộng Sản trả tiền để phá hoại uy tín của thế giới tự do. Tôi đã viết điều này trong báo cáo về trung ương. Ông có biết cái thằng merde này đã đi quanh khắp Papeete suốt mấy tuần, mang một cái bảng I AM AN AMERICAN trên ngực không?”

Người mang cây thánh giá bạc bật cười.

“Ừ, thì cũng có thể đó là lý do người ta ra lệnh phải giết gã. Gã quá phá hoại. Gã phá hoại thế giới của Hoa Kỳ tại nam Thái Bình Dương. Đó là một tên đặc công phá hoại.”

Lão người Hoa nhún vai “Ông lại đùa.”

Mây che kín hết mặt trăng. Người da trắng chửi thề - “Chẳng thấy cái chó gì cả” gã nói “nhưng mình vẫn có thể chụp ảnh.”

Gã vỗ nhẹ vào chiếc máy ảnh hiệu Bordas có gắn hồng ngoại tuyến đang kẹp giữa hai đùi mập ú.

“Ông Callum, xin ông vui lòng nói cho tôi biết cái ông Cohn này là ai vậy.”

“Jesus Christ!”

Lão người Hoa suy nghĩ một lúc: “Tôi không tin thế.”

“Tôi có bảo hắn ta là Jesus Christ đâu. Tôi nói: Jesus Christ. Đó là một thành ngữ tiếng Mỹ.”

Lão người Hoa rút một điều thuốc và cắm vào ổ bánh sinh nhật. Tại sao một cơ quan danh giá như CIA lại đi chú ý đến một tên họa sĩ dơ bẩn chỉ vì hắn ta thỉnh thoảng thức dậy nửa đêm và để hàng giờ vẽ bậy trên cát nhỉ? Trông ít có nghĩa lý quá cho nên thật đáng sợ.

...

Người đàn ông đang quan sát hai người kia dùng bộ đàm liên lạc lần thứ hai vào lúc 1 giờ sáng.

“Mon Capitaine, họ vẫn còn ở đó ạ.”

“Còn Monsieur Cohn thì sao?”

“Cho đến giờ thì chưa có gì xảy ra. Nhà vẫn tắt đèn, nhưng ai biết được.”

“Tôi không muốn Callum chụp ảnh, Nghe chưa Mozon, lệnh đấy. Không cho họ chụp.”

“Tôi phải làm gì đây, giết họ à?”

“Anh bạn, hai gã đó cộng lại cả mấy trăm cân đấy. Quá nhiều thịt, nên không thể thu vén vào đâu mà không làm cho me xừ Cohn chú ý. Vả lại, còn có vấn đề đạo đức nữa. CIA không phải là kẻ thù của chúng ta, đó là nói về mặt kỹ thuật ấy.”

“Thế thì...?”

“Đuổi họ đi.”

“Bien, mon capitaine.”

Cohn cố dẫn mình lại và y đã nỗ lực bằng tất cả can đảm. Tình dục là một cách tốt nhất để loại bỏ cái thôi thúc sáng tạo, và y thì đã

làm tình hết sức mình. Nhưng bây giờ khi Meeva ngủ say, sự thôi thúc trở lại, dâng lên trong đầu y không thể dẫn được.

Cohn ngồi dậy và thắp ngọn đèn dầu. Thiêu thân lao vào quanh ngọn lửa, cái mà chúng tưởng lầm là một nền văn minh. Cohn đứng yên, cố chống lại cái bản ngã đích thực của mình, rồi y thối tắt ngọn đèn, bước ra ngoài, nhìn vào đêm đen. Không một bóng người. Không có gì ngoại trừ ánh sáng bạc. Hòn đảo Moorea cong mình lên trời sao. Đại dương lấp lánh hàng tỉ vi sinh vật. Đám mây tím thẫm chứa đầy những ánh chớp lạng lẽ. Cơn mưa rào vẫn nhỏ xuống thận trọng ngoài bờ biển xa, như thể gìn giữ ngọn lửa của mình ở một khoảng cách an toàn khỏi cái bàn tay Prométhée của con người đang đứng trên bờ đại dương.

Cohn nhặt một que gỗ và quì gối xuống trên bãi cát.

Rồi thì...

Đêm yên tĩnh và tin cậy. Thiên nhiên như ngừng hơi thở. Chỉ một tiếng thì thầm trên bờ đá san hô, một con dã tràng vụt đi.

Người mang thánh giá bạc đứng yên trong bóng đêm, giương chiếc máy ảnh Bordas có gắn tia hồng ngoại với ống viễn kính lên. Dưới kia, nơi chân đụn cát, Cohn, trần truồng, đang quì gối viết lên cát. Cả hai người, Callum và lão Trung Hoa đều trở mắt nhìn. Rồi mây đột ngột vén ra khỏi mặt trăng và cả toàn bộ bãi biển tỏa màu xanh nhạt lấp lánh.

Người đeo thánh giá chửi thề khe khẽ. “Chẳng có nghĩa mẹ gì cả.”

“Thì tôi đã bảo ông rồi. Tối nào hăn cũng làm vậy. Thức dậy lúc nửa đêm rồi vẽ trên cát. Sau đó nốc rượu đến say sưa. Tất cả điều đó có nghĩa là gì vậy?”

Hình vẽ trên cát trông giống như những nốt nhạc.

Callum lại chửi thề. Được rồi, cứ để cho Washington lo ngại.

Gã giương ca-mê-ra lên.

Viên đạn đầu tiên tức khắc bắn trúng chiếc máy ảnh.

Hầu như không hề nghe tiếng nổ, chỉ một tiếng bụp rất khẽ của ống hãm thanh. Rồi hai viên nữa và cái thiết bị gián điệp giá đến mười ngàn đô la nằm vỡ vụn trên cát.

Callum nghe một tiếng rên thảng thốt và thấy lão người Hoa chạy lại núp cạnh chiếc xe. Đồ ngốc. Callum và lão đều mặc áo trắng và quá to béo nên một tay chuyên nghiệp chẳng thể nào bắn trượt được. Đây chẳng qua chỉ là một lời cảnh cáo thân hữu của người Pháp. Người Mỹ, cút đi. Đi mà lo những chuyện chó chết của các ông. Monsieur Cohn là của chúng tôi.

“Đứng dậy đi.”

“Họ giết chúng ta mất.”

“Người Pháp không giết đồng minh đâu, họ chỉ xua chúng ta xa khỏi họ thôi. Đi. Mai rồi trở lại lấy xe cũng được.”

...

Họ đi bộ qua đụn cát ra đến đường làng. Callum rút mùi soa chùi mồ hôi trên trán. Gã không sợ hãi. Gã chỉ sống qua một cơn ác mộng thôi. Toàn bộ chuyện này giờ thành điên rồi. Cả SDEC của Pháp và CIA của Mỹ đều quan tâm một cách cao độ đến một tên nhạc sĩ rồ hăng đêm thức dậy viết những nốt nhạc trên cát nơi một bãi biển quạnh hiu ở Tahiti!

“Y vẽ cái gì vậy?”, lão người Hoa lại tiếp tục hỏi.

“Tại sao ta...”

“Im đi. Hắn là một nhạc sĩ. Viết nhạc chứ gì nữa. Cơ quan CIA quan tâm sâu sắc đến âm nhạc. Đa số không hiểu, chứ thật ra CIA là một viện văn hóa lớn. Họ quan tâm đến một nhạc sĩ để có một bài nhạc hay cũng là chuyện thường thôi.”

Thủy triều rút lui, để lại những ghềnh đá san hô nhẵn bóng bắt đầu rợn lên vì những chú dã tràng khi phóng vụt đi khi đứng bất động

vì sợ hãi như gợi nhớ đến những nỗi nhọc nhằn không tên của buổi Sáng Tạo - Trên bầu trời, vệt trắng ngần của dải Ngân Hà giống như vết hằn của niềm thống khổ nguyên sơ. Rồi khi đại dương bắt đầu đầy ắp lên bởi những làn sóng thủy triều trở lại, khi những ngôi sao nhạt dần, Cohn ném que gỗ đi. Đại dương bò chậm chậm trên cát, run rẩy như sợ phải làm hủy hoại hàng chữ kia, nhưng Cohn đã phụ với sóng biển, dùng chân xoa xoa cát, và thế là khi ngày rạng, không còn một dấu vết gì của bản nhạc của y còn trên bãi biển.

Y nằm xuống, mắt nhắm lại, mỉm cười.

Cơn mưa rào vẫn còn run rẩy đằng xa kia, rồi tiếng rầm rập đó của trời dịu đi, biến thành một tiếng thì thầm mà kẻ mộng mơ này nhận ra giọng nói thanh xuân của buổi khởi đầu thế giới, tưởng như thể chưa hề có gì mất đi và mọi cơ hội vẫn còn rộng mở.

Tôi tìm kiếm khuôn mặt nguyên sơ

Trước khi thế giới hình thành.

9

Y thức dậy do bị đá một cú vào bên sườn và chỉ kịp liếc nhìn quanh để biết chắc không vết tích gì của y để lại trên cát trước khi bị hai gã sen đầm tóm cổ ném vào chiếc xe jeep. Dấu hiệu tốt: chừng nào họ còn đối xử với y như với một tên vô loại, y còn an toàn. Cái ngày mà họ xem y như một Beethoven, ngày ấy y tiêu đời.

Y bị giải về đồn cảnh sát, bị buộc tội ăn trộm và lòi đến bàn của cảnh sát trưởng.

Với bộ tóc xám rể giữa, cặp môi thâm dày, Ryckmans, lỗ mũi ngắn ngắn không hình thù ngự trị giữa khuôn mặt bù bực dần dần. Trưởng thanh tra cảnh sát Ryckmans rõ ra là một thằng ngốc siêu hạng - mắt thì chớp chớp ngu độ. Cohn xem anh chàng này là truyền nhân xứng đáng của gã sen đầm Charpillet bất tử, kẻ đã làm cái báo cáo lịch sử chống lại Gauguin chỉ vì họa sĩ này đi quanh đảo “trên một chiếc xe thả đèn.” Và đó chính là chiếc xe ngựa duy nhất trên đảo Marquesas. Nói thật ra Cohn cũng chẳng để bụng chuyện đó. Vào thời ấy Gauguin là họa sĩ duy nhất trên đảo còn Chapillet thì là gã cóm duy nhất. Họ không thể không đụng nhau được.

Mười năm làm cảnh sát ở cái nơi trước đây là thuộc địa, Ryckmans đã chứng kiến nhiều cuộc đổi đời, lên voi xuống chó trong suốt cuộc đấu tranh giành độc lập của người Phi, khiến cho gã có thói quen nhìn tất cả các tên tội phạm như là những lãnh tụ chính trị trong tương lai. Chẳng hạn cái tên trộm người Công-gô trước đây từng bị gã nhốt tù cả một năm mà không cần xét xử thì giờ đây được chính Đại tướng De Gaulle đón tiếp tại phủ Tổng Thống, và cả Paris vẫy cờ đón

chào y. Còn cái cậu mà gã “mạc kê” số một ở Brazaville thì giờ là Bộ trưởng bộ Y tế, còn cái tên thuộc bọn “giặt dục” - như lúc ấy người ta gọi chúng thế - mà gã đã tổng 1 cú bay mất 3 răng cửa trong một chuyến đi tuần, thì 3 tuần sau trở thành bộ trưởng nội vụ. Những biến đổi bi thảm của định mệnh ấy như một đòn nện vào số phận của Ryckmans, khiến cho gã trở thành một trong những anh cớm bối rối, nhát gan, ù lì nhất thế giới. Việc gã thiếu khả năng đánh hơi ra ai sẽ là khuôn mặt lãnh đạo chính trị tương lai trong đám cô hồn Phi Châu tác hại nặng nề lên bước đường hoạn lộ của gã. Cho nên đến giờ gã chỉ là một cảnh sát cấp thấp ở Papeete - Gã tự xem sự thất bại của mình như là cái giá mà một anh cớm tốt phải trả cho một lịch sử xấu và lòng gã chìm ngập một nỗi hoài niệm buồn bã. Cái vẻ rụt rè bên lề với điệu bộ thường xuyên của gã chẳng qua chỉ là để che giấu cho một tâm trạng bối rối cùng cực, và gã thường len lén bắt tay thân thiết với đám ăn cắp gà ăn cắp vịt ở Papeete, sau khi buộc lòng phải giam chúng lại, lòng tự nhủ rằng mình đang tiếp xúc với những vị tổng thống tương lai của nền cộng hòa độc lập hải ngoại này.

Chặng này, nỗi sợ hãi khủng khiếp luôn ám ảnh cái tâm trí vốn đã bệnh hoạn của gã: Gã cứ tưởng mình đang ngồi trong văn phòng, thoải mái bình yên thì bỗng có một cú điện thoại gọi đến bảo gã phải hành hình một ông Jesus nào đó. Cái ý tưởng ghê rợn đó khiến gã cứ chột thức giấc nửa đêm và vợ gã phải van nài chồng hãy nghĩ đến một chuyện khác, bởi họ đã có quá nhiều điều để lo nghĩ rồi nhưng Rickmans thì cứ khẳng khẳng về chuyện ấy.

“Mình thử nghĩ mà xem, tôi đang ngồi ở Papeete thì điện thoại reo, ông thống đốc xứ Polynesie này ra lệnh: anh phải bắt một người như vậy như vậy và phải hành hình y tức khắc. Lệnh từ Paris đấy. Thế mình bảo tôi phải làm gì nào? Mình thấy đó, tôi chẳng được ai bảo đảm là cái anh chàng phải bị treo cổ ấy có trở thành Jesus hay không, y như ở Congo người ta đâu có nghĩ rằng Lumumba sẽ trở thành Lumumba. Đấy, họ bảo tôi phải làm thế này thế nọ, phải treo cổ y ta

lên, đại loại như vậy. Chúa ơi, tôi phải làm gì đây. Mình thử đặt vào địa vị tôi xem?”

“Bernard, thật tình không có chuyện như vậy xảy ra ở Tahiti này đâu. Có ai từng thấy Jesus ở Vườn Địa Đàng đâu mà lo? Mà thôi đi, cứ cho là điều tệ hại nhất xảy ra đi, cứ tưởng tượng đột nhiên ông Jesus xuất hiện ở đây đi, thế thì mình làm gì được nào. Mình cứ lo chuyện không đâu làm ốm người đi.”

“Thì chuyện đó cứ xảy ra suốt thời gian tôi thi hành công vụ đấy chứ. Mình còn nhớ Guganda ở Nyome không? Họ bảo tôi phải cho thằng nhọ ấy một trận cho bọn chúng tổn ra. Được, tôi thi hành. Rồi điều gì xảy ra? Sáu tháng sau, y trở thành Tân thủ tướng. Mình thấy không? Còn bây giờ họ bảo tôi, một viên sĩ quan cảnh sát, có một người như vậy như vậy tên là Jesus, một kẻ gây rối, phải cho hắn một bài học, chúng ta không muốn nghe hắn lên tiếng nữa v.v... Thế thì tôi phải làm sao nào? Vâng lời hay không vâng lời?”

“Mình nghe tôi đi, Bernard, trước khi mình thấy Jesus ở Tahiti...”

“Mình không có thể chắc điều gì được đâu. Ông ấy có thể đến bất cứ nơi nào, dưới bất cứ tên gì, tại nơi mà ta ít nghĩ nhất - yếu tố bất ngờ mà...”

“Bernard, mình còn có chán điều để lo nghĩ hơn là việc lo trời sắp đổ. Bọn nhỏ nhà mình phải đi Pháp để học rồi đấy...”

“Ở Congo tôi tóm thằng Kamoto và cho nó đi tù, sau đó hắn trở thành Giám đốc cảnh sát. Ở Algerie tôi bố trí bắt thằng Godard, một thủ lĩnh OAS, hắn chẳng thành cái quái gì hết. Làm thế nào mà ta biết được? Tôi chỉ là một anh cảnh sát. Giả dụ họ bảo tôi “Này Ryckmans, chúng ta có một tên phá hoại ở đây, một gã tên là Jesus...”

“Coi kìa Bernard!”

“Thì mình hãy nghĩ đến Gauguin xem. Hắn ta là một gã vô chính phủ, kẻ thù khốn kiếp của Luật pháp và Trật tự, một gã dâm dục bị vi trùng giang mai ăn hết cả người. Thế mà bây giờ, con cái chúng ta học

ở đâu? Học ở trường trung học Paul Gauguin đấy! Thật không công bằng chút nào cả!”

“Mình có ngủ không thì bảo? Ba giờ sáng rồi đấy!”

“Tôi có đến gặp giám mục Tatin để thảo luận những điều tôi vừa nói thì cái ông giám mục ấy bảo “Điều ấy không thể xảy ra đâu! Hừm!”

“Bernard, nếu ông Jesus có trở lại thì ông cũng không đến Tahiti đâu. Người ta không đến Tahiti vì những chuyện như vậy đâu.”

“Mình còn nhớ Jamila không, ở Algérie ấy mà? Con bé chết khi bị thẩm vấn. Cái vỏ chai làm xấu quá, bị bể. Nó chảy máu đến chết. Rồi bây giờ Jamila trở thành nữ thánh ở Algérie. Thanh tra Bigreux bị đá ra khỏi sở cảnh sát...”

“Tôi thề với mình rằng mình sẽ không gặp chuyện gì tương tự với Jesus Christ đâu. Đừng mất ngủ vì chuyện tào lao ấy. Chẳng đáng đâu.”

“Mình biết không, chủ nhật vừa rồi cha Safran đã tổng cổ tôi ra khỏi nhà thờ đấy?”

“Thì mình hãy tự đặt vào địa vị cha Safran mà xem: Đi đến nhà thờ để cầu nguyện đức Kytô đừng trở lại trần thế! ai mà chịu được!”

Thế là khi gã thấy cái tên phá rối dễ ghét nhất trên đời đứng trước mặt gã, đang gãi dái sồn sột, gã dùng hết tất cả sự khôn ngoan của mình để toét miệng ra cười, một nụ cười quét qua hết khuôn mặt, chỉ chừa có lỗ mũi, nụ cười của một kẻ tỏ ra hiểu biết và rộng lượng. Nếu trên đời này có một kẻ mà lão ghét, thì đó chính là Cohn. Cũng vì Rickmans đã từng là một tên cớm nạn nhân của sự quay ngoắt của lịch sử nên lão không hề muốn cho hậu thế nhìn lão như là: “Một tên thô bạo luôn luôn tìm mọi cách để làm tổn thương người nghệ sĩ thiên tài bất hạnh, người đã từng phủ lên Tahiti một cái đẹp mỹ học còn vĩnh cửu hơn cả cái đẹp của những đầm nước xanh trong vắt của xứ này.” Chỉ mới hôm qua thôi, lão còn đọc một bài viết về Gauguin, đầy những lời thóa mạ nhắm vào tiền thân của gã 65 năm trước, người

công bộc bất hạnh của Luật pháp và Trật tự, tức gã sen đầm Charpillat. Ryckmans có sáu đứa con, và cái ý tưởng rằng một ngày mai kia con cháu gã sẽ đọc những điều ghê khiếp như thế về ông cha mình làm gã nổi gai ốc khắp người. Còn cái tên Gauguin tân thời thì nay đang đứng mặt, hần học nhìn người sĩ quan cảnh sát. Ryckmans bèn toét miệng cười và gã cảm thấy đau nhói ở bao tử vì cái cố gắng phản tự nhiên của mình.

“A, chào Mousieur Cohn. Ngồi xuống đi. Làm một điều gì xà nhé?”

Ryckmans cố nhìn Cohn bằng cặp mắt của một người cha nhân từ và độ lượng. Nỗ lực này làm biến dạng, méo mó hẳn cái hình hài của gã cảnh sát đến nỗi Cohn thấy muốn chồm tới sửa người gã lại cho ngay ngắn. Điều làm y không tha thứ cho gã được là nơi bức tường sau bàn giấy, có 3 bản tranh Gauguin, trong đó có bức Rerioa.

Ryckmans nhẹ nhàng: “Chúng mình nói chuyện thẳng thắn với nhau nhé.”

“Thì nói cha ra đi.”

Ngày 27 tháng Năm, sáu mươi lăm năm trước đây, người tiền bối của Ryckmans là thượng sĩ sen đầm Jean-Pierre Claverie, đã đánh một đòn tối hậu lên con người bệnh tật và suy sụp sống trong Ngôi nhà Hoan lạc. Tự tay Claverie kết án Gauguin 3 tháng tù ở và phạt 50 franc về tội viết thư nhục mạ y ta là nhân viên công lực đang thi hành nhiệm vụ. Và tính chất không thể tha thứ của toàn bộ cái vụ việc đáng xấu hổ này là việc nhà cầm quyền đã yêu cầu Clavierie, bên nguyên đơn, đứng ra làm người buộc tội.

“Ông Cohn này, đến lúc chúng ta nên hòa hoãn với nhau.”

“Anh thừa biết rằng các quan tòa của cái tòa án khốn kiếp của các anh đứng ra không có quyền chỉ định người buộc tội. Khi trao cho tên Claverie, tiền thân của anh 65 năm về trước, làm công việc đó, thì rõ ràng là phát xít chứ không gì khác hơn cả. Tôi bảo cho anh biết, tôi có bạn lớn ở Paris. Còn người đại diện bán tranh cho tôi, Vollard và De

Monfreid hiện đang gặp Malraux, bộ trưởng văn hóa, về vấn đề này nếu cần chúng tôi sẽ gặp thẳng De Gaulle. Tôi đòi hỏi phải được phục hồi danh dự và xin lỗi hân hoan.”

Cố Ryckmans co giắt liên tục. Vị bác sĩ khám cho gã bảo rằng gã bị rối loạn thần kinh, kết quả của những cơn suy sụp tinh thần và chấn động tâm lý mà gã chịu đựng trong thời gian công tác ở Phi Châu.

“Thì tôi đang cố can thiệp cho ông khỏi bị trục xuất. Chong Fat gửi đơn thưa ông về tội ăn trộm tiền của lão đấy.”

“Bọn da vàng nói láo. Chúng làm mọi chuyện để chúng ta mất uy tín đấy mà.”

“Tôi còn nhận một báo cáo nói rằng ông lại gọi những trò cũ ra với những du khách trên tàu Columbus. Tôi nhắc ông rằng nếu ông còn đứng chụp các bức ảnh khiêu dâm ấy một lần nữa thì...”

“Tôi không hề đứng cho họ chụp. Máy thẳng khốn đó chụp lên tôi đấy. Lúc đó tôi đang lội dưới nước thì thẳng khốn Puccioni với đám du khách rón rén lại gần. Tôi quay lưng và mắt thì nhắm. Cả hai chúng tôi đều quay lưng. Anh biết tư thế đó không?”

“Rồi ông bắt họ phải trả tiền nữa.”

“Cái đó là nguyên tắc. Họ đâu có quyền chụp ảnh tôi trong cái lúc hệ trọng như vậy trong đời mà không có sự đồng ý của tôi được. Đáng lý họ phải xin phép tôi mới được chứ.”

Thật ra chẳng có một lời nào là sự thật trong cái việc Cohn bày trò con heo cho người ta chụp ảnh cả. Đây là một đòn vu cáo của đối thủ của y, Verdouillet. Nhưng Cohn không hề có ý định chối chuyện đó. Bởi chuyện này có lợi cho “danh tiếng” của y. Đó chính là nhát cọ thần kỳ của Gauguin làm hoàn hảo thêm cái nhân cách giả dạng của Cohn. Điều duy nhất khiến y lo ngại là giọng nói. Y có thể thay đổi mặt mũi và dấu tay, nhưng chẳng thể làm gì nhiều với thanh quản được.

Y đập tay xuống bàn Ryckmans.

“Với lại tôi cần nhắc cho anh biết rằng những bức vẽ khiêu dâm Gauguin phác họa trên giường bệnh, vốn làm các ngài giáo sĩ khiếp hãi đó, hiện giờ đang trưng ở Louvre đấy. Năm 1952 người ta đã trả hàng triệu để mua mấy bức đó đấy. Một trong những bức thư cuối cùng của Gauguin trước khi chết chỉ có viết: “Tôi ngã quỵ xuống đất, bại trận...”, thế mà năm 1959 bức thư đó bán được sáu trăm ngàn franc ở Paris đấy. Anh muốn nhốt tù tôi thì cứ nhốt, nhưng hậu thế sẽ đời đời nguyên rủa anh đấy...”

Ryckmans lặng thinh. Hắn đã học được đôi điều với lịch sử. Picasso, người vẽ các bức tranh ghê khiếp ấy, được xem là thiên tài nghệ thuật lớn lao nhất của thời đại chúng ta. De Gaulle thì trước đây bị kết án tử hình vì tội đào ngũ, giờ thì ông ấy là cả một tượng đài. Nehru trải qua 15 năm trong tù, để rồi sau đó trở thành một huyền thoại. Lumumba, bị buộc tội ăn trộm, trở thành một nhà tiên tri, một vị thánh. Còn Jesus, kẻ thù của thiết chế, đã trở thành cột trụ chống đỡ cho một thiết chế khác. Gauguin, người đã gieo rắc bệnh giang mai cho hàng trăm cô gái bản xứ, giờ đây tên được đặt cho trường trung học, viện bảo tàng, đại lộ mang tên Gauguin. Còn các thầy chú sen đầm Charpillat và Claverie thì trở thành những con quái vật trước mắt hậu thế. Thế giới trở mình quá mau khiến cho mọi thứ đều chống đỡ lên trời và các anh cớm tinh nhanh nhất khi chạm mặt với lịch sử cũng không thể nào biết được kẻ mà mình đang nện nhừ tử là một thằng đầu trộm đuôi cướp hay là một ông thánh tương lai nữa. Mồ hôi lạnh chảy đầy trán Ryckmans, y nhồm dậy khỏi ghế, đi vòng quanh bàn, đưa bàn tay thân thiện vỗ vỗ lên vai Cohn.

“Thôi được, tôi sẽ thu xếp để lão Chong mập rút đơn kiện. Chừng nào tôi còn ở đây, mọi nghệ sĩ ở Tahiti này, đặc biệt là ông, ông Cohn, có thể tin vào sự ủng hộ của tôi. Tuy rằng tôi không hiểu lắm các tác phẩm của ông... nói về nghệ thuật thì “gu” của tôi hơi bảo thủ: Gauguin, Van Gogh... ừ, đại để là cổ điển một tí, thì tôi mới thích...”

Hắn đưa Cohn ra tận cửa và bắt tay thân thiết: “Cố đi, cố duy trì cái tinh thần sáng tạo đó, anh bạn trẻ. Làm việc, làm việc ngày đêm, đó chính là điều cốt yếu. Nhớ là Gauguin vĩ đại của chúng ta tự tiêu hủy mình bằng cách đeo - ơ, tôi muốn nói bằng cách làm việc không nghỉ.”

Ra ngoài, Cohn thấy ngay Meeva ngồi ở vệ đường dưới một thân cây bông đỏ ối, mặc một chiếc áo mới cũng in hoa đỏ trên nền trắng.

“Cô làm gì ở đây vậy?”

“Mấy thầy chú bảo em là anh bị nhốt. Em quyết định ngồi chờ.”

“Em phải biết đúng ra là phải chờ khá lâu đấy.”

“Ồ Cohn, em muốn chờ anh mãi mãi, bất cứ đâu, suốt đời em, ngay cả anh bị tù đến vài tuần đi chẳng nữa.”

Họ thung thăng đi trên con đường đầy bụi, tay nắm tay. Từ trên cao của Papeete, trên triền dãy Orohena, đám lá xanh khổng lồ như bùng vỡ thành muôn ngàn đợt pháo bông và trên cao nữa, ngọn núi như trần truồng với màu đỏ thắm chen lẫn đen và xám của tro núi lửa còn sót lại từ ngày xưa. Bông Tiare trắng xóa quần quanh khắp thân cây như vốn chúng là rắn đã được các vị thần chân chính hóa phép thành hoa, như là một phần thưởng dành cho chúng vì chúng đã thành công trong việc khuyến khích đôi trai gái đầu tiên của thế giới nếm vị ngọt của trái cây hoan lạc. Đó là lý do tại sao không hề có rắn ở Tahiti, chỉ có hoa.

“Cohn, đừng nghịch mộng em ở ngoài đường thế. E mea haama. Em mắc cỡ.”

Cohn rút tay lại, cảm thấy buồn vì mất mát.

“Đi. Tôi dẫn cô đến tiệm lão Chang ăn trưa.”

...

Vị Thống Đốc vùng Châu Đại dương thuộc Pháp gạt bức điện sang một bên, đưa khuôn mặt mệt mỏi nhìn Caillebasse.

“Bên nhà họ điên rồi”, ông nói, giọng run vì bức tức. “Chắc có nhầm lẫn gì đây. Cái gã này thì cảnh sát của ta ở đây biết chán đây. Tôi không tin. Chấm hết.”

“Đã từng có trường hợp những người quan trọng đến trú ẩn nơi Châu đại dương này, Monsieur Le Gouverneur. Ngài biết đó, đây là một truyền thống có từ lâu.”

“Thế nhưng họ nói bảo đảm an toàn cá nhân nghĩa là gì, anh bảo cho tôi biết đi.”

“Điện nói rằng chúng ta sẽ nhận chỉ thị chính xác sau. Theo chỗ tôi đoán thì người này đang bị nguy hiểm.”

Im lặng. Bốn năm làm việc tại nơi này, đây là lần đầu tiên ông nhận điện ký tên “Tổng Thống nước Cộng Hòa.” Cứ như là chạm mắt với De Gaulle vậy.

“Thế ai đe dọa hấn ta? Tại sao? Đây là Tahiti chứ đâu phải Chicago?”

Caillebane cảm thấy ông Thống Đốc của mình hơi lạc hậu. Ông nhắc đến Chicago như thể hiện nay là năm 20, 30 vậy.

Vị Thống Đốc này thấp người, tóc bạc, vốn nổi tiếng vì quan niệm đạo đức nghiêm khắc và vì sự lang chạ của bà vợ, điều này giải thích điều kia.

“Lần cuối cùng xảy ra vụ giết người ở đây là khi nào nhỉ? Bảo đảm an toàn cá nhân? Hừ, tôi không dính gì đến chuyện này. Đưa qua cho bên SDEC. Đây là loại chuyện họ phải lo.”

“Người bên SDEC theo dõi chuyện này cả năm nay rồi, thưa ngài.”

Mặt viên Thống Đốc đỏ bừng: “Họ không cho tôi biết à?”

“Tôi cho là họ chưa chắc chắn lắm.”

Vị Thống Đốc này là một vị anh hùng tiếng tăm của thời đại chiến thứ II. Nhưng anh hùng gì thì cũng bị quên lãng theo thời gian.

Sang năm ông sẽ về hưu, và hiện nay ông chỉ là một ông già ngờ vực và bần tính.

“Thế thì tại sao đến giờ họ mới cho tôi biết. Khoan đừng trả lời, để tôi đoán. Người này là tối quan trọng. Thật ra thì tôi vẫn chưa tin chính là anh ta - và người này đang bị nguy hiểm. Anh ta có thể bị giết. Vì thế bên SDEC muốn đổ trách nhiệm lên vai tôi. Đúng không?”

“Đúng.”

...

Chiếc máy bay Hồng Kông lượn trên bầu trời Tahiti. Ba kẻ đến đây để giết Mathieu đưa mắt nhìn xuống hòn đảo xanh biếc với cặp mắt thù hằn của kẻ chuyên nghiệp, những kẻ không bao giờ biết chắc rồi mình sẽ bị chôn ở nơi nào.

...

Người đàn ông mặc đồ trắng vẫn ngồi trên chiếc găng máy phía bên kia đường, quan sát Cohn và cô gái đi vào quán ăn. Hẳn khôn ngoan không đi vào theo. Sau một năm theo dõi quan sát kỹ, hẳn đâm kính nể cặp mắt sắc bén và cái mũi đánh hơi nguy hiểm rất nhanh của “Mr Cohn.” Trò chơi này không thể kéo dài lâu hơn nữa. Paris thì vẫn do dự, nhưng CIA thì khá nóng lòng, và nóng lòng là đúng. Cũng khó mà nghĩ rằng người Tàu và người Nga không hề quan tâm gì đến chuyện này. Chong Fat là nhân viên đưa tin giỏi nhất của Pháp ở xứ này nhưng việc lão ta khẳng định nhiều lần rằng thành phần “mao ít” trong số sáu ngàn người Hoa ở đây là không đáng kể lại là một vấn đề khác. Thật khó tin rằng Bắc Kinh lại không biết đến sự hiện diện của kẻ vốn là mối đe dọa thường trực cho nền an ninh của họ mà mật danh của người này thường xuyên được nhắc đi nhắc lại trong những bức điện bí mật giữa Paris và Papeete là “Elyséeus”, mật danh này hàm ý nói rằng bản thân T.Thống De Gaulle lưu tâm đến chuyện này.

...

Thấy 2 cô cậu này bước vào quán là lão Chong Mập lên cơn động kinh. Cái gã Cohn phiền toái này, cứ làm như rằng lão có bốn phận phải dọn cho y và ả đười đơi món ăn truyền thống của Tàu chắc? Mặt lão chảy dài và méo mó đi vì giận dữ làm Cohn có cảm tưởng như sắp ăn phải một đĩa cơm nếp nhão với thịt thiu vậy.

“Sao có gì mà nhăn nhó thế ông bạn già? Chúng mình vẫn là bạn với nhau mà?”

“Xéo ông đi Cohn! Ngày nọ ông đã phá hộc tiền của tôi để cướp đi 30 ngàn franc. Tôi sẽ bỏ tù ông đó. Tôi cấm ông không được bước chân vào cái cơ sở làm ăn đảng hoàng này một giây nào nữa.”

Cohn nhắm nghiền mắt. Các nền văn hóa của thế giới thâm nhập vào xứ Tahiti này thì cũng tốt thôi. Nhưng phải nghe cái giọng Corse chình chịch thốt ra từ một gã da vàng thì thật quá sức chịu đựng.

“Chong ạ, chính lão phải đi tù mới đúng. Tổ tiên lão đã cướp hơn 30 ngàn franc nhiều bằng cách lấy tranh của bậc thiên tài mà lão lấy đặt tên cho cơ ngơi của lão đấy: Quán Paul Gauguin, thức ăn Quảng Đông chính hiệu mà!”

“Ôi chúa ơi!” Lão găm lên, hùng hổ theo phong cách dân Marseille. “Cha tôi nuôi ăn ông Gauguin miễn phí hàng tháng. Điều đó sách vở ghi rõ cả.”

“Cha lão là một gã lái buôn ti tiện chiếm đoạt các họa phẩm vô giá của Gauguin bằng cách đổi từng cân thịt.”

Mặt gã chủ quán tím thẫm, còn những nét vàng sót lại trên mặt thì biến thành da cam. Cohn nghiêng đầu ngẫm tác phẩm của mình.

Meeva bảo “Anh để lão yên, lão còn có con cái nữa đấy.”

“Tôi biết mà, hồi này là tôi nhịn lắm rồi đấy.”

Lão Chong quay đi và khuất vào văn phòng.

“Coi chừng lão giết anh đấy. Nói chạm đến cha của lão là như anh chạm đến đại tướng De Gaulle đó. Thôi mình ra khỏi đây đi.”

Nhưng Chong Mập đã trở ra, đưa cuốn Cuộc đời Gauguin của Perruchot trước mũi Cohn.

“Nếu như ông tìm thấy một lời nào nói xấu cha tôi trong này, tôi sẽ đãi anh ăn miễn phí suốt một tháng đấy.”

Đúng thế thật, và đó là lý do tại sao lão giám đốc du lịch Biziers có một tấm ảnh chụp quán ăn lão Chong trong tập an-bum du lịch của lão, với dòng phụ đề “Hãy thử những thức ăn TH chính cống mà Paul Gauguin đã ăn ở quán ăn ông ta ưa thích nhất này.” Món ăn thì toàn tên Gauguin: vịt tiềm P.Gauguin, bò nướng P-G, xà lách P-Gauguin... Còn có cả một món cháo do chính họa sĩ chỉ cách làm cho người bạn thân của mình, tức chủ nhân đời trước của tiệm này, tức cha của Chong Fat hiện nay. Trên dòng chữ ghi món cháo đặc biệt này còn in cả bức chân dung tự họa với vòng hào quang quanh đầu. Cohn trước đây vẫn nghĩ Gauguin rất xứng đáng với hào quang này.

Đúng lúc đó Cohn nghe thấy từ phòng ăn vọng ra một bài nhạc đậm dặt do ban nhạc sống chơi. Vì một lý do nào đó không rõ, cái ý tưởng những ca sĩ Trung Hoa ở Tahiti hát một bài nhạc Pháp cho du khách Bắc Âu và Mỹ nghe trong một quán ăn chính hiệu Quảng Đông mang tên Paul Gauguin làm cho Cohn phát khùng. Y thét lên như sấm: “Lão thật là phá hoại cái nền văn hóa Pháp. Lão muốn mọi thứ thành da vàng hết chứ gì. Nếu lão mà làm giám đốc bảo tàng chắc chẳng còn một kiệt tác nào của người da trắng nữa. Lão dám cho vẽ Mona Lisa mắt một mí lằm. Còn các nhân vật của Vermeer thì bận áo thầy chùa, ngồi đánh mạt chược chứ gì? Lão dám vẽ luôn bức De Gaulle mặc áo tàu ngồi ăn dừa chắc? Chẳng còn gì thiêng liêng gì dưới mắt lão nữa!”

Khuôn mặt vàng khè của Chong Mập co giật liên hồi. “Tôi cấm ông không được nhục mạ tôi! Tôi là một “gô-lít” chân chính.”

“Ừ, điều đó thì tôi chẳng ngạc nhiên chút nào..”

“Tôi còn là một viên chức của chính phủ Pháp.”

“Cấm lão không được sờ vào rượu Pháp đấy” - Cohn gào lớn.

“Tôi còn kết hôn với một người phụ nữ Pháp...”

“Đẩy đẩy! Lão còn ngoạm lấy phụ nữ và con gái của chúng tôi nữa...”

“Ông Gauguin, tôi cấm ông đến đây và làm trò ở nơi cơ sở cao quý này của tôi.” Lão Chong cũng gầm trở lại. “Nếu ông cứ làm trò này mãi tôi sẽ đưa ông ra tòa.”

Cohn lấy lại hơi thở, thật tuyệt vời. Y thường thức cái giây phút hiểm hoi của sự hoàn thiện. Giờ đây, y biết rằng với tư cách là một nghệ sĩ, y đã đạt đến sự chín muồi và hoàn toàn điều khiển được tài năng của mình. Việc y tự tai nghe lão người Hoa ấy gọi mình là Gauguin là một thành quả làm y cực kỳ xúc động. Y hầu như có thể nghe thấy tiếng cười khoái trá của tổ tiên tinh thần của y, Paul Gauguin, kẻ đã gục ngã, đã bị đánh bại ở Tahiti hơn nửa thế kỷ trước đây. Y nghe tiếng cười rõ đến nỗi như át cả tiếng ban tốp ca người Hoa đang nheo nhéo “alouette, gentille alouette” cho du khách nghe.

Cohn đưa tay quệt nước mắt. Chiến thắng của y toàn diện, rực rỡ quá, nên chẳng cần phải ở lại nơi này làm gì. Y kéo tay Meeva.

“Đi” y nói nhỏ, giọng run run vì xúc động, “Chúng mình không nên ghét cái lão Tàu phản phúc này, việc của lão là như vậy mà. Nhưng Chong Mập ạ tôi cảnh cáo lão, tôi sẽ trưng tài liệu cho du khách biết, ngay trước quán lão, rằng tôi chưa hề ăn ở quán này và rằng cha lão đã xiết chiếc giường của tôi để trừ có 50 franc nợ. Tôi sẽ viết điều này vào cuốn tự truyện. Tôi có đủ giấy tờ chứng minh, tôi sẽ đưa cho Bergt Danielsson, người đang viết một cuốn sách về tôi đấy. Thôi chào lão hút máu.”

Căn điệu xì gà, đầu ngẩng cao dưới chiếc mũ thủy thủ, Cohn vênh váo rút lui. Họ ghé quán Wimpy để ăn trưa thì thấy Bizien đang cầu nhàu gì đó với Jesus Christ đang ngồi với ly bia trước mặt. Vị giám đốc du lịch đang cúi. Theo đề nghị của Cohn, ông ta đã mượn Le Goff đóng vai Jesus trong hoạt cảnh “khổ nạn”, và sáng nay, với vòng gai trên đầu, Le Goff kéo lê cây thập tự làm bằng bìa các tông đi khắp nơi, trình diễn nhiều tư thế trước ống kính. Từ 9 đến 10 giờ thì

giữa ngư dân, từ 10 đến 11 ở giữa chợ rồi đến trưa thì Jesus có mặt nơi các xóm nghèo, nhằm cho người ngoại quốc thấy rằng nước Pháp có quan tâm đến người lao động. Đến chiều thì gã được xe jeep đưa vào sâu trong đảo, và du khách có thể thấy cái bóng cao gầy của Đấng cứu thế đây đó dọc đường xe buýt, giữa đám rừng dừa. Vở “Khổ nạn” chỉ kéo dài ba ngày, nhưng Bizien muốn mỗi ngày phải diễn suốt 24/24.

Còn Adam và Eve thì đặt cố định ở ngọn đồi cao nhất của bán đảo, vở “Cái chết của thuyền trưởng Cook” thì diễn hai ngày một lần nơi mũi Venus. Thuyền trưởng Cook thật ra bị giết và ăn thịt ở Hawaii, dĩ nhiên rồi, nhưng vì bên Hawaii cũng đưa lên sân khấu những thần thoại của Tahiti, nên Bizien thấy không có lý do gì mà không diễn một số sản phẩm hấp dẫn nhất của Hawaii tại Tahiti này.

Tất cả những việc đó phải thực hiện một cách nghiêm túc, chân thật nhất, vì thế chẳng lạ gì Bizien nổi khùng lên khi bắt gặp Jesus ngồi trước một cốc bia tại quán Wimpy trong giờ làm việc, vòng gai hắt ngược ra sau như một cái mũ công nhân, còn cây thập giá thì quăng đại trên nền nhà. Bizien nhắc gã người ta không trả tiền để gã làm như vậy.

“Tôi sẽ thuê một cậu khác nếu tôi còn gặp anh ở đây một lần nữa, Le Goff. Anh diễn cái cảnh gì kỳ vậy? Nếu du khách thấy anh ngồi đây nhăm nháp bia, họ sẽ cho rằng chúng ta tuyên truyền chống đạo đấy. Anh thật không có tinh thần nghề nghiệp chút nào cả. Tôi đã bảo anh tôi cần tác phong trên hết. Anh mà làm ở Disneyland là họ xử bắn anh đấy. Nay vì chúa, hãy ném điếu thuốc đi.”

Le Goff quăng điếu Gauloise. Thấy rõ là hăn chẳng cần cái công việc này bao nhiêu.

“Thế nghĩa là ngay cả giải khát tôi cũng không được làm nữa hay sao. Ông nghe đây, tôi đã vác cái thập giá kia từ 9 giờ sáng đến giờ đây. Muốn gây cha cả lưng đây này.”

“Được rồi, uống thì cứ uống, nhưng phải vào cửa sau và uống trong nhà bếp ấy.”

“Sao? Sao lại bắt tôi phải làm vậy? Hay ông muốn nói rằng vì là Jesus Christ, Người chỉ được ăn uống trong nhà bếp?”

“Đây là vấn đề hiện thực, đồ ngốc. Trông anh chẳng ra dáng chút nào khi ngồi nhấm nháp bia với một cái vòng gai ở trên đầu. Phải có tác phong, phải có phẩm giá mới được.”

“Thì chỉ là một màn kịch thôi mà. Du khách cũng phải biết vậy chứ. Tôi chỉ đóng trò chứ có phải thật đâu.”

“Điều đó không có nghĩa là anh được phép kéo cây thập giá của mình vào quán ăn. Lẽ ra tôi phải mượn một người có tinh thần mộ đạo hơn mới phải thay vì mượn cái tên ngốc như anh. Ông Cohn, đó là do ông đề nghị đấy.”

Cohn nhún vai, “Thì tôi thấy Le Goff có nhân dáng thích hợp với vai trò này.”

“Ngoại hình thôi chưa đủ. Cần phải có một tí ti hiểu biết nghề nghiệp nữa. Hãy xem cái anh đóng Albert Schweitzer chữa bệnh cho người cùi bên Hawaii. Rất xúc động và rất thực. Tôi chẳng hề ngạc nhiên nếu cuối cùng anh ta chữa lành thật sự cho một ai đó.”

“Chắc đi rồi”, Le Goff lau bầu, “Bên đó họ trả cho anh ta 20 đô một ngày. Ông trả tôi chừng đó thì tôi cũng làm y như thật vậy.”

“Đủ rồi Le Goff, nhặt cây thập tự lên và đi ra khỏi đây.”

“Tôi còn phải gặp nàng Vahine của tôi trên sân thượng nữa.”

“Cái gì? Nếu tôi thấy đức Kitô của tôi với một ả Vahine, tôi sẽ cho anh biết tay, tôi sẽ cho trục xuất anh vì hạnh kiểm đồi bại đấy. Nửa giờ nữa có một đoàn 400 du khách người Mỹ đến đây đấy. Anh muốn cho họ trở về Mỹ làm ầm lên rằng nước Pháp chẳng hề biết tôn kính cái gì cả, rằng nước Pháp phá hoại đức tin của người bản xứ.”

“Được rồi, được rồi.” Le Goff đứng lên, nhấp thêm một ngụm bia, kéo vòng gai lại trên đầu rồi buồn rầu bước ra cửa, lê cây thập giá đằng sau.

Cohn đang ngồm ngoàm ăn một đĩa chả chiên 6 trứng, lắc đầu thương hại, “Thằng này a-ma-tơ quá. Không gì tệ cho bằng làm việc với những anh nghiệp dư.”

“Thế ông có muốn đảm nhận cái công việc này không?”

“Tôi không có khuôn mặt đúng, ơ, tôi muốn nói khuôn mặt sai để đóng vai này. Khuôn mặt tôi không có cái vẻ dịu dàng, nhỏ nhẹ, khuất phục ấy. Hãy nhìn những bức tượng, ảnh Kytô bày bán khắp nơi mà xem. Họ làm mất đi cái vẻ nam tính, phần nộ, cái vẻ đàn ông đích thực của ông ấy. Cái bọn “pê dê” của thời Phục Hưng ở Ý ấy, bọn chúng biến Người thành ra một anh lại cái. Đức Jesus đích thực có lẽ trông giống như cách người ta vẽ ngài trên những tranh tượng cổ đại ở Byzance kia, dầu sao thì những tác phẩm đó cũng ở thời gian gần với Người hơn. Còn cái bọn khốn ở Ý phục vụ cho nhà cầm quyền đương thời đã biến Người thành một Christ vâng vâng dạ dạ, một con cừu ngoan ngoãn, khuất phục không hề có một nét kiêu hãnh, nổi loạn nào cả. Tất nhiên, làm thế với mục đích là để truyền bá sự khuất phục, để làm nản lòng những kẻ phản kháng và bất mãn. Tuyên truyền mà. Bọn họa sĩ ấy được lệnh dựng nên một Kitô mềm như bún, một hình ảnh của sự nhượng bộ và cam chịu. Chó má. Tôi khẳng định đấng Christ đích thực chẳng bao giờ cúi đầu trước một ai. Ngài nhìn thẳng mọi người và biến bọn khốn nạn thành hơi nước bằng ngọn lửa trong mắt Ngài.”

Cohn dẫn mạnh bàn tay lông lá lên bàn.

“Thật tởm! Tất cả cái nghệ thuật Gô-tích và Phục hưng ấy, với cái đấng Christ nhần nhục cam phận, là báng bố, là phạm thượng! Phá hoại! Tôi bảo: Phải đốt hết đi!”

Cặp mắt nhỏ đen láy của Bizien nhìn chăm chăm khuôn mặt Cohn một cách tò mò: “Này, đừng xem đó là vấn đề cá nhân. Hay có lẽ Christ là một trong những người bạn của ông đấy?”

Cohn giận dữ cầm miếng bánh mì quét mạnh đĩa trứng chiên, như thể đang quét hàng mấy trăm năm nghệ thuật Gô-tích ra khỏi đáy đĩa

vậy. Rồi y ngồm ngoàm nuốt miếng bánh. Một vài mảnh nghệ thuật Phục Hưng dính vào râu và Meeva âu yếm phỉ cho y.

“Đừng chú ý anh ấy, ông Bizien ạ” ả nói “Đối với anh ấy, Jesus là một cái gì thiêng liêng. Anh ấy không được rộng lượng lắm trong những vấn đề như vậy.”

Cohn thở ra.

Trong vùng nước tĩnh lặng, chiếc thuyền Mooréa vạch một đường chân trời thứ hai, rõ nét hơn đường chân trời mờ nhạt phân đôi bầu trời và đại dương. Sáu mươi lăm năm trước ốc đảo Mobu Uta đã từng là nơi ẩn dật ưa thích nhất của vua Pomare V. Vị vua người Maori cuối cùng của quần đảo Polynésie này dùng thuyền độc mộc dạo chơi nơi này trong bộ đồng phục của Thống Đốc hải quân Pháp. Khi đi dạo, ông thường mang theo một chai rượu rum và một cuốn thánh kinh. Chả là ông đang dịch Thánh kinh ra tiếng Tahiti mà. Và thường khi, người ta phải phái một chiếc thuyền đi “lượm” ông về, khi đó đã say bí tỉ, một tay cầm chai rượu rỗng, tay kia, cuốn Thánh kinh.

Đã nhiều lần Cohn chèo thuyền đến hòn đảo nhỏ này, nằm dài dưới những gốc cây dừa già cỗi đã từng một thời phủ bóng lên vị vua bị bệnh xơ cứng gan, nếu không phải là xơ cứng linh hồn, và uống say khướt để tưởng niệm cái con người mà Gauguin đã từng đặt hết hy vọng vào đó để nhờ bảo bọc.

“Thật sự ông là ai, Monsieur Cohn?”

Cohn kinh ngạc. Câu hỏi là một lời thách thức trực tiếp, thô bạo, lại phát xuất từ một kẻ chuyên nghiệp, gần như một lời nhục mạ. Bizien đã phá bỏ luật lệ. Một thằng cỡ hăn đứng ra phải hiểu hơn thế.

“Ông đùa đấy hả?”

“Monsieur Cohn, ông là ai?”

“Được rồi, để tôi bảo ông. Nhưng cái này là tuyệt đối riêng tư đấy nhé.” Y móc túi lấy một cuốn sổ bìa thiêu, giở ra. “Tôi bị săn đuổi. Chúng muốn giết tôi. Từ trước đến nay đã có 2 cuộc mưu sát tôi.”

“Bởi ai?”

“Bọn kên kên, các siêu cường chứ ai.”

Ở bàn phía sau, hai nhân viên SDEC đang ngồi lắng tai theo dõi sững sờ đến suýt nữa rớt ly. Có vẻ kẻ này như là một anh mất trí. Cohn lấy ra một tờ giấy gấp cẩn thận từ cuốn sổ tay.

“Câu này là của một triết gia Pháp, M. Foucault. Một luồng tư tưởng mới ở Châu Âu, và là tư tưởng ảnh hưởng mạnh nhất. Nghe đây. “Con người chẳng qua là một phát hiện mới đây thôi, và khảo cổ học về tư tưởng dễ dàng chứng minh nó mới xuất hiện rất gần đây. Cũng như dễ dàng chứng minh cái chung cục tức khắc của nó.” Đúng vậy ông Bizien ạ, “cái chung cục tức khắc.” Tuy vậy, tôi thì tôi từ chối thỏa hiệp với cái yêu cầu ấy, vì thế nhà cầm quyền, các siêu cường đã quyết định thúc đẩy nhanh cái “chung cục” của tôi. Chúng nỗ lực giết cho bằng được kẻ nổi loạn vĩnh cửu, CON NGƯỜI, yếu tố phá hoại thường xuyên trong cái guồng máy quyền lực.”

Bizien suy nghĩ một lúc rồi bảo “Cái đó không ăn với du khách đâu. Quá trừu tượng, quá ngụ ngôn. Ông còn có trò gì khác không? Một cái gì cụ thể ấy?”

Meeva chăm chú nhìn hai vị giáo sư nói chuyện, kính trọng và ngưỡng mộ. Ngồi yên như pho tượng giữa đám hoa sặc sỡ nơi chiếc áo dài, ả nuốt lấy từng lời của hai người. Khuôn mặt đẹp của ả biểu lộ một niềm khoái lạc tinh thần sâu sắc mà ả cảm thấy bất cứ khi nào ả nghe nói những điều ả hoàn toàn không thể hiểu. Bizien thì trầm ngâm ngắm nhìn cái gã provocateur quái quỷ này. “Ông Cohn ạ, ông có một bản chất rất đẹp.”

“Chắc đi rồi, cứ hỏi Meeva thì biết. Nhưng mà ông muốn nói về cách chơi hay là về kích thích đây?”

Bizien chậm rãi, “Một gã khinh bạc thường chôn giấu trong mình một tâm hồn lý tưởng, nhạy cảm, dễ tổn thương.”

Cohn dụi dằm hỏi lại: “Còn về ông thì sao?”

Vị hoàng đế của ngành du lịch thờ nhẹ, nhướng mày lên gần đụng cái trán hói.

“Thì tôi cũng có một bản chất nghệ sĩ và cũng nỗ lực tìm kiếm sự hoàn thiện đó thôi. Tôi nghĩ rằng tôi đã có dịp chứng thực điều đó, dưới chân đồi Acropolis. Tôi hướng dẫn một đám du khách đến thăm điện Parthenon. Và đột nhiên tôi thấy một bà luống tuổi đứng dưới chân Parthenon di tích của nền nghệ thuật Hy Lạp cổ đại đưa tay trở một cái gì đó đằng xa. Bà ta kêu lên “Xem kìa, Marge, đứng từ đây có thể nhìn thấy khách sạn Hilton.” Rồi bà dương máy ảnh lên. Chính lúc đó tôi hiểu, một lần cho mãi mãi, cái câu nói nổi tiếng “Nếu anh không thể vượt qua được họ, thì anh hãy theo họ.” Tất cả chỉ là vậy. Tôi theo họ, tôi giúp đỡ họ. Điều đó khiến tôi nghĩ rằng...” Ông ta nhìn đồng hồ “Tôi hy vọng ông không quên việc ông phải vẽ, ông Gauguin thân mến. Du khách sẽ có mặt ở đó lúc 5 giờ chiều. Vừa kịp lúc đấy.”

Cohn đứng dậy. Y nhận phiếu tính tiền từ tay người bồi đưa cho y rồi đặt phiếu lên bàn của Bizien.

“Hôm nay chúng ta diễn cái gì nào?”

“Màn Thác nước.”

Mặt Cohn sáng lên. Y nắm lấy tay Meeva

“OK , chúng ta đi.”

...

Thân hình của Chong đầy kín cả phòng điện thoại đặt ở phía sau tiệm ăn. Lão xây cái phòng này đã 20 năm, khi lão còn trẻ và thon thả, còn giờ thì lão phải cố hết sức mới nhét được cái thân thể đầy mỡ của lão vào đây. Lão cảm thấy như là mình đang ở trong quan tài và nơm nớp sợ những viên đạn sẽ đi xuyên qua cánh cửa mỏng bất cứ lúc nào. Phải 5 phút lão mới gọi được Callum mà 3 tên giết mướn thì sắp ngợp vực lão. Ngay từ khi gặp, Chong đã nhận ra ngay đây là 3 tên chuyên nghiệp. Bộ ba này làm thế nào mà có được chừng đó vũ khí thì lão chịu. Hẳn chúng không thể mua ở tiệm được. Thế có nghĩa là chúng có kẻ liên lạc khác ở Tahiti.

“Thì Chong ạ, lão cố bình tĩnh đi.”

“Ông Callum ơi, chúng gặp tôi lần thứ hai rồi đấy. Bọn chúng chẳng ngu đâu. Chúng sắp giết tôi.”

“Không đâu. Chúng cần lão mà. Đừng sợ.”

“Ông đã tìm ra địa điểm chưa?”

“Tôi sẽ tìm ngay đây, trên bản đồ. Trước tôi có đến đây rồi. Nhưng muốn leo lên đó tôi cũng phải mất ít ra một tiếng rưỡi.”

“Ông Callum, tôi đang bị nguy hiểm chết người. Nhanh nhanh lên.”

“Tôi chưa nhận được lệnh. Ông hiểu không? Chưa có lệnh. Tôi đang liên lạc bằng vô tuyến đây, nhưng...”

“Ông Callum, ông đâu cần có lệnh mới cứu mạng tôi. Tôi là nhân viên giỏi nhất của các ông ở đây. Và ông cũng không cần có lệnh mới giết có thể 3 tên Đỏ ấy.”

“Tôi không chịu trách nhiệm về an ninh của tên khốn ấy và...”

Chong nghe thấy tiếng động đằng sau cửa, không nhằm được. Lão hốt hên: “Tôi đã bảo ông tôi không thể trả giá đó được!” Lão gào lên.

“50 franc một ký lô, giá ăn cướp! Ông hiểu không?”

“Tôi hiểu”, giọng Callum, “Được rồi. Tôi sẽ có mặt ở đó. Nhưng phải cho tôi một tiếng rưỡi, không ít hơn. Và nhớ đi phía sau.”

“30 franc, được, 30. Cám ơn!” Lão run run đặt ống nghe xuống và mở cửa.

10

Cohn do dự, quay tới quay lui tìm một góc độ hoàn hảo.

Meeva kiên nhẫn đợi cả tiếng đồng hồ, cầm đặt lên lòng bàn tay, theo cái tư thế như thú vật của nàng Vahine trong bức Otahi của Gauguin, nổi trên nền trắng, vàng, xanh nhạt. Nhưng Cohn đâu phải chỉ là một kẻ sao chép nguyên văn. Y bảo Meeva cho đầu và thân thấp xuống một chút khiến cặp mắt người nghệ sĩ vừa thấy được thân thể ả mà vừa thưởng thức cả bầu trời, thác nước, tảng đá, cả thảm thảo mọc ở sườn ngọn núi Orofena phía xa. Y còn muốn bao gồm luôn vào khung hình chiếc thuyền buồm xa xa đang lướt về bán đảo, và đợi cho đến khi nó đến gần hơn để trông giống như một con bướm trắng đậu trên chiếc bông tuyết mỹ của Meeva. Được rồi, giờ nếu y khéo thu xếp để cố mở mắt suốt hết cuộc chơi, y có thể đạt đến chỗ hoàn thành một kiệt tác của sự hoan lạc. Y đặt tay xiết chặt lấy bông của Meeva.

“Khoan đã, cô chống cùi chỏ xuống, hơi nhích về phía tôi một chút... thế.”

Meeva ngoan ngoãn tuân theo chỉ dẫn của Cohn. Cũng như mọi người ở Tahiti, ả biết rằng Gauguin thường bắt người mẫu phải tuân theo chính xác yêu cầu của mình khi ông ta hứng khởi, và ả hết sức kính trọng các đòi hỏi nghệ thuật của Cohn, mặc dầu người hậu duệ này của Gauguin không hề đụng đến bút, sơn hay bố bao giờ. Các ông Popaa mà.

“Tuyệt rồi. Đừng động dậy.”

Y tuột quần, ném lên xắc, rồi quỳ xuống sau ả, ôm chặt hông, và tấn công mục tiêu bằng những “cú” mạnh dạn nhưng không vội vã,

hoàn toàn chế ngự chính mình, cả hai tay y áp chặt dịu dàng lên hông ả Vahine. Quanh họ, hoa cỏ quyện vào nhau trong một cuộc chiến của màu sắc chống lại sắc màu, không khoan nhượng. Màu vàng và tím của cây Vestides oai vệ cao vút với chóp hoa màu bạc, màu xám và xanh cô-ban của hoa Cormaraies với nhị hoa đỏ thắm, và những đám cỏ xanh mượt dày đặc khắp nơi, chỉ thỉnh thoảng xoi thủng bởi tảng đá trơ trụi nơi sườn núi, và trên cả là chính đỉnh ngọn Orofena ngự trị trên cuộc chiến của hoa lá sắc màu. Dưới này, giữa lòng cuộc lao động miệt mài, Cohn, vẻ mặt tập trung cao độ vào sự hiến dâng tận cùng cho khoảnh khắc linh thiêng, từng hơi thở và động tác đều hướng về hành động sáng tạo, đang cố gắng hoãn lại cái hứng khởi của mình bởi như tất cả mọi nghệ sĩ chân chính, y biết rằng không có gì giữ được anh lại nơi anh sắp đi đến chung cục. Y sợ hãi sự kết thúc, bởi hạnh phúc mang chính trong nó cái chung cục. Mỗi khi sắp đến chóp đỉnh, y lại cố lãng ra bằng cách đưa mắt lên nhìn thác nước xa xa đang tung những giọt trắng xóa lên đám cây lá trên các tảng đá của ngọn Ivahea. Y giờ đây cảm thấy hạnh phúc như đang bay bổng lên trời. Tuy vậy vẫn còn một cái thiếu trên con đường đạt đến sự hoàn hảo của nghệ thuật: đó là thiếu hai con ngựa bất tử, hồng và xanh, giữa rừng cây Parapepe như trong bức họa của Gauguin. Y cắn răng, đẩy sát mạnh hơn nữa, vừa đồng thời cố hoãn lại cái giây phút cuối cùng. Nhưng giờ thì đã muộn, và toàn bộ cái quang cảnh tráng lệ kia bắt đầu đảo lộn, nhòa ra trong một ánh màu đỏ nhạt và điều duy nhất y còn có thể làm được là ôm sát Meeva vào mình.

“Montjoie!”

Đó là tiếng kêu tập hợp của Thập Tự Quân người Frank gọi đồng đội đến ứng chiến giữa lòng trận đánh, tiếng kêu y gởi đến cho Meeva.

“Chúa trời thần phật ơi”, ả gào trả lại, ả thúc người lui khiến Cohn phải cong mình ôm chặt lấy hông ả. Từ dưới xa kia, đại dương giận dữ quật mình vào những tảng đá ba-dan đen thẫm, thốt lên một

tiếng gầm phẫn nộ, như thể lần này, chỉ duy lần này nó cảm thấy ganh tị, ước chi mình được là người phàm.

...

Mồ hôi Chong Fat tuôn đầm đìa khi họ bước ra khỏi chiếc xe jeep, như thể người lão bông bênh trong một hỗn hợp chất dầu và axit. Đây là điềm báo cái chết chứ không sai. Suốt hơn một tiếng đồng hồ, họ leo suốt sườn đá dốc phía Tây của ngọn Orofena. Cái mệt bỏ hơi tai tuy thế không làm lão nhẹ đi nổi kinh hoàng.

3 tên người Hoa đi theo sau lão và bất cứ khi nào lão hơi dừng lại thì cái tên cao nhất trong bọn, có vẻ là tên chỉ huy, lại thúc vào lưng lão bằng bàn tay cứng như thép. Vị chủ nhân của quán ăn nổi tiếng chính hiệu Quảng Đông, Quán Paul Gauguin, ghét tên này thậm tệ. Trông y có vẻ thiếu ăn, người trông toàn da với xương. Cặp kính không gọng của y trông như một ánh mắt cuồng tín gọi lên những cuộc hành quyết hàng loạt và những năm mồ tập thể. Lão hết sức rầu rĩ khi thấy cái vẽ đó trên một khuôn mặt Trung Hoa. Ôi nước Trung Hoa của lão từng một thời có một nền văn minh cao biết mấy.

Còn người đàn ông mang súng trường thì có một bề ngoài khác lạ đối với một tên Trung cộng: Hắn nhai kẹo cao su luôn mồm, mặc quần ngắn bó chặt, giày ống, sơmi kiểu Tây, thêm một cái nịt tổ bố. Tay thì xăm một hình người đỏ ối, đầu đội mũ lưỡi trai. Thật lạ khi thấy một tên sát thủ cộng sản ăn mặc theo lối Mỹ như thế này. Còn người thứ ba thì bình thường, không có gì đặc biệt. Ít nhiều thì trông cũng có vẻ gì hơi chân thật.

Chong tự trách mình thậm tệ vì đã không lanh trí. Lý ra lão đừng gọi báo cáo ấy về Hồng Kông. Thật là một lầm lẫn tai hại. Lão vốn rất ghét bọn Đỏ: họ phá hủy cái nước Trung Hoa yêu dấu của lão, xừ sở và truyền thống của tổ tiên lão. Thế nhưng lão không làm khác được. Cả 11 người trong gia đình lão đều còn ở Bắc Kinh. Lão không thể từ chối không làm việc cho bọn họ, nhưng đồng thời lão cũng báo cáo lại

cho người Mỹ. Lão làm thế vì phát xuất từ lòng thiện cảm tự nhiên với phe tư bản, cũng giống như lòng ngưỡng mộ của lão đối với Tưởng Giới Thạch vậy thôi.

Khi ấy lão không hề nghĩ rằng bên Hồng Kông lại phản ứng nhanh như vậy và dễ sợ như vậy đối với báo cáo của lão. Xét ra thì báo cáo đó chỉ là một mảng thông tin vô hại mà một điệp viên nhì trùng nào cũng làm là chuyển tin cho một bên mà không hề gây chú ý cho bên kia. Chính vì cứ nghĩ như vậy mà lão báo cho Bắc Kinh rằng CIA đang tỏ ra quan tâm một cách đặc biệt về một người tên thật hay giả là Cohn, và đó là một gã khốn kiếp vô tích sự, một nghệ sĩ. Lão cũng thêm trong báo cáo ý kiến riêng của lão rằng rõ ràng là CIA đã nhầm lẫn gã này với ai đó.

Và bây giờ sự thế là thế này đây. Giờ Chong tự mắng nhiếc mình thậm tệ vì cái nhầm lẫn sau, đó là việc lão báo tin cho người Mỹ. Khi lão thấy 3 kẻ nọ bước vào quán lão và sau khi nghe những điều họ yêu cầu lão, lão sợ đến mất trí. Lão nhận thấy sự việc coi bộ lớn lao hơn lão tưởng nhiều, hoảng quá lão báo động với người của CIA ở Tahiti. Lại một lầm lẫn khủng khiếp nữa. Lòng trung thành và sự tận tụy với lý tưởng bao giờ cũng là một lầm lẫn. Lý ra mình đừng tỏ ra là một siêu nhân mới phải.

Đúng ra lão phải báo cho người Pháp. Họ sẽ đơn giản chặn bắt và trục xuất ba tên sát nhân, vì đây là đất của họ. Nhưng nếu vậy thì Bắc Kinh sẽ biết rằng Chong đã phản bội họ, và toàn bộ gia đình lão, cha và anh em lão sẽ đi đời. Với lại, người Mỹ đã từng dặn lão không được nói gì về việc họ chú ý đến cái gã Cohn cho người Pháp biết. Các ngành mật vụ của họ sao cũng hay chơi nhau quá. Ba tên Cộng sẽ được “chăm sóc” một cách bí mật và tức thì, và điều mà CIA ít muốn nhất là việc người Pháp biết nhân viên của CIA đang áp sát Cohn.

Lão chủ quán ăn lạ lùng vì lão chưa bao giờ thấy các nhà nước lại quan tâm đến nghệ thuật và nghệ sĩ như lần này. Vốn lòng hiếu kỳ cũng mạnh không kém lòng nhát sợ, nên lão đánh liều hỏi họ: “Tại

sao? Tại sao các ông lại muốn giết gã?” Họ nói chuyện với nhau bằng tiếng Anh. Không một người nào nói tiếng Quảng Đông của lão.

Cái gã người Hoa to bè như khi đột, trông giống một tác phẩm điêu khắc thô lậu mà ngay cả một “mao ít” cũng không chịu thấu, trả lời bằng cách khạc xuống sàn nhà chùi sạch bong của quán ăn, như một cách biểu lộ sự khinh bỉ cái tài sản tư bản của lão:

“Tại sao ông quan tâm? Nó là gì của ông?”

“Chẳng là gì cả.” Lão đã trả lời không do dự, nhẹ nhõm vì đã nói một điều hoàn toàn chân thật. Lão ghét Cohn thậm tệ, như tất cả mọi người ở Tahiti này đều ghét y. Cái gã này luôn luôn làm cho mình mất mặt, bằng một cách tinh ranh, quý quyết và độc ác. Cái thằng merde vênh váo, hống hách như thế xứng đáng để bị xóa sổ, dầu cho chỉ vì lý do vệ sinh thuần túy đi nữa. Nhưng mà rõ ràng bên Cộng sản đuổi gã chắc là không phải vì lý do vệ sinh rồi.

Còn bây giờ thì lão phải lê cái thân béo phị trèo lên từng bậc đá trong nỗi kinh hoàng. Cái ông người Mỹ hồi nãy đã dặn lão phải cố gắng ở xa bọn giết người chừng nào hay chừng nấy. Chong đã cố gắng hết sức để tách xa họ ra, nhưng leo ngược lên sườn đá thế này thì quá sức lão rồi và bọn kia dễ dàng áp sát sau lão. Lão thấy rằng mình tiến đến một cái chết cầm chắc.

Tên mang khẩu súng trường huyết sáo, và mặc dầu đang hoảng sợ cùng cực, Chong vẫn còn đủ sức để ngạc nhiên. Vì đó là một điệu nhạc Beatles. Lão lấy cớ đó để ngừng lại.

“Ông đang huyết sáo một điệu nhạc suy đồi của Tây Phương đấy.” Lão bảo gã kia.

Gã cười: “Thì sao nào? Tôi ở Hồng Kông chứ có ở Hoa lục đâu. Với lại tôi từ San Francisco đến. Tôi chẳng hề quan tâm đến chuyện suy đồi hay không suy đồi. Người ta thuê tôi làm mà.”

À, hóa ra đây là một tên chuyên nghiệp kiểu Mỹ. Lão thầm nghĩ, cảm thấy đỡ hơn một chút. Lão vẫn thích một tên gang tơ thẳng thắn hơn.

Trong lúc đó tên cao cao lại đẩy lão một cú nữa, ra lệnh “Bước.”

“Đúng ra các ông không nên bắt tôi đi cùng các ông.” Chong bảo hần. “Ở đây mọi người đều biết tôi. Nếu người ta thấy tôi đi cùng với các ông, tôi sẽ bị phiền phức khi người ta tìm thấy xác. Tôi chẳng có ích gì cho các người ở đây cả.”

Lão vừa nói vừa cố tránh nhìn khối đá ba-dan lơ lửng trước mặt. Xa sau lớp đá là những hàng cây dày đặc, lá trắng xóa trông như một bầy chim. Ngọn núi đá lơ lửng màu nâu như treo giữa một nền tím vàng xanh của hoa lá còn bầu trời thì đập xuống mắt trần bằng một màu xanh tàn nhẫn, man rợ.

...

Meeva vẫn còn run rẩy khi Cohn ngẩng đầu lên và thấy một toán du khách đi qua dưới hàng dừa. Công ty du lịch đưa họ đi thăm khắp nơi bằng xe buýt, nhưng cũng chừa lại cho họ vài trăm bước đi bộ, nhằm tạo cho du khách có cảm tưởng phiêu lưu và khám phá.

“Họ đến kìa. Chúng ta làm việc đi thôi.”

Thác nước chỉ cách vài chục bước. Chẳng có gì phải vội nhưng Meeva đòi phải đi tắm cái đã. Không một ả Vahine nào lại cưỡng được sức quyến rũ của nước. Cohn mặc lại quần, áo sơ mi và mũ, vốn không được sạch lắm vì hồi nãy y quăng bừa ra đất.

Meeva đứng, nước ngập đến háng. “Sao, chúng ta sẽ lại làm màn gì đây?”

“Thì cái kiểu cổ điển ấy. Tôi đã đưa cô xem ảnh hàng trăm lần rồi.”

“Em có phải mang Pareu không?”

“Dĩ nhiên rồi!”

Y ném cho cô ả chiếc Pareu đỏ có hoa trắng. Trong tranh của Gauguin, chiếc Pareu màu trắng. Nhưng Bizien không muốn giống hệt như trong tranh, như thế thì còn gì sáng tạo. Du khách sẽ như tình cờ

đi ngang qua bức tranh sống này. Như thế thật hấp dẫn, thật hiện thực. Mỗi lần diễn Meeva được trả 50 franc.

“Bây giờ cô leo lên mỏm đá kia đi.”

“Em té gãy cổ mất.”

“Không đâu. Người ta có làm mấy bậc xi măng dưới tảng đá ấy.”

Cô ả leo lên mỏm đá và chồm ra trên thác, há miệng uống nước. Cohn phải thừa nhận cảnh này hoàn hảo: Thân cây fern khổng lồ bên trái, thác nước, cô Vahine uống nước...

Cohn ngồi lên tảng đá, đưa chai rượu lên miệng - y có thể nghe thấy tiếng lách tách của máy ảnh phía sau lưng, trong như Puccioni đang thuyết minh cho du khách món “ruột” của gã: “Họa sĩ Paul Gauguin thích vẽ người phụ nữ đồ sộ, quyến rũ mà họa sĩ lấy làm biểu tượng cho Vườn Địa Đàng trước khi con người ăn trái cấm.”

Cohn quay nghiêng người để du khách có thể chụp ảnh “kẻ vô loại ở Tahiti” cùng với ả Vahine của y. Cohn cảm thấy mình, bằng cái dáng ngồi vênh váo trên tảng đá, trông giống như Prométhée. Nhưng hứng khởi rồi bỏ y tức khắc. Sau khi du khách đi xa và Meeva tiến lại phía y, y phải cần có một thời gian mới khôi phục ngọn lửa thiêng của dục vọng lại được.

...

Nhìn triển đá chót vót ngay trên đỉnh đầu, Chong kêu thầm tên Chúa cha, Chúa con, mặc dù lão đích thực là một Phật tử thuần thành. Giờ thì chuyện sắp xảy ra rồi. Lão sẽ tan thành từng mảnh mất.

Gã người Hoa cao cao hỏi: “Này, có chắc là chỗ này không đấy?”

Chong trấn an gã. “Chắc chứ. Hắn ta cắm trại ở đây cùng với cô gái. Cạnh suối nước, bên kia đám cỏ. Anh thấy chiếc xe hãm dưới kia kìa, dựng bên đường đấy. Hắn ở ngay đây thôi. Các ông chắc không cần tôi nữa đâu. Cho tôi đi...”

Lão chưa dứt lời đã thấy lưng bị một bàn tay thép bóp đau nhói.

“Bước tới.”

“Xin cho tôi đi xuống.”

“Chúng tao phải đến gần hơn nữa.”

“Xin... xin thả tôi ra...”

Lão đưa mắt nhìn mồm đá. Lựu đạn. Callum đã nói với lão là sẽ sử dụng lựu đạn mà.

“Lạy ông, đừng.”

Rồi lão có cảm tưởng như nghe thấy một tiếng động, từ nơi chỗ Callum nấp, lão cứng người lại, nhắm mắt, thu mình như thể không còn hiện hữu về mặt thể chất nữa, chỉ còn có tinh thần cảnh giác đề phòng mọi thứ xung quanh, như thể cái linh hồn bất tử và run rẩy của lão đã nhảy phóc ra khỏi cái thân xác mất an toàn của lão vậy.

Không có gì xảy ra - Chưa có gì xảy ra.

Sợ hãi làm đầu óc lão trống rỗng một lúc lâu, rồi lần lần các mảnh ý tưởng ghép lại. Từ trong đáy sâu tăm tối của lòng sợ hãi, một tia hy vọng man dại nhóm lên.

Hắn Bill Callum không dám liều để lão chết.

Cái ông người Mỹ ấy hẳn là phải để cho cái thằng Gauguin khốn khiếp ấy chết hơn là để mất đi một nhà kinh doanh quan trọng nhất ở Tahiti này, cũng là bạn tốt nhất, đáng tin cậy nhất của thế giới tự do - mà cũng có thể Callum chưa kịp đến đó chắc.

Giờ thì ba người đang ở phía trước lão. Lão hơi nhích lui một chút, cố tạo khoảng cách vài thước giữa họ và lão. Rồi được khích lệ vì thấy không bị gì, lão lẹ làng lùi thêm vài bước nữa, đưng một tảng đá và té. Ba gã người Hoa liếc nhìn lão rồi cái gã cao ngồng mang kính bước lại đá lão một cú vào hông. Chong đau điếng người, nhưng lão gần như cảm ơn. Cái đau thể xác làm lão bớt sợ hơn.

Lão sụt sùi: “Tại sao ông đá tôi?”

Lại một cú nữa. Cặp kính của gã lóe lên. Lạnh, chết chóc.

Gã hằm hừ: “Mày mà cố làm thế một lần nữa là tao giết ngay đấy. Mày phải ở đây cho đến khi chúng tao làm xong. Thằng khốn, sao mà mày sợ đến thế?”

“Tôi không thích thế này.” Lão vẫn sục sùi, “Tôi không thích gần người chết. Xui lắm.”

Gã Hồng Kông huýt sáo nhẹ và chỉ vào một cái gì đó bên kia bụi cây. Tên người Hoa cao nghều nhướng đầu, rồi rời lão và leo đến chỗ hời này.

Giờ thì 3 người cách lão cả vài chục mét, nhưng lão sợ là còn quá gần. Lão bò lui một ít nữa và cố dí bẹp cái thân mình đầy mỡ lên mặt đất.

Lão nghe tên cao cao cắn nhả: “Mày còn đợi gì nữa thế?”

Có tiếng cười. Thận trọng, rất thận trọng, Chong hơi ngóc đầu lên. Cái gã Hồng Kông cười khoái trá. Cả ba tên đang nhìn một cái gì đó mà Chong không thấy vì lão ở phía dưới thấp. Tên người Hoa có vóc dáng trung bình có vẻ ngạc nhiên, hơi chần động nữa. Tên cao cao, kẻ chỉ huy nhóm giết người thì giận điên lên.

“Tại sao mày không bắn?”

“Anh bạn, tôi thích cảnh này lắm. Tuyệt. Cái thằng này xem ra cừ về cái vụ này lắm.” Gã Hồng Kông nhẹ nhàng đáp.

Tò mò là một điểm Chong mập không bao giờ cưỡng lại nổi. Cho nên, mặc dù sợ đến té đái, lão cũng nhòm người quỳ lên cho đến khi lão có thể thấy cái gì xảy ra bên kia bụi cây. Tròng mắt lão như bật ra khỏi hốc mắt, rồi lão vội ép người xuống mặt đất.

Cái thằng Cohn này quả là một tên lì lợm trơ tráo nhất thế gian.

Gã Hồng Kông nói bằng một giọng có phần kính nể: “Tên này thật tuyệt. Anh phải để cho hắn làm xong đã. Coi bộ hắn khoái lắm.”

“Bắn đi!”

“Chắc chắn rồi. Nhưng phải để cho hắn mãn xong đã. Không thể giết một người khi hắn chưa mãn xong. Như thế chẳng đúng phong

cách Mỹ chút nào.”

“Tao sẽ báo cáo về chuyện này đấy.”

“Thì hắn sẽ chết ngay. Khi hắn xong xuôi mà.”

“Tụi tao sẽ không bao giờ thuê mày nữa.”

“Tôi sẽ giết hắn ngay mà. Anh bạn đừng lo. Nhưng tôi sẽ không giết một gã đàn ông đứng vào lúc hắn ta sắp lên tới cực điểm. Tôi sẽ giết hắn ngay thôi. Nhưng tôi có luật của tôi. Không giết một kẻ sắp tới Thiên Đàng. Phải để hắn tới đó đã.”

Gã đặt khẩu súng xuống đất, mắt vẫn không rời đôi tình nhân. Rồi gã nói bằng một giọng mà đối với người đàn ông đang cầm quả lựu đạn đứng trên tảng đá kia thì nghe đầy thù hận và hầu như tuyệt vọng, tiếng nói của tính hư vô của con người: “Bởi vì, thật ra chỉ có một điều mà tôi kính ngưỡng, đó là làm tình.”

Bốn tiếng nổ nhanh, liên tiếp nhau kéo Cohn bật ra khỏi cơn mê trong khoái lạc. Y hét lên một tiếng, bật dậy, chớp lấy quần và đưa mắt nhìn xuống sườn núi.

Thoạt tiên y tưởng đó là tiếng động của hòn núi lửa Orofena đã chết từ lâu nay đột nhiên sống lại một cách diệu kỳ, như thể một cơn giận dữ bị chế ngự quá lâu nay lại bùng lên. Nhưng Cohn vốn hoài nghi về cái xu hướng thần thoại của mình, và tức khắc tìm hăm trí tưởng tượng của y về những vị thần cổ đại giờ đây chẳng còn gì hơn là những tác phẩm nghệ thuật chứ không thể là gì khác.

“Nom de Dieu!”, y gào lên vì chợt hiểu ra. “Con đường! Họ đang xây dựng con đường chết tiệt dẫn đến đây! Thế là hết!”

Cách dưới kia chừng trăm thước, Cohn thấy một dáng người đứng trên tảng đá. Y đưa năm tay và chửi rủa người công nhân đó. Bóng người đó biến đi tức khắc. Một người khác chạy xuống sườn dốc, té, đứng lên và tiếp tục chạy, theo sau là đám bụi đá bốc lên sau vụ nổ. Cohn gào rủa bọn phá đám một lúc, cho đến khi thiên nhiên đáp lại lời y một cách thanh bình và lặng lẽ như thể mọi âm thanh và cuồng nộ đều bị cấm đoán trên trái đất.

Meeva nhún vai, “Thôi mình đi đi Cohn. Ở đây fiu quá.”

...

Chong lần theo lối cũ trở lại được nơi chiếc xe trong tình trạng nửa tỉnh nửa mê khiến lão không còn biết sợ hoặc mừng vì đã thoát chết nữa. Người cháu của lão ngồi nơi tay lái chiếc xe jeep, Chong liền phóng lên ngồi bên cạnh và trong suốt nửa giờ lão vẫn như ở trong tình trạng hôn mê. Lão đã thấy quả lựu đạn thứ nhất ném tung trong không khí, và trước khi nó chạm đất, lão quay mình bỏ chạy và chỉ ý thức khi những mảnh đất đá bay phủ lên người lão. Bây giờ thì Chong bắt đầu ngoi lên từ chỗ hôn mê, lão cảm thấy bàn tay của đứa cháu lay người lão, nghe hẳn nói, “Ổn rồi Tonton, hết rồi.”

Chong gật đầu, nhưng phải vài phút sau lão mới nhận thức rằng cả lão và đứa cháu lầm lẫn biết chừng nào.

“Không hết đâu. Bác phải báo về cho Hồng Kông rằng chiến dịch đã thất bại và ba người của chúng ta đều bị giết.”

“Thì họ sẽ gọi thêm người sang.”

Chong nhắm nghiền cặp mắt, “Thì đó chính là điều bác sợ.”

11

Hang núi bốc mùi ẩm thấp và mùi đá. Tiếng vo ve của muỗi, tiếng vù vù của ruồi càng làm cho không khí ngột ngạt hơn. Một sĩ quan hải quân Pháp, ống nghe đeo ở đầu, ngồi cạnh máy truyền tin, ghi lại bức điện. Hai lính nhảy dù áo rằn ri ngồi dựa vào cánh cửa sù sì trước hang, khẩu Thompson đeo ở vai. Một bóng đèn không có chụp chiếu ánh sáng vàng nhợt vì đầy côn trùng xuống những tảng đá màu đen và vàng đất, cạnh đó là những hộp bia, túi ngủ.

Người mặc quân phục trắng hút thuốc một cách nóng nảy. Máy phát điện phát ra tiếng thở ngắn nghẹn như người bị suyễn.

Viên sĩ quan đang làm nhiệm vụ, tên là Mozon, tháo ống nghe ra khỏi đầu và bắt đầu giải mã điện tín. Người sĩ quan mặc đồ trắng ghé qua vai anh ta đọc bức điện. “Ils y vont fort”, ông giận dữ nói: “Họ đến cứ như ruồi. Gã trai này được canh giữ ngày đêm, sát sà sạt. Tại người Hoa này đến đây có chiếu khán hợp lệ. Thế mà bên Hồng Kông không báo động gì cho mình.”

Ông ta ném điếu thuốc xuống đất, cầm bức điện đọc lại lần nữa, “Tại sao họ không phái một người khác lo vụ này? Tôi phải chịu quá đủ với Monsieur Cohn này rồi.”

Mozon, người vừa giải mã bức điện, ngả lưng vào thành ghế, “Họ đã nắm được một điều gì đó, Mon Capitaine.”

“Thì tôi biết điểm này rồi. Chính là do người Mỹ làm cho họ nhảy dựng lên ở Paris. Chúng ta có đến mười lăm ngàn lính ở Polynesie. Phía Mỹ thì chỉ có một người ở đây. Thế mà họ chơi ngay

trước mũi chúng ta như thể đồng minh Pháp của họ không hề hiện hữu. Grimaud này.”

Một trong hai người lính nhảy dù dựa vào cửa ném điều Gauloise khỏi miệng. “Mon Capitaine?”

“Anh chắc chắn là họ đều chết cả chứ?”

“Chắc, Mon Capitaine. Và không còn lại gì nhiều để người ta có thể truy ra lai lịch. Tuy vậy, tôi đã đếm được có 5 con mắt.”

“Được rồi, nhưng tôi hy vọng không còn một tên nào trong ba đứa đó vẫn còn sống để bám theo Monsieur Cohn. Hôm nay ai làm nhiệm vụ?”

“Deville và Roux.”

“Dùng điện đài bảo họ tôi sẽ tự tay đảm trách việc này trong bốn mươi tám sắp đến, cho nó chắc.”

“Bien, Mon Capitaine.”

“Giờ thì đi xem người bạn quý của chúng ta.”

Một trong hai người lính nhảy dù mở cửa hang. Viên sĩ quan mặc đồ trắng bước ra, thở một hơi thật sâu. Cửa hang mở ra bầu trời và đại dương xanh ngắt.

...

Chong Mập rũ người trên ghế, mặt xanh mét, hai bàn tay mềm nhũn đan vào nhau. Viên đại úy hải quân bây giờ quay lưng về phía lão, nhìn ra ngoài trời xanh ngắt.

“Ông là một con lợn ngu ngốc.” Ông ta bảo.

“Tôi không có thể làm gì khác.”

“Đúng ra ông phải báo động cho chúng tôi lập tức. Tại sao lại đi báo với tụi Mỹ? Ông là loại người Pháp nào vậy? Ông nói xem, ai đến xứ này trước, người Mỹ hay người Pháp?”

“Thì tôi là người theo chủ nghĩa De Gaulle nhiệt thành nhất ở Tahiti, ngài biết điều đó mà.” Chong nói bằng giọng mũi đầy xúc cảm,

sự xúc cảm do sợ hãi mà có. “Xin ngài tin tôi, tôi đã trình với ngài, chẳng qua là tôi giúp đồng minh người Mỹ của chúng ta. Tôi cũng thưa với ngài nhiều lần rằng tôi bị bắt buộc phải làm việc cho bọn Bắc Kinh quái vật đó. Gia đình tôi...”

“Đúng ra ông phải báo cho chúng tôi chứ.”

“Tôi không làm vậy được. Người Mỹ...”

“Thế ông trung thành với ai? Nước Mỹ hay nước Pháp?”

Bộ mặt của Chong rung lên vì lo lắng. “Tôi thề với ngài rằng toàn bộ cộng đồng người Hoa ở đây thấy mình là người Pháp trăm phần trăm. Chính tôi...”

“Vậy tại sao ông không báo động cho chúng tôi?”

“Bọn CIA chúng giết ngay.” Chong nói bằng một giọng tang tóc như đang thấy cả một dãy quan tài trước mắt, mỗi cái đều đựng thân thể của lão. “Ngài biết là họ sẵn sàng giết mà.”

“Chúng tôi đôi khi cũng giết”, viên đại úy nói bằng một giọng dịu dàng. “Lần sau nhớ điều đó. Bây giờ ông có thể đi.”

Chong do dự một lúc. “Tại sao mọi người lại quan tâm đến Monsieur Cohn như vậy?”, cuối cùng lão bật ra câu hỏi dày vò lão.

Người đàn ông bận đồ trắng mỉm cười. Cái lão chủ quán này thật trí tò mò cũng không thua gì tính chết nhất. “Bởi vì Monsieur Cohn là người hiếm có nhất trong thế gian, đó là một tâm hồn thật sự tự do. Điều này làm cho anh ta trở thành một kẻ phá hoại đáng sợ dưới mắt chúng tôi.”

Chong thở dài. “Tôi biết ngài không tin tôi”, lão nói, giọng buồn bã, “Xin ngài đừng nhạo cợt tôi nữa.”

Người đàn ông bận đồ trắng bây giờ không cười nữa. “Ông biết đấy, lẽ đương nhiên là họ sẽ trở lại.”

“Dĩ nhiên, tôi biết điều đó”, rồi Chong chột nghĩ ra. “Và có lẽ họ cho rằng tôi đã phản bội họ.”

“Rất có thể.”

“Và họ sẽ giết cả tôi nữa.”

“Hoàn toàn có thể.”

Chong thò tay vào túi lấy một cây kẹo bỏ miệng ăn cho đỡ bối rối. Rồi mặt lão chuyển thành một khối màu vàng pha lục pha xám tro. Một nỗi sợ hãi mới thắt lấy con tim lão. “Còn người Nga nữa”, lão lẩm bẩm, “Sao chưa thấy người Nga xuất hiện nhỉ?”

“Họ sẽ xuất hiện ngay thôi”, người đàn ông lặng lẽ đáp.

Giờ đây tiếng đập cánh vù vù của mấy con ruồi nghe như xé rách thần kinh lão.

12

Đêm đó họ ngủ trên bãi cát gần đầm nước. Đầm này nước chỉ còn một nửa vì bị những cơn thủy triều mạnh quét ra biển. Một số thổ dân ở đây xem việc này là do bàn tay của thần Fatoua làm trong khi đi tìm bảy đứa con bị rơi từ trời xuống biển. Thần Fatoua tìm con bằng cách làm nước biển dâng lên mà không biết rằng kẻ thù của mình, thần đất Aheru đã biến bảy đứa con đó thành các rặng san hô từ lâu.

Cohn nằm ngửa, tay gấp lên ngực, nhâm nhi điệu xì gà, cái thứ làm cho những xao xuyến cuối cùng trong ngày bốc thành khói. Chập chờn trong mây, mặt trăng giờ đây trông giống nàng Maja nằm của họa sĩ Goya. Đây là giờ phút tối tăm và thình lạng thích hợp nhất để các già làng ngồi quanh đồng lửa nhắc lại những cái tên đích thực của thời xa xưa, trước khi cả người và vật nơi này phải chết cho sự giả trá. Cái tên Popaa đã đến đây cắt đứt lưỡi của Trời, thế là các vị thần chân chính không còn cách nào nói chuyện với người của họ nữa. Đây cũng là cái giờ thức tỉnh nơi con tim của một tên Popaa đang khao khát đi tìm một lời nói dối kỳ diệu và an ủi, đẹp đẽ hơn bất cứ lời dối trá nào mà con người từng nói với nỗi cô đơn khủng khiếp của hắn.

Meeva cuộn người bên cạnh Cohn dưới ánh trăng, khuôn mặt áp vào cát trong một thái độ khuất phục và chiêm ngưỡng, như lóe ra khỏi bóng tối hình dáng của một bước chân siêu nhiên khổng lồ.

Cohn mơ màng thiếp đi, nhưng một bài hát làm y chợt thức giấc. Một mặt trăng đỏ rực bồng bềnh trên mái tóc Meeva, trải dài ra trên mặt biển và bầu trời lấp lánh lân tinh trong cái thế giới đêm của Polynesie, cái thế giới không đường biên, không viễn cảnh, không

kích thước, và đôi khi một ngôi sao rơi xuống mái tóc ả như thể do một cơn gió nhẹ thổi đi. Đang đắm mình trong đầm nước, vị nữ thần dị giáo đang vươn tấm thân trần truồng lên ánh trăng bạc. Thân thể nữ thần trông khổng lồ trên hồ sâu xanh thẳm của vũ trụ, đầu ngửa ra phía sau, tay mơn trớn đỡ lấy bầu vú căng tròn, làm tối đi cả thiên đình hàng triệu năm ánh sáng. Nữ thần dị giáo Meeva đang hát và thoát tiên Cohn không tin nổi vào tai mình; trong một vài giây tuyệt vọng y cường chống lại cái thực tại hủy hoại và cướp đoạt rất dễ nhận ra đằng sau những âm họng của lời bài hát. Bởi đó là một bài hát tiếng Đức, chắc là do một gã Popaa người Đức nào đó đã dạy ả tại quê nhà Tuamotus xa xôi:

*Ich weist nicht, was soll es bedeuten,
Dass ich so traurig bin;
(...)*

“Câu chuyện về những thời đã qua rất lâu mà tôi không thể nào quên...” Cohn nhận ra bài thơ nổi tiếng của Heine. Thế ra đó là tất cả những gì còn lại của chiếc thuyền độc mộc đầu tiên của những con người một thời là người Maori.

Họ sống qua hai đêm trên bãi cát cạnh đầm Fiona, nơi mà ba đợt thủy triều lớn đã trộn muối từ đại dương vào dòng nước ngọt chảy từ núi xuống. Cơn mưa xưa cũ đã tập trung được sức mạnh mới sau ba ngày rình mò quanh đảo bây giờ đã bùng nổ ngoài khơi xa bằng một tiếng gầm giận dữ, như thể vì đã hút mất con mồi trên mặt đất. Ánh chớp cầm những tia vàng rực xuống chân trời, chẳng chịt như những cành cây nổi lên giữa đại dương và bầu trời.

Rồi cơn mưa bất động treo nặng trên buổi chạng vạng, dường như một nỗ lực vô vọng, không thể tung mình xuống để hạ sinh ra một kẻ mà thời xa xưa gọi là Tahue, thần của nguồn nước vô tận. Sườn núi như oằn đi bởi sự bùng nổ của những màu sắc xung đột giữa ánh chớp và rung động, tạo ra một dòng suối tím, vàng, đồng cao vút lên trời,

giữa những hàng dương xỉ trên sườn núi, thanh khiết và vững chãi trong màu xanh vĩnh cửu của mình. Một cột khói trắng từ ngôi làng bốc lên giữa hàng dừa vào khoảnh khắc lặng gió của hoàng hôn, khi làn gió nhẹ ban ngày đã ra đi và cơn gió Maooe buổi tối chưa khởi sự.

Tựa người vào chiếc mũi không còn nhận ra hình thù của một thuyền đánh cá đắm - mà không ai ở đây dám dời đi hoặc tháo lấy gỗ bởi vì đụng đến chiếc thuyền đắm là một điều tối kỵ - Meeva đang chải ánh hoàng hôn ra khỏi mái tóc mượt và dưới mắt Cohn, cử chỉ này còn đẹp hơn tất cả, đẹp hơn cuộc xung đột trên trời, trên đầu họ.

Ánh chớp vàng của trận mưa ngoài xa biến đột ngột màu đồng phản chiếu từ tia sáng cuối cùng của mặt trời lặn, soi sáng khuôn mặt Meeva bằng ánh sáng cổ xưa của trái đất. Tay ả cử động như mơn trớn với chiếc lược đồi mồi màu hổ phách làm dịu hẳn trái tim Cohn bằng một cảm xúc vĩnh cửu, cái cảm xúc mà những tâm hồn đầy dọ chột gặp phải trong một vài khoảnh khắc hạnh phúc thoáng qua.

Phía trên của ngôi làng hiện giờ đã chìm trong bóng tối, nơi mà tiếng trẻ con chơi đùa còn vọng lại, còn thấy được một chiếc diều xanh biếc đang bồng bênh, làm Cohn có cảm tưởng đó là con chim huyền thoại chưa bao giờ ai nhìn thấy; được phái đến để báo hiệu sự xuất hiện của “đêm cuối cùng”, đêm không có bình minh mà truyền thuyết Vairao nhắc đến.

Cohn ngạc nhiên khi nhận ra lần này Meeva hát bài Ute về “nguồn gốc của tất cả thiên thần” của các thủ lĩnh người Arii, mà y có nghe trước đây một lần, do tiến sĩ Morteg của viện Smithsonian kể lại:

Thủ lĩnh Tave của bộ lạc Tautina Maroi

Ngủ với nàng Vahine Taurma

Rồi với người đàn bà Triterai

Hai tháng sau hạ sinh

Ra thủ lĩnh Maraina

Người này ngủ với...

Có hơn một trăm nhánh trong cây phả hệ như vậy và Meeva thuộc lòng hết, ngoại trừ lần chào đời cuối cùng mà tên không bao giờ được nói ra, vì để cho kẻ đó khỏi bị các vị thần ghen tuông hiện vẫn còn quyền lực trả thù.

“Hiện nay ở Tuamotus người ta vẫn hát bài Ute đó à?”

“Không đâu. Đó là do ông Popaa người Đức của em dạy cho đó. Ở nước Đức người ta biết tất cả các bài Ute của Polynesie. Họ nghiên cứu kỹ lưỡng tại các trường. Họ lưu giữ tất cả quá khứ và các vị thần của tụi em.”

Cohn muốn bật khóc. Nhưng quá muộn để chảy ra một giọt nước mắt.

Tôi tìm kiếm khuôn mặt nguyên sơ

Trước khi thế giới này thành hình.

Trước khi trở về lại Pouaavia, họ làm một vòng theo bờ biển để ghé thăm một người bạn. Chiếc tàu lớn hai cột buồm như bất động dưới cả một lâu đài bằng mây tuồng như nữ thần san hô đã dựng chúng lên trời, nơi tất cả mọi hang động, bờ đá đều lập đi lập lại một cách bất tận.

Giờ đây bờ đá đang rung chuyển trước sức tấn công vũ bão của đại dương, tạo thành một khối hỗn độn trắng xóa của trời, nước và đá, thỉnh thoảng một mống trời hiển hiện để rồi bị quét đi trong nháy mắt. Từ phía sâu trong đảo, thảm thực vật dày đặc ném tấm lòng thơ ngây đầy màu sắc của mình vào bờ đá dốc trơ trụi của ngọn Orofena.

...

Trên boong chiếc tàu Human Dignity, “giáo sư Harkiss” mở rộng tay chào đón họ. Số là cái gã nhân viên khổ sở này của Bizien đang rầu thúi ruột. Ngoại trừ một vài lần lén vào thị trấn Papeete du hí một cách vội vã, Matthews - đó là tên thật của gã, nếu như cái tên trên giấy thông hành có giá trị chút nào đó - luôn luôn kêu khổ. Thì phải vui

lòng làm việc này để kiếm sống, nhưng gã cảm thấy cách khuyến mãi của ông Giám đốc Du lịch Bizien hơi quá đáng. Để tạo cho các “tua” có ý nghĩa, lão đã cho cắm nơi này nơi kia một vài nhân vật “nổi tiếng” mà tình tiết về họ - sau khi đã được biên tập kỹ lưỡng - sẽ được truyền tai cho du khách. Matthews thì cóc cần cái nụ cười mĩa mai thỉnh thoảng hiện ra trên nét mặt của Bengt Danielsson - người thành viên thực sự của hành trình của chiếc Kon-Tiki hiện còn có mặt ở Tahiti - nhưng gã thích đóng một vai trong thủy thủ đoàn trên chiếc bè bất hủ đó hơn là vai giáo sư Harkiss. Mặc cho vở tuồng khá thuyết phục và được du khách hoan nghênh, Matthews muốn được như mọi người khác, nghĩa là các thủy thủ, có ngày thứ bảy và chủ nhật lên bờ du hí. Thế mà theo cách giới thiệu của Puccioni, người hướng dẫn du lịch, thì giáo sư Harkiss là một nhà khoa học, bị chấn động một cách sâu xa bởi việc các siêu cường sử dụng vũ khí hủy diệt, nên ông không những đã từ bỏ công trình nghiên cứu về vật lý hạch tâm của mình để biểu hiện sự phản kháng, mà còn quyết định đánh thức lương tâm của nhân loại qua một hành động hi sinh cá nhân. Ông đã đi đến Polynesie trên chiếc tàu ông đặt tên là Human Dignity và mặc dầu đã hai lần suýt bị chìm khi tàu vượt Thái Bình Dương - cũng tất nhiên thôi, với một cái tên như vậy - cuối cùng ông cũng đến được Tahiti. Giờ đây giáo sư đang chờ lúc thích hợp để đi vào vùng có mức phóng xạ chết người, khi nước Pháp cho nổ quả bom nguyên tử thử nghiệm ở đảo san hô Mururoa. Bởi do chính cái tên mà giáo sư chọn để đặt cho con tàu của mình, giáo sư bị nhà cầm quyền theo dõi gắt gao, nhưng ông vẫn hy vọng sẽ thực hiện được hành động cao cả đó, nhờ vào sự ủng hộ vô tư của dân chúng tại đây v.v... Quả là một hình ảnh đẹp, thơ mộng và hiện đại nữa, nên du khách rất hoan hỉ muốn được thấy tận mắt “đứa con tinh thần của Ngài Russell và Gandhi”, như cách nói của Puccioni.

Matthews được Sở Du lịch Pháp Hải ngoại trả năm trăm franc một tháng để đóng vai này, và gã đã làm một cách cần mẫn. Nhưng chỉ

hai tháng là gã hết chịu đựng nổi. Cũng tại cái vai trò gã đóng tủa ra ánh hào quang đẹp đẽ đến nỗi gã bắt đầu tự cảm thấy mình như một thứ rác rến giữa lòng cái quang cảnh cao thượng đến nhường kia. Đã thế lão Bizien còn cấm gã uống rượu trên tàu. Khi nghe lệnh như vậy, Matthews đã cố cãi lại với lão rằng giáo sư Harkiss, một con người bất mãn và tuyệt vọng thì uống rượu để quên sầu là chuyện bình thường. Bizien thì nhất quyết cấm. Theo lão, không thể có vấn đề uống rượu trên một con tàu mang tên Human Dignity được. Cohn thì cho rằng Matthews có lý, rằng một con tàu giương lá cờ như vậy thì điều duy nhất để làm là phải say mềm trong nỗi tuyệt vọng đích thực. Lại cũng chẳng có các ả Vahine trên tàu nữa: Thế là Matthews phải “tự túc” lấy. Lão Bizien muốn có một cái gì cao cả, xúc động, gợi hứng và thực sự bi đát, để cho du khách khi về nhà thấy rằng mình đã chi ra đáng đồng tiền bát gạo. Một cái gì đó thật Hy Lạp. Cái lão khốn đó bị ám ảnh bởi các di tích Hy Lạp; thì đúng là lão trước đây từng điều hành một văn phòng du lịch ở Athens mà. Matthews thì không hề có ý tưởng sống cuộc đời khổ hạnh giữa lòng đầm nước đẹp đến mức sức người hầu như không thể chịu đựng nổi này mà không kiểm díp lên bờ chề chén hoan lạc. Vẻ rực rỡ muôn màu của cảnh sắc nơi đây tạo cho gã một mặc cảm tự ti và cả một cảm giác tội lỗi mơ hồ nào đấy. Đêm nọ, gã lén vào thị trấn và rồi trở chuyển xe buýt sớm sáng hôm sau, thế là khi du khách đến thăm chiếc Human Dignity, chẳng có ma nào trên tàu cả, chuyện cũng bình thường thôi. Thế mà Bizien nổi điên lên và dọa trục xuất Matthews vì tội có phẩm cách sa đọa. Bởi thế Matthews rầu thúi ruột, đôi khi muốn đeo hòn đá vào cổ và nhảy xuống nước cho xong.

Hai người lên boong. Meeva lẩm nhẩm một điệu hát, lưng quay về phía hai gã đàn ông. Bờ vai nâu đầy của ả nhô lên giữa đám hoa sặc sỡ trên chiếc váy Pareu màu hoa cà, không khác mấy những ngọn núi vàng đất nhô lên khỏi đám cây lá sẫm uất xanh mướt ở xứ này.

Matthews nhận xét, “Trông cô nàng có vẻ hơi fiu.”

“Cô ấy chống chiến tranh Việt Nam”, Cohn bảo. “Tôi đã đánh thức lương tâm xã hội của cô ấy. À, nhân tiện, trước đây anh có biết rằng người Maori để linh hồn vào trong ruột không? Có thể tìm thấy điều này trong tác phẩm của W.Ellis và Morenhaut. Người Maori cho rằng bằng chứng rõ ràng là ruột ta đau thắt khi linh hồn ta khốn khổ.”

Dựa vào chiếc thang dây, Matthews trầm tư lấy cái ống tẩu thời danh của giáo sư Harkiss ra hút trong khi chờ đợi giờ du khách đến. “Tôi biết. Đó là lý do tại sao người Arri xem việc bài tiết là một hành vi thiêng liêng. Đó chính là cách giải phóng thân xác bằng việc loại bỏ linh hồn, cái mà các thần đã đặt vào con người để làm cho họ yếu đuối từ đó giữ con người trong vòng kiểm tỏa của thần. Linh hồn là một loại đạo quân thứ năm, phục vụ cho lợi ích của thần linh. Và đó có lẽ cũng là nguồn gốc của việc người Tahiti cho đến bây giờ vẫn luôn luôn xổ ruột thường xuyên.” Đang nói, Matthews cứng người, mặt méo mó đi vì thù hận, gã đưa tay chỉ về phía bờ biển, nói giọng khô khốc. “Họ đến rồi kìa.”

Một đám đông lúc nhúc đang bước lên những chiếc độc mộc. Âm thanh của radio họ mang theo người vang khắp cả đầm nước. Những bản nhạc mới nhất, những bản pop làm vỡ tan sự tĩnh lặng của nước, của đất. Mỗi du khách đều mặc một chiếc pareu do Sở Du lịch cung cấp, trên đó có in hình bức tranh của Gauguin. Cả thế giới phương Tây đang ủa lên các chiếc độc mộc, trong lúc từ đằng xa chiếc xe buýt chở du khách rú ga ầm ĩ, như để trấn an du khách đang sợ hãi trước cái đẹp tuyệt vời của thiên nhiên bao quanh họ.

Chiếc độc mộc đầu tiên đã rời bờ biển tiến lại phía tàu Human Dignity.

Gã người Anh thốt lên một tiếng kêu trời.

Cohn nắm tay Meeva leo xuống thang dây. Trước khi rời tàu, y thương hại nhìn Matthews, bảo: “Nghe lời khuyên của tôi đi. Tại sao anh không bỏ cha cái nơi này? Bỏ hết và trở về nước Anh.”

Viên “thuyền trưởng”, “giáo sư Harkiss” đáng thương thở dài. “Tôi không thể trở về Anh được. Tôi có một vợ và ba con bên đó.”

Khi ngang qua Hitiau, họ ghé lại ngôi trường của Pavaa. Ông ta đã dựng trường hội họa và điêu khắc này với mục đích làm tái sinh nghệ thuật Polynesie.

Trường có chừng ba mươi sinh viên, phần lớn người gốc Trung Hoa. Họ thường vẽ theo phong cách Gauguin hoặc Rousseau, hoặc vẽ những đề tài điển hình của nghệ thuật Maori, hầu hết căn cứ trên các mặt nạ hoặc tượng thần chụp trong cuốn sách của Jean Guiart.

Trước đây, Gauguin đã từng chiến đấu tuyệt vọng để cứu vãn từng mảnh của nghệ thuật xứ này; giờ đây, sáu mươi năm sau, những di sản đó đều nằm trong các Viện Bảo tàng ở Mỹ và Âu Châu; còn Tahiti thì là một vùng đất hoàn toàn trở lại về mặt văn hóa. Giờ đây, hiệu trưởng của trường, Paava, chỉ cung cấp cho thế giới những đồ tái chế.

Ông ta là một người Maori bự con mà tổ tiên đã đến đây từ Anh hoặc Serbia. Paava đón tiếp Cohn niềm nở, dầu ông ta vẫn còn run người vì tủi nhục: ông khám phá ba bức ảnh từ Playboy trong xưởng vẽ; học trò ông đã lén lút chuyển tay nhau để cóp làm mẫu cho các bài tập của mình.

“Thế là hết.” Paava phàn nàn. “Làm thế nào mình chờ đợi bọn chúng nắm bắt được bí mật của nghệ thuật cổ đại Polynesie nếu như họ cứ xem các ảnh khỏa thân này? Nếu như chúng cứ lấy hứng cảm từ Playboy, mọi thứ kể như bỏ. Bọn trẻ dường như chẳng còn thêm quan tâm gì đến di sản văn hóa nữa cả.”

Cohn để Meeva lại nơi xưởng vẽ. Cô ả đang đứng tựa người vào cửa sổ trong tư thế phiến muộn, khát khao tuyệt đẹp, miệng ngậm một cuống hoa. Rõ ràng Meeva đang kích thích hứng cảm và khẩu vị của nghệ thuật cổ đại trước cặp mắt của cậu sinh viên nửa Hoa nửa Maori đẹp trai, cao lớn khiến cậu này hết còn chú ý nổi đến tác phẩm bằng gỗ đang tạc dở của mình. Phía sau trường là bãi biển với hàng cọ và

Cohn thì luôn luôn rộng lượng đối với thiên nhiên, y không hề có ý định can thiệp vào những gì đối với y là thuộc về tự nhiên. Dẫu Paava nói sao đi nữa, quá khứ Maori vẫn không hoàn toàn mất đi tại nơi này.

Cohn ra bãi biển và một lát sau thấy Meeva đang tay trong tay với cậu thanh niên bản xứ, đùa nghịch vui vẻ. Cohn không hề muốn phá đám bất cứ một điều gì dễ thương như mối tình mới chớm này. Thế là y kiên nhẫn ngồi xuống cát để đợi Meeva sống trọn cuộc tình lớn của mình. Tất nhiên rồi sẽ có những lời từ biệt nào lòng, những lời thề thốt hoàn toàn chân thật, nhưng sẽ quên đi tức khắc. Ý tưởng này làm Cohn thấy buồn. Vốn thích những chuyện tình dài lâu, y buồn rầu rút điếu xì gà ra hút, điếu cuối cùng trong hộp xì gà hiệu Monte-Cristo mà y chôm của gia đình Bradford trên du thuyền. Không có gì làm Cohn thích thú hơn là ngồi hút điếu xì gà ngon trong khi ngắm biển và lắng nghe tiếng thở của một tình yêu chân chính.

Meeva và cậu trai đã biến mất sau rừng cọ còn Cohn ngồi thành thoir hút thuốc trên bờ biển. Đó là giờ của chiều tà, khi cát vẫn còn ẩn dưới chân nhưng cơn gió buổi tối đã mang vào khí mát của đại dương và mùi biển đã bao bọc khắp Marquesas, còn bầu trời màu vàng rực đã bắt đầu chuyển thành tím thẫm; cái đêm san hô đang bắt đầu lộ ra khi nước triều rút lui dần...

Bóng tối đang tiến đến gần y.

Một tiếng động gì đó trong bụi cây, sau lưng y. Có một tiếng sắc lạnh, nghe rất rõ, tiếng lên cò súng.

Cohn hét lên, bật dậy và phóng mình nằm sấp cạnh cây cọ, áp mình lên cát ấm. Y có thể nghe rõ tiếng thác nước gầm ngay bên cạnh. Nhưng không hề có thác nước nào ở Fiona. Chỉ là nỗi sợ hãi của y. Sợ hãi đã theo mạch máu trong người đập vào vành tai y tạo thành một âm thanh tưởng tượng.

Cohn bắt đầu bò lặn về bụi cây Maa phía sau.

Không có gì. Không một bóng người.

Chỉ là cơn hoang tưởng lúc chiều tà. Cái bóng của mặc cảm tội lỗi.

Cohn nhặt phần còn lại của điều xì gà lăn lóc trên cát lên. Meeva trở lại, thấy gã Popaa của ả đang tuyệt vọng ngắm mẫu Havana còn bốc mùi thơm dịu.

“Gì vậy Cohn? Nom anh có vẻ sợ hãi.”

“Đây là điều cuối cùng của tôi.” Y cầm mẫu xì gà xuống cát. “Anh chàng thế nào?”

“Cái cậu Tahea ấy dễ thương lắm. Có lẽ em sẽ gặp cậu ta lại, nếu em ghé qua đây. Nhưng anh biết các Tane thì như thế nào rồi. Họ làm cứ như thỏ ấy. Chẳng ra hồn chút nào.”

Họ ngủ qua đêm dưới đài tưởng niệm Vua Pomare, người đã trải qua những năm tháng cuối đời với cuốn Thánh Kinh ở trong tay, tay kia thì cầm chai rượu rum. Dưới mái nơi mộ nhà vua nhà điêu khắc địa phương đã dựng một chiếc bình hương, xây theo đúng hình chai rượu rum, như là một biểu tượng thiêng liêng để tưởng nhớ vị vua đã khuất núi. Trước đây Gauguin có được một lá thư giới thiệu đến nhà vua, nhưng chỉ vài ngày trước khi ông đến xứ này thì Ngài đã ra đi trong tình trạng mê man vì rượu. Người họa sĩ này đã từ chối lời đề nghị trang hoàng cho phòng tang lễ của nhà vua nơi người ta đặt thi hài ngài trong bộ trang phục đô đốc hải quân Pháp. Lý do khiến ông từ chối được ông giải thích trong bức thư gửi cho người bạn là Monfreid: “Họ không chịu để tôi vẽ cuốn Thánh Kinh và chai rượu rum của người da trắng trên quan tài. Cái này giải thích sự hiện diện của cái kia và đồng thời phủ nhận nhau. Vì thế mà tôi bảo, thưa quý ngài, cảm ơn, nhưng không. Anh có thể thấy đó, tôi vẫn nhớ lời khuyên của anh và cư xử rất đúng mực. Tôi cũng biết thế nào là lễ độ chứ.”

13

P hép lạ xảy ra vào sáng hôm sau, khi họ về lại nhà. Lúc đó Cohn tuột chiếc quần jean ra để ném cho Meeva đem đi ủi. Đang ngồi tổng ngồng trên cát thì y chợt thấy nơi đuôi có một vết ban thâm. Ở bắp chân bên trái cũng có một vết lở lan rộng.

“Meeva, ra đây ngay mà xem này.”

Meeva trần truồng từ trong nhà chạy ra. Y vẫn thích ả “ăn mặc” như vậy chạy quanh nhà.

“Xem này.” Y chìa chân ra cho Meeva. Vết lở nơi bắp chân phải trông cực kỳ xấu xí.

“Chắc không sao đâu. Anh cứ để yên.”

Cohn đang xem xét chỗ vết lở thì một ánh sáng lóe lên trong đầu y. “A, thế là đã có thánh tích rồi.” Y hét tướng lên: “Thánh tích!”

“Cái gì?”

Y nhảy bật người dậy. “Thánh tích! Thánh tích của Gauguin! Một vết như thế này là đáng cả gia tài! Bây giờ tôi thật sự được chứng nhận rồi.”

“Cohn, anh đang nói về cái gì vậy?”

“Cô không hiểu sao? Trước đây Gauguin đã có các vết lở loét như vậy, cũng đúng vào những chỗ này. Ông bị lậu mà. Thế cô không hiểu điều này có nghĩa gì sao?”

“Cohn! Anh bị lậu rồi à? Chắc là do cái con mụ bán thủ Ounano đấy. Em biết mà!”

“Không phải đâu, cô ngốc. Đây chính là thánh tích của Paul Gauguin. Bây giờ thì chúng ta đã có cơ sở vững chãi. Tôi có thâm

quyền rồi! Chẳng ai còn dám bàn cãi gì về một chứng cứ như thế này!”

Hai mươi phút sau, Cohn đã có mặt ở Văn phòng Du lịch, vênh váo tuột quần ra trước giám đốc Bizien. Ông vua của ngành du lịch Tahiti chăm chú lắng nghe, thỉnh thoảng gật gù đồng ý. Việc phong thánh Gauguin - chỉ có được nếu Nhà Thờ đồng ý hợp tác - sẽ là một mỏ vàng cho ngành du lịch, làm cho huyền thoại về người họa sĩ trở thành bất tử. Ông ta hứa sẽ nói chuyện về vấn đề này với giám mục Tatin càng sớm càng tốt, nhưng ngay bây giờ thì ông còn nhiều công việc khẩn cấp cần làm ngay. Chiếc tàu Matson chiều nay sẽ chở đến đây 600 du khách và họ sẽ được đưa đi xem những màn “đỉnh” của mùa du lịch này: có ba mươi hai đoạn nổi tiếng trong Thánh Kinh thường thấy trong các bức danh họa nổi tiếng trên thế giới sẽ được người bản xứ Tahiti dựng lại sống thực dọc hai bên đường xe buýt chở du khách.

Cohn đang ở trong một trạng thái phấn khích đầy sáng tạo đến nỗi y rời Văn phòng Du lịch quên cả mặc lại quần và khi chợt nhớ ra y phải đi suốt quảng trường Place Joffre để trở lui lấy quần. Điều kế tiếp là đi thử máu và y yên tâm ngay: máu y cũng thanh khiết như máu con người có thể thanh khiết. “Thánh tích” trên đùi chẳng qua chỉ là do một vết nhiễm trùng ngoài da thường thấy ở miền nhiệt đới chứ không phải do bệnh lậu.

Trên đường từ bệnh viện về nhà, Cohn đón xe để xin quá giang về Pouaavia. Nhưng mọi người ở Tahiti đều biết mặt y và ngay khi thấy “tên cướp cạn” này, họ đều tăng tốc độ. Sau suốt nửa tiếng đồng hồ vẫy tay và chửi thề, có một chiếc găng máy đi ngang. Đó là cha Tamil, thuộc dòng Dominicain.

Cha Tamil chỉ mới ngoài ba mươi và xưa nay vẫn tỏ ra tử tế đối với y, nhưng Cohn thường tránh mặt ông này như tránh dịch: đơn giản là ta không thể tin tưởng gì vào một tu sĩ xuất thân ở Sorbonne ngành văn chương được. Và lại, người tu sĩ trẻ tuổi này thường tỏ ra tò mò,

hài hước và thường nhìn Cohn theo một cách nào đó khiến y rất khó chịu.

Nơi yên sau chiếc xe của cha Tamil có cột một con gà, Cohn bèn thót lên yên, con gà cầm nơi tay.

“Chúng ta đi đâu đây?”

Cohn không nói chuyện với các nhà truyền giáo địa phương. Y không thể tha thứ cho chuyện xưa: Sáu mươi lăm năm trước, Gauguin đã tặng một trong những bức khỏa thân của mình, bức Vàng trên thân thể họ, đến trường dòng. Đó là một chiến thuật khôn ngoan. Nếu ông thành công trong việc khiến họa phẩm của mình được những người bảo vệ nền đức hạnh của Polynesie chấp nhận, thì xem như ông đã chiến thắng đối việc nhà cầm quyền cấm vẽ tranh khỏa thân. Người ta cấm vẽ các cô gái Tahiti mặc pareu và để ngực trần nơi cái “thiên đường trần thế” này. Thế là cô gái khỏa thân trong tranh đã phải giấu mình dưới lớp áo đen cho vừa lòng kẻ mộ đạo. Gauguin đã miêu tả việc này trong bức thư gửi cho Monfreid là: “Đợt thứ ba của văn minh: chiếc màn đen tang tóc, sau rượu và bệnh giang mai.”

Cohn gầm gừ, “Tôi đi khỏi đây.”

Chiếc xe ngừng lại.

“Ông Cohn.”

“Gì? Tôi không muốn nói chuyện với loại người như các ông.”

“Ông nên thôi đi. Cái cử chỉ điên cuồng của ông cũng chẳng có ích gì đâu. Ông biết đó, trông tuồng như ông đang cố buộc cho Đấng tối cao phải tự bộc lộ. Nếu muốn thế thì tại sao ông không cầu nguyện, như tất cả mọi người khác?”

Cohn tuôn ra một tràng chửi rửa tục tĩu, không hằn vì y bức bối mà vì đây là một vấn đề nguyên tắc. Đúng lúc đó, một trái dừa rớt khỏi cây rơi xuống chân y, chỉ hệt đầu y vài li.

“Jesus Christ!”, Cohn vừa nhảy tránh qua một bên, vừa thót lên.

Vị tu sĩ trẻ giòng Dominicain phá ra cười. “Hái dừa bằng sự phạm thượng! Chắc người dân Tahiti lười biếng phải học theo cách này mới được.”

Cohn cảm thấy mình thua trận. Nhưng y vốn nổi tiếng là chiến đấu ngoan cường. Nếu có một điều Cohn thật sự quan tâm, đó là cái danh dự của một tên nói láo như y. “Tu sĩ các ông luôn luôn biến các tội bình thường thành vấn đề tội lỗi nguyên thủy.” Y gầm lên. “Đối với tôi thì tội lỗi mới gần đây hơn thế. Tôi phải rời Tahiti vì tôi muốn quên. Tôi là một kẻ sát nhân. Lương tâm dẫn xé tôi. Hai năm trước đây, tôi đã bỏ đến mười tấn bom xuống một ngôi làng quen thuộc ở Việt Nam. Hai mươi phụ nữ và trẻ em bị giết. Những người vô tội. Ông biết đó, người văn minh thường nói “Phụ nữ và trẻ em trước tiên...” - Thôi chào.”

Y quay mình bỏ đi, tay vẫn xách con gà.

Nhưng mưu kế đó vẫn không ăn thua.

Cha Tamil cho xe quay một vòng thật điệu nghệ đến chặn đường y. “Trả lại tôi con gà.”

Cohn liếm môi, lần này y thua thật sự. Y miễn cưỡng trả lại con gà, nhìn ông linh mục trẻ tuổi tinh quái bằng một cặp mắt có phần kính nể và y có cảm giác rằng ông cha này tương lai có thể lên đến chức giáo hoàng như chơi.

...

Khắp cả đảo đã bàn tán về “phép lạ” và Cohn, lười biếng nằm suốt ngày trên võng, bắt đầu nhận các món quà nhỏ như hoa, trái cây, gà vịt... của dân làng đem đến hiến tặng. Chính Meeva bây giờ cũng nhìn y khang khác, lần đầu tiên ả tỏ ra bên lén trong quan hệ giữa hai người. Lúc đầu Cohn không chú ý cho đến khi ả thẳng thừng không chịu làm tình với y.

“E mea haama. Em thấy xấu hổ.”

“Chuyện gì vậy? Tại sao đột nhiên cô lại thấy xấu hổ?”

“Chúng mình không thể foa-foa với nhau nữa, Cohn ời. Bây giờ việc đó là tội lỗi đấy.”

“Cô nói cái gì thế, cái con đằm này? Tự lúc nào cô đột nhiên thấy việc làm tình là tội lỗi thế?”

“Tốt hơn tụi mình chờ cho cái ấy biến đi đã. Có thể nó sẽ mất đi. Cha Tamil bảo em rằng chừng nào anh còn mang thánh tích, em phải kính ngưỡng anh như là vị thánh. Cha bảo chừng nào anh còn mang thánh tích, foa-foa với anh là điều cấm.”

Cohn gầm lên, “Cái gì? foa-foa với tôi là điều cấm à?”

Y la hét, dọa nạt rồi khấn khoản, nhưng Meeva vẫn từ chối. Điều cấm là điều cấm.

Chủ nhật hôm sau, Cohn chặn đường cha Tamil trước nhà thờ và nói cho biết ý nghĩ gì về ông ta.

“Mấy cái mưu mẹo khốn khiếp chết đằm của ông...”

Vị tu sĩ trẻ chỉ mỉm cười vui vẻ, không đáp lại.

“Ông tưởng ông đang làm gì hả?”, Cohn gầm lên như sấm, “Ông lấy quyền gì mà tuyên bố rằng việc foa-foa với tôi là một điều cấm? Đó là tà thuyết.”

“Coi kìa, coi kìa, ông Cohn. Chính ông đi khắp nơi rỉ tai mọi người rằng ông mang thánh tích trong người mà.”

“Ông thừa biết rằng đó chẳng là thánh tích gì cả! Này ông cha, nếu ông còn tuyên bố rằng việc foa-foa với tôi là cấm kỵ, tôi sẽ kiện ông đấy.”

Khi vết lở bắt đầu lành dần, Cohn cố hết sức làm mọi việc quảng cáo trước khi nó mất hẳn. Y sốt một chặn đường Bizien thúc giục. Việc phong thánh cho Gauguin là một trong những dự án quan trọng nhất của nhà doanh nghiệp này.

Bỏ lại Cohn đang đứng bần chồn giữa đường, vị hoàng đế của ngành du lịch quyết định làm cuộc tấn công cuối cùng vào cái đồn lũy

bướng bình, đó là giám mục ở Muano. Bộ râu và cặp lông mày đen dày của ông này rung lên khi Bizien bắt đầu mở lời.

“Cái ông Gauguin của ông là một con lợn, mọi người đều biết vậy. Ông ta sống, gian dâm như một con lợn, tường trong nhà thì dán đầy ảnh khiêu dâm. Ông ta làm đồi bại các cô gái trẻ, rồi chết vì bệnh giang mai.”

“Tôi biết, thưa ngài, nhưng điều đó là do chủ tâm. Gauguin đã chủ tâm thâm tóm hết tội lỗi của thế giới này vào mình. Có chứng cứ khẳng định điều ấy. Tôi muốn nói đến một bức thư của ông ấy viết cho bạn là Monfreid ba ngày trước khi chết, trong đó ông đã nói rất rõ: “Cái thân xác này, những vết lở loét này, nỗi thống khổ này, toàn bộ cái xác đang thối rữa này là cái gì, nếu không là tội lỗi của con người khi lần đầu tiên hấn bước chân lên mặt đất?”

“Tôi không biết đến lá thư đó”, Giám mục Tatin nói, hơi hồ nghi.

“Thư này bán năm triệu franc cho một Viện Bảo Tàng. Với lại xin ngài cũng đừng quên rằng ở một trong những bức chân dung tự họa đầu tiên ở Bretagne, Gauguin đã vẽ mình với vòng hào quang trên đầu. Cái xu hướng muốn tuấn giáo cho tội lỗi của con người khá rõ ràng từ lúc đầu.”

“Ông Bizien thân mến, có lẽ thế giới này còn sẽ chứng kiến nhiều tui hổ, giả tạo, mạo nhận nhiều hơn nữa, nhưng ít nhất có một điều sỉ nhục cần phải tránh, đó là việc xưng tụng ngày lễ Thánh Gauguin ở Tahiti. Bản thân tôi rất ngưỡng mộ nhà họa sĩ tài năng này, nhưng con người đó tuyệt đối là một con lợn bẩn thỉu, và chỉ có thế.” Vị giám mục đứng lên khỏi bàn giấy, “Nhân tiện, tôi muốn nói với ông điều này nhân dịp ông ghé lại đây. Chẳng ai muốn cản trở các hoạt động văn hóa do ông tổ chức. Tôi cũng không có điểm gì chống lại cái kế hoạch tạo ra khía cạnh “thiên đàng trên trái đất” ở Tahiti, hay những bức tranh sống lấy từ Thánh Kinh dựng lại trong bối cảnh thiên nhiên. Nhưng ông cần tỏ ra thận trọng một tí trong việc chọn các diễn viên. Hãy nhớ vụ bê bối với Adam và Eve tuần rồi, ông Bizien ạ.”

“Đó chỉ là một việc không may. Sẽ không xảy ra như vậy nữa. Tôi xin bảo đảm với Đức Ngài.”

“Thoạt tiên ông đã để họ trần truồng dưới cành cây táo!”

“Ngài biết đó, thật khó mà trình bày Adam và Eve mặc áo quần được. Đây là vấn đề thuộc về tính hiện thực.”

“Cũng được, chừng nào họ còn ngồi dưới cây táo, để cho du khách chụp ảnh... Nhưng ông biết Adam của ông kiếm tiền như thế nào về chuyện này. Người nào muốn đặt Eve cưỡi truồng ngồi dưới cây chỉ cần trả 200 franc. Phần lớn du khách lại là người Mỹ, cho nên ông làm tổn hại nhiều đến danh giá của nước Pháp lắm đấy.”

“Tôi không thấy danh giá của nước Pháp dính dáng gì đến chuyện này. Ngài cũng biết rằng người Tahiti không hề có ý thức về tội lỗi.”

“Adam của ông không phải là người Tahiti. Anh ta là cái tên cướp Sarrazin tai tiếng, mà đáng ra phải bị trục xuất khỏi xứ này từ lâu.”

Bizien thở dài. Việc dựng vở Adam và Eve trong Vườn Địa Đàng đem lại cho ông ta những điều phiền toái nhất. Trước hết, ở Tahiti không hề có rắn, thế mà dựng cảnh này thì cốt yếu phải có một con vắt vẻo trên cành táo chứ. Bizien phải đặt mua một đôi rắn không độc từ vườn thú ở Colombia. Khi rắn được đưa tới Papeete, Bizien bèn cho chở thẳng đến địa điểm mà ông đã chọn để dựng hoạt cảnh. Một cây táo bằng nhựa rất đẹp đặt ở đó, cành có treo những trái táo đỏ rực, ngon lành. Chính lúc đó mà tai họa xảy ra. Khi mở chuồng rắn ra, người ta thấy bên trong là hai con mamba đen, loại rắn cực độc có thể làm chết người sau khi cắn vài phút. Gã nhân viên bản xứ mở chuồng, vốn chưa hề thấy một con rắn nào trong đời, đã lạng người nhìn hai con quái vật rồi hét lên bỏ chạy mất tăm, để cửa chuồng mở toang. Hai con mamba phóng ra nhanh như điện chớp và vài giây sau biến mất vào rừng rậm. Trên hòn đảo từ trước đến nay chưa hề có con rắn nào, bây giờ có hai con mamba đen, có lẽ sẽ sinh sôi nảy nở nhanh chóng

như bất cứ ai ở Tahiti. Có thể nói rằng cái “Thiên đàng trên mặt đất” đã nhận được nhất cọ cuối cùng cần thiết để chứng minh cho tên gọi của nó.

Cũng không chắc là sở thú ở Colombia đã nhằm lẫn nguy hại đến như vậy. Bizien có lý thuyết riêng về chuyện này. Ông ta tin rằng trên đường tới đây, những kẻ cạnh tranh của ông ở Hawaii đã thay hai con rắn lành vô hại bằng hai con mamba chết người để phá hoại ngành du lịch ở Tahiti.

Bizien rời giám mục Tatin và đến gặp Cohn ở Noa Noa. Cohn nhìn ông ta âu sầu. Y biết ông ta đã thất bại. Bizien chỉ nhún vai. Ít nhất họ cũng có một điểm chung: cả hai đều khao khát sự hoàn thiện. Việc phong thánh cho Gauguin sẽ là thành tựu tối thượng đối với ông chủ của ngành du lịch Tahiti và là một chiến thắng về nghệ thuật không gì sánh nổi đối với Cohn. Nhưng điều đó đã không xảy ra.

“Thôi, dầu sao thì chúng ta cũng đã cố hết sức.” Bizien nói.

Họ ngồi im lặng một lúc lâu.

Cohn đột nhiên hỏi: “Ông đã từng bao giờ ở tù chưa?”

Khuôn mặt đang buồn rười rượi của nhà doanh nghiệp sáng lên. “Chưa bao giờ. Đó là lý do chính quyền các nước mới sử dụng tôi. Trước khi phụ trách du lịch ở Tahiti, tôi đã trải qua nhiều năm ở Phi Châu, đã từng phát hiện tại lục địa này ba nền văn hóa cổ đại mà các nhà nhân loại học chưa hề biết đến. Cuộc khai quật diễn ra tốt đẹp. Cả UNESCO cũng hợp tác, nhưng rồi... Không một chuyên gia người da trắng nào lại dám nói với một nước Cộng hòa Phi Châu vừa mới độc lập, đang hừng hực lòng tự hào dân tộc rằng họ được tạo ra từ số không và chẳng có gốc rễ văn hóa nào trong quá khứ cả. Điều này, dĩ nhiên chẳng tiêu biểu cho Phi Châu chút nào. Ông Cohn ạ, người ta thường quan niệm rằng mục đích của một tiềm năng của dân tộc cũng như của người lãnh đạo quốc gia là kiến tạo cho tương lai. Thật ra không đúng vậy. Cái mục đích của sức mạnh dân tộc là hướng về sự vĩ đại và vinh quang của quá khứ. Hãy nhìn De Gaulle xem. Ông ấy làm

nhieu cho quá khứ nước Pháp hơn bất cứ nhà lãnh đạo nào khác của nước Pháp...”

Một vài giọt mưa ấm áp rơi xuống người họ.

Cohn leo lên xe và đạp về Ngôi nhà Hoan lạc. Có những lúc mà những lời hài hước là điều mà y không chịu đựng nổi.

Một chiếc ca-nô xuất hiện trên đầm nước, trên có bốn người đàn ông trẻ tuổi mặc pareu màu sáng, hoa giắt ở vành tai, làn da lấp lánh như đồng dưới ánh hoàng hôn. Họ hát một bài Maori xưa cũ, mà ý nghĩa mất đi cùng với các thần linh đã khuất từ lâu. Bài hát nói về dải Ngân hà - gọi là “con cá mập xanh dài ăn đám mây” - và về nàng Sao Hôm khoác chiếc áo choàng của đêm.

Cohn nằm dài, áp mặt vào cát ấm và lạnh, để mặc bọt sóng biển trắng trôi trên tóc và cổ mình. Rồi, khi cơn nhức đầu và cảm giác tội lỗi dịu đi, y bước trở lại Ngôi nhà Hoan lạc, tim vẫn còn nặng trĩu lòng khát khao mơ hồ, như lời hứa hẹn hay một dự báo về cuộc ra đời nào đó trên một bãi biển nào khác trong tương lai.

Y đẩy cửa và bước vào nhà. Hầu như lập tức y va phải một cái gì mềm nhũn trong bóng tối, và vật đó lảng xa ra ngay. Có tiếng ly vỡ và Cohn nghe tiếng thở hào hển trong bóng tối.

“Tôi có súng trong tay và đang định sử dụng đây.” Y lên giọng: “Bọn khốn kiếp, lúc nào cũng muốn cho tao chết.”

“Đừng, ông Cohn, xin đừng bắn. Tôi đây mà.”

“Tôi là ai?”

“Fernand Bouton.”

Bởi người Trung Hoa ở xứ này có thói quen lấy tên Pháp, nên Cohn phải khó khăn lắm mới nhớ ra nổi đó là lão thợ may Wong Koo, có cửa tiệm ở gần cảng. Y lấy cây đèn dầu và châm lửa. Fernand Bouton đang nép mình tận góc phòng, kẹp một “bức tranh” khư khư dưới nách.

“Thế ra ông chính là tên trộm đã từng ăn cắp tranh của tôi, hả? Tuần trước, tôi bị mất hai bức.”

“Ông Cohn, tôi không ăn trộm. Các bức đó là của chúng tôi.”

“Cái gì? Tôi có hứa tặng cho vợ ông làm quà chia tay ấy à?”

“Ông biết rõ mọi chuyện này mà, ông Cohn. Cha tôi cho ông Gauguin mua chịu, nhưng ông ấy chưa bao giờ trả cả. Tôi vẫn còn giữ những tờ hóa đơn chứng minh điều đó, ông có thể đến xem qua sổ sách của chúng tôi, còn giữ đầy đủ cả. Ông Gauguin hứa với cha tôi là sẽ trả, nhưng chưa bao giờ trả được. Bây giờ tranh của ông ấy đánh giá cả gia tài, thế mà cha tôi không được tí gì. Cha tôi bị ông ấy lừa nhưng điều đó không lập lại nữa đâu. Cha tôi giờ già lắm rồi, nhưng ông cụ không bao giờ quên ông Gauguin. Mọi người ở Tahiti đều biết ông đảm trách công việc của ông Gauguin, vì thế cha tôi nghĩ rằng ông phải trả nợ cho ông ấy. Đó là lý do khiến ông cụ sai tôi lại đây lấy mấy bức tranh. Ông cụ nghĩ rằng đó là của mình.”

Cohn thấy cổ họng nghẹn ngào và nước mắt chực trào ra. Cảm giác biết ơn tràn ngập cả người y. Cái tên Fernand Bouton này quả đã tặng y một niềm hoan lạc nghệ thuật thanh khiết nhất mà y có được trong đời.

“Lấy đi, anh bạn trẻ. Lấy mấy bức tranh này đi. Chọn bức đẹp nhất ấy. Rồi một ngày tranh này sẽ đáng giá hàng triệu. Mà quả thật, lần triển lãm vừa rồi của tôi ở Paris là cả một thắng lợi. Vollard viết thư nói rằng... Thôi bỏ chuyện đó đi. Về bảo với người cha khả kính của anh rằng tôi không hề quên là có nợ ông ấy, chỉ nhất thời không kịp nhớ lại thôi.”

Fernand Bouton rạng rỡ, "Ông Cohn, nếu ông cần một bộ đồ, ông chỉ cần ghé lại cửa hàng bất cứ khi nào ông muốn".

“Bảo ông cụ anh ông ấy quả thật đáng nể. Nay ông cụ bao nhiêu tuổi rồi nhỉ?”

“Tám mươi ba.”

“Tuổi thật sự khôn ngoan, đúng vậy, khôn ngoan. Có những người không bao giờ biết học từ lịch sử và cứ lặp lại mãi cùng một sai lầm. Anh bạn có biết tháng rồi người ta mua một bức Gauguin ở Luân Đôn bao nhiêu không? Sáu trăm ngàn đô la. Ông cụ anh sẽ trúng to rồi đấy! Đây, để tôi ký tên cho. Thời này thiếu gì tranh giả mạo.”

Và y ký tên dưới mấy bức tranh, Gengis Cohn. Ký tên là phần việc bao giờ y cũng tự tay làm lấy. Fernand Bouton tươi mặt và gập người chào.

“Nhớ giữ tranh ở chỗ khô ráo”, Cohn khuyên. “Sự ẩm ướt là kẻ thù của nghệ thuật. Luôn luôn nhớ điều này.”

“Xin ông đừng lo, chúng tôi sẽ cất giữ cẩn thận. Cha tôi vốn là bạn tốt của ông Gauguin mà. Đây, để tôi đưa ông xem cái này...”

Ông ta lấy từ túi áo một tờ giấy, mở ra một cách thật thận trọng. Cohn đưa cao ngọn đèn và đọc:

Ngày 2 tháng 6 năm 1898

- Một lọ dầu trị rệp
- Một chai xi-rô mê-ti-len
- Một chai dầu sả trị trĩ của bác sĩ Joubart
- Một lọ moc-phin 50 centigam
- Một lọ nha phiến giảm đau

Bảo với Wong Koo tôi sẽ trả ông ta ngay khi tôi nhận được tiền vào chuyến tàu tới, từ phòng triển lãm của tôi ở Paris gửi qua. Cuộc triển lãm này thành công vĩ đại, tất cả tranh tôi đều bán hết, với giá rất cao. Nếu ông ta muốn, tôi có thể nhường cho ông bức tranh lớn mà tôi vừa vẽ xong, có tên là “Chúng ta từ đâu đến? Chúng ta đang ở đâu? Chúng ta sẽ đi đâu?” Nếu ông ta thấy như thế chưa đủ, có thể giữ thêm cây đàn ghi ta của tôi, còn rất tốt và được làm ở Ý đấy.”

Cohn nghiên cứu danh sách mua chịu này một hồi lâu, cố gắng khắc vào tâm trí, tất cả, từ lọ dầu trị rệp cho đến chai dầu sả hoặc lọ

moc-phin 50 centigam, lọ nha phiến giảm đau, không sót món nào. Gauguin quả là kẻ cư ngụ hoàn hảo nhất của ngôi nhà hoan lạc.

Y đưa trả tờ giấy lại cho Fernard Bouton. “Anh bạn nên tặng tư liệu này cho Maseé de L’homme ở Paris.”

Rồi y bước ra bãi biển, ngược mắt lên nhìn trời, tìm kiếm chòm Thiên Cầu trong bầu trời dày đặc các vì sao.

Chỉ vài ngày sau, Cohn bắt đầu nhận ra những dấu hiệu nguy hiểm. Vào sáng sớm, quanh nhà có những vết chân mà tối hôm trước không có. Đột ngột một đốm lửa thuốc lá lóe lên sau bụi cây rồi biến đi, khi y đến lục lọi thì chẳng có ai ở đấy. Một số giấy tờ trong nhà bị mất, mặc dầu y đã cẩn thận không ghi gì lên giấy và cũng bỏ luôn thói quen hàng đêm viết lên cát. Nhưng có hai điều cảnh báo thô bạo và đáng sợ vào một buổi chiều khi y từ Papeete trở về, cho y biết một cách không nhầm lẫn rằng họ đã tìm ra y. Họ đang săn đuổi cái đầu y một lần nữa.

Lúc chiều y chở Meeva đến mũi Venus, để cho cô ả bàn tán với người quen một chuyện gì đó, rồi y đi gặp Bizien.

“Có lẽ ông nên nhắc gã con rệp Verdouillet đưa cho tôi một số tranh cũ của hắn. Puccioni sắp dẫn cả một đoàn du khách toàn là tín đồ của Gauguin đến chiều nay mà tôi thì cạn hết tác phẩm rồi.”

Bizien tỏ ra ngạc nhiên. “Thế ra anh chưa nghe tin à?”

“Tin gì?”

Rõ ràng là cả hai người trước đây đã đánh giá thấp tài năng nghệ thuật của Verdouillet: bị Bizien ra lệnh phải đóng vai Van Gogh trước du khách, dầu Verdouillet xưa nay vẫn vẽ theo phong cách Gauguin trong hơn ba mươi năm trời, giờ ông ta lấy hết can đảm vẽ theo phong cách của người họa sĩ cô độc ở xứ Arles. Nhưng rồi một điều hoàn toàn bất ngờ xảy ra: Trong khi nỗ lực loại bỏ bút pháp của Gauguin, có thể nói là Verdouillet đã va chạm với chính mình. Những tác phẩm gần đây bắt đầu bộc lộ một tính cách không nợ nần gì với Gauguin và

cả với cái “Vincent đáng thương” kia, mà mang một cá tính độc đáo của chính Verdouillet, mà điều này thì chẳng làm ai thích thú cả. Lờn nguyên rủa của tài năng đích thực, của cá tính độc lập đã giáng xuống con người đáng thương này như một tiếng sét tai họa. Ai cũng chê bai những “bức tranh dơ dáy” đó của Verdouillet. Puccioni thậm chí chẳng buồn dẫn du khách đến xưởng vẽ của ông ta nữa. Verdouillet sợ đến mất hồn. Cố lấy hết can đảm, ông thử nhập thân hoàn toàn vào Van Gogh bằng cách suốt ngày ngồi trong vườn ngắm các bụi hoa hướng dương. Cuối cùng...

Bizien kết thúc câu chuyện bằng một cái nhún vai bất lực.

“Hiện lão ta ở trong bệnh viện. Lão ta xưa nay vốn suy nhược thần kinh. Cuối cùng lão cắt luôn lỗ tai để cho giống Van Gogh thực.”

Cohn chạy ulla đến bệnh viện. Y thấy Verdouillet nằm trên giường, cả mặt băng kín, chỉ chừa cái mũi buồn bã nhô ra. Người họa sĩ bị đánh quỵ bởi chính cá tính của mình ngược nhìn Cohn một cách đầy mặc cảm tội lỗi, rồi hạ thấp mí mắt.

“Chẳng qua tôi không thể có một Van Gogh trong người.” Ông ta lầm bầm: “Tôi đã cố gắng hết sức, nhưng càng cố thì lại chỉ là Verdouillet. Tôi đã đánh mất tài năng, hết thật rồi.”

Cohn an ủi: “Có thể tài năng ông sẽ trở lại.”

“Anh nghĩ thế thật sao?”

“Mọi họa sĩ đều có lúc này lúc khác chịu một ảnh hưởng nào đó. Ông đang trải qua một giai đoạn bị rơi vào dưới ảnh hưởng của chính ông, ảnh hưởng của Verdouillet. Rồi sẽ hết thôi.”

“Puccioni không chịu đem khách đến mua tranh tôi nữa. Tôi đang chết đói đây.”

“Để tôi xem có thể làm gì được giúp ông không.” Cohn hứa. “Trong khi đó, ông hãy thử vẽ vài bức phong cảnh Tahiti xinh xinh đi. Đừng có ép mình quá. Cứ thử, từ từ thôi. Sao chép lại vài ảnh phong cảnh chẳng hạn. Rồi nó sẽ trở lại.”

“Tôi không làm được. Mấy bức tôi vẽ ra trông chẳng hề giống những tác phẩm trước đây. Tôi không cưỡng được. Có cái gì đó từ bên trong tôi. Trời ơi, tôi làm gì bây giờ? Có ai muốn vẽ giống như Verdouillet cơ chứ. Tôi thì không muốn rồi.”

“Rồi ông sẽ vượt qua.” Cohn an ủi “Cứ nghỉ ngơi thoải mái một thời gian. Nhưng đừng để cái đó chế ngự ông. Tôi muốn nói cái bên trong con người ông đó.”

Dầu cổ nói giọng vui vẻ, Cohn rời bệnh viện mà lòng buồn thiu. Nếu cái lão Verdouillet đáng thương này thật sự đã chạm vào cá tính của mình, lão sẽ khốn khổ thôi và khó ai giúp đỡ được lão.

Y đi tìm Meeva và cả hai nắm tay nhau tung tăng đi dọc bến cảng Papeete, rồi dấu hiệu báo động đầu tiên xuất hiện. Một chiếc Citroen đen có cắm cờ Pháp lái qua, trước đó là cả một đoàn mô tô mở đường. Đó là xe công của Thống Đốc Pháp. Họ thấy ông ta trong xe, mặc đồng phục vàng trắng, đội mũ hăn hoi. Chiếc xe ngang qua họ trong vài giây, và chạy chậm lại.

Vị Thống Đốc nước Pháp Hải ngoại nhào người ra khỏi cửa kính xe và vẫy tay về phía y, nhiều lần, với một điệu bộ lễ phép nhất.

Cohn nhìn lui phía sau mình, chẳng có ai. Đúng là người đại diện của nước Pháp tại Châu Đại Dương do chính Tướng De Gaulle bổ nhiệm đã vẫy tay chào y, chứ không phải chào ai khác.

Cohn không đứng nổi nữa. Y sụp xuống trên chiếc ghế đá. Mặt xám như tro tàn, thốt lên: “Chúa ơi.”

“Cohn! Có chuyện gì thế?”

“Viên Thống Đốc... ông ta chào tôi!”

Y đưa bàn tay run rẩy quệt trán. Cái chào ấy hẳn không phải dành cho Gengis Cohn, gã phiêu lưu lang chạ, tai tiếng và phóng đảng mà chỉ riêng sự hiện diện cũng như cách sống của y tại Tahiti đã như là một sự nhục mạ vào những con người có phẩm cách; cái gã đã hơn một lần suýt bị trục xuất khỏi xứ này nếu không có sự can thiệp của Bizien và cả cái bóng của tiền thân y, Paul Gauguin.

Chỉ có một cách giải thích.

Viên Thống Đốc nước Pháp hải ngoại biết y là ai.

Meeva bật cười “Gene, anh điên rồi. Anh tưởng tượng ra đó thôi!”

Nhưng cái gã Popaa này trông nhợt nhạt đến nỗi ả phải vội vã chạy đến một hiệu thuốc gần đó mua một chai dầu tỏi, loại thuốc chữa bá bệnh của người xứ này.

“Anh uống chai này đi.”

Cohn thấy mệt đến nỗi y làm theo lời, uống cạn chai. Nhưng thuốc không đủ mạnh để xổ hết ra. Người ta cần cái gì mạnh, triệt để hơn thế để loại bỏ chính mình.

Họ đã biết y là ai.

...

Viên Thống Đốc nhìn lui qua kính sau, bật cười “Không tin được.” Ông nói. “Họ vẫn bám theo cái lý thuyết mất ký ức ấy. Anh có tưởng tượng nổi không? Một người đốt cháy vân tay và giải phẫu mặt... Để làm gì? Để loại bỏ cái quá khứ mà hẳn ta không thể nhớ nổi! Lý luận mới của người Pháp đấy.”

Bên cạnh ông, Caillebasse cựa quậy chân một cách khó nhọc. “Nhưng điều này đã từng xảy ra trong tâm thần học. Tôi muốn nói, một con người đã lẫn trốn, thay đổi nhân dạng vì bị thôi thúc bởi một cảm giác tội lỗi mơ hồ, không rõ rệt. Có thể anh ta không còn nhớ được nguyên nhân nhưng lại vẫn còn mang cái cảm giác ấy. Chứng quên lãng đã xóa đi tất cả, quá khứ, ký ức, ngoại trừ cái cảm giác tội lỗi mơ hồ ấy...”

Viên Thống Đốc nhún vai. “Toàn triết lý hão. Điều đó không còn thuộc về tâm lý học nữa mà là siêu hình học. Dẫu sao, cái gã đó không thể là người Pháp. Tôi thấy gã đặc Mỹ. Người Mỹ là một dân tộc điên

rồ. Giới trẻ Mỹ, những người mà chúng ta gặp ở đây đúng ra nên sống trong sở thú thì hơn.”

Caillebasse không nói gì. Bây giờ không phải là lúc nói cho ông ta biết mối quan tâm cá nhân của Tướng De Gaulle về trường hợp này. Nhưng điều đó lại chính xác là điều đang ở trong trí óc của viên Thống Đốc.

“Dẫu sao, tôi vẫn tiếp tục, vì những lý do khá hiển nhiên”, viên Toàn quyền nói một cách chua chát.

Hiển nhiên thật. Bởi nếu người đó quả là Mathieu, thì việc ông bướng bỉnh không theo lệnh, lại còn công khai nói ra mình không tin như vậy, thì ông phải trả giá rất đắt sau này. Mà quả thật, cái ông Thống Đốc này đúng là một con lừa bướng bỉnh, Caillebasse thầm nghĩ như vậy.

“Hình như Tướng De Gaulle hết sức quan tâm đến chuyện này.” Caillebasse lưu ý viên Thống Đốc.

“Thì ông ấy phải vậy thôi. Tài nguyên của nước Pháp mà. Anh biết đó, thái độ của Đại Tướng đối với năm mươi triệu người Pháp y hệt như thái độ của một anh nhà nông đối với đàn heo của mình. Ông ta yêu tất cả bầy heo và muốn gìn giữ chúng. Ông ghen tị với Mỹ, bởi vì tổng thống của nước này có nhiều hơn ông đến một trăm năm mươi triệu con heo. Chính vì thế, khi có một con heo tài năng và giá trị như Mathieu, ông hoảng sợ trước cái ý tưởng mất con heo quý này vào tay người chăn nuôi khác.”

Caillebasse thấy cách ví von của viên Toàn quyền thật thú vị. Ông ta sẽ nhớ mãi cách ví von này.

...

Không có gì lạ ngoài ánh sáng mặt trời chiếu rực rỡ quanh nhà, thế mà cái cảm giác chết chóc, hủy hoại vẫn phủ lên người Cohn khi cả hai trở về. Y bảo Meeva đợi bên ngoài, còn y rảo quanh nhà hai lần rồi mới bước vào, tim đập thành thịch, nhón gót, như thể người ta đã

đặt mình vào toàn bộ khu vực này khi ý vắng mặt. Không có ai, y ngồi xuống trên đi vắng và đợi tiếng nổ từ một quả mìn giấu đâu đó phát ra. Rồi y nhận ra một lần nữa rằng quả mìn chính là cái bản ngã giấu kín của chính y, rằng thực ra chẳng có nổ, chẳng có cái chết tức khắc nào; rằng nỗi lo âu của y chỉ là cảm giác của một người trở về nhà trong sự sợ hãi.

Từ đây nhìn ra cửa sổ Cohn có thể trông thấy một chiếc xe loại đi đường núi của Pháp đậu đằng xa. Y nhóm dậy định đi ra với Meeva đang ngồi chờ y trên xe đạp, thì y bỗng nhận thấy dấu chân trên sàn nhà. Dấu chân còn ướt.

Cohn rút một điều thuốc từ chiếc bàn làm bằng tre, cắm vào môi nhưng không châm lửa.

Dấu chân chạy từ sàn nhà lên cầu thang, đến căn gác lửng dùng làm xưởng vẽ, vừa là nơi y và Meeva dùng làm phòng ngủ.

Cohn đứng cứng người, nhìn theo. Vết chân đi vào chứ không đi ra. Người này hẳn còn ở trên kia, trong phòng.

Họ đã đến tìm y.

Y vẫn nhìn xuống dấu chân trên sàn. Y không muốn ngược lên để thấy một khẩu súng có lẽ đang hướng về phía mình.

Y đợi. Không có tiếng nổ nào, ngoại trừ tiếng lòng bùng trong tai y.

Y nuốt nước bọt rồi liếc nhìn về phía chiếc xe đằng xa, xem xét. Nhưng dấu sợ hãi đến mức, y cũng không nhận ra tín hiệu báo động nào.

Rồi cuối cùng cơn sợ hãi của y cũng kiếm cách tìm được lối thoát bằng một tiếng gầm đồng dục: “Cút ra khỏi đây ngay, bọn khốn kiếp chúng mày!”

“Chỉ có một mình tôi ở đây thôi mà, Cohn”, một giọng nói vọng xuống.

Cơ ruột của Cohn này giờ thắt lại như mở bung ra. Điều này làm cơ thể y xáo trộn. Tuy vậy, y vẫn cố gượng đứng để điều tệ nhất xảy ra.

“Lên đây Cohn, tôi mời anh mà.”

Callum. Không lầm lẫn vào đâu được cái giọng New England ở “quê nhà.” Cohn luôn luôn nghĩ về nước Mỹ là “bên nhà”, chẳng phải chỉ bởi vì mẹ y là người Mỹ hay vì những năm tháng y từng sống ở đó. Y yêu nước Mỹ còn vì đó là một xứ sở bị sàng lọc, dày vò bởi mặc cảm tội lỗi, và đó hầu như chính là yếu tố làm nên một nền văn minh. Y bước lên thang.

Callum nằm soái trên giường, vừa ngửi một bông hoa hồng và đọc tờ Confrontation, tạp chí xuất bản dưới sự tài trợ của CIA, có mục đích thu hút và làm lộ mặt những kẻ chống đối, bất mãn với chính phủ.

Callum nói một cách thân thiện, “Tôi đi ngang và ghé vào thăm anh.”

“Tôi thấy rồi”, Cohn gật đầu, đưa mắt nhìn đồng thít hơn trăm ký lô đang đuổi người trên giường mình. Y nói, hoàn toàn thành thật. “Mừng thấy anh, Bill. Hồi này nhìn dấu chân dưới cầu thang tôi tự nhủ: “Họ đến đây và họ sắp giết mình.”

Khuôn mặt Callum biểu lộ một mối quan tâm mơ hồ, nghĩa là cả khối thịt mỡ dày đó tự tổ chức thành một nét gì đó gọi là biểu lộ.

“Ai đang cố giết anh?”

“Bọn tư sản xứ này chứ ai. Nhà cầm quyền viết hoa. Luật Pháp và Trật Tự. Bọn người “quý phái” ấy mà. Chúng ghét tính cách của tôi. Sự xung đột xưa nhất trên thế giới này. Nghệ sĩ chống lại những kẻ còn lại. Họ đúng. Loại người chúng tôi luôn luôn muốn lật đổ trật tự. Đó là tính chất của mọi nghệ thuật.”

Callum phát ra một tiếng động thô lỗ đến nỗi Cohn phải bước né ra phía cửa sổ.

Callum là một gã đầy lông lá, béo ụ, trông dơ bẩn, chính là hình ảnh người trí thức Mỹ - Phi Mỹ điển hình của thời đại đến độ trông cái đầu gã như cắt từ bìa tờ tạp chí Esquire ra. Gã mặc một chiếc kimono phía trước vẽ cảnh mặt trời lặn in chữ Usa, sau lưng là những cảnh tàn bạo của chiến tranh Việt Nam. Quấn bằng lụa trắng thì in đầy khẩu hiệu, tất cả đều lấy từ “Mao tuyển” ra. Y đeo bông tai và một sợi dây chuyền bạc lớn trước ngực.

John William Callum đã đến xứ Tahiti này một năm trước đây, để thực hiện sự giải thoát toàn diện khỏi nền văn minh Tây Phương và suốt thời gian đó tiếng tăm gã nổi lên như cồn ở bên nhà, tại bờ Tây. Gã được xem như là khuôn mặt lãnh đạo của trường phái văn học và hội họa Mỹ tiên tiến nhất, với các nội dung xã hội sâu sắc được người ta gọi là “chủ nghĩa không tham dự mang tính cách mạng” hay là “sự phủ định sáng tạo.” Callum cũng được tôn xưng là người phát ngôn đầy thuyết phục của “thế hệ khước từ”, một kẻ giải thoát hoàn toàn vì đã thành công trong việc từ bỏ được cái thôi thúc muốn viết nên một tác phẩm văn học lớn, nhờ thế không phải góp phần, cộng tác với cái xã hội và nền văn hóa đáng căm ghét này. Chính việc gã từ chối mọi thôi thúc sáng tạo đã đem lại cho Callum một giá trị cách mạng lớn lao, vì nó tạo cho tác-phẩm-không-hề-có của gã một nội dung triết học tích cực của sự phản kháng và khước từ. Vô số các nhà văn trẻ thuộc thế hệ khước từ từ khắp nước Mỹ đã đến đây để được gặp gã. Callum là người lãnh đạo của trào lưu nghệ thuật mới của nước Mỹ cạnh tranh trong lãnh vực văn hóa với trào lưu phi-hội họa, phi-văn chương ở Âu Châu. Cả hai khối, khối tư bản xâm lược và phe giải phóng dân tộc đều có thể tìm thấy nghĩa thích hợp từ khoảng trống không nơi phi-tác phẩm của ông ta. Callum cũng còn là linh hồn dẫn đạo của một trường phái hội họa kế tục nghệ thuật Pop rồi nghệ thuật Op, được gọi là nghệ thuật Top. Những môn đồ của trường phái này là trung tâm của cuộc cách mạng văn hóa Mỹ, họ tự gọi mình là “vệ binh của hư vô.” Các phi-tác phẩm hội họa của Callum, chỉ gồm những khung gỗ trống,

không cho thấy gì ngoại trừ bức tường đằng sau, gọi lên tính hư vô của vạn vật, như ngẫm nói đến những rào cản thô bạo của tinh thần tư bản chủ nghĩa và duy vật chủ nghĩa trước khát vọng tinh thần của người nghệ sĩ. Ông ta cũng viết một số vở kịch không chữ, gọi là “non-happenings”, diễn tả cái khía cạnh tĩnh tại của xã hội và đức lý đã bị hủy hoại của con người. Để diễn những vở kịch này, các diễn viên đứng bất động, đăm đăm nhìn khán giả để nhằm thức tỉnh họ cho đến khi khán giả nổi điên lên, la lối, đập phá diễn viên; điều đó được gọi là “chứng ngộ.”

Callum còn nổi tiếng vì là người giỏi nhất của Cục Tình Báo Trung Ương CIA. Gã là người đầu tiên liên lạc với cơ quan này với tư cách là một nhà văn có tiềm năng ảnh hưởng lớn vào thời Allen Dulles làm giám đốc. Cơ quan này lúc đó đã bí mật góp phần tạo nên các nhóm trí thức như nhóm Monat ở Berlin, Preuves ở Paris, hay Encounter ở Anh.

Mắt Callum vẫn nhìn vào tờ tạp chí.

“Anh nghe đây, trong bài xã luận”; anh ta đọc. “Thế quân bình của sự khủng khiếp là một cái gì chông chênh ngay từ định nghĩa. Nó luôn luôn tùy thuộc vào một đột phá kỹ thuật mới, một khám phá mới, và chính điều này giải thích tại sao cái tài năng khoa học lại trở thành một mối nguy hiểm tiềm năng cho các siêu cường. Sự kiện chính là ở đây. Trong thập niên tiếp theo sau cái gọi là “tai nạn” làm chết đuối giáo sư Tchurek ngoài khơi bờ biển Massachusetts, nước Mỹ còn mất Rachmill, Lutchevsky, Gregory, Parks, Spetai, tất cả đều chết vì tai nạn hoặc bệnh. Tạp chí Wallachs Bulletin, xuất bản ở Cambridge, thì ước tính rằng trong năm 1965, có năm nhà khoa học hàng đầu của Liên Xô đã biến mất. Pháp thì mất Berner năm 1963, Kovala năm 1964, và cả Barlemont, Frank và Gustavic. Các khuôn mặt Nhật Bản cũng không kém danh tiếng như Koshibashi, Soto, Okinada, và Kusaki cũng biến mất trong chỉ một năm. Những cái chết đó đều thường được kết luận là do nguyên nhân tự nhiên. Mặc dầu có thể bị cho là trớ tráo,

ban biên tập tờ Confrontation chúng tôi cho rằng những cái chết đó có thể gợi ý cho chúng ta đưa ra một giải pháp thực tiễn: nếu các siêu cường ngồi lại với nhau hàng năm và thống nhất với nhau về danh sách và con số những nhà khoa học mà mỗi bên đảm trách việc xóa bỏ, như thế sẽ giữ được mối quân bình của sự khủng khiếp hoàn hảo hơn đồng thời tiết kiệm tiền đóng thuế cho người dân rất nhiều. Đó là một loại Thỏa ước Genève theo cách nhìn mới, hoàn toàn phù hợp với tinh thần chung sống hòa bình của thời đại. Anh nghĩ thế nào?”

Cohn ngồi bệt xuống sàn, hút thuốc, tay ôm đầu gối, miệng nở nụ cười ngốc nghếch, mắt khép hờ sau làn khói thuốc. Có thể họ làm y với một người nào khác.

“Làm thế nào anh tìm ra?”

“Tìm ra cái gì?”

“Rằng tôi là một nhà khoa học thiên tài.”

Khuôn mặt nhão nhẹt của Callum như đông lại qua cách biểu đạt một thái độ khó chịu, “Thôi đi.”

“Làm thế nào anh phát hiện ra tôi? Ngoài việc anh lục lọi giấy tờ và đồ đạc khi tôi vắng nhà?”

Khi Callum tức giận, giọng nói của anh ta vọt cao lên khỏi giọng nam thường ngày, trở thành giọng nữ eo éo như đang bị động kinh. Những tảng mỡ trên mặt anh ta chuyển động.

“Anh bạn, chắc chắn là có người khác đã vào lục lọi nơi ở của anh. Một ngày nào đó họ sẽ tìm ra anh với một con dao đâm vào lưng anh đấy. Cái trò làm một thứ provocateur, kẻ khiêu khích cả vũ trụ của anh kể cũng vui đấy, nhưng đôi khi anh đi quá xa...”

Cohn bật cười. Y hiểu Callum muốn nói đến cái gì, và y thích thú thấy chuyện đó vẫn còn làm anh ta bức bối. Số là trước đây vài tháng, vào cái giai đoạn mà Cohn xem là một trong những thành tựu nghệ thuật đã đời nhất của y. Lúc đó, vào những khi không cưỡng lại nổi thôi thúc sáng tạo của mình, y lại thức suốt đêm đi ra ngoài nhà viết lên trên cát. Cũng có khi y viết lên giấy, sau đó xé thành mảnh nhỏ rồi

ném vào hố tiêu tự nhiên cuối vườn đằng sau nhà. Một ngày nọ, sau một đêm buông thả mình trong sáng tạo rồi cẩn thận xóa đi dấu vết theo cách thường lệ, y đắm chìm trong giấc ngủ thì chợt thức giấc vì tiếng gọi nhỏ của Meeva.

“Cohn, dậy đi.”

Y bật dậy, chớp mắt. “Cái gì?”

“Nghe kìa.”

Một tiếng kêu cứu thảm thiết vọng lại từ cuối vườn. “Au secours! À moi!”

Thoạt đầu, Cohn không nhận ra tiếng của ai. Tiếng kêu tắt nghẹn như thể từ bên trong lòng đất vang ra. Cohn nhảy khỏi giường và chạy ra góc vườn.

“Cohn! Cứu tôi với! Tôi sắp chết đuối!”

Cohn phóng về hướng đó và thấy ngay chuyện gì đang xảy ra. Một ai đó vì cố vớt các mảnh giấy y ném ở hố xí, nhưng tấm ván mục không chịu nổi sức nặng của anh ta, gãy sập và thế là anh ta rơi tọt xuống trong hố xí! Quang cảnh thật là kinh người. Y bèn chậm rãi bước lại gần, tay khoanh trước ngực.

“A, chào”, Cohn nói.

Callum, cố nhoi cái khuôn mặt bê bối chất bẩn lên khỏi cái hố của chủ nghĩa vật chất, rõ ràng là đang kinh hoàng và kiệt sức. Cả hố phân ngập đến cằm và theo Cohn phán đoán, sẽ nuốt chửng lấy anh ta.

“Anh là một cậu bé hư hỏng.” Cohn nói, “Anh biết đây là đất riêng. Anh đã xâm nhập gia cư bất hợp pháp.”

“Kéo tôi ra khỏi đây. Đồ...”

“Nào, đừng thô lỗ thế chứ, Callum.”

“Cohn, từ tâm đi mà. Tôi đứng nhón gót cả giờ đồng hồ rồi, không chịu nổi nữa đâu...”

“Tôi đang bận, Bill ạ. Sẽ gặp lại sau nhé. Ciao.” Y quay mình bước đi.

“Cohn!”

“”Thế mà tôi không biết là anh lưu tâm đến các bài thơ của tôi đây, Bill ạ.”

“Kéo tôi lên, đồ sát nhân.”

“Bởi vì trong thơ tôi chỉ có âm nhạc của thiên nhiên thôi.”

Callum làm một cú quẫy mình tuyệt vọng rồi bắt đầu chìm lìm. Cohn đợi cho đến khi chủ nghĩa vật chất ngập đến mang tai mới nắm lấy tóc anh ta và cất tiếng gọi Meeva. Họ phải dùng đến một sợi dây thừng khá chắc và hơn nửa tiếng đồng hồ mới kéo được Callum lên khỏi hố xí.

Nhớ lại, Cohn bật cười ha hả, lưng dựa vào tường, trong khi Callum nhìn y giận dữ. Suốt ba tháng vừa qua, anh ta đã luôn gửi điện phản đối Washington, bảo rằng họ điên rồi, rằng đây rõ ràng là một sự lầm lẫn. Cohn chỉ là một tên lang chạ, một kẻ du thủ du thực, và anh ta, Callum, đâu không tìm được lý lịch thật của y, thì cái ý tưởng của Washington cho rằng y chính là Mathieu quả là hoang tưởng. Chắc họ điên rồi. Nhưng vô ích. Dầu hiện giờ Washington tránh đề cập trực tiếp với Callum về con người thật của Cohn, nhưng CIA vẫn giữ ý kiến cũ của họ, cũng như người Pháp vậy: Sự kiện người Pháp canh chừng y thường xuyên và cẩn mật như vậy, cũng như việc Callum được lệnh phải cho nổ tan xác một tên biệt kích người Hoa là chứng cứ hùng hồn cho điều này.

“Dẫu sao thì tôi cũng rất vui khi thấy anh đã hoàn toàn hồi phục sau buổi anh tiếp xúc với thi ca của tôi, cái buổi tối hôm đó ấy mà.”

Callum bực bội càu nhàu. “Anh đi quá xa rồi đấy.”

“Bill ạ, tốt hơn tôi nên nói cho anh biết sự thật. Tôi là một thiên tài khoa học vĩ đại nhất của mọi thời. Tôi vừa có một phát minh kỳ diệu...”

“Ừ, chắc vậy rồi!”

“Tôi đã khám phá ra nguồn năng lượng vĩ đại nhất và rẻ nhất từ trước đến nay.”

“Ừ, hay đấy. Là cái gì vậy?”

“Cút, Bill ạ. La Merde, Drek. Chẳng bao lâu nữa các siêu cường sẽ giết nhau để giành lấy độc quyền cái chất merde trên thế giới này. Đó là vòng nguyệt quế thật sự cho chủ nghĩa duy vật đấy.”

Callum nhòm lên khỏi giường. “Dầu sao, tôi cũng đã có một tin tốt lành cho anh. Tôi chẳng biết tại sao tôi lại làm điều này cho anh, nhưng đây: Bạn bè người Mỹ của tôi rất quan tâm đến tác phẩm của anh, tôi muốn nói đến tranh của anh ấy mà. Họ muốn mua tất cả những công trình mà anh làm ra. Họ còn muốn làm nhiều hơn thế nữa cho anh. Họ muốn mời anh về Mỹ. Có lẽ anh cũng thấy rằng thời gian của anh ở Tahiti đã chấm dứt, hoặc gần như thế. Ở đây anh đã tự tạo cho mình vô số kẻ thù đấy, Cohn ạ.”

Tim Cohn giật thót lên. “Nghĩa là sao?”

“Họ rất vui mừng đón nhận anh ở Hoa Kỳ. Ở đó anh có thể làm việc mà không bị ai quấy rầy. Lại hoàn toàn bảo đảm về mặt kinh tế. Cohn ạ, kinh tế, đó là điều quan trọng đối với nghệ sĩ.”

Cohn vân vê điều thuốc trên đầu ngón tay. Tàn thuốc rơi xuống sàn nhà. “Từ CIA phải không? Tôi muốn nói cái đề nghị ấy?”

Mặt Callum cứng lại. “Anh nói cái quái gì vậy?”

“Thì người ta bảo rằng anh làm việc cho CIA.”

“Vẫn là bệnh hoang tưởng của người Pháp. Họ cứ bảo như vậy về tất cả trí thức Hoa Kỳ, nhất là từ khi cái ông Arthur Schlesinger tuyên bố những điều điên rồ trên TV. Hoàn toàn điên rồ. Và lại, họ không hiểu rằng trí thức Mỹ không bao giờ làm việc cho CIA. Chính CIA làm việc cho người trí thức. Đúng thế đấy Cohn ạ, đó là nước Mỹ của chúng tôi. Họ nhận lệnh từ chúng tôi. Và điều kỳ diệu của trí tuệ là nó luôn luôn phát ra từ vị trí đỉnh cao. Nó chịu trách nhiệm tất cả mọi sự. Thế đó.”

Callum đứng dậy, khá nhanh nhẹn đối với một khối thịt mỡ khổng lồ như vậy, đi xuống cầu thang, để lại đóa hoa hồng trên giường ngủ.

Cohn gục đầu vào hai cánh tay. Rồi y cảm thấy một bàn tay dịu dàng đặt lên vai và y nhướng mắt lên.

Meeva đang nhìn y một cách kỳ lạ: “Cohn, trông anh có vẻ sợ hãi.”

“Thì tôi đang sợ hãi.”

“Tại sao?”

Y áp má mình vào bàn tay Meeva. “Từ bao giờ con người cần phải có lý do mới cảm thấy sợ hãi?”

15

Y trải qua một đêm thức trắng, và đến sáng hôm sau nỗi sợ hãi và lo âu vẫn tràn ngập người y. Người duy nhất ở đây y có thể tìm đến là Bizien. Vào lúc tám giờ sáng, y tóm được Bizien tại nhà một ả Vahine, tình nhân của ông ta.

“Tôi phải đi khỏi đây.”

Bizien không hề hỏi tại sao. Danh dự của bọn giang hồ với nhau mà. “Tôi không thể đưa anh bí mật ra khỏi đảo được. Hiện giờ an ninh rất chặt chẽ, do cái vụ thử nghiệm hạt nhân sắp diễn ra ấy mà.”

“Nhưng mà tôi không thể đợi được.”

“Tình trạng tệ đến thế sao?”

“Tệ lắm.”

“Phải cho tôi thời gian. Nghe này, tại sao anh không qua bên bán đảo? Ở đó tôi có thể đưa lặn anh ra khỏi xứ này dễ dàng hơn.”

Bán đảo Taiaropu là bộ phận rộng nhất của Tahiti, vùng núi non xanh mướt cây cối dày đặc, như một cuộc đấu tranh thường xuyên giữa núi non và cây cỏ. Chỉ có những đỉnh núi nhô vút lên là thoát khỏi cái chiến trường hỗn độn đó.

Bizien tiếp “Đó là vùng cuối cùng của Tahiti còn xứng đáng với danh hiệu “Thiên đường trần thế.” Hiện tôi đang triển khai ngành du lịch ở đó. Đây là nơi lý tưởng để dựng cảnh Adam và Eve trong vườn Địa đàng. Hẳn anh đã biết tôi bị phiền phức với cái gã Sarrazin và cái ả Vahine của gã ở Pouaavia. Anh nhận công việc này đi. Một cái cơ hoàn hảo để anh ra khỏi nơi đây.”

Cohn cảm thấy nhẹ nhõm hơn một chút. Y đi bộ về nhà, lấy vông mắc lên hai cây Purau có cành đan chéo nhau chẳng chịt đến nỗi nhìn lên bầu trời chỉ thấy những đóa hoa xanh ngắt. Meeva cũng đến nằm cạnh y, thân thể ấm áp đầy đặn như che chở cho Cohn trước thế giới bên ngoài. Mặt trời xuyên qua cành lá, chỉ tìm thấy họ đang chơi trò đùa tìm chỗ trú ẩn an toàn bằng cách ôm cứng lấy nhau trong im lặng. Rồi đêm đến che giấu Cohn với vẻ xao xuyến thường lệ của nó đối với những con người trốn chạy.

Mặt trăng nhìn xuống họ bằng ánh mắt bạc lộng lẫy; biển phủ một màu trắng dịu của niềm khát vọng nguyên sơ không bao giờ phai nhạt; những con đom đóm chuyển động lửa nhỏ trong đêm xanh thẫm, như những chàng Diogenes tí hon miệt mài theo đuổi niềm khát khao vĩnh cửu của mình.

...

Họ rời đảo sáng hôm ấy, sau khi đứng lại một lúc để chúc lành cho cái nơi đã thành lảng mộ được sùng kính nhất của họ.

Mùa xuân như giấu kín trong đám cây lá dày đặc của thung lũng Vaiha, nơi mà, theo những lời truyền khẩu do viện Smithsonian ghi lại, những bài ca ute về “vị thần vô biên” đã ra đời. Chính bài hát này hiện giờ không còn ai biết đến ở Polynesie nữa, chỉ còn một vài câu, vài đoạn là thỉnh thoảng người ta còn nghe thấy trên cặp môi lặp bập của những người già nhất.

Sau một giờ đi xuyên qua con đường hầm cây lá, họ đến một dòng suối trong chảy qua đá. Hai bên bờ, các cành cây nặng trĩu rêu phong quần quai vươn qua suối để nắm lấy nhau.

Cây cối ở đây mọc nhanh và dày đến nỗi chúng đè nén âm thanh của dòng suối thành chỉ còn một tiếng thì thầm, còn cây leo thì trải dài đến độ vươn ngang từ bờ này đến bờ bên kia. Chính trên những giàn dây leo này mà trước kia thần linh đem phơi bộ da của những người bị

giết để tế thần, phơi xong mới sơn lên hai màu vàng, đỏ, màu mà thần linh ưa thích nhất.

Cohn không có ý mong đợi tìm thấy “vị thần vô biên” ở nơi trú ẩn này, bởi hình ảnh duy nhất trên trần thế của thần thì hiện nay đang được giữ trong lồng kính ở Viện Bảo Tàng Heidelberg. Nhưng vẻ đẹp của nơi này chỉ có thể là vẻ đẹp từ vị thần đã khuất đó, vị thần đã cẩn thận cởi bỏ hết vẻ rực rỡ của mình trước khi bị mang đi xa, bởi thế cái đẹp huyền bí của thần vẫn còn lại để ngự trị trên những dòng nước ở đây.

Dòng suối từ trong lòng đất sâu tung một dải bọt trắng xóa hòa lẫn với bóng cây đu đủ, nhài, thược dược cùng dương xỉ, tất cả quay cuồng trong một vũ khúc ngăn ngui rồi biến đi trước một đợt nước sủi bọt, rồi lại tái hiện trong khoảnh khắc. Trên kia, cao hơn cả những ngọn dương xỉ là những cây gỗ tẻch màu nâu đồng và vàng óng, nổi bật lên giữa một thế giới của đám cây chưa ai biết đến đầy màu xám và đen, như thể mang dấu vết của ngọn núi lửa đã chết, đã từng giận dữ sục sạo khắp mặt đất hầu tìm lại vài hạt giống của thánh thần. Các tảng đá rêu phong đã bám chặt, loang lổ bởi các chùm hoa dại mỏng manh, vẫn vươn tấm thân đen lách sừng sững giữa vô vàn bụi nước trắng xóa như những thiên hà trong vũ trụ. Cả một đám mây bướm bướm chập chờn trên các tảng đá nơi “vị thần vô biên” này đứng và cũng là nơi - Meeva đã nói như thế - thần đã giao phối với người đàn bà đầu tiên vừa nhô lên từ moana, tức “đại dương sâu thẳm.” Chính từ cuộc hội ngộ này - mà bài ute kể lại bằng một giọng trầm buồn - mà một số đảo san hô ra đời, dầu không ai có thể nói rõ là đảo nào, bởi nói tên chúng ra sẽ làm chúng bị những ngọn thủy triều khủng khiếp hủy diệt tức khắc.

Meeva đã nói như thế.

Chẳng có gì của quá khứ đó còn lại nơi những tảng đá trơ trụi này, ngoại trừ lớp phấn hoa tím thắm rơi từ cây baratane xuống.

Họ lội ra suối đến tận háng, và để chiều theo thói thúc nghệ thuật của Cohn về vị thần đã khuất, họ còn phải leo qua rừng tre dày đặc vẫn còn bao bọc lấy khu này với những đợt trắng như đuôi nheo của các hiệp sĩ thời cổ đại.

Vừa leo lên tảng đá là niềm hứng khởi của Cohn trỗi dậy. Y cởi quần, trải ra trên mặt đá ba-dan để đầu gối của Meeva và của y khỏi bị trầy xước và khi Meeva tháo chiếc Pareu ra thì y buông mình theo thói thúc sáng tạo, cái cảm giác quyền lực mà từ đó cả thần và người ra đời...

Trên đường xuống lại phía dưới, Cohn ngạc nhiên thấy một cái bóng trắng quen thuộc thấp thoáng sau hàng cây: chiếc áo dài trắng xắn lên, một tay cầm chiếc vợt bắt bướm, tay kia xách một chiếc va-li, cha Tamil trẻ tuổi vội vã lội ngược lên dòng suối, nước ngập đến đầu gối, với sự nhanh nhẹn, khéo léo về thể xác cũng tương đương với sự nhanh nhẹn về trí tuệ của ông ta. Khi trông thấy Cohn, cha Tamil dừng lại và thốt ra một tiếng thở dài nhẹ nhõm.

“Vây là ông đây rồi”, ông ta chỉ nói vậy, và trên đôi môi của một tu sĩ dòng Dominicain, cách nói đó chỉ cho thấy một tâm hồn đang thực sự lo âu.

“Thì tôi đây”, Cohn nói. Y rất hài lòng, bởi y đắm mình trong các trò giả mạo thường xuyên đến nỗi khi có ai xác nhận sự hiện hữu của mình, y cảm thấy yên tâm. “Có chuyện gì vậy?”

“Tôi cứ tưởng họ giết chết ông... ờ, tôi muốn nói có một ai đó giết ông trên kia. Tôi nghe thấy tiếng gào thét như một con vật bị thọc tiết. Nghe như tiếng thét của nạn nhân trong lễ tế thần, dầu rằng tập tục đó ở các đảo này đã bãi bỏ từ lâu rồi.”

“Chỉ là do tôi gào đó thôi”, Cohn thừa nhận không cần khiêm tốn.

“Chuyện gì xảy ra vậy? Có ai định giết ông sao?”

“Không, chỉ là do Meeva và tôi đang vùng vẫy trong hạnh phúc cực độ đó thôi.”

Vị linh mục dòng Dominicain tỏ ra rất quan tâm. “Ông vẫn thường gào rú như thế trong những lúc hạnh phúc nhất trên đời à?”

Cohn nhìn xuống đất, khiêm tốn, chân quơ nguệch ngoạc. Meeva thì lẩm bẩm một điệu hát trong cổ họng, miệng ngậm chiếc kim găm, tay đang vuốt lại tóc.

“Thế cha đang làm gì ở đây với chiếc vợt và cái vali vậy?” Cohn hỏi.

“Thì tôi đến đây để làm các nghi thức cuối cùng cho Tù Trưởng Wiriamu đang hấp hối dưới kia, trong làng. Vẫn nghe nói tại đây có một vài loài bướm quý... Ồ, mà ông Cohn ạ, đúng ra ông không nên hú lên như vậy, phải chừa lại một cái gì cho thú vật chứ.”

Ông ta nhìn theo họ khuất trong các bụi cây xanh mướt, rậm rạp. Sau đó, vẫn với vợt bắt bướm và vali, ông nhanh nhẹn leo lên đỉnh núi, quỳ xuống trên tảng đá, đứng ở chỗ mà xưa kia người Maori hiến tế cho vị thần thân yêu của họ để được thần che chở, nhưng rồi thì thần cũng đã không cứu được Polynesie thoát khỏi tay các vị thần từ phương xa được trang bị kỹ thuật tốt hơn nhiều.

Tamil mở chiếc vali, lấy ra một máy phát sóng ngắn và đặt xuống tảng đá thiêng. Ông nghĩ, môi nhếch lên trong một nụ cười hài hước, đây đúng là một chỗ rất thích hợp. “Vị thần vô biên”, đúng là cái tên hoàn hảo để gọi chiếc máy phát sóng.

Do có nhiều núi non che khuất chung quanh, chiếc radio phải cần thêm thiết bị trợ giúp. Tamil bèn vặn cần chiếc vợt bắt bướm, lấy ra một cần ăng-ten. Ông cắm vào máy và bắt liên lạc.

“Mozon?”

“Mon Capitaine? J’écoute, mon capitaine.” Giọng Mozon nghe có vẻ vừa nóng nảy vừa lo âu.

“Ồn cả rồi. Anh có thể gọi toán lính về. Anh ta không cần ai giúp đỡ đâu. Hồi này tôi cứ tưởng họ ám sát anh ta, nên gọi gấp người can thiệp. Hóa ra chẳng có chuyện gì như vậy cả.”

Tamil vén áo, ngồi xuống trên tảng đá ướt. Ông ta móc túi lấy ra một gói Gauloise màu xanh, châm một điếu thuốc bằng chiếc bật lửa bằng vàng, cố tránh các bọt nước bắn vào.

“Vẫn chưa có trả lời từ Hồng Kông à?”

“Hoàn toàn không. Hẳn đại úy đã biết quan điểm của tôi.”

“Có thể anh nói đúng đấy.”

“Lần này hẳn họ sẽ sử dụng một số người có sẵn ở đây. Danh sách của lão Chong về những người “có thể là của họ” có đến 34 tên. Tuổi từ 18 đến 26.”

“Ừ, thì thời đại của Vệ binh Đỏ mà.” Tamil trả lời, “Chúng ta thua mất. Ước chi Paris lắng nghe đề nghị của tôi. Bảo hẳn chúng ta biết hẳn là ai. Bảo hẳn chấm dứt cái việc chạy trốn khỏi chính hẳn đi. Bây giờ hẳn phải biết rằng hẳn chẳng thể trốn được... khỏi chúng ta cũng như khỏi chính hẳn.”

Tamil ném điếu thuốc bị ướt, châm một điếu khác. Radio im lặng, ngoại trừ tiếng sè sè thường lệ như tiếng chiên cá. Những bức tường màu đỏ, vàng, trắng của thiên nhiên bao bọc quanh ông ta như xâm lấn, dọa nạt. Thực vật chống lại động vật, Tamil nghĩ. Sớm hay muộn, thực vật rồi cũng sẽ thắng thôi, có lẽ với sự giúp đỡ của chính động vật. Tamil không ưa cái ý tưởng của De Gaulle về bom hydrogen ngay tại quả tim của Polynesie này. Đó là sự hủy diệt nếu không phải cả cái “thiên đàng trên mặt đất” thì ít nhất cũng là hủy diệt một trong những huyền thoại cuối cùng của thế giới này.

“Đêm trước hẳn viết liền năm tiếng đồng hồ trên cát, xong dùng chân xóa hết tất cả, dầu vậy, hẳn còn chờ cho đến khi sóng biển xóa thêm một lần nữa. Hẳn không cưỡng nổi ham muốn sáng tạo, rồi lại xóa bỏ hết phía sau mình.”

Tiếng từ trong máy cười hỏn hển như lên cơn suyễn. “Ông có vẻ hơi bối rối đấy, Mon Capitaine.”

Tamil đưa mắt nhìn cả thế giới thực vật chung quanh. Có vẻ như chúng lại gần ông hơn. Ông nghĩ: văn học, huyền thoại. Những vị thần

vô biên. “Anh nói đúng đấy, Mozon ạ. Trước hết, ở đây thật cô đơn. Có bao giờ đến đây chưa, Mozon?”

“Chưa ạ.”

“Tất cả cây cỏ quanh đây như a) đang chờ đợi một cái gì; b) Ở đây thời gian như vô tận; c) Chúng như chờ đợi chúng ta đi xuống và chạm vào đất, khi đó cuối cùng chúng có thể nuôi dưỡng bằng các chất phốt-phát, chất khoáng, bất kỳ chất nào khác từ chúng ta. Tại một nơi như thế này, chính là thực vật chống lại động vật...”

“Tôi không hiểu: Ai chống ai vậy...”

“Thôi. Không có gì. Tôi đã bảo Paris hãy thôi cái trò mèo vờn chuột với hăn. Bảo thẳng với hăn rằng một kẻ gây phiền phức như hăn, một kẻ mang cả một kho tàng như thế trong đầu, thì không thể nào chạy trốn được đâu. Hăn là một kẻ nguy hiểm vì rất khó đoán trước, không ai có thể chắc hăn có thể đột nhiên đứng về phía nào.”

“Xin đại úy chờ một lát.”

Tamil nhả một hơi khói, ngồi chờ, tay khum khum trên điệu Gauloise để che đám bụi nước.

Tiếng của Mozon căng thẳng. “Thưa đại úy, có tín hiệu KTSW từ Paris. Đang giải mã liền đây. Đại úy chờ nghe chứ?”

“Nhanh lên. Tôi đang ướt mềm đây rồi.”

Tamil ném điệu Gauloise dầm ướt. K thay cho KGB. Thế là người Nga cũng đã đến, sau người Mỹ và người Trung Hoa. Tamil không thể không nở một nụ cười, một nụ cười thân thương. Thế là cả đại gia đình đều đủ mặt hết.

Người đàn ông mà tên không phải là Victor Turkassi ngồi trên giường, run rẩy trong bộ áo ngủ, cổ đút chân vào đôi tất. Tay gã run quá còn ý chí thì suy nhược. Đút trượt, và đối với một kẻ chuyên nghiệp sẽ phải dùng đến súng trong một hoặc hai tiếng đồng hồ nữa, thì quả là gã đang ở trong một tình trạng không hoàn hảo chút nào. Suốt ba mươi tám giờ qua, gã đã nằm trùm mền, người sốt cao độ mà không dám gọi bác sĩ thậm chí không dám gọi bồi đem một cốc trà, vì sợ trong khi mê sảng lỡ nói ra một điều gì đó làm lộ thân phận chẳng. Gã bị nhiễm sốt rét trong thời gian ở Bắc Việt Nam, nhưng đã cố thu xếp để điều này không ghi vào hồ sơ KGB của mình. Họ không đưa những nhân viên từng bị sốt mê vào thực hiện các chiến dịch ở Tây Bán Cầu, mà con người tên không phải là Victor Turkassi thì không muốn chôn phần đời còn lại của mình ở bàn giấy tại Moscow.

Cuối cùng gã cũng đi được đôi tất và mặc quần áo: một bộ kiểu Philippine, áo sơ mi hồng in hoa, chiếc nón rơm y nhật được ở Waikiki, nơi gã phải mất đến ba tháng trời cực nhọc để xóa bỏ một mạng lưới đã bị điệp viên Trung Hoa xâm nhập. Gã vốn là chuyên gia giải quyết những mạng lưới bị “bệnh” mà. Sau khi đại tá Abel bị bắt ở Mỹ, gã đã kịp thời cứu được một tổ chức đã bị cả FBI lẫn CIA nắm được đầu mối trong tay. Nhờ thế tổ chức này hiện tiếp tục hoạt động. Người tên không phải là Victor Turkassi hoàn toàn ý thức giá trị của mình, vì thế gã rất kinh hãi khi được giao phó sứ mạng này ở Tahiti. Như thế là lòi gã trở lại giai đoạn mới vào nghề. Đã lâu rồi gã không sử dụng đến súng ống, ngoại trừ trong những buổi tập vì đã hơn tám

năm rồi, gã đâu có đeo súng trong mình. Những chuyện lật vạt phải sử dụng đến thứ đó gã đều giao cho cấp dưới. Gã biết rằng do gã hiện đang ở Honolulu và cũng là nhân viên chiến dịch duy nhất tại đây mà trung ương ra lệnh cho gã phải trực tiếp và tức khắc giết chết một nhân vật. Gã bức tức vì cái căn bệnh sốt rét quái ác làm cho việc thi hành phải chậm mất gần hai ngày. Bây giờ gã ngồi trên giường, áo quần đã mặc xong, gã cố ráp từng mảnh khẩu Luger mà gã đã tháo tung từng bộ phận, vất rải rác trong cái xách hành lý. Tay gã run đến nỗi phải mười phút mới ráp xong. Như thế này thì không bảo đảm chút nào. Gã biết rằng chỉ cách vài ba thước gã dám bắn trượt như chơi. Chắc phải bắn cả loạt mới được.

Gã cảm thấy bị xúc phạm khi một người có giá trị và ở cấp bậc như gã bị giao đi làm công việc của một tên giết người. Vào thời gian thích hợp sau này, chắc gã phải chính thức phản đối, nhưng bây giờ thì gã phải làm theo mệnh lệnh đã. Mệnh lệnh gửi tới Honolulu cho gã, không chỉ đi kèm ám hiệu cho biết là “ưu tiên tuyệt đối” - sự lạm phát của từ “ưu tiên tuyệt đối” từng là nguồn gây nên bức bối và xung khắc trong Sở - mà còn thêm dấu hiệu “S”; lần thứ hai trong cuộc đời nghề nghiệp gã mới nhận được chỉ thị “nóng” đến như vậy. Dấu hiệu “S” có nghĩa là “quan trọng sống còn đối với nền an ninh của Liên Xô.”

Vậy mà, mặc dầu tính cách quan trọng và khẩn cấp hiển nhiên của mệnh lệnh, mọi thứ trong cái thông điệp đó đều có vẻ hấp tấp, lộn xộn và rõ ràng là hoảng loạn. Gã chỉ đọc qua là thấy ngay như vậy và điều đó chẳng làm gã yên lòng chút nào. Gã vốn rất kiêu hãnh về tính chất chuyên nghiệp của mình và rất ghét phải nhận chỉ thị có vẻ như do những tay tài tử đưa ra. Trông như là chỉ thị của các tay mơ từ MI5, những nhà quý tộc chỉ biết chơi gôn và trong nhiều năm trời nhắm mắt nhận lệnh của Kim Philby, người điệp viên tận tụy của Xô Viết cài vào Sở Tình báo Anh. Người mà tên không phải là Victor Turkassi rất ghét thấy KGB của mình lại đưa ra những chỉ dẫn vụng về như vậy.

Trước hết, qua chỉ thị, có thể thấy rằng họ hành động dựa trên thông tin từ Tahiti, điều này có nghĩa là có một nguồn đáng tin cậy ở đó. Gã trả lời tức khắc, yêu cầu được tiếp xúc với nguồn đó. Câu trả lời đến trước khi gã lên máy bay đi Tahiti hai tiếng đồng hồ, nhưng trước cái tên của người gã sẽ gặp có đánh hai dấu hỏi, điều đó có nghĩa là hẳn ta là nhân viên nhị trùng, ngoài ra còn có ghi một ký hiệu bảo gã tránh gặp nhân viên đó! Thế mà họ lại không hề do dự tiến hành một chiến dịch “quan trọng sống còn” trên cơ sở một thông tin do một nguồn tin đáng ngờ cung cấp! Họ lại còn không ngần ngại điều động một nhân viên cấp cao, một đại tá KGB như gã thực hiện, trong khi quy luật muôn đời của bất cứ cơ quan tình báo nào “nếu nghi ngờ có bẫy, không bao giờ nên liều hơn một con chuột.” Nhưng cái điều khiến cho gã giận điên lên là cái ký hiệu đi kèm thông điệp ghi rằng nếu gã bị giết, thì phải thực hiện tất cả những bước cần thiết để xác gã khỏi rơi vào tay chính quyền sở tại! Cái mệnh lệnh như vậy giả định rằng ít nhất phải có hai nhân viên hay cả một tổ chức tại chỗ chứ, thế mà gã được gởi đi đơn độc, lại được lệnh tránh tiếp xúc với nhân viên địa phương. Nói cách khác, nếu gã bị giết, gã... phải thanh toán cái xác của mình đi! Cái người tên không phải là Victor Turkassi, vốn rất hãnh diện về cơ quan mà gã phục vụ, hoàn toàn bất mãn với cái mệnh lệnh ngu xuẩn này. Thôi thì gã phải ùa tới Tahiti, giết một “bộ não” có lẽ đang nghỉ hè tại đây và mang về bất cứ tài liệu nào gã có thể tìm thấy.

Toàn bộ chuyện này chắc có liên hệ đến vụ thử nghiệm hạt nhân của Pháp tại Mururoa, và tại phân bộ “kiểm soát khoa học” của KGB, cũng có tin xì xào rằng các nhà khoa học Pháp đang nghiên cứu một loại vũ khí nào đó hoàn toàn mới, hiện đang sắp có bước đột phá trong lãnh vực năng lượng. Một nhân viên cấp bậc như gã được phái đi trong một sứ mạng ngẫu hứng mà không được biết toàn thể tình trạng thì thật là khó hiểu. Điều này chỉ có nghĩa là: Kremlin thúc sau lưng KGB và trong trường hợp như vậy, các vị lãnh đạo ở cơ quan này hoảng lên.

Gã nạp đạn vào súng rồi bỏ vào túi áo. Lâu quá không tập luyện đến nỗi gã cảm thấy mình gần như một tên găng tơ Hoa Kỳ. Quả là họ gọi một viên đại tá đi làm công việc đâm thuê chém mướn.

Người mà tên không phải Victor Turkassi là dân xứ Georgia, có đôi vai rộng và bộ ngực của một nhà đô vật, cặp lông mày rậm trông càng đen dày hơn dưới cái đầu hói, mũi ngắn khoằm trên bộ râu nâu. Họ thường bảo gã trông giống Kaganovitch, người em rể của Stalin.

Gã rời khách sạn, leo lên chiếc Volkswagen thuê sẵn, và lái đến Pouaavia. Tại đây gã đậu xe cách ngôi nhà trệt chừng nửa dặm. Ngay sau khi đến Tahiti vài giờ, gã đã đi nghiên cứu ngôi nhà này, nhưng chỉ thấy một tu sĩ dòng Dominicain và một người nữa đang nói chuyện trước cửa nhà.

Gã chậm rãi bước quanh nhà dưới tàn cây chuối trong vườn. Gã không có một ý tưởng nào về việc người gã sắp giết trông như thế nào. Đây hẳn là một trong những kế hoạch có tính toán của Moscow. Gã định sẽ kiểm cách làm quen với đối tượng trước, để chắc chắn đúng là người cần tìm, rồi mới khởi sự.

Đầm nước chỉ cách nhà chừng vài chục thước. Toàn bộ quang cảnh trông quá yên lành, dễ chịu.

Cửa nhà mở rộng, gã bước vào, nhẹ nhàng đóng lại phía sau. Gã thấy mình đứng trong phòng vẽ của một họa sĩ. Tranh vất trong góc, một chiếc giường, cầu thang bên trái. Bên phải có tấm màn bằng tre và vỏ sò. Gã tiến lại phía đó và toan đưa tay kéo bức màn.

Đột nhiên gã thấy xuyên qua bức màn một mũi súng chĩa về phía mình. Người mà tên không phải là Victor Turkassi phản ứng tức khắc như người điệp viên trẻ tuổi mười lăm năm trước. Gã nhảy sang một bên, móc súng và bắn chỉ chậm một giây sau người bên kia màn.

Người tên không phải là Victor Turkassi trúng đạn phía bên phải. Đồng thời gã nghe thấy tiếng rên sau bức màn kia. Và gã kéo màn ra.

Người Trung Hoa mập tròn đang ngồi bệt trên sàn nhà bếp, lưng dựa vào tường, hai tay ôm lấy bụng như thể đang ấm một đứa bé vậy.

Nước mắt chảy dài trên đôi má mập ú, điểm đó khiến cho con người mà tên không phải là Victor Turkassi biết rằng đó không phải là một tay chuyên nghiệp. Bản thân gã không cảm thấy đau đớn lắm, mặc dầu gã biết rằng viên đạn đã trúng vào gan hay thận của gã và gã chỉ còn mang cái sức mạnh vốn nổi tiếng của người xứ Georgia chừng hơn mười phút nữa. Mười hoặc mười lăm phút. Rồi gã sẽ chết.

Tay nghiệp dư người Hoa vẫn khóc. Trên sàn là khẩu Mauser, cuốn tập và giấy. Cửa nhà bếp mở rộng, từ bên ngoài vọng vào những âm thanh yên bình của một mùa hè vĩnh cửu.

Gã vẫn đứng yên. Không phải gã còn sức mạnh, chỉ thuần nhờ ý chí. Gã chợt bắt gặp mình đang nghĩ đến vợ và đứa con trai ở Moscow; gã vẫn luôn biết rằng với nghề nghiệp của gã người ta không nên có vợ con. Natacha ba mươi ba còn Vassia lên tám. Thôi vô ích, chỉ là ý tưởng của những tay nghiệp dư. Gã nhớ đến mặt hiệu. Gã phải loại bỏ thân xác mình bằng mọi giá trước khi chết. Chỉ có chuyện đó là quan trọng nhất hiện giờ. Gã cố bước một bước về phía cửa, với ý định tự thủ tiêu xác gã: bằng cách ném mình vào đại dương. Nhưng sức mạnh của gã thoát đi rất nhanh, gã sụp xuống trên một chiếc ghế mây cạnh người Trung Hoa. Gã cúi xuống và đưa chân đẩy cuốn tập trên sàn nhà.

“Có gì... ở đây không?” Gã hỏi bằng tiếng Anh.

Chong Fat ngược nhìn lên với vẻ vừa dịu dàng vừa trách móc. Dịu dàng với mình và trách móc với người kia. “Người... người Mỹ?” Lão lắp bắp, “Nhưng tại sao? Tôi... tôi làm việc cho người Mỹ... cho thế - thế giới tự do. Tại... tại sao giết... giết tôi? Ông... ông là ai?”

“CIA.”

“Vậy tại sao? Chẳng phải tôi đã báo... báo tin cho... cho các ông? Người... người của CIA ở đây...”

Người tên không phải là Victor Turkassi ngạc nhiên vì tính chất chuyên nghiệp của chính mình. Chỉ còn một vài phút trước khi chết,

gã vẫn cố nghe người Trung Hoa đang chết kia thốt ra tên của nhân viên CIA ở Tahiti. Nhưng Chong Fat đã mất máu quá nhiều.

“Trời ơi”, lão thều thào, “Tôi chết mất. Tại... tại sao ông giết... giết tôi. Tôi làm việc cho ông... cho CIA. Tại...”

“Ông bắn trước...”

“Tôi cứ tưởng là bọn Tàu!” Người Trung Hoa lắp bắp. “Chúng tôi đây lại... theo dõi... tôi... Tôi lấy khẩu súng... Tôi sợ...”

Con người chỉ còn là Nikolai Vassilievitch Ordjonikidje ngồi cứng người trên chiếc ghế mây, đầu ngửa ra sau, máu cạn dần. Gã thấy cả chục lão người Hoa béo mập quay cuồng trước mặt. Nhưng ít nhất gã cũng không còn thấy khuôn mặt vợ con nữa. Tình cảm không cần thiết. Gã hạ mắt xuống nhìn cuốn tập một lần nữa.

“Tìm được gì không?”

“Không có gì cả!”, Chong rên rỉ. “Không... không một dấu vết nào... Trời ơi.”

Người đàn ông hầu như không còn là Đại tá Nikolai Vassilievitch Ordjonikidje nữa, mắt nhắm nghiền, hai tay bấu chặt lấy thành ghế.

“Chẳng có gì cả!”, Chong gào lên, “Ông giết tôi chẳng vì gì cả!”

Không, không phải chẳng vì gì cả. Những rặng núi xa, đám tre con, các vườn nho ở Caucasia của thời thơ ấu của gã trôi qua trước đôi mắt nhắm nghiền. Cho tất cả những điều đó. Gã có thể thấy rõ ngôi nhà, hàng cây, dòng sông... giống y như trong những ngày xưa của Pushkin và Lermontov. Cho tất cả những điều đó. Rồi gã nghe tiếng chân bước và cố mở mắt ra. Gã thấy tấm màn tre rẽ ra nhẹ nhẹ và khuôn mặt trắng của một người đang cúi xuống bên gã. Gã làm một nỗ lực tuyệt vọng để chết trước khi quá muộn. Gã đã từng thấy nhiều người tốt phản bội lại tổ quốc của mình mà không hề hay biết khi thở hơi cuối cùng.

Gã nhòe dậy, hy vọng nỗ lực này sẽ làm gã chết ngay, gã đứng lên, lắc lư, sẵn sàng chống lại kẻ thù cuối cùng bằng cái sức lực nhỏ nhoi còn sót lại trong người.

Người đàn ông mà tên không phải là Tamil nhìn kẻ lạ có khuôn mặt và thân hình của một người đô vật Thổ Nhĩ Kỳ đang đứng lắc lư trước mặt. Ông ta nắm cánh tay gã, dìu gã ngồi xuống, xem xét sơ người gã. Một viên đạn trúng gan. Chỉ còn vài phút.

Rồi ông ta quay qua cái ông Phạt mập ú đang ngồi trên sàn, hai tay ôm lấy bụng.

“Chong Fat, đồ điên. Tôi đã bảo ông tránh chuyện này ra.”

Chủ nhân của Quán “Thức ăn Quảng Đông chính hiệu” ở Tahiti đang chết rất nhanh. Lão ngược mắt lên nhìn ông điệp viên người Pháp với cặp mắt mở tròn trong đau đớn và kinh hãi. Bên ngoài, đại dương bắt đầu cơn gầm thét buổi chiều trên gầm đá.

“Mon... mon capitaine... Tôi nhận lệnh... của Bắc Kinh... Mười một người trong gia đình... con tin. Phải làm... cả người Nga... không có chọn lựa... Tôi ghét bọn Đỏ... nhưng phải làm... còn người Mỹ...”

“Còn nước Pháp thì sao, lòng ái quốc của ông đâu?”

Một nụ cười dịu dàng thoáng hiện trên môi Chong. “Đúng, tôi là... người Pháp. Người Pháp tự do... yêu nước... Croix de Guerre... Vive la France! Bonne mère...”

Người nhân viên của SDEC cảm thấy cổ họng mình thắt lại: người Trung Hoa duy nhất trên thế giới nói tiếng Pháp đúng giọng lính sen đầm xứ Corse đang sắp đi gặp các tổ tiên người Gaulois của mình.

“Điều đó không giải thích được tại sao lão lại báo tin cả cho người Nga nữa”, ông ta nói nhẹ nhàng.

“Áp lực. Bọn Tàu bảo tôi... làm việc cho người Nga, rồi nói hết cho... chúng ta. Hoàn cảnh rất... khó khăn đối với một nhà doanh nghiệp...”

Người điệp viên tứ trùng thì thào một điều gì nghe như tiếng thờ hơn là lời nói, rồi mắt lão cứng lại trong một vẻ ngơ ngác vô cùng tận. Rồi im lặng. Người mà tên không phải là Tamil nghe tiếng ghế cọt két sau lưng, ông ta quay nhìn lui và thấy gã người Nga đứng lên lại, đang

quan sát cái chết của chính mình trên khuôn mặt vàng ệt của người kia.

“Tôi thấy là ông vẫn còn dự định, phải không?” Người Pháp nói lạnh lùng. “Định cướp một chiếc máy bay chắc?”

Có những lúc như lúc này, người tên không phải là Tamil thấy thù ghét cuộc đời mà mình đã sống, và thù ghét những kẻ như ông.

Người tên không phải Victor Turkassi cảm thấy một sức mạnh mới, như sức mạnh cuối cùng từ trái tim trước khi vỡ tan.

“Tôi là một sĩ quan... KGB.”

“A, chào đồng nghiệp. Rất vui được gặp ông.” Mặt trắng đi vì cơn tức giận, người nhân viên của SDEC đưa tay chỉ chiếc ghế. “Ngồi xuống đi, ông bạn. Cứ tự nhiên như ở nhà. Thuốc lá nhé? Một ly Scotch, hay Vodka? Đừng bảo là ông phải đi ngay đấy.”

“Người Pháp và người Nga...”

“Thế nào ạ?”

“Là bạn. Ông chẳng có lợi nếu để cho... cảnh sát thường... tìm thấy tôi ở đây. Không tốt cho quan hệ... giữa hai nước.”

“Vậy thì?”

“... hãy hủy xác tôi đi.”

“Được, với điều kiện cho tôi biết tên thật của ông.” Người Pháp nói nhanh. Đây quả là một cơ hội bằng vàng. “Ông nghe tôi nói không? Rồi chúng tôi cũng sẽ tìm ra thôi, nhưng phải mất hàng tuần. Vậy, ông nói cho tôi biết tên thật của ông và tôi hứa sẽ vùi ông xuống biển ngay sau khi ông chết. Cả trước khi ông chết cũng được, nếu ông yêu cầu. O.K?”

Người tên không phải là Victor Turkassi gục đầu xuống như một con bò tốt sắp ngã quy. “O.K”, giọng gã khàn đi, rồi gã cố thẳng người lên. “Tôi tên là Victor Turkassi.” Gã gờ lên rồi gục chết trong cánh tay của người tên không phải là Tamil.

Hai tuần Cohn ở bán đảo là những ngày hạnh phúc yên bình nhất trong cuộc đời y. Chỉ có một số du khách cương quyết lắm mới chịu bỏ ra hai tiếng đồng hồ đi bằng thuyền độc mộc để đến viếng thăm cái nơi được gọi là “Adam và Eve trong vườn Địa Đàng.” Y không thấy dấu hiệu nguy hiểm, không dấu vết kẻ thù, gần như không sợ hãi.

Vị Hoàng đế ngành du lịch đã khéo chọn nơi đây. Ông ta cho dọn sạch một ngọn đồi, không cao hoặc dốc quá để có thể làm nản lòng du khách. Ngọn đồi nhìn xuống một đầm nước xanh ngắt nơi đó cái nhành san hô kết hợp lại với nhau thành những hình dáng đẹp kỳ ảo. Quang cảnh trên ba ngọn mang tên Hutu Hutu thì thật phi thường. Hutu Hutu là vị thần chúa tể sáng tạo ra các vị thần khác, những kẻ kém quyền năng hơn nhưng lại hữu dụng, và khi mà thần chúa tể thấy không hài lòng về các tác phẩm của mình, thần bèn ném họ xuống biển, từ đó mà sinh ra các đảo Tuamotus và một số đảo ở Marquesas. Meeva đã nói như thế trong khi ngồi bên bờ đêm chải tóc còn Cohn nằm lăn trên cát trắng, trong đêm tối dường như càng trắng hơn. Y ngắm dáng Meeva nổi lên trên dải Ngân hà, đang chải từng ánh sao ra khỏi bầu trời.

Có những cơn mưa bão từ đằng xa với ánh sáng chói lọi đang gầm vang rền trên đường đâm xuyên thủng qua bầu trời với tất cả sức hung hãn của thời khai thiên lập địa. Thế là những mảnh vỡ của bầu trời rơi xuống biển sâu. Nhưng cũng có những cơn mưa bão khác thầm lặng hơn; sấm chớp của chúng không đến thấu được trái đất bởi trên đường đi đã bị ngăn chặn bởi các vệ sĩ canh gác cho sự yên bình của

các thủ lĩnh của thần Arii đang ngủ trong mây, tức nơi của vị chủ nhân của quần đảo thiên đình nghỉ ngơi sau một ngày bận rộn.

Từng chùm sao rơi, đó là những người vợ trắc nết bị thần Arii phần nộ ném xuống từ các lâu đài trên bầu trời. Mà thật ra, bầu trời không tồn tại. Đó là “một xứ sở khác tồn tại theo một cách khác.”

Còn dải ngân hà chính ra là “một con cá mập trắng dài chuyên ăn các đám mây non đi lạc bầy.” Nó cũng thường đi ngang qua những bóng tối thiên hình vạn trạng trên bầu trời, những bóng tối mà từ đó con người tìm kiếm hồn ma của những vị vua đích thực.

Cũng có những người nhìn vì sao rụng như là các Thiên Sứ mà thần linh gọi xuống cho thế gian để báo tin về một sự chào đời nào đó. Nhưng thật sai lầm khi nghĩ rằng tất cả bầu trời đều có thần ở, bởi vì còn có Ihoide, tức khoảng trống, ở trên bầu trời, nơi đó “chưa có gì xảy ra, vì thế mọi sự đều vẫn xảy ra”, Meeva đã hát như thế, giữa các vì sao, thân thể được bao phủ bằng cả tỉ năm ánh sáng, và rồi khi Cohn kéo ả xuống dưới thân mình, y có cảm tưởng đang thâm nhập vào chính dải ngân hà, và trong khi trao cho ả tất cả sức mạnh của thân thể mình, đầu y vẫn đang đầy ắp các truyền kỳ, huyền thoại, khiến y có thể ngược mắt kiêu hãnh nhìn về vô tận để tìm kiếm nơi cái vũ trụ mệnh mang kia hàng tỉ ngôi sao mới đã bị mờ đi bởi cơn hoan lạc của mình.

Buổi sáng, họ tung tăng bơi trong đầm nước, nơi bây giờ màu sắc đã trở lại, màu lục thẫm trong đêm đã nhường chỗ cho màu vàng của cát khi mặt trời bắt đầu nhô lên khỏi đầm nước, chiếu những tia sáng trắng như sữa xuống dải san hô và mặt đất, cái ánh sáng đôi khi vỡ thành từng mảnh nhỏ bởi những đợt sóng triền miên, tạo thành một vòng bán nguyệt hoàn hảo bao quanh “kẻ cụt cổ”, như đôi khi người ta gọi mặt trời như thế, vì họ biết rằng từ thời xa xưa, thần đất độc ác đã từng bị chặt mất cái đầu đỏ rực của mình, tức mặt trời.

Qua thời gian, hàng tỉ nhánh san hô đã hóa thạch để tạo thành những khối đá màu xám và tím thẫm, trong hình dáng đau đớn quần

quai của một vũ trụ buồn thảm và hoảng sợ. Những vùng nước yên lặng với màu vàng đất đột nhiên chuyển thành màu ngọc biếc hay xanh thẫm, rồi lại tạo thành một vòng màu cam và nâu sẫm bằng rêu phong và vi sinh vật dọc theo bờ đá như một bản hòa tấu vừa bọt bèo vừa miên viễn của màu sắc, cứ xuất hiện rồi biến mất theo từng cơn thức giấc của mặt trời.

Cohn chăm chú quan sát cái nỗ lực lạ lùng đó của đại dương, cái nỗ lực khiến cho y có cảm tưởng có một cái gì đó sắp chào đời, nhưng vẫn còn vắng mặt, chỉ thỉnh thoảng được báo hiệu bằng một vài con cá nhỏ bay lên khỏi mặt nước. Y cũng đặc biệt sung sướng khi ngắm màu trắng như ngọc thỉnh thoảng gợn lên một màu tím nhạt mà con mắt phàm có thể nắm bắt rồi mất hút, tìm kiếm, thấy được rồi lại biến đi theo từng thay đổi của ánh sáng.

Từ trên cao, ngọn núi lửa đã chết trông giống như một pháo đài đang đương đầu với một đoàn quân của cây cỏ với màu đỏ rực lửa của lá, màu vàng của hoa mimosa, màu trắng của đọt tre như một hiệp sĩ vươn vút lên trên binh lính là một thảm cỏ cây xanh ngắt.

Trong khi đó, Meeva bơi lượn thung thăng trong thế giới san hô, hoa giắt ở vành tai, kéo theo phía sau cả mái tóc dài lướt như làn sóng, đôi khi vướng theo những sợi rong xanh biếc hoặc những cánh hoa Sagittaria vàng rực. Rồi trôi lên từ đầm nước xanh thẫm, ả leo lên thành phố san hô, mắt nhắm nghiền, đưa mặt về phía ánh sáng mặt trời, khoan khoái như một con mèo đang sưởi nắng. Những lúc đó Meeva thường lầm nhấm một bài hát không thành lời, bài hát ca ngợi cuộc sống đang nhô lên từ đại dương như hòn đảo huyền thoại mà Cohn từng ao ước, nơi mà con người có thể tìm thấy lại thuở ban đầu của chính mình một lần nữa trước khi mọi thời cơ sẽ mất.

Túp lều họ ở nằm sâu trong rừng dừa, gần một trong các thác nước thường phủ một màu trắng xóa lên bán đảo này.

Các cây táo bằng nhựa - “phông” của vở hoạt cảnh “Vườn Địa Đàng” - được đặt trên một đỉnh đồi thoáng đặng, hai cây đang nở hoa,

cây thứ ba, nơi Adam và Eve trình diện trước du khách, thì treo đầy các trái táo đỏ tươi bằng nhựa trông bắt mắt. Trên cành, một con rắn cũng bằng nhựa rất đẹp, sơn màu vàng, lục, đen lủng lẳng trên cành. Rắn được điều khiển bằng pin, giấu ở một chỗ kín đáo và Cohn chỉ cần bấm nút khi có du khách đến, thế là rắn ngóc đầu lên và thân ái chìa trái táo đang ngậm trong miệng đến cho du khách. Trong khi đó, Cohn với Meeva gần như trần truồng, chỉ mang chiếc khố nhỏ, ngồi xếp bàn dưới gốc cây. Meeva thì ngồi dẹt với một chiếc máy dẹt kiểu thế kỷ 15 của Pháp, và mặc dầu hơi sai lạc một chút về lịch sử, cái cảnh tượng này cũng làm cho hoạt cảnh Địa Đàng thêm tính chất thôn dã thơ mộng. Du khách thì chụp ảnh và thỉnh thoảng hỏi Adam vài câu. Cohn trả lời bằng giọng dịu dàng, mặt luôn toát ra vẻ hạnh phúc ngổ ngẩn.

Điều gì khiến cho “Adam” từ bỏ nền văn minh để tìm về với cội nguồn như vậy? Cohn trả lời rằng y vốn mơ ước về một thiên đàng trên trái đất và cuối cùng y tìm đến đây để biến giấc mơ của mình thành hiện thực.

Thế trước đây y từng làm gì? Câu trả lời của Cohn tùy thuộc vào trạng thái tâm tính của y lúc ấy. Thường thì Cohn chọn những hình ảnh tiêu biểu được ưa thích của thời đại, một loại “cựu” gì đó: cựu du kích chiến đấu bên cạnh Castro, sau đó mất hết ảo tưởng về cuộc cách mạng, lòng tan nát, tìm đến sống ở Tahiti; một cựu y sĩ nhiều năm trời cương quyết không làm công việc phá thai, giờ đây lại bị dẫn vật, hồi hận một cách khủng khiếp khi nghĩ về những đứa trẻ mà mình đã cho phép chào đời trong thế giới này. Trong “kho” của mình, Cohn không bao giờ hết những loại “cựu” như vậy. Có khi, y chỉ đơn giản tự giới thiệu mình như là một... “cựu con người” với đầy đủ ý nghĩa của từ này, để mặc cho du khách muốn tưởng tượng thế nào thì tùy họ.

Cũng có lúc, khi cơn cuồng nộ bùng lên, Cohn đứng bật dậy, kéo người du khách ra một bên, nói nhỏ: “Này, nếu ông bạn thật sự thích, tôi có một số ảnh con heo về Adam và Eve trong vườn Địa Đàng. Hai

mười đô một bộ, đầy đủ, ngoài ra còn tặng thêm vài bức ảnh về Auschwitz nữa. Thật sự hấp dẫn, ông bạn sẽ khoái ngay, nếu không thích, tôi sẽ trả lại tiền, thế nào?”

Tuy nhiên anh hướng dẫn du lịch Puccioni luôn luôn canh chừng các trò vượt rào của Cohn, nên y phải thận trọng. Y không thể cạn tàu ráo máng với Bizien, bởi giờ đây ông ta là người duy nhất có thể giúp y rời Tahiti để đến cái hòn đảo xa xôi, bí mật nằm đâu đó trong quần đảo Tuamotus. Vì thế y phải cố xử sự đàng hoàng, thường ngồi yên dưới gốc cây táo, cố biểu lộ một nét thư thái ngây ngô trên mặt bằng một nụ cười hạnh phúc, trong lúc Puccioni giảng giải cho du khách biết rằng những hoạt cảnh trích từ Thánh kinh này là do chính vua Pomare V gợi ý, cũng chính ông là người đã dịch Thánh kinh ra tiếng Tahiti, dĩ nhiên anh ta bỏ qua chi tiết không cần thiết về việc nhà vua chết do bị rượu hủy hoại thân thể.

Những lúc rảnh rỗi, Cohn thám hiểm bán đảo này và kết bạn với những “người da trắng man rợ” hoặc những “người thiên nhiên.” Sách hướng dẫn du lịch ở Tahiti không bao giờ quên nhắc đến những người sống ở hang động này, trong đó có một số đã ở tại đây kể từ đại chiến thứ nhất. Trong cái thế kỷ tiến bộ một cách tàn khốc này, thật dịu lòng biết bao khi biết rằng vẫn còn một thiên đàng lẫn khuất tồn tại trên trái đất này, nơi đó những chàng Adam tóc vàng tôn thờ thần điền dã chỉ sống bằng chuối, một nhà văn Pháp đã viết như vậy. Cái ý tưởng về “thần điền dã” của Hy Lạp cổ đại được nhà kinh doanh du lịch Bizien đón nhận và “Tahiti hóa” ngay lập tức. Tuy vậy, có một vài chàng “Adam tóc vàng” gây cho ông ta lắm phiền phức. Như trường hợp Arne Bjorkman, một gã trẻ tuổi người Thụy Điển khổng lồ, đã sống trần truồng trong hang đá năm năm qua, bỗng dưng dờ chừng và đòi hỏi đủ điều. Khi bị chính quyền từ chối không cho gã đánh bắt cá bằng mìn, gã bèn bắt đầu đón du khách bằng bộ đồ lớn, cà vạt, giày da hần hoi, nằm duỗi người trong một chiếc ghế dài, tay cầm ly Whisky, tay kia cầm cuốn tiểu thuyết! Thật là phá hoại hình ảnh của “Adam tóc

vàng.” Cuối cùng, chính quyền đành làm ngư cho gã giết từng đàn cá lớn bằng mìn. Một số “người hang động” khác cũng bị du khách bắt gặp đang uống rượu nghe nhạc, và hình ảnh của họ bị đưa lên báo!

Có một số “người thiên nhiên” sống rải rác trong các hang đá dọc theo bờ biển phía đông của bán đảo. Thịnh thoảng Cohn đến thăm một người Pháp có tên là Mahé, hang của hắn ta chỉ cách túp lều Cohn ở không tới một dặm. Gã này là một trong những đứa con cứng của Bizien, và tất nhiên, hắn cũng là một thứ “cựu” gì đó. Puccioni thường giới thiệu gã là cựu thuyền trưởng của một chiếc tàu Hy Lạp. Trong một lần đắm tàu, gã đã tưởng mình là người cuối cùng rời tàu nhưng sau đó mới biết rằng gã đã bỏ lại sáu trăm hành khách trên boong! Đối với các du khách người Đức, Puccioni có vô số thứ “cựu” rất phong phú: Hắn có thể đưa tay chỉ Mahé, lúc đó đang đứng nhìn ra biển, trần truồng, như thể muốn quay lưng lại với cả thế giới và với quá khứ của mình, và giới thiệu: “Không một ai thật sự biết ông ta là ai, mặc dầu người ta có lý do để tin rằng... O, chắc quý vị còn nhớ Martin Bormann, tên tội phạm phát xít đã biến mất...” rồi ngừng một lúc, hắn sẽ thì thào: “Mà, có một điều chắc chắn. Ông ấy không phải là Bormann.”

Còn chính Mahé thì đã “thú nhận” với Cohn rằng hắn ta chính là một cựu tài xế taxi ở Paris, và Cohn thì đáp lễ bằng cách kể rằng y trước đây là lính nhảy dù ở Algérie, đã cố sống sót qua cuộc chiến khốc liệt ở đó. Mahé nghe, gật gù tán thưởng rồi kể cho Cohn nghe về kinh nghiệm của mình với tư cách là một cựu đảng viên cộng sản, bị suy sụp tinh thần sau khi Liên Xô chà đạp dân chủ và tự do ở Prague; rồi Cohn cũng đáp lễ bằng các tội ác mới đây nhất do y làm, có đủ chi tiết sống động hăng hái, những tội ác ở bất cứ đâu mà y nghe hay đọc được. Cohn hoàn toàn biết rằng Mahé chẳng phải là cựu tài xế taxi gì cả, cũng như Mahé thừa biết Cohn không phải là Cohn, và chừng đó là đủ để nảy sinh giữa hai người một lòng tôn kính lẫn nhau, trên cơ sở những điều cốt yếu mà người này hiểu về người kia.

...

Mọi dấu vết của con người biến mất khỏi mặt đất mỗi hoàng hôn; có vô số mặt trăng sù sì nơi mép rìa của những cơn mưa tím thẫm. Những lúc đó, Cohn thường trần truồng bước ra khỏi lều, đi vào dưới ánh chiều tà. Tiếng gầm của sóng biển đập vào bờ đá làm cho thác nước lặng đi. Các chiến xa mây màu trắng in đám bụi khói tím và đỏ thẫm lên màu trời rồi biến mất sau cú nhảy vọt kỳ diệu về phía bên kia rặng núi, trong khi Cohn, bị mê hoặc vì màn biểu diễn ngoạn mục đó, cũng cố vươn cái thể xác vô cùng bé nhỏ của mình lên, và cố để bảo vệ cho phẩm giá của con người bằng cách huýt sáo một đoạn nào đó của Beethoven, như thế để bảo vũ trụ rằng “Xem này, cả chúng tao cũng có điều để biểu diễn cho nhà người xem chứ bộ.”

...

Con rắn ni lông nhẹ nhàng trườn trên cây táo ni lông, Meeva ngồi dẹt vãi, máy ảnh của du khách chụp tíu tít: giữa hai nụ cười dần dần đầy hạnh phúc, Cohn thỉnh thoảng tung ra cho du khách một hai câu nói đầy tính chất minh triết: “Sự đơn giản tuyệt đối chính là câu trả lời”, hoặc: “Chết chính là sống, cộng thêm với việc đánh mất ký ức”, hay: “Đừng hỏi gì tôi, bởi chỉ lời không nói ra mới là chân thật..”.. Rồi y bật ra một tràng cười như đang lên cơn động kinh. Chính Bizien đã yêu cầu Cohn cười nhiều lên, để tăng thêm ấn tượng cho cảnh thanh bình và hoan lạc của cặp tình nhân nơi địa đàng này.

Cha Tamil đến thăm họ một đôi lần. Ông ta ngồi chồm hổm với họ dưới cây táo, mồm ngậm ống điếu hút phì phèo, trong khi Cohn hát cho ông linh mục nghe bài hát ca tụng cái tuyệt đối, cái mông thiêng liêng của người đàn bà. Trước khi về, vị tu sĩ dòng Dominican thường tặng cho gã picaro này một hộp kẹo sô-cô-la. Cohn vốn tính hảo ngọt, nên rất thích kẹo này.

Một lần, sau khi nghe Adam hát một đoạn dài bài ca ngoại đạo xưng tụng vẻ quyến rũ của Eve, đột nhiên vị tu sĩ bảo y: “Ông Cohn này, ông có biết rằng, theo Bovis, thì người Maori mà ông rất ưa thích vốn xem chủ nghĩa duy vật là một sự nguyên rủa không? Nói chính xác hơn, chủ nghĩa duy vật là sự rủa sả của Te Tahu, có nghĩa là “sự hư vô hóa toàn diện?”

Trong lần viếng thăm họ mới nhất, ông ta cố tình làm ra vẻ đang giấu một vật gì dưới vạt áo choàng.

“Cái gì vậy?”

“Ồ, có gì đâu. Ông không nên quan tâm đến thứ này. Chỉ là tờ nhật báo thôi mà. Báo cũ, đã năm ngày rồi. Ông đâu có thích thứ đó tại nơi này, phải không?”

Cái gã Tamil này đúng là một con rắn độc thật sự và đúng ra Bizien phải đặt hẳn ta lên cây táo, thay vì dùng một con rắn giả bằng nhựa.

“Nào, nào, đưa cho tôi tờ báo. Tôi dư biết ông đến cái thiên đàng nhỏ bé này chỉ với mục đích đầu độc nó thôi mà.”

Người tu sĩ dòng Dominicain cười chế nhạo, nụ cười ít mang tính chất Ky tô giáo nhất, ném tờ Figaro cùng với một hộp kẹo sô cô la nữa lên đùi Cohn rồi bỏ đi, khuất sau hàng cây.

Adam trải qua một đêm hãi hùng.

Tờ báo nói cho y biết rằng y lại một lần nữa thả bom lầm ở Việt Nam, khiến cho một ngôi làng quê hiền hòa bị thiêu rụi, đàn ông, đàn bà, trẻ em biến thành tro.

Còn tại Trung Hoa thì y cạo trọc đầu một nữ diễn viên nổi tiếng thuộc viện Opera, người mà y lên án là: “xét lại.” Cô này sau đó đã tự sát bằng cách nhảy từ tầng lầu thứ mười một xuống đất. Tin này dầu sao cũng nhấn mạnh đến khía cạnh tích cực của nước Trung Quốc của Mao. Nó cho người ta thấy tại Trung Quốc có những bin-đỉnh cao đến mười một tầng.

Tại Brazil, y đã gây nên những cơn lũ lụt khủng khiếp, khiến hơn ngàn người chết và mất tích.

Ở trang bốn, Adam biết rằng y đang tái sản xuất quá nhanh. Ở mức độ hiện nay, trái đất chẳng bao lâu nữa sẽ sụp đổ dưới sức nặng của bốn tỉ người. Điều này không làm y ngạc nhiên. Người ta luôn luôn bảo rằng y làm tình quá nhiều.

Mặt khác, tại Đức, y đã chế được một loại phân bón mới có thể làm cho bất cứ thứ đất đai khô cằn nhất trở thành phì nhiêu.

Adam rỉ máu. Toàn bộ cái “Tôi” của y là một nỗi thống khổ lớn, từ Nam cực cho đến Bắc cực, từ Đông sang Tây. Y phải tống vào người cả đồng thuốc aspirin cho đầu bớt nhức nhối, y tìm nơi trú ẩn giữa hai đồi của Meeva. Không thức giấc, cô ả lấm bầm, “Cohn, nhiều muỗi quá.”

Sáng, mặt y trông bơ phờ đến nỗi Meeva tỏ ra am hiểu và lấy ngay chai dầu tỏi, bắt y uống.

Lần này, y nhất định không chịu. Ít ra y cũng có một điều thật sự giống Gauguin, đó là bệnh trĩ, và bác sĩ bảo rằng bệnh y tệ hơn chính là do chất thuốc xổ mà Meeva cứ ép y uống. Quả nhiên, ngay trước khi nhóm du khách đầu tiên đến, Cohn cảm thấy một cơn đau ghê gớm nơi ruột già y như bị một nhát dao đâm. Y cố đưa tay xuống sờ và cảm thấy một vật lạ, cứng ngắt ở đó. Y đưa ngón tay vào sâu hơn, rồi sau khi thét lên một tiếng đau đớn, móc ra được một mảnh kim loại nhỏ xíu.

Cohn dờ dãn nhìn cái vật lạ đó, không lớn hơn hạt gạo, và y không thể hiểu ra cái mảnh thép nhỏ xíu, có hình dáng hoàn hảo này có thể chui vào ruột y từ lúc nào, và đó là vật gì. Chỉ có một điều y chắc chắn: mặc cho vài năm vừa qua y cố nỗ lực tự thanh lọc chính mình, vật này không phải là hai thứ mà y muốn tống ra, không phải là cái thế giới này, cũng không phải cái bản ngã giấu kín trong y, dầu cho câu nói bất hủ của Hamlet vẫn vang lên trong đầu y:

Tôi có thể thu lại trong vỏ sò

Và xem mình là vị vua của không gian vô hạn...

Meeva lại gần, xem xét miếng kim loại thật cẩn thận, “Cái gì vậy Cohn?”

“Tôi không rõ. Nhưng cái duy nhất để nó nằm ở đây là do tôi đã nuốt vào và...” Mặt y bỗng xám như tro tàn. Y chạy ra ngoài, nhặt một viên đá, đập mạnh lên vật đó. Rồi y nhìn chăm chăm vào bộ ruột điện tử của nó, dần thật ra chỉ nhìn lướt qua cũng đủ hiểu: đó là một máy chuyển sóng ngắn được làm cực nhỏ, loại mà cảnh sát hiện nay bắt một người nuốt vào bụng để biết chính xác người này đang ở đâu hoặc đang đi về hướng nào. Cái con bọ điện tử ghê rợn này có thể phát sóng xa vài dặm, đôi khi còn xa hơn nhiều.

Nhưng ai, cách nào và khi nào mà họ làm cho y nuốt cái thiết bị khốn kiếp này vào bụng?

Cohn đang sắp ném cái nhìn buộc tội về phía Meeva, thì sự thật đến với y.

“Cái kẹo, chúa ơi!”, y kêu lên, “Kẹo sô-cô-la! Lão tu sĩ Dominican! Hẳn ta chính là cóm!”

Cohn chớp lấy hộp kẹo mà Tamil để lại. Còn chừng hai mươi viên sô cô la. Y nện một viên. Thiết bị truyền tin văng ra trên tảng đá. Thế là gã King-Kong Cohn bắt đầu đấm ngực, định gầm lên một tiếng giống như tiếng hét chiến tranh ghê người, nhưng âm thanh duy nhất thoát ra khỏi họng y chỉ là một tiếng thều thào bất lực, rồi sau vài cố gắng phi thường để lấy hơi, y đành bỏ cuộc. Như một võ sĩ quyền anh bại trận, y ngã nốc ao sóng soài xuống sàn đấu.

Vị Bộ Trưởng Văn Hóa Pháp, đồng thời cũng là một trong những nhà văn lớn nhất của thế kỷ, đang chăm chú nhìn xuống bức ảnh đặt trên bàn. Đại tá Paul Dastier, phụ trách phòng “An ninh khoa học” của S.D.E.C, ngồi lọt thỏm càng lúc càng sâu trong tấm đệm bông bành của chiếc ghế bành bọc da đen, đang cố gắng ngồi thẳng lên cho đúng tư thế của một quân nhân chuyên nghiệp đang mặc đồng phục, trông chẳng khác gì một viên thuyền trưởng trên chiếc thuyền đang chìm đắm. Viện Trưởng Collège de France thì đứng bên cửa sổ từ thế kỷ 18, đưa mắt ngắm khu vườn Palais Royal bên ngoài. Từ nơi đó, vọng lên tiếng cười của trẻ con, từ nơi trước đây là sân chơi của những vị vua Pháp đã khuất bóng từ lâu.

“Đúng, chính là cặp mắt của anh ta”, Malraux nói, “một nỗi hoan lạc cuồng điên, phần nộ. Tôi nhớ rất rõ cái... ờ, cái ánh sáng, không có từ nào khác. Nhớ rất rõ. Ngoài ra, thì hơi mơ hồ, có điểm gì đó quen quen, sự giống nhau không rõ ràng lắm, Mon Colonel.”

Viên đại tá đáp, “Đó là do giải phẫu, Monsieur le ministre. Điều này thì hầu như chúng tôi chắc chắn.”

“Còn giọng nói thì sao?”

“Tương tự, nhưng không hoàn toàn giống nhau. Thật ra, có điểm khác nhau đáng kể. Tuy nhiên, có thể anh ta đã giải phẫu một vài dây thanh quản. Chúng tôi không thể biết được. Khó mà nhìn sâu như thế vào trong cổ họng một con người.”

Từ cửa sổ, Mercier, tay khoanh trước ngực, quay lại, “giải phẫu chỉnh hình, cắt mỡ thanh quản... Tôi không tin điều đó. Không có ai cố

gắng đến như thế để chạy trốn khỏi chính mình. Còn về đôi mắt...”

Ông nhún vai. Mercier là một người cao lớn, đẹp trai ở tuổi năm mươi, với cái mũi thẳng dài, cà vạt sang trọng, có mái tóc bạc dày, chải rất khéo. Mười năm đứng đầu cái trung tâm học vấn lớn nhất nước Pháp đã để lại nơi ông cái phong cách nửa rộng lượng nửa ngạo mạn của một con người đã đạt đến các giới hạn của tri thức.

“... còn về đôi mắt, Monsieur le ministre, vâng, chính tôi cũng nhớ về cái mà ông gọi là “ánh sáng” trong cặp mắt anh ta. Tuy vậy, cái loại ánh sáng như vậy luôn luôn cháy trong mắt của hầu hết những con người vênh vang, cường điệu - một nỗi vui sướng tuyệt vọng- Ông có thể thấy điều ấy nơi cặp mắt của Picasso - tôi không có ý định gì bất kính về vị thiên tài người Pháp - Tây Ban Nha này đâu, xin hiểu cho. Nhưng tôi nghĩ rằng Mathieu đã chết.”

Viên đại tá phải cố sức lắm mới giữ được tư thế ngồi, không bị chìm lìm vào chiếc ghế nệm, “Chết thì không, nhưng bị chôn vùi. Chôn vùi sâu bên trong con người tự xưng là Cohn. Có một số chứng cứ khác. Chắc quý vị đây đều biết, ngay từ khi còn là sinh viên, Mathieu đã có một mối gắn kết kỳ lạ với Gauguin. Anh ta đã thờ phụng, theo đúng nghĩa đen, một ấn bản của bức chân dung tự họa của Gauguin, treo trên bàn khi còn ở Collège de France. Rõ ràng anh ta thấy nơi Gauguin sự hóa thân của một tinh thần ngây thơ nguyên thủy nào đó. Mathieu bị ám ảnh bởi cái mà chính anh ta gọi là “tội ác hủy hoại môi trường, hủy hoại chính không khí mà ta thở, hủy hoại chính bản chất con người.” Anh ta đã kêu gọi hàng trăm nhà khoa học ký tên vào “Tuyên ngôn 1966” chống lại “sự cưỡng hiếp đời sống của công nghệ và kỹ thuật.”

“Karkhoff”, Malraux chêm vào.

Viên đại tá đưa mắt nhìn ông, chưng hửng, trong khi Mercier gật đầu, “Con người nổi tiếng nhất trong tất cả những kẻ phản kháng từ lương thức đó.”

Trong một ngôi đền ở Pondichery, trong suốt 20 năm, Karkhoff, người mà Niels Bohr và Pahlen xem là nhà vật lý lý thuyết lớn nhất thời đại - đã dịch Virgil ra tiếng Sanskrit, rồi sau đó thiêu hủy công trình này.

Thế giới không biết đến một số người tài năng này, những người khi đối diện với việc sử dụng khoa học một cách sai lầm dẫn đến các tai họa khủng khiếp cho thiên nhiên và cho con người, đã phản ứng quyết liệt bằng cách từ bỏ hoàn toàn việc nghiên cứu khoa học của họ.

“Anh ta thấy nơi Gauguin một kẻ yếu đuối cuộc sống. Và toàn bộ bi kịch của Mathieu là ở chỗ anh ta quá yêu đời sống. Một xu hướng khá bệnh hoạn... ờ, đối với một nhà khoa học hạc tâm.”

“Cám ơn ông đại tá”, Mercier ngắt lời, khô khan, không tỏ ra một dấu hiệu hài hước nào, và đó là phong cách hài hước được ông ưa thích nhất.

Khuôn mặt viên đại tá hơi đỏ, “Monsieur le professeur, tôi muốn nói sự sùng bái đến mức cuồng nhiệt nào đó về cuộc sống nơi anh ta giải thích cho mỗi bận tâm cũng cuồng nhiệt không kém về các vấn đề như sinh thái, thiên nhiên, sự hủy hoại môi trường v.v... mọi cực đoan đều kết thúc bằng bệnh hoạn. Nơi trường hợp Mathieu, nó đã trở thành căn bệnh thần kinh, nếu không nói là tệ hơn. Anh ta đã “oanh tạc” tới tập “Liên Hiệp Quốc”, Ủy ban nhân quyền, các chính phủ bằng vô số điện tín phản kháng dữ dội. Nếu so với Mathieu, thì cả Lord Bertrand Russel và Linus Pauling cũng chỉ là những kẻ phản kháng rụt rè. Anh ta là điều mà chúng ta ở Pháp hiện giờ gọi là những Enragé. Có một nỗi đam mê chống khoa học và bất khả chế ngự đốt cháy trái tim của nhà khoa học đó. Lạ thật.”

“Một cơn cuồng nộ hướng về chính bản thân” - Malraux nhận xét. “Nếu tôi nhớ chính xác lần diễn thuyết cuối cùng của anh ta ở New Dehli, thì Mathieu đã kêu gọi một sự “rút lui toàn diện” trong mọi lãnh vực khoa học đầu chỉ có liên hệ rất gián tiếp với vũ khí chiến tranh. Tuy vậy, anh ta vẫn không đủ sức đè nén ham muốn sáng tạo

của riêng mình. Hầu như là một bức xúc nghệ thuật. Dĩ nhiên về mặt cảm tội lỗi cá nhân của anh ta thì có thể dễ dàng tìm thấy nơi thành công xuất sắc có tính cách đột giai đoạn của anh ta khiến cho nước Pháp chế tạo được quả bom nhiệt hạch sắp tới đây sẽ thử nghiệm tại Mururoa. Và theo ý tôi, đó chính là lý do tại sao anh ta đã đến đó - nếu quả cái người đó chính là anh ta, dĩ nhiên. Kẻ sát nhân trở lại hiện trường, nơi mình đã gây ra tội ác.”

Viên đại tá gật đầu “Xưa nay anh ta vẫn là một kẻ hết sức mất quân bình.”

“Từ xưa nay, qua mọi thời đại, các nhà thơ đều cười vào cái khái niệm “mất quân bình” ấy.” Malraux cắt ngang. “Tôi từng biết Mathieu. Anh ta luôn luôn là một thi sĩ. Đối với anh ta nghiên cứu khoa học là con đường thuần khiết và vô vị lợi để tiếp cận với thi ca, với cái “âm nhạc của vũ trụ”- theo từ ngữ của Mathieu. Bây giờ khi kẻ khác chộp lấy thi ca và âm nhạc của anh ta và biến nó thành một quả bom hằng trăm megaton, điều đó làm tổn thương trầm trọng.”

“Hai lần suy sụp thần kinh và một lần toan tự sát để loại bỏ “cái đầu tội lỗi” của mình”, Mercier chen vào, “Nói thật tình, cũng khó mà phủ nhận sự kiện rằng mối tương quan giữa các chính quyền với văn hóa trông rất giống như việc biến tác phẩm của Shakespeare thành một thứ vũ khí giết người hàng loạt.”

Ông nhún vai, buồn rầu nhìn những mảnh vườn được thiết kế cân đối, ngay ngắn của lâu đài Palais Royal, với những đường kỷ hà thể hiện nét lý tính của Thế kỷ ánh sáng, cái thời mà con người vừa mới có được niềm tin vào trí tuệ và lý tính và tin rằng những khả năng đó sẽ mở ra các viễn cảnh hạnh phúc vô hạn cho con người.

“Dễ hiểu là tại sao anh ta lại chọn Gauguin làm “Thánh bảo trợ” cho mình: Đó là một phản ứng hoàn toàn bình thường để chống lại việc người ta đã sử dụng sai lạc năng lực trí tuệ của chúng ta, của bộ não chúng ta. Mà nói cho cùng, bọn trẻ trên khắp thế giới, cái thế hệ con cháu chúng ta, đều phản ứng theo cách tương tự. Đó là Gauguin

chống lại Von Braun và Teller; niềm đam mê cuộc sống chống lại cái tinh thần “giết sạch” của khoa học và kỹ thuật. Nhưng ta có thể chống lại trí tuệ đến mức nào mà không trở thành một tên phát xít? Đối với họ, “tội lỗi” nằm trong đầu, chứ không phải nơi hành vi dục tính, không phải nỗi hoan lạc của thân xác. Lẽ tự nhiên, trong cái nhìn bí nhiệm như vậy thì Gauguin trở thành một vị thánh đối với họ, một thứ... ơ, tôi không có ý gì phạm thượng đâu, một đức Kitô của hoan lạc. Dĩ nhiên, Mathieu là một trường hợp cực đoan của xu hướng này. Tôi nhớ trong cuộc tuần hành phản đối năm 1963, anh ta bị bắt vì tội có hành vi đồi trụy. Khi đó anh ta dẫn đầu đám sinh viên, ba trăm người, tất cả đều tuột quần ra chống hông về phía cảnh sát ở quảng trường Grosvenor Square. Tôi có rầy anh ta một trận sau đó. Ít gì thì cũng là một vị giáo sư của Collège de France... Và câu trả lời của anh ta thì tiêu biểu cho xu hướng của họ: “Chẳng có gì đồi trụy nơi chuyện hông đít cả. Chính cái đầu của chúng ta mới đáng quan tâm. Tôi chẳng thấy có gì đáng phàn nàn về chuyện người ta tụt quần ra cả. Khi con người tàn sát, hủy hoại đồng loại, bao giờ cũng mặc áo quần chỉnh tề cả. Mathieu là như vậy đó...”

“Nhưng về sự kiện thì như thế nào?”, Malraux chen vào, hỏi Paul Dastier.

Viên đại tá hắng giọng, “Vâng, chứng cứ về sự tương đồng về tính cách thì rất nhiều. Mọi người từng biết Mathieu đều nhớ rằng thái độ ứng xử của anh ta không giống chút gì mà ta thường nghĩ về một nhà khoa học. Bất thường, bộc phát, nổi loạn - la bohème, như quý vị thấy đó. Cách sống của các thi sĩ bị đầy ải, như Rimbaud, Verlaine, hoặc của một số bọn trẻ ngày nay. Luôn luôn là xì căng đan. Một thiên tài khoa học biến thành một kẻ lạc hướng, có thể nói như vậy. Rượu chè, tất nhiên. Còn về tình dục thì thật là quá độ...”

Malraux hơi mỉm cười, nhận xét “Như cách ông vừa mới nói hồi nãy, đại tá ạ, một tình yêu cuồng nhiệt cuộc sống luôn luôn dẫn đến tuyệt vọng - nhưng chỉ bởi vì tình yêu ấy vấy gọi sự bất tử.”

“Nhưng, nhưng thưa ông bộ trưởng, thường thì các nhà khoa học là những con người sống theo quy tắc và có trách nhiệm cao chứ ạ.”

Mercier bật cười “Nếu tôi kể ra một số trường hợp không theo quy tắc của họ thì tôi sẽ đứng trên đầu, ông đại tá. Chẳng hề có một thứ khuôn mẫu nào riêng biệt cho nhà khoa học hay người nghệ sĩ đâu. Nhưng tôi thừa nhận Mathieu là một trường hợp cực đoan. Hãy nhớ rằng anh ấy còn rất trẻ, có lẽ là nhà vật lý trẻ nhất được bầu vào Collège de France. Lúc đó Mathieu mới hai tám tuổi, nếu tôi nhớ không lầm. Quả thật anh ta đúng là một nhà khoa học có tác phong của một “nghệ sĩ”, nhưng nói như vậy chẳng qua đổi một khuôn này qua một khuôn khác thôi. Cần nhớ rằng anh ta quả thật là một nghệ sĩ, như Beethoven hay Gauguin. Có vẻ như ông đại tá đánh giá thấp một cách đáng tiếc cái bản chất thơ mộng của việc nghiên cứu lý thuyết khoa học. Nhưng thôi, trở lại với Mathieu. Trước đây tôi vẫn luôn luôn cho rằng đã cường điệu quá đáng cái tinh thần chống xã hội, dục tính... để biểu lộ thái độ bất đồng toàn diện của mình. Khi nói “toàn diện” là tôi muốn nói không chỉ là sự khước từ về mặt xã hội, mà còn là sự khước từ con người “lịch sử” cả trên khía cạnh sinh học, đạo đức và trí tuệ. Cho nên không ngạc nhiên khi anh ta tìm chỗ thoát trong tình dục. Và lại, một “thiên tài” - tôi rất ghét dùng từ này - theo nghĩa thấu hiểu vũ trụ và vị trí cũng như vai trò của con người trong vũ trụ đó, thường là một khuôn mặt bi thảm, bởi anh ta thường xuyên va đầu vào bức tường, bức tường giới hạn của tri thức. Anh ta biết rằng anh ta sẽ không bao giờ biết được. Dẫn cho chúng ta có tiến xa bao nhiêu trong việc nghiên cứu vũ trụ, thì câu trả lời, hoặc câu hỏi cốt tử về bản chất, vị trí và vai trò của con người trong vũ trụ vẫn luôn luôn là một dấu hỏi như ở thời tiền sử.”

Malraux khẽ gật đầu. Một cái gật nhanh, gần như một cái co giật. “Và điều gì xảy ra khi mà anh đạt đến đỉnh cao của tri thức để rồi tìm thấy nơi đó không có gì hết ngoại trừ cái bí ẩn muôn đời ấy?” Ông tiếp, “Khi đó anh sẽ thấy nhẹ nhõm vì vừa thoát ra khỏi nỗi khao khát

và lòng trách nhiệm bằng cái mà Dostoievski, ông biết đấy, gọi là sự sụp đổ. Sự sụp đổ quả là một khái niệm văn học đáng kể nhất, nhưng dĩ nhiên, nó chỉ là một ảo tưởng. Bởi đầu anh có chìm sâu bao nhiêu trong sự sụp đổ ấy, anh vẫn luôn gặp toàn bộ thế giới đang chờ đợi anh ở đấy. Sự sụp đổ, vâng, dưới quan điểm của tôi, chính là cái luận cứ tâm lý học mạnh mẽ nhất trong lý thuyết về Mathieu-Cohn của ông đại tá. Nhưng còn một điểm nữa, cái gã ấy của ông có thể chỉ là một kẻ bịp bợm khoác lác, đúng ra, một kẻ khoác lác rất thú vị, theo như những gì mà chúng tôi nghe được. Vậy, ngoài ra ông còn chứng cứ gì khác nữa không?”

Viên đại tá ngồi yên một lúc nhằm tạo ra một cảm giác căng thẳng thật đáng tiền, “Chúng tôi đã lấy được một vài bút tích của anh ta.”

Im lặng. Cánh quân đội kín đáo thưởng thức cái khoảnh khắc ứ thể ngăn ngui trước hai trong số những bộ óc lớn nhất của nước Pháp.

“Không nhiều lắm đâu, thưa quý vị. Chỉ một vài mảnh giấy bẩn thỉu. Vì phần lớn thời gian sống ở đấy, con người cuồng tín đó cứ nửa đêm ra bãi biển viết lên trên cát, dưới ánh trăng, sao. Xong anh ta lấy chân xóa sạch những chữ vừa viết, hoặc chờ cho đến khi sóng triều cuốn trôi đi tất cả.”

Trông Malraux có vẻ vui sướng. Nụ cười trên môi ông lộ ra một nét ngưỡng mộ thực sự.

Mercier hỏi, “Ông muốn nói anh ta hiện vẫn đang làm việc? Mà tất nhiên rồi. Đó là niềm bức xúc. Anh ta không thể làm gì khác hơn. Ngoại trừ buộc một viên đá vào cổ và nhảy xuống nước... mà anh ta đã cố làm như thế một lần rồi.”

“Gì đi nữa, điều chúng tôi có thể nói được là bút tích chính là của Mathieu. Dầu thành thật mà nói thì các chuyên viên của chúng tôi cần thêm một vài mẫu khác nữa.”

“Thế anh ta đang nghiên cứu về cái gì vậy?”, Mercier lại hỏi.

“Chưa đủ yếu tố để trả lời. Hình như anh ta viết bằng những ký hiệu riêng của mình.”

“Công trình cuối cùng của Mathieu mà người ta biết là nghiên cứu về phản dẫn lực.” Mercier buồn bã nói, “Chúa ơi, thật phí biết bao!”

Viên đại tá thở dài. Ai biết được nước Pháp phải chịu mất đi thứ vũ khí phi thường nào đây? “Đó cũng là thời Mathieu bị suy sụp tinh thần.” Dastier tiếp, “Các đồng nghiệp của anh ta ở Collège de France đều chắc chắn rằng lúc đó anh ta đang tiến hành nghiên cứu một điều gì thực sự lớn lao. Rồi thì xảy ra vụ anh ta định tự sát. Tôi cho rằng đây là cả một bi kịch. Tôi muốn nói đến việc anh ta quyết định làm việc cho đất nước. Chúng tôi đã cố làm mọi cách để biết được hiện nay Mathieu đang nghiên cứu cái gì, và chúng tôi đã thành công bằng việc dùng máy hồng ngoại chụp được những điều anh ta viết lên trên cát. Nhưng chúng tôi không có cách gì hiểu được các ký hiệu đó. Đó là những ký hiệu do anh ta tự chế ra. Chúng tôi cũng cho lục soát mọi mảnh giấy quanh nơi anh ta ở. Không có gì. Thật là một sự cương quyết đến độc ác.”

Malraux chen vào, “Nhưng điều gì thoát tiên làm ông chú ý đến con người ấy?”

“Chúng tôi đã tiến hành kiểm tra lý lịch mọi người ở Tahiti, vì đây là nơi gần địa điểm thử nghiệm bom hạch tâm của chúng ta nhất. Thế là chúng tôi tìm ra vụ đốt cháy dấu vân tay của Cohn. Thoạt đầu chúng tôi cũng cho rằng đây chỉ là một tên tội phạm thông thường nào đó. Nhưng rồi có những sự kiện khác khiến chúng tôi bắt đầu suy nghĩ. Chẳng hạn, những đêm anh ta ra bãi biển để “sáng tác”, như chữ mà quý ngài muốn nói. Viết các công thức bí hiểm lên cát, rồi sau đó xóa đi. Thật là cuồng tín, thù hận. Vâng, thù hận. Làm thế nào mà một con người văn minh lại....”

“Được rồi. Thế các ông tiến hành những bước nào nữa?”, Malraux cắt ngang lời viên đại tá, giọng sắc như dao.

“Mọi điều có thể làm. Chúng tôi theo dõi anh ta cả ngày lẫn đêm. Hình như đã có ít nhất một nỗ lực ám sát anh ta, và chắc chắn sẽ còn có những mưu toan khác. Đó chính là lý do tại sao tôi xin phép quý ngài để báo cho Mathieu biết rằng chúng ta đã rõ anh ta là ai, cho dù điều này có thể dẫn đến nguy cơ làm anh ta tự sát một lần nữa hoặc cố đào tẩu. Cái trò chơi trốn tìm như hiện nay hết sức nguy hiểm. Nó có thể kết thúc bằng tai họa. Nước Pháp không thể để mất anh ta hoặc để xảy ra nguy cơ anh ta chọn phía khác. Tôi xin nói rõ hơn: không một siêu cường nào chịu để cho anh ta hoạt động chống lại mình. Không một nước nào, kể cả chúng ta. Bộ não của Mathieu có giá trị cực cao về mặt công nghiệp và quân sự, còn bản thân con người anh ta thì không ai có thể đoán trước được hành vi. Theo như tính khí của anh ta mà chúng ta biết, anh ta có thể bất thành lình quyết định đi theo Nga hay Tàu. Đây là một tình huống cực kỳ nguy hiểm. Không có gì đáng sợ cho bằng một bộ óc cỡ đó lại cho mình có quyền tự do muốn làm gì thì làm, đi theo phe nào do anh ta quyết định chọn. Chúng ta phải nói chuyện với anh ta, phải yêu cầu anh ta trở về. Quả là một tổn thất vĩ đại cho nhân loại nếu một người như Mathieu bị giết, nếu như anh ta cần phải bị giết. Bởi người Nga, người Mỹ hay bởi chúng ta...”

Viên đại tá nhận ngay ra rằng mình đã đi quá xa. Quả vậy, ông liếc nhìn về phía Malraux và ông hiểu rằng nếu như ánh mắt có thể thiêu cháy con người thì hẳn ông đã trên đường đến bệnh viện.

Ông bèn rút rè thêm “Dĩ nhiên, không cần nói rằng chúng ta không hề có ý định đó. Nước Pháp...”

Malraux cắt lời, giọng sắc như dao, “Đúng, nước Pháp. Yêu cầu ông luôn giữ cái từ ấy trong trí óc mình, được chứ?”

“Monsieur le ministre...”, viên đại tá ấp úng, nhưng vị bộ trưởng vẫn nhìn ông ta một cách giận dữ.

Mercier chen vào, “Đại tá, ông quên mất một điều nhỏ. Ông quên rằng có thể Mathieu hiện không còn biết rằng mình là Mathieu.”

Viên đại tá đưa mắt chứng hững nhìn nhà khoa học nổi tiếng, “Ngài muốn nói là...”

“Vâng, đúng đó là những gì tôi muốn nói. Nhưng không phải tôi muốn đề cập đến những cơn sốc điện trong thời gian anh ta suy sụp tinh thần vừa qua. Tôi cũng không nói rằng anh ta bị mất trí nhớ đâu.”

Dastier nín thở “Mổ não?” Ông ta hỏi bằng một giọng run run.

“Nếu một con người đã dám đi đến chỗ giải phẫu để thay đổi mặt, cắt thanh quản, đoạn tuyệt toàn diện với con người trước đây của mình, thì anh ta cũng có thể cắt bỏ dây thần kinh trong thùy não, để tách rời mình hoàn toàn khỏi bộ não đã bị sử dụng sai lệch, bởi người khác. Nhưng đó cũng không phải là điều tôi muốn nói. Tôi muốn nói đến một hiện tượng khác, rất phổ biến trong liệu pháp tâm lý học. Có một từ tiếng Đức chỉ điều này: Selbstverdammung. Một sự đánh mất bản ngã, chậm rãi nhưng toàn diện. Có lẽ nên gọi hiện tượng này là một “hoàn cảnh tâm thần.” Có lẽ như vậy. Khi ý thức của một người không có khả năng điều hòa được một sự kiện mà anh ta không chịu đựng nổi, thường anh ta cố tổng khứ cái sự kiện ấy ra khỏi ý thức mình. Một phút trước đây tôi vừa bảo rằng tôi không tin người mà ông nói là Mathieu. Cho phép tôi sửa lại. Tôi tin rằng người ông đề cập không còn là Mathieu nữa.”

Cohn chèo thuyền vùn vọt với tất cả sức lực của một chàng thủy thủ Viking khiến chiếc thuyền độc mộc phóng vọt lên trên sóng bằng cả một sức mạnh phi thường.

Cohn biết rằng cả Công lý, Nhân phẩm và Nhân quyền đều đứng về phía y, dầu cho chiếc thuyền của y không có động cơ đi nữa.

Cái ý tưởng rằng kẻ thù đã lén lút xâm nhập vào tận trong ruột của mình khiến cho lòng Cohn tràn đầy phẫn nộ, cả người anh em đại dương cũng chia xẻ cơn giận đó bằng những tiếng gầm gừ dữ dội. Khi phát hiện ra máy phát sóng trong ruột mình, y đã bỏ Meeva ở lại trên bờ ngơ ngác không biết con ma nào đã nhập vào cái gã Popaa của ả khiến cho y cuồng điên lên đến nỗi trong đầu y chỉ còn một ý tưởng duy nhất: đặt nắm đấm vào cái gã Tamil độc ác và gởi gã vào bệnh viện ít nhất sáu tuần, tốt nhất là với vài cái xương sườn gãy.

Tại ngôi làng Finae, có một chiếc xe buýt như trời định sẵn đang đậu ở đó. Xe đầy hành khách mà tài xế lại bỏ đi đâu không biết. Thế là trước con mắt hân hoan của khách, Cohn tót vào chỗ tay lái, phóng xe đi, trong khi gã tài xế từ trong một quán nước đâu đó vọt ra và chạy đuổi theo chiếc xe của gã, miệng gào lớn, “Bắn, bắn.” Đó là từ duy nhất mà gã có thể nghĩ ra trong cơn hoảng hốt.

Trong 5 tiếng đồng hồ tiếp theo đó, chiếc xe buýt phóng một vòng như điên cuồng khắp đảo, lần lượt làm văng mất cả hành khách, gà vịt, xe đạp, thùng mùng... khi Cohn ghé lại nhà thờ, cơ sở truyền giáo, chủng viện. Tại nữ tu viện Saint Joseph, y làm cho các xơ ở đây kinh hoàng khi buộc tội họ giấu Tamil dưới gầm giường của họ.

Nhưng Cohn chẳng hề tìm ra dấu vết của tên phản bội khốn kiếp đó, như thể chính Chúa Trời đã kịp thời báo trước hành động của Cohn cho Tamil để gã ta trốn biệt. Thế rồi ở Point Venus, chiếc xe buýt toi đâm lại cạ hết cả xăng, đứng chết đơ. Mười phút sau, một chiếc xe jeep phóng đến và Cohn bị hai gã sen đầm tóm chặt áp tải về Papeete. Tại đây, sau khi bị nện qua loa, y bị nhốt vào sau song sắt. Điều này khiến y cảm thấy hơi thoải mái. Thật dễ chịu khi thấy mình một lần nữa lại đứng về phía bên phải của Luật pháp và Trật tự.

Ryckmans không có ở đây, vì hôm nay là “Ngày Thánh Ryckmans” như cách gọi của những kẻ trơ tráo ở đây, bởi đây là ngày kỷ niệm cái chết của Modigo Tohé, người đã bị Chánh mật thám ở Batanga lúc đó là Ryckmans trục xuất đến Đảo Rắn mười một năm trước, và Tohé đã chết vì bệnh sốt rét ở chốn lưu đày. Thế là cứ vào ngày 18 tháng 9 mỗi năm, ảnh của Ryckmans được bày ra tại các trường phổ thông của nước Cộng hòa Batanga Châu Phi để cho học sinh tới nhổ nước bọt vào. Cũng vào ngày đó hàng năm, Ryckmans lại lên một cơn động kinh thường niên, mặt lão ứa máu và người lão tiết ra một mùi nồng nặc của hoa hồng giống như Thánh Judas - Kẻ tuần giáo, bởi nếu không có Ryckmans thì Modigo Tohé bây giờ chẳng là cái gì hết, nhiều lắm thì cũng chỉ như một Nkrumah hoặc một Keito bị truất ngôi mà thôi.

Bảy giờ sáng hôm sau, cai ngục dọn cho Cohn trứng chiên, cà phê, bơ, bánh mì nướng, cả một đĩa xì gà Havana; rồi viên thượng sĩ gác thả y cùng với lời xin lỗi lễ độ. Lệnh của Thống Đốc, viên thượng sĩ vừa lom khom nhìn Cohn vừa bảo y như vậy.

Cohn lắc lắc đầu: “Tôi tự hỏi làm sao mà họ biết ra được?” Y lẩm bẩm: “Thời buổi gì mà chẳng có bí mật nào giấu được cả. Tôi thì chỉ muốn đừng ai biết đến. Làm thế nào mà họ biết được rằng tôi là con trai không chính thức của Tướng De Gaulle?”

Viên thượng sĩ chớp mắt, cả người lão khom xuống để nuốt lấy lời của Cohn.

Xe tải phải mất 3 tiếng đồng hồ để đưa Cohn trở lại nơi chiếc thuyền độc mộc tại Port Phaeton. Dân đánh cá tại đây báo cho y biết một cơn bão đang tập hợp và y không nên khiêu khích thần Papatoa vĩ đại, kẻ đang bắt đầu di chuyển từ phương Bắc xuống và luôn luôn xem bất cứ chiếc thuyền nào mình gặp trên đường đi đều là một sự xúc phạm không thể tha thứ. Nghe vậy nhưng Cohn vẫn cố lấy thuyền về nhà, y bảo với ngư dân rằng nếu lão thần Papatoa khốn kiếp sẽ ủa tới với tất cả sức mạnh giông bão của mình thì y, Genghis Cohn, sẽ cho lão thấy cái hơi thở yếu đuối của con người có thể vượt qua nguy nan như thế nào.

Bầu trời bắt đầu đe dọa y bằng một màu tối đen như mực. Sóng nhắc bổng chiếc thuyền lên cao hơn cả mặt trời đang lặn mà ánh sáng mờ nhạt biến dần sau bức tường nước, các tảng đá thì vẫn lặng lẽ nhìn ngắm Cohn trong cái ánh sáng xanh nhạt của một ngày đã chết; nhưng rồi cuối cùng Cohn vẫn đến được bờ bên kia của Vịnh một cách an toàn, dẫu rằng điều đó chỉ chứng minh rằng nỗi phiền khổ của y còn lâu mới chấm dứt, rằng cuộc sống vẫn còn những đòn mới mẻ và độc ác dành cho y. Cởi mình lên trên sóng, Cohn trở nên say mê với cuộc chiến đến nỗi y bắt đầu hát một bài ca bản xứ nói về lòng tin và hy vọng, như thể để tự hỗ trợ cho chính y và cho tất cả những người Viking khác, những kẻ từ bao đời đã dùng mái chèo đơn sơ để thách thức cả vũ trụ.

Meeva, này giờ quan sát gã Popaa của mình vượt qua vịnh, ôm lấy Cohn và hôn y một cách tự hào khi y đến nơi, miệng vẫn còn lẩm nhẩm hát vừa bước lên các bậc cấp mà người ta đã đục vào đá, nhằm thuận tiện cho du khách đi tham quan.

Họ ôm lấy nhau, đứng quan sát ánh chớp rực sáng như pháo bông chung quanh.

Cơn bão, bằng một tiếng gầm như cơn động kinh, đã cắt xẻ vòm trời ra nhiều mảnh, và khi ánh chớp soi sáng chói lòa trên đầu hai người, đột nhiên họ chứng kiến một khoảnh khắc tĩnh lặng, bất động

toàn diện, như thể thiên nhiên đang dừng lại lơ lửng bên bờ vực của cơn bùng nổ mà chưa thể hiện, như thể có mệnh lệnh oai nghiêm nào đó trên trời cao ra lệnh cho nó dừng lại. Không khí trĩu nặng hơi nước, nhưng vẫn không có một giọt mưa nào rơi xuống họ, dường như có cả một thế giới thứ ba lơ lửng, không phải bầu trời, cũng không phải biển cả. Những con chim mà trước đây Cohn chưa từng thấy bao giờ, từ quần đảo xa xa hoảng loạn bay lại theo cơn bão. Một ngọn núi ma quái bỗng bồng bềnh trong làn sương mờ đang vọng lại tiếng gầm thét của thần linh. Rồi một lần nữa những móng vuốt vàng, sáng lại lóe lên trên nền mây đen vần vũ, và Cohn tuyệt vọng cố nắm bắt trong hiện tượng siêu nhiên này một cảm giác dịu ngọt của niềm kính sợ nguyên thủy. Nhưng lúc đó tay Meeva đang run rẩy trong tay y, và Cohn thì phải lo đến điều đó trước đã.

“Về đi Cohn. Em sợ quá. Từ trên kia, họ đang nổi giận vì chúng ta...”

“Họ...”, trong một thoáng Cohn đã có thể cảm thụ sự hiện hữu thần bí của “họ” cũng như hưởng thụ sự trong trắng ngây thơ đã khuất từ lâu nơi trần thế. Túp lều của hai người đã hiện ra, lơ lửng giữa luồng hơi nước của Đại dương và bầu trời. Hàng dừa vung vẩy tay vui mừng chào đón cơn bão, kiểu như các gia đình hoàng tộc vô tâm nhận lầm cái đám đông cách mạng đang tiến lại gần là những thần dân trung thành đang hoan hô mình. Thần Matai vĩ đại đang nén hơi thở lại, đám mây tụ quanh ngọn núi, bất động đợi chờ cơn giết chóc sắp đến. Thình thoảng một tiếng sấm rền vang vọng như tiếng sừng trâu khổng lồ húc vào núi đá. Đại dương đã biến mất dưới làn hơi nước, chỉ thình thoảng một cơn sóng bọt nhô lên nơi rặng đá.

Cohn ngấu ngiến con gà độn chuối mà hồi chiều Meeva đã hâm sẵn. Những bóng đen khổng lồ nhảy múa trên bức tường bằng lá của ngôi nhà, chỉ thình thoảng mờ đi khi một chú bướm đêm rơi vào ngọn đèn dầu trên bàn và bốc cháy. Ngoài kia, trận bão đang lặng người trong cơn chuyển dạ, chỉ có một sự yên tĩnh lạ thường và một không

khí đầy hơi nước mát lạnh lơ lửng nơi bầu trời. Cohn gục xuống giường, Meeva nằm ôm lấy Cohn và ngủ liền trong cánh tay y. Nằm yên lặng, Cohn cảm thấy đùi ả gác qua bụng mình, và cái thế giới vàng vọt bên ngoài cửa sổ mờ dần vì mớ tóc đen dày của Meeva phủ lên mặt y.

Một lần, khi trời hét lên bằng một tiếng sấm uy nghi dội vào ngọn núi, Meeva khẽ cựa mình, thức giấc trong vài giây ngắn ngủi và lẩm bẩm một lời trách móc dịu dàng “Anh ăn nhiều chuối quá đấy, Cohn ạ.”

Cohn chẳng biết mình ngủ bao lâu thì chợt thức giấc và nghe rõ tiếng đập của tim mình. Y nằm yên, cố gắng một cách tuyệt vọng chế ngự cơn sợ hãi đang lớn dần. Cơn sợ hãi giờ đây trở thành nỗi kinh hoàng, không chịu nổi, y chuối khỏi giường và trần truồng bước ra ngoài đêm tối. Lập tức, bầu trời như một tấm dạ đen ẩm ướt chụp lấy người y và lần đầu tiên kể từ khi Cohn biết đến đêm Tahiti, không một con đom đóm nào bay đến để xuyên thủng cái bóng đen dày đặc này.

Rùng mình, Cohn trở vào trong lều, rồi lại trở ra và chạy, chạy mãi cho đến khi y thấy mình đang ở trên một ngọn đồi, ánh sáng trắng bạc của điện trời bao bọc chung quanh.

Cả một cơn sợ hãi thú vật tràn lên khắp người, một linh cảm về mối nguy hiểm tức thì khiến Cohn quay mình nhìn chung quanh. Chính vào lúc đó y thấy hai bóng người nổi bật lên trên nền trời đầy ánh chớp. Cảm thấy nhẹ nhõm vì có sự xuất hiện của con người, Cohn vẫy tay thân thiện và cất tiếng chào đồng loại: “Ồ, chào...”

Điều xảy ra tiếp đó hoàn toàn bất ngờ, cái này tiếp sau cái kia nhanh đến nỗi Cohn không còn cảm nhận và suy nghĩ gì nữa, chỉ đứng cứng đờ trong cái yên lặng bao la dưới muôn ánh chớp như trói chặt y trong một tấm mạng nhện.

Hai người đàn ông đối diện với y và Cohn nhìn rõ hai khẩu súng máy chĩa về phía mình. Cùng lúc đó, một ánh lửa dài vọt ra từ đâu đó bên phải y và Cohn thấy hai gã đàn ông nọ lão đảo, buông rơi súng rồi

ngã xuống đất, chồng lên nhau trong một dáng điệu thân mật, rồi lại một tràng lửa tiếp theo, như thế để chắc chắn về sự bất tử của họ.

Cohn không cử động. Y chẳng còn chân nữa. Y những muốn kêu lên, nhưng tất cả sức lực chỉ tạo nên nổi một tiếng ú ớ tắt ngấm trong cổ họng.

Cả ngọn đồi phủ đầy ánh sáng chói chang, chết chóc và yên lặng trong một lúc. Rồi thần sấm sét thu lại móng vuốt của mình và bóng đêm lại phủ xuống tấm thân trần truồng của mặt đất.

Một bàn tay chạm nhẹ lấy vai Cohn.

“Cứu tôi với!”, Cohn gào lên. Y vốn không muốn chết mà không thốt ra một trong những từ ngữ đầy cảm hứng đó, những từ ngữ đôi khi tóm tắt trọn vẹn cả lịch sử con người kể từ buổi sơ khai.

“Nào, nào, ông Cohn, bình tĩnh đi. Mọi sự qua rồi.”

Tamil. Cohn nhìn vị tu sĩ dòng Dominicain và khẩu súng trong tay ông ta, không ngạc nhiên, bởi không còn chỗ cho sự ngạc nhiên trong y nữa. Lại một ánh chớp lóe lên. Hai xác người vẫn nằm chồng lên nhau, trong một tư thế bất động vĩnh cửu.

Tamil mang áo mưa và mũ đen kiểu ngư dân vùng Breton phủ lên ngoài chiếc áo tu sĩ màu trắng, vẫn đặt tay lên vai Cohn. “Ông thoát hiểm rồi. Bây giờ họ đã chết và rất dễ thương. Bình tĩnh lại đi.”

Hai người Trung Hoa mắt vẫn mở, nhìn trừng trừng vào khoảng không trống rỗng.

Cohn chưa bao giờ thấy hai người này. “Tại sao...”

“Họ chỉ muốn giết ông, giáo sư Mathieu ạ. Có vô số người muốn làm điều đó. Vừa rồi chúng tôi thật lo lắng cho ông quá.”

Cohn cố nuốt nước bọt, “Đây rõ ràng là một sự lầm lẫn về mặt lý lịch”, y nói, cố lấy giọng đĩnh đạc, đầu cho tư thế trần như nhộng không giúp ích gì mấy cho cái vẻ vênh váo kia.

“Tất nhiên, tất nhiên rồi. Nào, tôi nghĩ rằng tốt hơn nên để cô bạn gái của ông không hay biết gì về chuyện này. Một số người không bao

giờ chịu nổi những cảnh chết chóc. Còn công việc của tôi - ờ, tôi muốn nói, công việc của một tu sĩ, dĩ nhiên là...”

“Đẹp mẹ cái vẻ trơ tráo của ông đi.”

“Tôi còn phải lo cho hai đồng nghiệp da vàng của tôi biến mất khỏi đây tức khắc. Tiện nhất là để cho biến cả đón nhận họ - như cách nói của một số du khách. Trong lúc đó...” Ông ta choàng tay qua đôi vai run rẩy của Cohn, “Trong lúc đó, tôi nghĩ một cốc rượu nóng hần là tốt cho da thịt đang run vì lạnh của ông, thưa giáo sư... ờ, thưa ông Cohn. Anh bạn Mahé của ông rất vui lòng đón ông với tất cả lòng hiếu khách vốn nổi tiếng của hải quân Pháp.”

Cohn gầm lên, “Mahé? Thế ông bảo cho tôi biết, có ai ở Tahiti này mà không phải là cớm không hả?”

Tamil trả lời bằng một giọng chắc nịch khiến cho Cohn càng thêm nghi ngờ, “Chắc chắn phải có chứ. Tuy nhiên chúng tôi phải đặt đến mười lăm ngàn lính ở đây. Với những cuộc thử nghiệm hạt nhân ở Mururoa sắp tới, tất cả các siêu cường đều gửi đến đây một vài người quan sát kín đáo. Và, dĩ nhiên, điều cuối cùng và không phải là kém quan trọng, ở đây còn có ông nữa, ông Cohn ạ. Tôi nghĩ rằng hiện tại ông vẫn nên tạm thời mang cái tên tuổi thú vị này. Đối với nước Pháp, và đối với cả những siêu cường khốn kiếp khác, bộ óc của ông còn quan trọng hơn mười lăm ngàn người lính nhiều, hoặc còn quan trọng hơn cả chính các cuộc thử nghiệm ở Mururoa nữa đấy. Có Chúa mới biết được những khám phá thiên tài nào có thể đang nảy nở hiện nay trong cái trí óc luôn luôn sáng tạo và hoàn toàn khó lường của ông. Chúng tôi xem ông là một kho báu, hãy tin tôi đi.”

Thì hiện Cohn sẵn sàng tin vào mọi thứ. Và Tamil dẫn y đi, dờ dẫm, trần truồng, run rẩy. Và dẫu cho trên trời vẫn lóe lên những ánh chớp và vang lên những tiếng sấm huy hoàng, sức chiến đấu nơi kẻ trốn chạy này còn lại quá ít khiến y không còn đủ lòng tự trọng để đáp lại những lời lẽ màu mè của Tamil bằng một tràng chửi rửa tục tĩu nữa. Y hoàn toàn kiệt sức.

Tamil tiếp tục, “Ông Cohn ạ, chúng tôi đã xây dựng một hệ thống rộng lớn chỉ nhằm bảo vệ ông. Hẳn ông sẽ vui lòng khi biết rằng ông đáng giá đến nửa triệu franc trong ngân sách mà người dân Pháp phải đóng hàng năm đấy, đó là chưa nói đến những đêm thức trắng để lo cho ông an toàn của những người như chúng tôi - những người đầy tớ nhỏ nhoi của ông đấy.”

Mười phút sau, Mahé, hay đúng hơn, trung úy Hải Quân Mozon, mừng rỡ đón họ vào hang động của mình. Cái “con người hoang dã” này bây giờ mang đồng phục hải quân, cùng với anh ta là hai thủy quân lục chiến mặc đồ rằn ri, trang bị đến tận răng. Mahé-Mozon chào Tamil đúng quân cách trong lúc Cohn, trần truồng bên cạnh những người mang vũ khí và quân phục, tuôn ra một tràng chửi thề lên đầu kẻ giả mạo là cựu này cựu nọ trước đây. Mahé trân trọng đón nhận những lời vàng ngọc đó với cái vẻ quan tâm lạnh lẽ mà bất cứ anh nhà binh Pháp nào cũng luôn luôn tỏ ra như vậy đối với văn chương. Rồi anh ta mời họ vào trong cái mà anh ta gọi là “trại lính hải quân.” Đằng sau cánh cửa gỗ mà Cohn biết rất rõ che kín hang động, bây giờ có một máy vô tuyến và hai người nhái. Tamil lập tức chỉ thị cho hai người này thu dọn các xác chết người Trung Hoa theo cách thế nào để họ không bao giờ còn trời lên mặt nước được nữa. Hai người nhái lập tức rời hang.

Cohn thì sụp xuống trên ghế, nhắm mắt - y chỉ mở mắt lại sau khi uống hết hai ly vang đầy do Mahé đưa, pha với đường và chanh. Hai viên sĩ quan của Tình báo quân đội Pháp ngắm nhìn y bằng cái nhìn trang trọng của anh hàng thịt nhìn một tảng thịt heo ngon nhất.

“Khá hơn rồi chứ?”

Cohn lăm bầm vài tiếng chửi thề, nhưng thiếu tự tin và hứng khởi nên nghe như là thú nhận sự chiến bại. Mahé đưa cho y một bộ quân phục, nhưng Cohn kiêu hãnh từ chối. Mặc dù cái cơ chế sáng loáng kia cố sức nài nỉ để khoác bộ trang phục lòe bịp lên người tên vô loại vĩnh cửu, y vẫn muốn giữ mình trần truồng như bao giờ. Y nhấp thêm

vài ngụm vang, và chất rượu mang thêm cho y đôi chút lòng kiêu hãnh thiêng liêng mà nếu không có nó hẳn con tim con người đã héo tàn từ lâu rồi.

“Nhưng tại sao họ lại muốn giết tôi? Tôi muốn nói lý do cụ thể, không kể cái lời cáo buộc chung chung rằng con người là một cái gì đó không thể tha thứ?”

Tamil chau mày, vẻ bị tổn thương, “Ông Cohn ạ, một người biết quá nhiều như ông đáng ra không nên hỏi những câu ngây thơ như vậy.”

Cohn nheo mắt, tay xiết chặt ly rượu. Sức mạnh trở lại với y, theo đó là tính hài hước châm chọc hồn hào vốn là thứ vũ khí duy nhất mà cái hữu hạn, cái cực nhỏ có thể dùng trong cuộc chiến chống lại cái cực đại, cái vô cùng. Tất nhiên, thứ vũ khí này không thể đem lại chiến thắng, nhưng ít ra thì nó cũng giúp cho kẻ tuyệt vọng sống sót.

“Ngay cả đối với Gauguin, họ cũng không đến nỗi tìm cách giết ông ấy”, Cohn nói. “Ông ấy là cái gai trong người họ, là sự thách đố sống động đối với Luật Pháp và Trật Tự, thế mà họ cũng chưa dùng đến súng đạn với Gauguin. Tại sao lại làm thế với tôi?”

Tamil gật đầu tán thưởng. “Đó là một ý tưởng rất thú vị. Tôi muốn nói việc ông chọn lựa cái nhân cách của Gauguin ấy mà. Cái gì có thể tách xa hơn khoa học, kỹ thuật cho bằng sự hóa thân của nhục dục, tình yêu cuộc sống và thiên nhiên? Đúng vậy, một sự cải trang hoàn hảo. Hai cực của tâm hồn và lịch sử nhân loại. Oppenheimer và Gauguin. Thừa giáo sư, ông đã cố gắng hết mực, ông đã đóng thật tuyệt vời.”

Cohn lau bầu, “Vui lắm. Nhưng trong tiếng Pháp chúng ta không có thành ngữ tương đương với Kiss My Ass. “Đít tao đây này.” Luôn luôn có một hố sâu văn hóa giữa Mỹ và Pháp kia mà.”

“Cứ tiếp tục nữa đi ông Cohn. Ông đóng trò thuyết phục lắm. Cứ như thể là ông đã đánh rơi cái bản chất đáng yêu của ông đâu đó trên đường liên lạc rồi. Hay đó là sự trợn lăn về di truyền. Thiên tài khoa

học nhập vào một con người có bộ mặt của một nghệ sĩ, và chính tài năng nghệ thuật đưa anh ta đi xa đến một nơi khác. Quả là ông đã chơi trò này tuyệt vời. Nhưng ông không hề gặp may. Chúng tôi luôn luôn biết ông là ai. Và không phải chỉ chúng tôi. Có một đồng nghiệp người Nga tài giỏi và một nhân viên tận tụy người Hoa đã giết lẫn nhau cách đây vài ngày. Hai người chết. Rồi sau đó ba người nữa, cộng với hai người tối nay.”

“Chưa đủ đâu, mới có bảy người chết”, Cohn nói, giọng rầu rầu, “Họ xem thường tôi, tôi đáng giá nhiều hơn thế chứ. Chỉ cần nhớ đến công trình của tôi ở Mururoa thôi, các ông đã có thể hủy diệt cả một thủ đô. Tôi phải hay không phải là cha đẻ của trái bom hạch tâm của Pháp nào? Chỉ có bảy người chết thôi? Cái đó tôi gọi là sự vô ơn.”

Y bắt đầu thấy hứng khởi trở lại. Quả thật cũng khá thú vị để lão Adam già nua thay đổi nhân thân một lần nữa. Y đã từng là Attila tên hung nô, Thành Cát Tư Hãn, Saint Louis, Napoleon, Pasteur, De Gaulle, đó là chưa kể đến Eichmann - tại sao không phải là cha đẻ của bom Hydrogène của Pháp? Con người là con người, như Gertrude Stein đã từng không nói thế, và có nghĩa là không có cách nào để xua đi bất cứ cái gì.

Cohn tiếp tục lau bầu, “Chính là cái gã Foucault khốn kiếp ấy. Cái con người cuối cùng của triết học ấy mà. Hẳn ta không chỉ tuyên cáo về “cái chung cục tức khắc của con người”, cái dư âm của kỷ nguyên nhân văn ấy, mà khi hẳn ta, cái thằng con hoang đó, từ chối không chịu chết, thì chính hẳn đã quyết định đẩy nhanh hơn cuộc kết thúc của mình. Chính hẳn ta cố khiến tôi bị giết đó. Tôi gọi đây là trò lừa bịp.”

“Vui lắm”, Tamil nói, “Không bao giờ ngừng đùa bỡn. Nhưng nhớ là lần tới họ không bắn hụt ông đâu đấy.”

Cohn suy nghĩ một lúc rồi lắc đầu, giọng chắc nịch: “Chẳng làm gì được tôi đâu. Tôi bất tử mà.”

“Thế thì uống thêm một cốc nữa.”

Cohn làm theo. Con người có thể làm gì khác hơn khi đối diện với cái bản ngã đích thực của mình và với dòng chữ “không lối ra” viết đầy khắp da thịt? Y uống thêm một cốc, rồi một cốc, một cốc khác nữa.

Một ánh chớp vàng lóe lên ngoài cửa hang, rồi lại tối cam và từ xa vang lại tiếng trống từ thiên giới...

Tamil nhìn y với một vẻ tò mò, “Ông bị một thứ bệnh chân voi - Elephantiasis - về luân lý. Ông Cohn ạ, tức là tình trạng ý thức đạo đức bị sưng lên đến cực độ. Cái ý thức mặc cảm tội lỗi khổng lồ của những người như Bertrand Russel, như Jean-Paul Sartre và như ông chính là trường hợp bản ngã trương phồng một cách kỳ dị, trương phồng đến mức làn da của các ông bao phủ toàn bộ địa cầu. Họ - và cả ông - nhìn những lỗi lầm của nhân loại như một sự xúc phạm đến cá nhân mình. Hình như các ông không nhận thức ra rằng một thái độ như vậy thực ra mang tính chất trưởng giả đến nhường nào. Đúng ra ông phải thôi hành hạ mình như cách ông đã làm từ ba năm nay, ông Cohn ạ.”

Cohn đưa mắt nhìn viên sĩ quan, “Tôi đã tra tấn, hành hạ mình từ hai ngàn năm nay, đó là nói con số tối thiểu đấy!”, y gầm lên.

“Vâng, vâng, tất cả chúng tôi đều biết ông mang trong lòng điều đó. Nhưng ngay cả không có ông, không có sự đột phá của ông, nước Pháp vẫn biết cách để chế tạo một vũ khí hạch tâm, và nó cũng sẽ được thử nghiệm ở đây. Vì thế cái vỡ kịch bí mật đến Tahiti - hiện trường “tội ác” của ông - tất cả những thái độ bất mãn, nhạo cợt đối với tri thức và nền đạo đức hiện tại của chúng ta... Một lương thức bị sưng phồng quá độ cần phải được trị liệu. Bác sĩ của ông ở Paris, Dr Birdek, người đã săn sóc ông trong hai lần ông bị suy sụp thần kinh sau cùng, hẳn sẽ có cơ hội đưa ông trở lại với sự bằng an của tâm hồn mà một khoa học gia lớn cần có để theo đuổi công việc của mình, dầu cho công việc đó có mang lại những hệ quả nào đi nữa. Nhà khoa học

phải rũ bỏ khỏi những “hệ quả” mà họ không thể chịu trách nhiệm, và đó đúng là cái mà người ta gọi “sự nghiên cứu lạnh lùng.”

Cohn không còn nghe nữa. Sự kiệt sức, nỗi khủng khiếp của bóng đêm, mấy cốc rượu đã khiến y rơi vào một tình trạng bán hôn mê, nơi đó điều duy nhất của ý thức còn tồn tại là một niềm khao khát mơ hồ, hỗn độn nhưng mãnh liệt.

“Tôi tìm kiếm khuôn mặt nguyên sơ của mình trước khi thế giới này hình thành...” Y lẩm bẩm trong cổ họng, nắm tay nắm mạnh xuống bàn, như làm vọng lại một tiếng sấm từ ngoài trời.

Tamil bật cười, “Xin chúc mừng.” Nhưng Cohn đã cạn kiệt óc hài hước. Y nôn oẹ, trượt ra khỏi ghế và rơi xuống đất trong tư thế của một con người được ân xá.

Tamil rút một điều thuốc và châm lửa.

Mozon lắc đầu, “Tôi vẫn không tin. Tôi vẫn không thể tưởng tượng nổi một con người lại có đủ sức cố tình dồn ép bản ngã mình một cách toàn diện như vậy. Nếu anh ta là Mathieu, thì anh ta cũng không còn nhớ ra mình là ai nữa.”

Tamil nhún vai, “Ở Paris người ta cũng nghĩ đúng như vậy. Họ tin rằng anh ta đã hoàn toàn đánh mất bản ngã. Trong thuật ngữ tâm thần học, Machner gọi là Selbstverdammung. Dĩ nhiên họ hoàn toàn sai.”

Mozon tự rót cho mình một cốc rượu. “Còn nếu như là anh ta thận trọng và ranh mãnh cố làm cho chúng ta tin rằng anh ta chính là Mathieu thì sao?”

“Liều mạng sống của mình? Vì mục đích gì?”

“Thuần túy vì lòng thù hận.”

Tamil ném điều thuốc. “Quân đội không trả lương cho anh để anh có những tưởng tượng theo kiểu đó, anh bạn ạ. Và lại, hình như anh bạn quên rằng nhân viên tài tử nhưng rất đặc lực của ta hằng ngày đã cung cấp cho chúng ta những sự kiện tuy nhỏ nhưng đầy thuyết phục, tất cả hợp thành một lượng chứng cứ khổng lồ.”

Mozon thở dài. “Tôi không biết. Điều tôi thật sự biết là không một ai trên đời có thể chạy trốn khỏi con người thật của mình một cách cương quyết, bền gan như vậy.”

Viên đại úy gật đầu. “Cũng chẳng phải là mới lạ đâu. Những người Jésuite đã từng biết đến điều này. Đối với họ, một con người chạy trốn khỏi cái bản tính đích thực của mình một cách cương quyết bền gan, như anh nói, chính là định nghĩa của sự tiến bộ về đức lý và tâm linh.”

Cặp mắt chiêm biếm của ông ta dừng lại một lát trên tấm thân trần truồng, nằm lằn lóc trên nền hang, bên cạnh những thứ y vừa nôn ọe ra. Ông ta nói chậm rãi, “Một tâm hồn thanh giáo. Khó tin, nhưng đúng như vậy. Một trường hợp cực đoan của con người khao khát nhân phẩm. Và cách giải thoát mình ra khỏi cơn khát khao ghê người đó chính là “sự suy sụp.” Anh bạn xem đấy, không cần nhiều lắm nỗ lực cá nhân cũng đủ làm tan nát anh ta rồi. Dường như là cả cái tội lỗi vĩnh hằng của vũ trụ - kể cả của cái quyền năng lạng lẽ và vô danh kia - đã tạo ra con người. Chẳng lạ gì cái anh này lại cố gắng một cách tuyệt vọng đến thế để trở thành một tên vô loại. Phải chăng quả có một niềm thanh bình và trong sáng khi mình là một tên vô loại?”

Mozon uống cạn cốc và đưa mắt nhìn cái sinh vật tiền sử trần truồng nằm trên nền hang, “Vâng, đúng vậy. Tôi nghĩ rằng không dễ đâu, Mon Capitaine, không dễ là một vĩ nhân đồng thời “chỉ là” một con người.”

“Không dễ là một con người, chấm hết”, Viên đại úy nói - “Vì thế mà anh ta cố vất bỏ cả Vương trượng và Vương miện. Được rồi, giúp tôi một tay. Hãy mang ông Adam của chúng ta trở lại với bà Eve của ông ta. Ai biết được sắp tới người ta còn tiến hành một chiến dịch gì khác nữa.”

Đôi vú trần của Meeva lướt đi giữa các vì sao khi ả ngồi chèo nơi mũi chiếc thuyền độc mộc trong lúc Cohn ở đằng sau, một tay đặt trên bánh lái, tay kia cầm chai rượu, ngắm nhìn mái chèo của Meeva, khi thì trầm mình vào dải Ngân Hà, khi thì khuấy vào một vũ trụ sáng rực những vi sinh vật mà mỗi con có lẽ đều mang trong mình mầm sống cho một vũ trụ mới. Y cảm thấy như thần Te Tumu vĩ đại, vị thần đầu tiên, kẻ từ thiên đình bước xuống trần để hợp cấn với cô dâu là Atea Nui, tức “nguồn sáng vô tận”, trong một chiếc thuyền độc mộc khổng lồ do “vị thần không biên giới” tặng làm quà cưới.

Dẫu sao thì con người vẫn còn cái quyền có những ảo ảnh thị giác, vì thế Cohn quan sát mái chèo của Meeva giữa vũ trụ hàng trăm ngàn năm ánh sáng, đôi khi làm lung lay các vì sao, Cohn vẫn có thể ngược mặt lên cái vô cùng, nhìn như một kẻ ngang hàng, bởi y là Cohn vĩ đại, vị vua của những anh chàng Cohn.

Và y say khướt như vị vua dòng Pomare cuối cùng tại xứ này.

Một chuyến thanh tra bất ngờ của Bizien đã chấm dứt nơi ẩn náu cuối cùng của họ nơi Vườn Địa Đàng. Số là từ khi khám phá ra cái máy phát sóng tí hon trong hậu môn của mình, từ khi bị ám sát hụt trên ngọn đồi và sau đó là bị cả đám nhân viên SDEC bao quanh như đàn ruồi, Cohn buông mình vào trong cơn tuyệt vọng kết thúc bằng những cuộc say sưa triền miên. Và mọi sự đến chỗ kết thúc khi ông Adam túy lúy bỗng kéo bà Eve ra trước một du khách gồm người Hà Lan, Anh và Bắc Âu. Đưa tay chỉ thẳng vào đám du khách, y gào lên

với Eve: “Đó, nhìn xem, đồ khốn? Sẽ không hề có cái đám này nếu như cô chịu uống thuốc ngừa hằng ngày!”

Đám du khách hoảng vía, còn Bizien, mặc dầu rất quý Cohn, bắt buộc phải tỏ ra nghiêm khắc. Thế là một lần nữa, Adam và Eve bị trục xuất ra khỏi Địa Đàng...

Bây giờ động cơ đã nổ. Cohn lái thuyền và Meeva vẫn tiếp tục chèo, ngồi trong một tư thế tuyệt đẹp nơi đằng mũi. Thỉnh thoảng cô ả lại thốt lên một lời phản đối kịch liệt.

“Cohn, em thấy fiu quá. Tại sao em phải chèo trong khi máy đã nổ?”

“Đó hoàn toàn là vì những lý do nghệ thuật và tượng trưng”, Cohn đáp lại.

Hình ảnh nàng Vahiné in bóng mình lên các vì sao quả là một hình ảnh đẹp mắt

Suy nghĩ một lát, Cohn nói thêm, “Bọn họ cố giết tôi, cô biết đấy.”

“Cái gì? Ai cố giết anh?”

“Bọn chó giữ nhà chứ ai.”

“Gene, anh say rồi.”

“Sao cô dám gọi tôi là Gene hả, đồ khốn! Cô phải tỏ ra kính trọng chứ. Tôi là một sinh vật huyền thoại, Con Người!”

Trong lúc đưa ra lời tuyên bố lớn lao không gì sánh nổi như vậy, Cohn thấy các ngôi sao đổi thành màu trắng và chòm sao Thiên cầu chuyển mình bay đi, đuôi cụp xuống giữa hai chân.

Cohn cảm thấy khoan khoái hơn. Nhưng Meeva thì vẫn càu nhàu. “Nghe em đây Cohn. Em không nói anh là một người tình tồi, không, nhưng đừng vì vậy mà nghĩ rằng anh là một vị thần. Mà tại sao họ lại muốn giết anh?”

“Những thằng ngu đó làm tôi với một người khác. Một nhà khoa học tên là Mathieu nào đó. Cha đẻ của trái bom của Pháp. Mururoa.

Đại loại như vậy. Điên cả.”

“Mà, thế anh có phải là Mathieu không?”

Cohn rụng rời thiếu đường nuốt luôn cả lưỡi của mình.

“Cái gì”, y gầm lên, “Ai, tôi ấy à? Cô loạn trí rồi.”

“Em không biết nữa. Tại sao anh lại không thể là người đó? Anh hầu như là bất cứ ai mà em đã từng gặp.”

Cohn phờ phới trong dạ. Đối với lại một Picaro, đó là lời khen ngợi lớn lao nhất.

Nhưng điều cấp bách nhất đối với y bây giờ là lo cho sự an toàn của chính mình. Đến ngày thứ ba sau khi từ bán đảo trở về, Cohn đi tìm Tamil và gặp ông ta - đúng như y đoán - ở Tổng hành dinh của Bộ Chỉ Huy Chiến Dịch Pháp Hải ngoại tại con đường tên Thống chế De Lattre. Cohn đưa cho Tamil một lá thư.

“Xem đây, thư dán tem rồi đấy. Ông có thể đọc trước, bởi đằng nào lũ thuộc hạ khốn kiếp của ông cũng sẽ bóc xem trộm thư tôi mà.”

Trong thư, Cohn báo cho Richard Helms, giám đốc CIA rằng cái đề nghị được ông ta lập đi lập lại nhiều lần mời “Giáo sư Mathieu tiếp tục công việc của mình tại Mỹ đã được hoan hỉ chấp nhận. Sẽ liên lạc với giáo sư ở Tahiti, nơi ông ấy được giới nghệ sĩ biết đến dưới cái tên Genghis Cohn.”

“Đây chỉ là bản sao thôi đấy”, Cohn cảnh cáo viên đại úy, “Bản chính đã gửi đi rồi, cũng như đối với những đề nghị tương tự từ Trung Quốc, Nga, Anh và cả Albania nữa đấy. À, nếu như ông quan tâm, thì chính là Matthews, người tuần trước đã trốn đi Ecuador, đã mang những lá thư ấy đi đó.”

Tamil ném chiếc phong bì vào sọt rác, “Ông không thể nghiêm chỉnh được sao? Ông là thành viên của Collège de France mà.”

“Đúng vậy, nhưng tôi là một kẻ phản bội bẩm sinh. Tôi muốn phản bội bất cứ ai, bất cứ khi nào, nơi nào. Tôi không dọa đâu. Đối với tôi phe nào cũng thế thôi. Vả lại, mẹ tôi lại là một phụ nữ Mỹ dụ

hiền, bà sinh ra ở Sacramento đấy.” Y nói thêm và cảm thấy ngạc nhiên: đây là lần đầu tiên y nghe mình nói sự thật “nhưng đó không phải là điểm chính yếu?”

“Điểm chính yếu là gì?”

“Tôi định tiếp tục sống cuộc đời dục tính của mình. Bọn Tàu và bọn Nga đã cố loại bỏ tôi. Vậy chỉ còn lại người Mỹ. Bây giờ khi họ biết được tin tôi có ý định ném hết tài năng của mình về phía họ, họ sẽ để cho tôi yên. Chắc chắn là CIA sẽ dùng mọi biện pháp để bảo vệ tôi. Nay, ông biết không, tôi chắc chắn rằng Bill Callum là người của CIA ở xứ này đấy.”

Tamil vừa “xuyt, xuyt” vừa lắc đầu, “Ông đừng nói bậy chứ”, nhưng ông ta cũng chẳng thêm giả bộ ngạc nhiên nữa.

"Họ muốn Mathieu thì sẽ có Mathieu ngay thôi. Chỉ cần yêu cầu là chúng ta sẽ cung cấp cho họ. Nhân tiện, các ông dường như không lưu tâm đầy đủ đến Matthews, trước đây là thuyền trưởng của chiếc tàu Human Dignity. Hiện giờ ông ta đã thoát khỏi tầm với của các ông một cách an toàn rồi, tại một nơi nào đó ở Nam Mỹ. Matthews - Mathieu... dường như các ông đã không nghĩ ra".

Cặp mắt đen, dữ của viên sĩ quan nheo lại, cười cợt, nhưng nơi viên đại úy cũng có một thoáng nghi hoặc, rồi thôi: Cả suốt một năm nay ông ta nhận báo cáo từng ngày về Cohn từ nhân viên đáng tin cậy nhất và sự thật đã rõ ràng: y chính là Mathieu.

“Đừng cố gắng cho mệt sức, mon cher professeur. Kể từ lần cuối cùng ông bị suy sụp thần kinh...”

Một lần nữa. Cohn đổi hướng “Thì tôi có biết đâu đó là sự suy sụp thần kinh, tôi cứ tưởng đó là bị cái lương tri tấn công, nếu ông thích cách diễn đạt như vậy. Ông có bao giờ tưởng tượng Leonard nâng niu vẽ một tiểu thư nào đó, chỉ thuần vì cái đẹp, để rồi thấy chính tác phẩm đó trở thành một vũ khí hủy diệt? Và ông có thể tưởng tượng họ sẽ biến công trình của tôi về phản - hấp lực thành cái gì, nếu tôi không bỏ cuộc nữa chừng? Mọi mảnh giấy trong nhà tôi...”

Viên đại úy lại nở ra một nụ cười mỏng, lạnh như thép “Tôi biết. Tôi cũng biết rằng đối với những cái ý thức đạo đức ngoại hạng ấy, đã có một cái gì sai lầm, trực trặc. Thiên tài khoa học mò mẫm thâm nhập vào trong người ông, trong khi đó cái tâm hồn nghệ sĩ lại dẫn dắt ông đi đến một nơi khác... Nói cách khác, ông đã bị phân nhảm vai. Nhiều thứ “gène” trộn lẫn vào nhau. Có thể nói là định mệnh đã chơi trò nhạo báng độc ác nhất đối với ông.”

Cohn kết luận rằng nếu không có cái áo tu sĩ Dominicain - hiện đang vắt vẻo trên ghế - thì Tamil có một nhân cách hoàn toàn khó ưa.

Chiều hôm ấy y đến nhà má Nouna tại Taarea ăn cơm. Bà này luôn luôn đón Cohn bằng món “heo Poimeia”, tức thịt heo nấu với nước chắt từ chuối và dứa.

“Có chuyện gì vậy Cohn? Trông cậu fiu quá. Có thật là cậu rời chúng tôi không? Họ đồn rằng cậu là một người nào đó. Thôi ngồi xuống đi. Ăn thịt heo nào. Thịt heo rất bổ dưỡng cho tinh thần. Nó làm cho cậu là một người đàn ông thật sự. Má để sẵn trong nhà đấy.”

Cohn đang ở trong trạng thái sầu não. Quả thật, y cảm thấy chán nản đến nỗi hầu như nôn nóng muốn trở lại thành Mathieu. Y sẽ về Collège de France và sáng tạo ra một điều gì thật sự xấu xa, tục tĩu. Một cái gì thật xứng đáng với cái nòi giống hủy hoại của cái thứ sinh vật thiếu xứng đáng cả về mặt sinh học lẫn tinh thần kia. Đột nhiên Cohn thấy quần đau và đẩy đĩa thịt heo ra.

“Cậu không thích à?”

“Tôi ăn đủ rồi”, Cohn vừa nói vừa nghĩ rằng Thượng Đế cấm người Do Thái ăn thịt heo bởi ngài không muốn họ trở thành giống ăn thịt đồng loại.

Cohn ngã người ngủ giấc trưa dưới bóng cây Tamanus. Ánh sáng chói chang khiến các tàn dừa trông như những bóng đen kịt nổi lên nền trời và ngoài xa, các chiếc thuyền độc mộc lơ lửng trong ánh sáng, còn ngư phủ thì bồng bênh trong một ảo ảnh không phải nước cũng không phải không khí, mà là một khoảng trống sáng rực rỡ.

Chiếc mũ lưỡi trai úp lên mặt, Cohn bắt đầu ngủ thiếp đi thì bỗng nhiên bị đập liên hồi vào người. Cohn gào lên, cố chống cự và đập trúng một người nào đó vào háng. Rồi đầu y bị nện một cú như búa bổ và y không còn biết gì nữa.

Khi tỉnh lại, y thấy một quang cảnh quen thuộc: y lại nằm trong nhà tù một lần nữa. Qua chấn song sắt y thấy sân nhà tù, còn phía đối diện là quán Kit-Cat, nơi mà các thủy thủ từ khắp nơi trên thế giới đều tìm đến để say sưa và để kiểm các ả Vahiné trong mộng của mình.

Đây là lần đầu tiên cảnh sát tỏ ra hung bạo thật sự đối với Cohn và điều này khiến y vui sướng vô hạn. Bởi như vậy có nghĩa là vẫn còn có hy vọng. Có lẽ họ đã nhận ra rằng y chẳng phải là Mathieu gì ráo.

Y đang ngồi yên bình trong góc nhà giam, lòng trống rỗng, không suy nghĩ bất cứ điều gì - một thành tựu tuyệt vời của trí tuệ - thì nghe những tiếng “ xuýt, xuýt “ thật nhỏ từ ngoài sân. Cohn vọt đến cửa sổ, sẵn sàng một số từ vựng để tuôn ra. Nhưng đó là Meeva. ả đang ngồi xổm dưới cửa sổ, mặc chiếc áo có hoa đỏ trắng đẹp nhất của mình, cùng với ba ả vahine khác Meeva rủ đi theo để nâng đỡ tinh thần mình trong cơn sầu khổ.

“Cohn, tại sao anh lại làm những điều khủng khiếp như vậy?”

“Tôi đã làm gì nào? Họ nói láo đấy.”

“Họ bảo rằng anh đã nện như tử Đấng Cứu Thế Jesus Christ.”

“Cái gì?”

“Cảnh sát đang nổi điên lên. Anh dám bị tù một năm lắm, vì tội đã đánh cảnh sát trong khi đang thi hành nhiệm vụ.”

“Nhưng mà...”

Rồi y nhớ ra. Y đã hoàn toàn quên khuấy chuyện lộn xộn với Jesus.

...

... Chuyện xảy ra ngày hôm trước. Cohn đi câu cá. Điều đó có nghĩa là y ngồi thoải mái, yên lặng trên thuyền, mặc cho đàn cá tự do bơi lội dưới nước. Sau đó y chèo trở lại bờ, đầu óc đang vui vẻ vì giải thoát khỏi hết mọi suy tư, mục đích thực sự của thiền định, bỗng dưng y gặp Jesus trong rừng đu đủ. Anh ta đặt cái thập giá làm bằng cát-tông trên cỏ, ngồi nhồm nhoàm một miếng xúc xích nhồi tỏi. Có một chai rượu vang đặt bên cạnh. Cohn trước đây chưa hề thấy gã này bao giờ. Hẳn đây là người được Bizien gọi để đóng vai Jesus, sau khi Le Goff thôi việc. Một gã người Bỉ trước đây đến Tahiti với nhóm Câu lạc bộ Địa Trung Hải.

“Chào.”

“Chào.”

Cohn đưa mắt nhìn cây thánh giá. Y không thích thấy cái vật này trong tư thế như vậy, nằm nhàn nhã trên mặt đất. Nó được làm ra là để đè nặng trên lưng con người kia.

“Công việc thế nào?”

“Chẳng nhàn nhã gì đâu. Mới chỉ làm việc này độ một tuần. Cũng không có chọn lựa nào khác.”

Gã nói bằng giọng Corse nặng chình chịch, mùi tỏi bốc nồng từ miệng gã. Gã đưa chiếc móng tay cái bắn xìa răng. Cohn nhìn gã một cách giận dữ. Con người này chẳng thích hợp với công việc một chút nào cả. Bự con, dung tục và chiếc vòng gai trông hoàn toàn lạc lõng trên cái sọ bự của gã. Nhiều lắm gã nên được phân đóng vai Barabbas thì hơn.

“Xem ra anh chẳng chú ý đến công việc này lắm nhỉ?”

“Thế bộ cậu thì chú ý sao?”

Cohn bắt đầu nổi điên lên. Y cảm thấy cá nhân mình bị sỉ nhục. Chọn lựa một kẻ phàm phu dung tục như gã này để đóng cái vai trò kia quả là một sự khiêu khích quá độ. Dù du khách có trả tiền đi nữa thì cũng phải có một giới hạn nào đó chứ. Quả thật Bizien đã mất hết trí tưởng tượng rồi.

Gã nọ tiếp tục, “Lão cảnh sát trưởng gọi tớ lên và sửa, “Pozzo, anh có nhiệm vụ làm việc cho ông Bizien tại Văn phòng Du lịch.” Tớ đang bị hai tuần trọng cấm vì đã uống rượu trong lúc làm nhiệm vụ, vì thế phải nhận lệnh thôi. Họ còn dọa sẽ gọi trả tớ về Pháp nữa đấy, Chúa ơi.”

Cohn bắt đầu thấy ra sự thật khủng khiếp, nhưng y cố cưỡng lại cái chứng cứ sờ sờ ra đó “Thế, thế anh được chỉ định đóng vai trò này à?”

“Hắn rồi”, Pozzo đáp, “Tớ là cớm mà.”

Cohn gầm lên như một con thú bị thương, lao vào Pozzo, nắm đầm tung ra. Tên sen đầm này cũng chẳng yếu ớt gì và gã lập tức đánh trả, nhưng gã đã phải chống lại cả một cơn phẫn nộ dữ tợn nhất từng dâng lên trong tim con người. Cái ý tưởng rằng một tên cớm được chọn lựa để đóng vai Jesus là điều Cohn không thể chịu đựng nổi. Cuối cùng Pozzo nằm ở bệnh viện với hai cái xương gãy...

Meeva nhìn gã Popaa bằng ánh mắt trách móc qua hàng song sắt, “Tại sao anh lại đánh Pozzo thế?”

“Tại hắn sỉ nhục tôi.”

“Họ nói anh sẽ bị tù ít nhất ba tháng...”

Ả bắt đầu khóc. Cohn thấy ấm lòng. Nói gì thì nói, Tình yêu vẫn là một điều gì kỳ diệu, chắc nó đã từng hiện hữu ở đâu đó.

“Cohn ạ, em sẽ chờ anh suốt đời, cho dầu là họ nhốt anh ba tháng đi nữa.”

Cohn dần dựa nước mắt. Ba tháng đối với một ả vahiné còn dài hơn cái mà Petrarch gọi là vĩnh cửu.

“Em thật là một con bé ngoan. Tôi cũng yêu em nữa, với tất cả tấm lòng. Nhớ đừng làm tình quá nhiều nhé. Em biết cái bọn popaa là thế nào rồi. Chúng không hiểu đâu. Chúng sẽ nghĩ em lừa anh.”

“Cohn, nếu anh muốn, em sẽ không làm tình với ai nữa cả.”

“Tôi có bảo em phải chết khô chết héo đâu. Chỉ đừng làm thế với quá nhiều gã đàn ông thôi. Em chọn chừng nửa tá là vừa.”

Cohn nghe tiếng cửa mở và thấy gã sen đầm Christophe bước vào. Đó là tên cảnh sát nhột nhát và run rẩy nhất mà y từng thấy trên đời.

“Thưa, chúng tôi vô cùng ân hận, thưa... thưa ông Cohn. Vừa rồi chúng tôi đã phạm một sai lầm chết người.”

Bước vào văn phòng Ryckmans, Mathieu biết là tất cả đã chấm dứt, rằng những ngày của Cohn đã kết thúc. Y ngạc nhiên thấy mình không còn quan tâm đến điều đó nữa. Ngược lại là khác. Sẽ thú vị để xem y có thể làm gì với tư cách là Mathieu. Chắc chắn là có thể làm rất nhiều điều.

Trên khuôn mặt của Ryckmans bộc lộ một nỗi sợ hãi và kính cẩn đến độ Cohn gần như cảm thấy thương xót gã.

“Tôi phải giải thích... Tôi không thể nói nỗi chúng tôi hối tiếc sâu sắc đến như thế nào, thưa ông... thưa ông Cohn.”

Mathieu tự hỏi không biết cái khoảnh khắc ngập ngừng đó là do hòng của Ryckmans thất lại vì sợ hay chỉ là do gã cố tránh không gọi y bằng tên thật.

“Chiều nay tôi đi vắng, thưa ông Cohn. Vì thế, tất nhiên, bọn họ không hề biết gì về chỉ thị của ngài Thống Đốc liên quan đến ông...”

“Chính xác thì chỉ thị gì?”

“Tối mật - giúp đỡ trong mọi trường hợp - ơ , thượng sĩ Pozzo sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc.”

“Tôi sẽ tự tay lo lấy gã này.”

“Xin tùy ý ông. Dĩ nhiên, một nghệ sĩ cỡ ông... Tôi hiểu rằng ngài Thống đốc đang muốn kiếm một vài bức tranh của ông. Tôi còn nghe rằng ngài đã mua được một vài bức. Còn bây giờ, ngài ra lệnh đưa một chiếc xe để ông sử dụng. Cho phép tôi...”

Gã hộ tổng y ra xe trước những cặp mắt hoàn toàn ngây dại của các chú sen đầm. Cohn có cái cảm giác cực kỳ khoái trá rằng ở Tahiti, nhà cầm quyền không phải bao giờ cũng đáng ghét. Y đỡ Meeva bước lên chiếc Citroen công màu đen, khi gã tài xế, mặc đồng phục quân sự, nón cầm ở tay, trịnh trọng mở cửa. Meeva đưa mắt nhìn gã popaa mà lòng kinh hãi.

“Chúa ơi, Cohn, anh đã làm gì vậy?”

Y không muốn làm ả sợ hãi. Với lại, y cũng chưa sẵn sàng cho vở kịch mới. Chẳng ai có thể làm Hitler, Napoleon, Jeanne D’Arc hay Mathieu trong chốc lát được... Phải tập trung, phải có cảm hứng thật sự mới được. Phải tạo một cảm giác tốt đẹp về cái nhân thân mới của mình sau đó mới diễn xuất tuyệt vời được chứ. Ta không thể chuyển trong nháy mắt từ thập tự quân sang pê-ni-xi-lin, từ giáo đường sang vũ khí, rồi trở ngược lại mà không có thời gian chuẩn bị tối thiểu. Con người là một kịch sĩ, một kẻ ứng khẩu vĩ đại đã được trời cao ban pháp - hoặc nguyên rửa - nhưng vẫn phải cần một khoảng thời gian trước khi có thể triển khai một quy tắc mới của hủy diệt, và cái thời gian đó thường được gọi là “giai đoạn đình trệ” trong lịch sử văn minh nhân loại.

“Cohn, nói cho em biết đi. Anh đã làm gì vậy? Tại sao tất cả bọn họ đều theo sau anh? Anh thật sự là ai vậy? Bây giờ thì họ nói đủ thứ tốt đẹp về anh. Xưa nay người dân ở đây luôn luôn cho rằng anh là một tên vô lại, thế mà bây giờ họ nghĩ rằng anh là một cái gì lớn lao hơn thế. Nói cho em biết đi anh.”

“Tôi là một trong số những thằng cút đáí đáng kính có khả năng làm cho mọi điều thành có thể. Đóng góp của tôi vào việc chế tạo bom hạch tâm của Pháp. Trái bom mà người ta sẽ cho nổ ở đây, trong “Thiên đàng trần thế” của cô đấy. Tại Mururoa. E mea haama. Điều đó làm tôi tủi hổ.”

Meeva suy nghĩ một lúc. “Nào, đó đâu phải lỗi anh.”

“Không phải lỗi của tôi?”

“Có thể khi đó anh không biết là họ sẽ thả ở đây, cái quả bom của anh ấy mà. Có lẽ anh tưởng họ sẽ thả ở một nơi nào khác.”

Cohn mỉm cười. Quả đúng là cái lô-gích hay ho của Pháp.

Hãng Air France báo cho y biết đã dành sẵn một chiếc vé hạng nhất đi Paris và yêu cầu y đăng ký 48 tiếng đồng hồ trước khi muốn rời Tahiti. Một viên cảnh sát đi mô-tô mang đến cho Cohn chiếc phong bì, kèm theo “lời thăm hỏi của Ngài Thống đốc của Pháp hải ngoại.” Bên trong phong bì là thiệp mời dùng cơm và một mảnh báo cắt ra từ tờ Le Figaro.

Nhà khoa học người Pháp Marc Mathieu, người hai năm trước đây đã biến mất sau khi để lại một lá thư tuyệt mệnh, theo lời đồn đại thì hình như đang còn sống. Nhà vật lý học trẻ tuổi này, trước đây bị chấn động tâm lý một cách sâu sắc do vai trò quyết định của mình trong công trình nghiên cứu lý thuyết góp phần vào việc chế tạo vũ khí nhiệt hạch của Pháp, nay theo một vài nguồn tin, hiện sắp trở lại làm việc cho đất nước sau một thời gian dưỡng bệnh tại một địa điểm nào đó được nhà cầm quyền giữ tuyệt mật ở Polynesie thuộc Pháp.

Hai gã lạ mặt Cohn chưa bao giờ gặp hiện bám theo y khắp mọi chỗ. Họ còn dùng đèn bấm sục sạo quanh ngôi nhà y ban đêm. Một buổi sáng, khi cúi xuống giường tìm đôi dép, Cohn thấy có một vật tròn, nhỏ gắn vào tường - Máy ghi âm. Y bèn lục soát khắp nhà và tìm ra hai cái nữa, một dưới đi văng và một ở giường ngủ trên gác.

Sáng nọ sau khi đi câu suốt đêm về, y thấy Meeva đang ngồi bệt trên sàn, ngắm nhìn túi đầy thư từ nhiều nơi gửi cho y. Nào là giấy mời tham dự hội thảo, diễn thuyết, mít tinh, mời viết bài, phỏng vấn v.v... nào là thư chúc mừng, thăm hỏi... Ngoài ra còn có bức thư từ Viện Nghiên cứu khoa học cao cấp ở Princeton muốn biết y có nhận

lời đảm trách cái vị trí vốn vẫn bỏ trống từ khi Oppenheimer chết đến nay không. Có cả lá thư riêng ký tên Chavez, bảo đảm với y rằng “Mọi người đều rất sung sướng thấy anh đã khỏe mạnh. Madeleine và bọn trẻ vẫn trông mong nhận được tin anh. Madeleine vẫn yêu anh như bao giờ.”

“Madeleine là ai vậy Cohn?”

“Rõ ràng là vợ của cái gã Mathieu đó chứ ai. Cái thằng khốn này đang cố gán vợ và con hăn cho tôi đây.”

Một buổi sáng y chạy đến gặp Bizien trên sân thượng của quán Vairia. Nhà doanh nghiệp lớn vẫn chào y bằng cái vẻ lãnh đạm và lễ phép thường lệ. Ông ta không hỏi han gì Cohn, nhưng y lại không cưỡng được phải nói ra trước một con người thạo đời như Bizien.

“Chắc ông đã nghe tin rồi.”

“Tin gì vậy?”, ông ta hỏi, làm bộ tò mò.

“Họ đã phát hiện ra con người thật của tôi.”

Bizien tỏ ra thông cảm, “khủng khiếp thật.”

“Một trường hợp ngẫu nhiên có một không hai. Cảnh sát quốc tế sẵn lòng tôi vì tội lừa đảo, vì thế tôi phải giải phẫu mặt mũi ở Venezuela. Rồi chuyện gì xảy ra? Do một tình cờ kỳ dị, tên bác sĩ giải phẫu đã tạo cho tôi một bộ mặt y hệt như diện mạo của một nhà khoa học lớn người Pháp đã mất tích hai năm trước đây và có lẽ đã tự sát. Họ tìm kiếm anh ta khắp nơi, thế là lẽ dĩ nhiên họ nhận ra tôi... Bây giờ họ nài nỉ tôi trở về và làm thêm một số công trình khác cho họ. Một trái bom lớn hơn, tốt hơn chẳng hạn. Ông thấy thế nào?”

“Thú vị lắm”, Bizien nói và tiếp tục nhấm nháp trái ô-liu, mơ màng.

“Dĩ nhiên là ông không tin lời tôi rồi.”

“Ô, tôi tin chứ”, Bizien nhã nhặn đáp.

“Và ông biết sao không? Tôi đang suy nghĩ định nhận lời đề nghị của họ. Tại sao tôi không làm thế? Họ thực sự nài nỉ mà. Tôi sẽ chế

tạo cho họ một thứ gì cực kỳ khủng khiếp để quét sạch trái đất một lần cho xong.”

Bizien gật đầu, “Tuyệt. Nhưng lúc đó hãy báo cho tôi biết để tôi tránh đi nơi khác kịp thời nhé!”

“Nói chung, tôi có khả năng trở thành bất cứ cái gì. Hitler hay Albert Schweitzer? Hay Thập tự quân? Tôi là tất cả mọi thứ ấy!”

Cặp mắt nhỏ, lạnh của Bizien từ từ ngược lên khỏi ly rượu đang cầm trong tay và gặp cái nhìn sôi nổi của Cohn.

“Thập tự quân tổ chức kém quá”, ông ta nói, giọng nghiêm khắc.

Cohn không biết nhà doanh nghiệp vĩ đại này thận trọng thay đổi đề tài hay ông ta thật sự tỏ ra tiếc rằng mình không có mặt tại chỗ vào thời ấy để tổ chức đám thập tự quân nữa.

Cohn đáp xe buýt về Povaavia, nhưng chạy qua luôn nơi đó và leo xuống một dải cát và san hô trải dài qua trước ngôi nhà của Bengt Danielsson. Đây là nơi trước kia Gauguin thường tá túc ở Tahiti, nên Cohn thường đến thăm đều đặn. Một ngọn gió thổi nhẹ, vừa đủ kéo các cây dừa ra khỏi giấc ngủ say, làm cho bóng các tàn lá chập chờn trên cát, trông thật dịu mắt. Các ngư dân vẫn ngồi bất động trong thuyền độc mộc, trông như chính họ bị nhốt trong một mẻ lưới ánh sáng do một quyền năng vô biên nào đó quăng xuống úp chụp cả đại dương và bầu trời. Sóng vẫn đuổi mình trên bờ đá san hô, và các chú còng màu xám khổng lồ chạy tíu tít rồi lặn khuất vào trong lỗ, các trái tim nhỏ bé của chúng đập liên hồi vì một nỗi sợ hãi lớn lao.

Khi đi ngang qua một chiếc thuyền hư nằm trên cạn, Cohn gặp một cặp đang làm tình với nhau. Người đàn ông là một nghị sĩ thuộc Đảng Lao động Anh, hiện đang đến thăm Tahiti dưới danh nghĩa của Tổ chức Y tế Thế giới, còn cô Vahine thì là con gái của một nhà buôn trái cây lớn nhất ở Papeete.

Cohn ngừng lại, căn một điều xì gà, chăm chú quan sát cảnh tượng bằng cặp mắt nhà nghề, hỏi, “Thế nào?”

Vị nghị sĩ Đảng Lao động hơi ngẩng đầu lên, “Cút cha khỏi đây ngay.”

Nhưng Cohn đầu gù đi nữa vẫn quan tâm đến các quan hệ quốc tế, hỏi “Ông có nghĩ rằng Anh quốc sẽ làm điều đó không. Tôi muốn nói, nó có thành công trong việc chui vào Thị trường chung không ấy mà?”

Cô gái quát lên, “Cohn, anh không có quyền gì lăng mạ tôi.”

Cohn thực sự ngạc nhiên, “Tôi có lăng mạ cô đâu, tôi chỉ hỏi một câu lễ độ thôi mà.”

“Việc tôi làm tình với một ông Popaa như thế này không có nghĩa là tôi ngủ với bất cứ ai. Thị trường chung cái gì, đồ khốn!”

“Chẳng qua là tôi chỉ muốn biết...”

“Ngồi xuống đi anh bạn.” Ông người Anh nói trong khi vẫn hoạt động dữ dội, như một thành viên chân chính của đảng Lao Động trong việc kiến tạo một thiên đường trên trái đất. “Cứ tự nhiên đi. Tôi sẽ xong ngay mà.”

“Ông có diêm không?”

“Có hộp quẹt trong túi phải nơi quần tôi đấy.”

Cohn cúi người xuống để nhìn vào túi chiếc quần đang quăng trên cát. Y không hề biết rằng cử chỉ đó đã cứu mạng sống của mình.

...

Người đàn ông cầm khẩu súng trường có ống ngắm đã sẵn sàng bóp cò. Anh ta đứng trong một vườn dừa nằm trên đồi cát, cách ngôi nhà tiền chế của Callum chừng 200 mét. Anh ta đang nhắm kỹ thì đột nhiên đầu Cohn hạ xuống khuất sau chiếc thuyền độc mộc. Bực mình, anh ta chười thề và hạ súng xuống. Đó là một người da đen, mặc bộ quần áo bằng lụa xanh. Anh ta tháo cặp kính mát xuống và đặt trên cát. Người đồng đội của anh ta lúc đó đang bò ở phía trước, tay cầm ống nhòm, thở phào.

“Được rồi. Còn nhiều thời giờ. Dẫu sao, nên chờ lúc y đang ở một mình, không có nhân chứng.”

“Không có vấn đề gì, chúng ta có thể giải quyết luôn cả ba người cũng được.”

“Dĩ nhiên rồi, nhưng chúng ta đến đây không phải để giải trí. Vậy đừng khoe khoang.”

...

Cohn rất nể cái tính “phốt ăng lê” điển hình của cái ông nghị sĩ này. Dường như ông ta có một con mắt thứ ba ở một nơi nào đó vậy. Y đặt bật lửa chờ lại chỗ cũ.

“Ông bạn cần gì nữa không ạ?” Người Anh hỏi.

Cohn bỏ đi, lòng hơi bị tổn thương. Mỗi quan tâm của y về Thị trường chung bị đón nhận lạnh nhạt như thế đấy. Thôi được, mỗi người có cách thế riêng của mình.

Cohn tiếp tục đi. Căn nhà của Bill Callum bây giờ có thể thấy rõ bên phía trái, với vườn đầy cây Uru cùng hàng cây chuối nơi ngọn đồi nằm phía trên bãi biển.

...

Người da đen tên là O'Hara và là một tay xạ thủ cừ nhất của CIA nâng khẩu súng lên lần nữa. Với khoảng cách như thế này, dùng ống viễn kính thì thật là phí tài năng của mình, vì thế anh ta tháo ống nhắm ra, đưa súng ngắm vào Cohn, ngay phía dưới lỗ tai. Anh ta đang sắp sửa kéo cò, thì đầu hơi giật ra sau, đứng yên một lúc trong vẻ ngạc nhiên mơ hồ, rồi ngã gục chết. Vessely, người đồng nghiệp của anh ta, lúc đó bò ở phía trước, đang dùng ống nhòm theo dõi Cohn thì nghe thấy 2 tiếng súng, tự hỏi: "Cái gì..."

Và hấn ngược đầu lui. O'Hara nằm trên cát, một giòng máu rỉ ra từ khóe miệng há hốc.

Vessely tê cứng cả người trong vài giây mặc dù hẳn là một nhân viên tình báo đã được huấn luyện chu đáo và toàn diện. Rồi hẳn áp sát người xuống cát, đưa mắt nhìn quanh. Không có gì ngoài những tàn lá dừa xơ xác, quá thưa không thể che giấu một tên bắn tỉa nào được, đồng thời hẳn thấy Cohn đang chạy bay biến như một chú thỏ, phóng về phía căn nhà của Callum.

Chỉ đến lúc đó Vessely mới nghĩ đến việc tìm kẻ sát nhân ở hướng này, và điều hẳn thấy thì hoàn toàn nằm ngoài mọi thứ luận lý khiến cho trong khoảnh khắc đầu óc hẳn biến thành trống rỗng: Bill Callum đang đứng trước hiên, khẩu súng trường trong tay. Rõ ràng ông ta đã bắn hai phát đạn vừa rồi.

Vessely há mồm, nhưng không thốt lên được một lời nào. Điều duy nhất hẳn có thể làm được là thốt ra vài tiếng thở hào hển.

Chính Callum đã giết chết O'Hara.

Người nhân viên CIA giờ đây có cảm tưởng rằng hẳn bỗng dưng rơi vào một thế giới khác, một vũ trụ siêu nhiên, dị thường và không còn một ý nghĩa bình thường nào. Callum là nhân viên “thường trú” của CIA ở Tahiti. Ông ta chịu trách nhiệm về toàn bộ chiến dịch này, và tuy thế chính ông ta - không có chút nghi ngờ gì về điều này - lại vừa mới cố tình hạ sát một trong hai người được lệnh ông ta đi thi hành nhiệm vụ của chiến dịch. Ông ta đã giết chết O'Hara.

Chắc Callum đột nhiên lên cơn rồi.. Không thể có cách giải thích nào khác.

Giờ đây thì Callum đã đặt khẩu súng xuống, vung tay cuống cuồng, rõ ràng là để kêu gọi sự chú ý của Vessely từ xa. Chắc ông ta muốn gọi anh ta đến gần và rồi, sau một chuỗi cười cuồng loạn, giết luôn anh ta chắc?

Người nhân viên CIA bò lại gần chiếc túi xách màu xanh nằm ngay bên cạnh đầu của O'Hara, mở túi. Anh ta lấy chiếc máy bộ đàm, mở máy và vặn âm thanh thật mạnh đến nỗi có thể nghe thấy cả tiếng động bên trong nhà Callum. Đồng thời, nhìn lên, Vessely thấy Callum

rời hiên nhà, chạy vào bên trong. Hấn vắn nhỏ máy bộ đàm lại. Trong vài giây đầu tiên, điều hấn có thể làm là gào lên một cách điên loạn, trong khi ở bên kia, Callum đang thở hào hển bên máy, gần như tắt hơi.

“Chính ông đã giết chết anh ấy, đồ con hoang mập ú khốn kiếp! Đừng cố cãi rằng không phải ông, vì...”

“Tôi chẳng cố cãi gì cả”, Callum cũng gào lên. “Tôi phải biết là chính tôi làm điều đó chứ. Tôi bắt buộc phải làm. Tôi không còn cách nào khác để ngăn anh ta lại. Tôi được lệnh, hiểu không? Lệnh!”

“Lệnh! Lệnh gì vậy?”

“Phản - mệnh lệnh, nói vậy cũng được!”

“Ông cố nói với tôi cái điều quái quỷ gì thế? Rằng Cục chiến dịch ra lệnh cho ông phải giết O’Hara? Ông, đồ... Ai ra lệnh cho ông hả, Bắc Kinh chắc?”

“Chúa ơi, Vessely, im đi. Nghe tôi nói đây: Tôi nhận lệnh mới từ Washington. Mới nhận hai tiếng đồng hồ trước đây. Tôi cuống cuống đi kiểm các anh. Đáng lẽ cứ mỗi tiếng đồng hồ thì các anh phải liên lạc với tôi chứ.”

“Chúng tôi bám theo tên đó. Không có thời giờ và chỗ để liên lạc. Y leo lên xe buýt và...” Nghe thấy tiếng vù vù khó chịu, hấn quay lại nhìn cái xác nằm bên, và thấy bộ mặt đen bóng, đôi mắt mở to nhìn đám ruồi đang bay chung quanh. Vessely lại bắt đầu gào lên “Đồ thối tha, Callum, ông phải trả giá cho việc này. Đừng cố nói rằng Cục ra lệnh cho ông giết O’Hara. Tôi thề trước Chúa rằng tôi sẽ cắt họng ông đấy, đồ khốn kiếp!”

“Anh có thôi cơn động kinh được không đấy”, giọng Callum rõ ràng cũng sắp lên cơn động kinh, “Dĩ nhiên tôi không nhận lệnh giết O’Hara. Nhưng không còn có cách nào khác, hiểu chưa? Không còn có cách nào khác.”

Giọng ông ta gần như khóc, và Vessely hơi trầm tĩnh lại.

“O.K. Tôi nghe đây. Nhưng ông phải nói cho rõ.”

“Tôi nhận được lệnh mới cách đây hai giờ...”

Vessely lại gần nổi cơn, nhưng rồi hãn cố trấn tĩnh. Hãn không thể chịu nổi cặp mắt mở trừng trừng của O’Hara. Đây là lần đầu tiên cái cảnh chết chóc làm một người như hãn chấn động. Chắc tại khí hậu.

“Điều đó ông nói rồi.”

“Mệnh lệnh hai - hai.”

Vessely nuốt nước bọt một cách khó khăn. Nghĩa là Callum chẳng lên cơn điên gì cả. Còn tệ hơn thế nữa. Một ai đó cấp cao hơn nhiều ở Washington đã hoàn toàn hóa rồi.

“Tôi chắc anh biết thế có nghĩa là gì. Lệnh hai - hai...”

“Sự an toàn của đối tượng phải được bảo đảm bằng mọi giá”, Vessely dịch một cách máy móc.

“Tốt. Mừng thấy anh vẫn còn suy nghĩ được. Bởi vì chính tôi... Trời ơi!”

Vessely nhìn cái xác một lần nữa với vẻ bình tĩnh hơn. Mọi thứ bắt đầu có vẻ ổn. “Đừng kích động quá như vậy, ông Callum. Hãy nhìn O’Hara kia. Anh ấy ở trong tình trạng tệ hơn ông, thế mà anh ấy có kích động chút nào đâu.”

“Ờ... Dĩ nhiên tôi không định giết anh ta. Tôi chỉ định nhắm vào dưới đầu gối. Nhưng tôi có phải là sát thủ chuyên nghiệp đâu. Vì thế tôi bắn trượt. Tệ quá, nhưng đó là vận may của anh ta. Tôi phải chặn anh ta lại. Điều duy nhất tôi có thể làm. Lúc này tôi chạy đi tìm các anh để cho biết tôi nhận được lệnh mới, tìm không được, tôi chạy về đây và điều đầu tiên tôi thấy là O’Hara đang giương súng. Tại sao anh ta không bắn ngay lúc đầu?”

“Tên ấy cúi khuất sau chiếc thuyền...”

“... Thế là tôi chạy vào nhà, chụp khẩu súng, vừa kịp lúc. Chúa Trời Thánh Thần Đức Mẹ ơi, tôi đã cố nhắm thật thấp.”

“Thỉnh thoảng ông nên đi tập bắn đi thôi, ông Bill ạ. Nên tập bắn chai trước đã.”

Nhưng Callum không còn nghe Vessely nói nữa, “Phần còn lại của mệnh lệnh nói rằng tôi phải bảo đảm cho Mathieu đến Mỹ an toàn. Đó, lệnh này đến 48 giờ sau khi các anh đến đây và sau cái lệnh phải giết cho bằng được cái “bộ óc” ấy vì đó là một kẻ đào thoát tiềm năng về phía kẻ thù và là mối đe dọa của nền an ninh Hoa Kỳ. Tôi nghĩ rằng chắc là do sau cùng y ta đồng ý làm việc cho chúng ta. Anh hiểu không? Tôi muốn nói về cuộc chơi nhỏ bé tuyệt vọng mà các ông lớn đang chơi với nhau. Cuộc chơi về các bộ óc của các nhà khoa học. Chỉ trong vài năm nay, có mười một nhà khoa học. Chỉ trong vài năm nay, có mười một nhà khoa học hàng đầu đã bị xóa sổ, nhằm làm cho cán cân của thế quân bình khủng khiếp không đột nhiên nghiêng về phía đối phương. Mọi sự càng ngày càng trở nên vô nghĩa...”

“Được rồi, nếu có một người ở đây thấy nó chẳng có ý nghĩa gì thì đó chính là O’Hara. Cái xác này thì thế nào đây? Chúng ta không thể liều để cho người Pháp tìm ra được.”

“Vùi xuống biển. Cá mập sẽ đảm trách việc thu dọn. Nhưng nhớ ném phía ngoài rặng đá. Lấy chiếc thuyền của tôi và...”

Im lặng, không có tiếng Vessely trả lời.

Callum nói, “Y đang đến đây. Tắt máy.”

Lúc đó Cohn đang chạy như bay về căn nhà Callum bằng tốc độ kinh hồn của kẻ vừa nghe thấy tiếng đạn vụt qua đầu. Y tin rằng phát súng ấy là nhằm vào y, đúng hơn nhằm vào Mathieu, và mặc dầu Cohn chẳng hề yêu thương gì đặc biệt cái con người này, y cảm thấy mình có trách nhiệm phải cứu lấy cái đầu chất chứa cả một thiên tài khoa học ấy. Còn đối với chính mình, không phải vì y quá yêu cuộc sống, chẳng qua là vì y sợ chết mà thôi.

Y chạy an toàn đến cánh cửa lớn lúc đó đang mở và lao vào nhà.

Lúc này Callum đã đứng giữa căn phòng, thở hào hển, từng bệt mồ hôi khổng lồ thấm ướt chiếc áo sơ mi chim cò, “Cái... cái gì

vậy?”, giọng ông ta hụt hơi.

“Chúng... b... bắn”, Cohn chạy băng qua Callum và sụm xuống trên chiếc ghế dựa trong khi Callum cũng buông mình xuống đi văng gần đó, chìm sâu trong đồng gối mềm, chỉ còn đầu và cổ là nhô lên khỏi cái thân hình hơn trăm kilô như một đóa hoa huệ nhợt nhạt và héo úa. Theo ý Cohn, điểm xấu nhất nơi đầu Callum là các chiếc bông tai. Nằm kề bên đôi má nung núc đầy mỡ, trông chúng như là sự xúc phạm đến mọi thứ trên đời.

Chính Callum biết mình dơ dáy và ông ta ghét chính bản thân, và đó có lẽ là lý do ông ta làm nghề nhân viên tình báo giấu mặt. Cách duy nhất để Callum sống với chính mình là biết rằng mọi thứ tô vẽ về bản thân chỉ là một sự nguy trang, rằng con người thật của mình là một nhân viên CIA được đánh giá cao. Ông ta nghĩ đến cuộc đời giả trang của mình, cuộc đời đã làm ông ta béo phì và xấu xí ra trong khi những người như mình, những nhân viên ưu tú, đã bị giết khi thi hành nhiệm vụ. Vì thế ông ta thù ghét Phật giáo, Thiên tông, nghệ thuật tiên phong và mọi thứ làm nên nhân cách giả tạo của mình một cách sâu sắc đến nỗi ông ta chỉ có thể sống được bởi biết rằng con người của mình là ở một nơi khác. Chính xác hơn, nó nằm trong đồng hồ sơ của Phòng nhân sự, thuộc CIA, Washington D.C.

Từ nhiều tuần trở lại đây, Callum hoàn toàn bị Genghis Cohn ám ảnh đến nỗi ông ta luôn luôn nhìn thấy Cohn kể cả khi y không xuất hiện, như người sợ rắn lúc nào cũng nhìn thấy rắn. Ngày hạnh phúc nhất đời của Callum là lúc nhận được mệnh lệnh phải “hành động ngăn chặn”, nghĩa là giết Cohn, nhưng rồi bây giờ ông ta đã phải bắn chết một trong những người của mình để cứu Mathieu. Cái chết của O’Hara quả là một tổn thất hết sức đáng buồn, bởi anh ta là người sát thủ da đen duy nhất của CIA và cơ quan này hãnh diện về điều đó. Vào cái thời buổi mà người da đen ở Mỹ rầm rộ đòi quyền bình đẳng, sự hiện diện của một sát thủ da đen trong hàng ngũ của mình nhất định

làm cho tiếng tăm của CIA thanh sạch hơn, xét về khía cạnh không phân biệt chủng tộc.

Cohn mặt phờ phạc, thở không ra hơi. Callum cũng vậy, dầu vì những lý do khác. Hai người nhìn nhau với sự ngờ vực cùng cực.

“Chuyện gì vậy Cohn? Trông ông kinh hoảng quá.”

“Van Gogh.” Cohn chỉ nói có vậy, như thể cái tên đó giải thích mọi chuyện.

Callum cảm thấy đau nhói bên hông trái. Đó luôn luôn là dấu hiệu rối loạn thần kinh của ông ta. “Cái gì?”

“Van Gogh. Hắn lại cố giết tôi một lần nữa. Bắn tôi. Giết thuần túy vì ganh tị, vậy đó. Chỉ bởi vì hắn chẳng hề bán được một bức tranh nào. Từ hồi ở Brittany, hắn đã tính dùng dao cạo cắt cổ tôi rồi, bây giờ hắn còn bắn tôi nữa. Bảo cho anh biết, Bill, Vincent của chúng ta đã mất trí rồi. Đúng ra người ta phải đem nhốt hắn trở lại dưỡng đường ở Arles mới phải. Anh không thấy sao? Hắn đi suốt nửa vòng trái đất đến Tahiti để giết tôi, chỉ bởi vì lần triển lãm cuối cùng của tôi ở Paris thành công ngoài sức tưởng tượng. Anh không biết sao? Người ta còn bàn đến chuyện trao cho tôi huân chương danh dự nữa đấy! Chẳng lạ gì cái thằng Van Gogh luôn luôn thất bại nổi điên lên... đồ ganh tị khốn kiếp!”

Ruột của Callum thắt lại vì thù hận, “Xéo anh đi. Đem chuyện đó mà bày trò với đám du khách.”

Cohn bỗng cảm thấy một thôi thúc không cưỡng nổi muốn nói lên sự thật. Rõ ràng là y đã mệt mỏi.

“Được rồi, Bill. Hay để tôi nói thật mọi chuyện. Có thể anh cũng đã biết rồi. Cho tôi cái gì uống nào.”

Bill cố nhồm dậy, kiếm một cái ly rót đầy rượu rồi đưa cho Cohn, xong ngã vật lại xuống đi-văng, nhắm nghiền mắt. Ông ta có cảm tưởng mình sắp bị một cơn đột quỵ tim.

“Bill, tôi chắc là anh đã biết phần lớn câu chuyện. Tên thật của tôi là Marc Mathieu. Tôi là một nhà khoa học.”

“Ờ, thế hả?”, Callum hơi mở mắt.

“Đúng vậy. Và tôi vừa có một phát minh kỳ diệu...”

Mắt Callum khép lại, “Cohn, anh đừng giờ cái trò rở tiền đó ra với tôi nữa. Anh có thể làm trò khác khá hơn mà.”

Cohn gật đầu. Chắc chắn là y có thể. Y có thể nghe thấy đại dương rung mình trong giấc ngủ. Không khí đầy mùi hương ngọt dịu, và luôn luôn có vẻ nồng hơn khi ngày chết đi, như gợi lên sự hiện diện của nữ tính đầy ham muốn say đắm. Đêm Tahiti đã bắt đầu - Con điểm ngọt ngào nhất của mọi con điểm trên thế gian này. Cohn hít vào đầy phổi cái mùi hương nồng đượm đó.

“Cho nên chẳng ngạc nhiên gì khi Luật pháp và Trật tự, Sức mạnh và Nhà cầm quyền dưới mọi dạng đều săn đuổi tôi. Cố loại bỏ tôi trước khi hạnh phúc chạm vào thế giới này. Dưới mắt họ tôi là kẻ thù số một. Bởi anh biết không, tôi đã chế tạo được một sản phẩm, tan trong nước và trong không khí, giữ được mãi mãi, chất này có tác dụng thay đổi toàn diện việc làm tình như chúng ta thường biết: với chất này, thay vì chỉ vài phút bọt bèo, sự khoái cảm cực độ sẽ kéo dài cả sáu tiếng đồng hồ và nếu muốn mình có thể tiếp tục lại ngay được. Thiên đàng trần thế, đúng không. Đó là kết thúc việc làm tình uế oải, lười nhác. Đó là điều mà chủ nghĩa xã hội từng luôn luôn nhắm tới. Hãy tưởng tượng De Gaulle hoặc Mao...”

Callum phóc dựng ra khỏi đi văng và nhảy loạn lên như trong một vũ điệu cuồng loạn, năm đấm đưa ra trước mặt. Cohn thấy hả dạ. Làm cho cái núi mỡ nhảy từng từng như vậy quả là một thành tựu nghệ thuật lớn lao.

“Cút cha ra khỏi đây ngay, đồ khốn kiếp!” Callum gào lên, chân dậm thành thịch, “Cút ra!”

Cohn bày tỏ bộ mặt bi thảm của một kẻ vừa đánh mất người bạn thân nhất trên đời, “Coi kìa Bill, anh đừng...”

“Ra!” Ngón tay mập ú của Callum chỉ về phía cửa trong dáng điệu như kịch khiến Cohn cảm giác như một người mẹ chữa hoang

ném ra ngoài trời những kết quả tội lỗi của mình.

“Được rồi, được rồi Bill, tôi đi đây. Chắc anh không ưa tôi. Nhưng hãy gọi tôi, nếu anh muốn nghe sự thật...”

Bill Callum lại tuôn ra một tràng chửi rửa tục tĩu lần đầu tiên thể hiện hết được cái tài năng văn chương của mình.

“Cám ơn, Bill. Tôi rất vui khi thấy anh như vậy.”

Cohn lấy hết cả mấy điều xì gà trong hộp, luôn cả diêm rồi lặng lẽ rút lui. Đêm tối dịu dàng vuốt ve lấy người y. Y châm một điếu Havana. Trong bóng đêm, một đốm lửa nhỏ có thể làm cho một tên sát thủ rất dễ bắn tã, nhưng y đã lấy lại được lòng tự tin vĩnh vác của mình. Y đã đụng độ với người Hoa, người Nga, người Pháp và người Mỹ, và y đã chuẩn bị để cho kẻ thù một cú choáng váng. Và lại hiện giờ có lẽ họ bắt đầu nghĩ rằng y là kẻ bất tử. Chừng nào mà sự sống sót của con người phụ thuộc vào việc làm tình, Cohn tin rằng y chẳng có gì phải lo lắng cả.

22

Y về đến Ngôi Nhà Hoan Lạc trong trạng thái tinh thần phờ phợt, lâng lâng. Ngôi nhà nửa chìm trong bóng tối. Từ bãi san hô thủy triều vừa rút đi bốc lên mùi san hô hăng nồng thân mật của biển cả.

Cohn đẩy cửa vào nhà.

Một cậu thanh niên bản xứ bật dậy khỏi đi văng, chớp lấy quần rồi phóng qua cửa sổ biến mất dạng.

Cohn nói , “Ồ, xin lỗi!”

Meeva vẫn nằm ngửa, trần truồng, chân dang rộng. Vẻ thoải mái, hoàn toàn buông thả của ả làm Cohn yên tâm: việc y trở về đột ngột không phá hỏng cuộc vui. Meeva mỉm cười với y và Cohn quay mình bước vào phòng tắm. Chiếc khăn của y đắm nước và có mùi người. Cohn nổi giận.

“Chó má!”, y hét lên. “Tôi vừa quay lưng đi là có người bò vào dùng khăn mặt của tôi rồi!”

“Thì em sẽ lấy cho anh chiếc khăn sạch khác. Sao anh cứ luôn làm ầm ĩ lên vậy?”

“Còn phép lịch sự nữa chứ, nhảy ra cửa sổ mà không thềm chào chủ nhà lấy một tiếng?”

“Tại cậu ấy mắc cỡ ấy mà.”

“Mắc cỡ? Xem này, lại còn dùng bàn chải của tôi nữa chứ. Thật là quá mức!”

“Thật tình khi đến đây, cậu ấy không biết là sẽ cần đến bàn chải.”

“Nhưng cậu ta là ai vậy?”

“Làm sao em biết được? Em gặp cậu ấy chỉ mới vài tiếng đồng hồ trước đây. Tụi em cũng chưa kịp chuyện trò gì với nhau nữa.”

“Còn gì ăn không?”

“Em có để dành buổi tối cho anh, nhưng cậu ta ngốn sạch cả rồi.”

“Tôi không thích cái anh chàng này”, Cohn tuyên bố. Y bước lại phía đi vắng. “Tôi không lên giọng đạo đức đâu. Nhưng một khi người đàn bà để cho bạn trai mình dùng khăn và bàn chải và ăn hết bữa tối của gã Popaa của mình, thì quả là bậy. Tôi phải nói cho cô biết điều đó.”

Meeva gần bật khóc. Không có gì làm tổn thương một ả Vahine cho bằng bảo rằng ả không lo săn sóc cho gã Popaa của ả.

“Em cứ tưởng anh ăn tối ở ngoài rồi. Cohn, anh biết em yêu anh hết lòng mà.”

Cohn dịu lại. Y nắm lấy tay Meeva vuốt ve. Cô ả quả là một Vahine chân chính. ả biết cái gì là quan trọng. Tình yêu. Không có gì khác đáng kể, quả vậy.

Y hôn ả. Meeva quàng tay qua người Cohn, gục đầu vào ngực y.

“Sao, có tuyệt không!”, Cohn hỏi dịu dàng.

“Tuyệt lắm.”

“Ừ. Hẳn anh chàng sáng tạo ra một vài kiểu mới mẻ. Nhưng anh ta còn để lại cho chúng mình khối việc để làm đấy.”

Ngọn đèn dầu trên bàn tỏa ra vừa đủ ánh sáng để không làm tổn thương đến bóng đêm yên bình. Sóng lặng. Đâu đó ngoài xa, một con gà trống hoảng hốt trước bầu trời sáng đầy sao, vội vã cất lên tiếng gáy báo hiệu bình minh với vẻ chắc chắn như một anh chàng tiên tri giả hiệu. Một chú thằn lằn rơi xuống trên mùng, nằm im một lát rồi chạy vụt đi. Meeva siết chặt gã Popaa trong tay mình. ả biết cả y nữa, cũng đang sợ hãi, và chẳng bao lâu nữa y sẽ đi. Meeva chẳng biết tại sao y lại tỏ ra bối rối như vậy. Chính Cohn cũng vậy, và đó là điều làm y bối rối nhất.

“Cohn.”

Y nhìn xuống khuôn mặt thật đẹp với cái mũi như mũi mèo rừng cùng đôi gò má cao nằm khuất trong mớ tóc xõa đen huyền. Chắc ả định nói với y điều gì đó. Cohn tự hỏi những ý tưởng lạ lùng, khác thường nào giấu kín sau cặp mắt đen nhánh của cái sinh vật vương giả mà các vị thần đã khuất từ lâu để rớt lại trong chuyến bay vào thời điểm khởi đầu của thực tại, khi vương quốc trần gian của họ đã kết thúc.

“Cohn, gãi lưng cho em.”

Trí tưởng tượng gợi tình của một ả Vahine thì không bao giờ cạn. Cohn đưa tay gãi lưng ả. Meeva rên ư ử, “Cohn, anh tuyệt quá. Anh là người cừ nhất. Ở đây này, dưới vai trái ấy...”

Cohn tiếp tục. Xưa nay y vẫn biết mình là người tình siêu hạng. Y có thể gãi lưng cho ả hàng giờ mà không mỏi.

“Bà đầu bếp của ngài Thống đốc bảo em rằng anh sẽ trở lại Paris. Bên đó họ cần anh. Bà bảo anh là một nhân vật quan trọng. Anh nhớ nói cho em biết trước khi đi nhé. Đừng đừng một cái rồi chạy luôn. Phải cho em biết, nhất là bây giờ chúng mình sắp có con rồi.”

Cohn cứng người, “Chúng ta sắp có con sao? Từ khi nào vậy?”

“Viên bác sĩ ở bệnh viện bảo em. Em sắp có con.”

Cohn toát mồ hôi lạnh khắp người. “Chúa ơi, tôi hi vọng đó không phải là con tôi. Thằng con hoang khốn khổ.”

“Em không biết có phải là con anh không, nhưng anh sẽ vui mừng vì có nó. Em chắc chắn anh muốn là cha nó. Tất cả những gì em có đều thuộc về anh mà.”

Y hiểu người Tahiti đủ để nhận ra điều Meeva nói, một biểu hiện của tình yêu chân thật. Cohn xúc động sâu xa. Y còn cảm thấy dâng lên trong lòng mình một niềm kiêu hãnh không ngờ trước cái ý tưởng sẽ trở thành một người cha. Cái hư danh xưa cũ muôn đời của giống đực.

“Cô có biết là ai không?”

“Dĩ nhiên không. Làm sao em biết được?”

“Đừng câu. Tôi chỉ hỏi thế thôi. Tôi sẽ chăm sóc đứa bé. Xem nào, đây là một điều kỳ diệu đối với bất cứ ai.”

Meeva cười dịu dàng, đưa tay vuốt tóc y “Anh nói thật đấy chứ?”

“Tất nhiên là thật. Ai lại không thế? Tôi cũng chẳng khác gì người khác, có điều trước đây tôi không nhận biết điều đó thôi. Tôi muốn nói đến tình phụ tử đấy mà. Tất nhiên là tôi hết sức sung sướng rồi.”

“Em biết anh sẽ mừng mà.”

“Tôi hy vọng đó là con trai. Là thật, trước đây tôi chưa từng nghĩ đến điều đó, việc làm cha ấy.”

“Nó sẽ đẹp trai lắm, rồi anh xem. Em chưa từng ngủ với ai xấu trai cả. Anh sẽ hãnh diện vì đứa bé.”

Cohn thấy lòng ấm áp. Đột nhiên y có cảm giác rằng mình sau cùng đã đạt được một điều gì đó trong đời. Cơ hội may mắn đầu tiên y có được trong suốt cuộc đời dài dằng dặc của mình. Y đưa tay quạt nước mắt.

Meeva hôn bàn tay y, “Đừng khóc, Gene. Em sung sướng biết mấy khi thấy em làm anh hạnh phúc. Em luôn luôn muốn cho anh một cái gì đó.”

“Đây là điều tuyệt vời nhất.” Cohn gào lên. Hiện y xúc động thật sự.

Meeva ép má vào bàn tay Cohn, “Cohn ạ, em sẽ đẻ thêm cho anh nhiều đứa bé nữa. Anh muốn chừng nào em đẻ chừng nấy. Em yêu anh!”

Cohn nức nở. Đây là lời chúc phúc. Một đứa con trai y không phải là cha là một cơ hội tốt để khởi đầu. Đứa bé sẽ lớn lên để trở thành một người nào đó hoàn toàn khác. Có lẽ thành cả một con người cũng nên.

“Đừng, đừng khóc. Cohn yêu của em!”

Bây giờ Cohn khóc thành tiếng. Thật kỳ diệu khi có thể trao cho con trai mình một cơ hội, một cuộc đời trong đó nó sẽ không có gì giống với mình. Nó không thuộc máu huyết mình, như thế mình có thể yêu thương nó thật sự. Cohn chưa từng cảm thấy ấm áp như thế này kể từ khi y mất hết cha mẹ.

“Nào, mình ăn mừng đi. Ta đi nhảy nhé?”

Rồi y bắt đầu lo, “Nhưng em có nhảy được không đấy? Không làm văng ra cái gì chứ?”

“Không đâu. Nó không văng như vậy đâu. Nó bám chặt lắm.”

“À điều này làm tôi nhớ là cần trị mấy con rận. Phải đi mua thuốc trừ rận thôi. Thật không còn nơi chốn nào sạch sẽ trên thế gian này cả.”

“Anh bị rận là do con mụ Ounano đấy. Mụ ta thật đúng là người rùng.”

Họ ra khỏi nhà, lưng thừng trong đêm, tay trong tay. Ánh sáng xanh, trắng, bạc dịu dàng lướt lên bàn chân họ.

“Khi nào anh trở lại Pháp vậy Cohn?”

“Cái gì làm em nghĩ rằng tôi sắp về Pháp?”

“Trong vài ngày nay, anh cứ như con chó bị roi quất ấy. Anh có đem tụi em theo với không?”

“Không, anh sẽ không làm như vậy với con trai của anh. Vả lại, nước Pháp không phải là nơi thích hợp với một ả Vahine như em. Bên đó họ không hề biết gì đến sự ngây thơ vô tội cả. Họ sẽ nghĩ rằng em chỉ là một con điếm nào đó thôi. Nhưng dầu sao thì chúng ta cũng có cách. Cả ba chúng ta. Một nơi nào đó. Chúng ta chạy trốn. Phải có một hòn đảo, một quần san hô mới, còn trinh nguyên, chưa ai khám phá. Chúng ta sẽ chạy đến đó. Mình sẽ tìm. Em sẽ đem con chúng ta lại đó. Để làm một khởi đầu mới, hoàn toàn khác. Chúng mình sẽ cho nó một cơ hội.”

Chính Cohn nữa, cũng tin vào điều mình nói.
Tôi tìm kiếm khuôn mặt nguyên sơ.
Trước khi thế giới này thành hình.
Hai người bước chậm rãi dọc bờ biển. Cohn lầm nhảm hát.

Mathieu không muốn rời Tahiti mà không để lại một đóng góp thân yêu và cuối cùng vào cái nhân cách của gã Genghis Cohn. Kẻ mà chẳng bao lâu nữa y sẽ phải chia tay mãi mãi. Một hành động công khai trước công chúng bày tỏ sự tủi nhục, lòng ăn năn hối lỗi sẽ bộc lộ minh bạch ý định của y muốn chấm dứt mối xung đột của mình với Nhà cầm quyền, để cúi cái đầu tội lỗi của mình trước Luật pháp và Trật tự. Ngoài ra, y cũng muốn đặt thêm nhát cọ cuối cùng vào di sản nghệ thuật mà y để lại tại Polynesie.

Vào lúc mười một giờ sáng hôm đó, lúc Bizien từ cảng trở về Papeete cùng với một xe chở đầy du khách ông đón chiếc tàu President Roosevelt vừa cập bến trước đó thì đến góc đường Paul Gauguin, một đám đông người bản xứ chắn ngang đường, trông có vẻ khích động và căng thẳng. Chiếc xe buýt du lịch phải ngừng lại. Bizien nhướng cổ lên nhìn thì thấy một hoạt cảnh sống - Tableau Vivant - khiến ông có thể lầm là một phần trong vở Nỗi thống khổ của Paul Gauguin do chính ông dàn dựng.

Nơi mái hiên trước một tiệm hớt tóc, thầy cai sen đầm Pozzo mặc đồng phục hằn hoi nhưng quần thì xắn cao, để chân trần, ngồi trên chiếc ghế trước một chậu nước. Gã đang đưa chân lên không trung, như thể sợ rơi mất chân vậy. Bộ mặt của Pozzo - một sự pha trộn của lòng ngờ vực với sự dằn dặt - biểu lộ vẻ ngơ ngác và hầu như bi thảm nữa.

Cohn, mặc chiếc áo dài trắng, quì gối trước Pozzo, đang cố nài nỉ gã sen đầm đưa cho y nắm lấy bàn chân. Pozzo ngần ngại, cố nhắc

chân lên cao chừng nào hay chừng nấy.

Một tình cảm biết ơn sâu sắc tràn đầy trong lòng Bizien. Ông ta biết mình đang chứng kiến một vở diễn chân thật, sống động. Bên cạnh ông, một phụ nữ lớn tuổi đang cúi đọc tập sách mỏng hướng dẫn du lịch bèn hỏi ông về cảnh tượng kích động trước xe.

Bizien bèn giải thích, “Đây là một đoạn nổi tiếng lấy từ cuộc đời của Gauguin, gọi là “Lễ Rửa Chân.” Hiện nay đó là một phần trong nền văn hóa dân gian Tahiti và hàng năm được diễn trong ngày kỷ niệm cái chết của nhà danh họa. Một trong những thời điểm xúc động nhất trong cuộc đời của kẻ nổi loạn vĩ đại cuối cùng đã ăn năn hối cải, một sự kiện mà thường khi người ta bỏ qua không lưu ý đến. Ngày mai quý khách sẽ đọc báo tường thuật về buổi lễ trên tập san du lịch của chúng tôi.”

Bizien vọt ra khỏi xe. Người đầu tiên ông ta thấy là Ryckmans. Lúc này đám đông người Tahiti hình như không còn kiểm soát nổi. Có những tiếng xì xào đầy dọa nạt, cả tiếng la nữa. Ryckmans đưa mắt nhìn vị Giám đốc du lịch với ánh mắt lo âu.

“Chuyện gì xảy ra vậy?”, Bizien hỏi.

“Phá hoại chứ gì nữa”, Ryckmans nói giọng hậm hực, “Ngày hôm qua khi hãn đến bảo tôi là hãn muốn rửa chân Hạ sĩ Pozzo trước công chúng trước khi rời Tahiti, như là một hành động bày tỏ lòng hối hận và ăn năn về những phiền phức hay gây ra cho chúng tôi ở xứ này, tôi biết là hãn lại định giở trò một lần nữa. Tôi từ chối, lễ phép nhưng cương quyết. Không thể làm vậy cho một anh cảnh sát mặc đồng phục được. Thế là hãn bắt đầu làm om sòm lên, vì thế tôi phải gọi điện xin ý kiến ông Thống đốc. Và, ông có tin hay không thì tùy, nhưng người ta bảo tôi rằng không được làm trái ý hãn ta, nếu không hãn sẽ từ chối không về Pháp nữa. Mệnh lệnh từ Paris đấy. Làm mất lòng hãn, hãn có thể đào ngũ sang phía người Mỹ, hoặc cả người Nga không chừng. Cho nên phải nhin hãn. Thế là tôi gọi Pozzo lên và bảo rằng anh ta sẽ được Monsieur Cohn trang trọng rửa chân trước công

chúng, đó là vì lợi ích quốc gia. Pozzo chẳng hề muốn. Anh ta cũng có lòng tự ái của mình chứ. Tôi phải hứa sẽ thắng chức anh ta mới chịu. Đó là lý do tại sao sáng nay chúng tôi đến đây. Ông Bizien ạ, rồi tôi cũng xin thuyên chuyển thôi.”

Bizien rẽ đám đông, tiến đến gần. Lúc này Cohn cuối cùng cũng nắm được bàn chân của Pozzo. Chưa bao giờ kể từ trận Waterloo, mặt của một tên sen đầm người Corse lại biểu lộ một sự tức giận đến vậy. Trong khi đó, Cohn thận trọng xoa xà phòng lên đôi bàn chân, tỉa móng, xem xét các ngón chân thật kỹ lưỡng. Dưới mắt Bizien, đó là cả một cảnh tượng nghệ thuật, nhưng ông ta chưa nhận thức đầy đủ cái mục tiêu thâm hiểm của việc làm này cho đến khi một loạt tiếng la thù nghịch cất lên từ đám đông.

“Quả thật là nhục nhã!”

“Xem kìa, họ bắt chúng ta rửa chân cho họ!”

“Đả đảo cảnh sát!”

“Đả đảo độc tài!”

“Quốc xã!”

“Chủ nghĩa phát xít!”

“Cohn! Đừng để họ bắt anh làm vậy. Cohn, chống lại đi! Ai cho họ cái quyền như vậy! Thật là đồ phát xít!”

“Đả đảo cảnh sát!”

“Nhổ vào hăn đi, Cohn! Can đảm lên nào!”

Cohn cúi đầu tủi hổ. Vẫn quì gối, tiếp tục xoa xà phòng lên đôi chân lông lá của thầy cai Pozzo, y là hiện thân điển hình của sự nô lệ và ô nhục.

“Đừng, Cohn, đừng! Nện hăn đi! Chúng tôi sẽ hỗ trợ anh!”

“Hãy xem bọn chúng đối xử với con người kìa!”

“Chẳng có luật nào bắt buộc anh phải rửa chân cho bọn cớm cả!”

“Đả đảo bọn áp bức! Đả đảo chủ nghĩa thực dân!”

Cohn bắt đầu bồn chồn. Taroa đâu rồi nhỉ? Y đã dặn hắn ta một cách chính xác điều phải làm. Thời cơ đã chín muồi. Đúng lúc rồi. Vậy cái thằng khốn Taroa còn đợi gì nữa? Đúng lúc y đang lo thì cái giọng hùng hồn, mạnh mẽ của Taroa vút lên trên đám đông, và lời của bài hát “La Marseillaise” vọng lại trong cái sức mạnh đang bùng lên của họ:

*Allons, enfants de la patrie,
Le jour de la gloire est arrivé
Contre nous la tyrannie
L'étendard sanglant est levé!
Aux armes, citoyens!*

Một tiếng gầm dữ dội vang lên, và mọi người dân ùa đến, dòng loạt như chỉ có một con người duy nhất đáp ứng lại tiếng gọi bất tử hãy cầm lấy vũ khí từ tổ tiên người Gaule vọng lại. Hàng trăm bàn tay chộp lấy sen đầm Pozzo nhấc ra khỏi ghế và ném hắn xuyên cửa kính của hiệu hớt tóc. Ryckmans đang định leo lên xe mở máy chạy trốn thì cũng bị tóm. Gã bị lột quần rồi bị ném xuống biển. Khi từ dưới nước cố ngoi đầu lên, Ryckmans còn phải hứng lấy những lời chửi rửa chọn lọc nhất chộp xuống đầu.

“Đồ sát nhân. Đồ phát xít!”

“Tay mày dính máu!”

“Judas! Đồ đế quốc!”

“Đồ S.S! Đồ Hitler! Đồ thực dân!”

Tiếng kính vỡ bây giờ loảng xoảng khắp nơi, cùng với bài “La Marseillaise” vang lên trên không trung, dòn dã và kiêu hãnh. Trong lúc đó, Cohn được người ta khiêng lên vai, diễu hành khắp đường phố trong tiếng reo hò, trong khi các người Hoa thì chạy vội vào nhà đóng kín cửa tiệm lại. Trước bản năng không hề sai lầm của đám đông, người ta biết rằng bọn da vàng khốn kiếp ấy thế nào cũng phải chịu một cái gì đó trước cơn cuồng nộ này.

Hai tay dang rộng hình chữ V trên đầu mọi người, Cohn, đang được hoan hô nồng nhiệt, nói một bài diễn văn từ biệt rất xúc động tuy không ai có thể nghe được trong tiếng ồn hỗn loạn nhưng lại được mọi người vỗ tay cuồng nhiệt. Trên bờ đá san hô, người anh em đại dương của y cũng góp thêm lời cổ vũ như sấm động. Rồi Cohn bảo khiêng tới góc đường, chụp lấy vòng hoa phong lan từ cổ một ả Vahine nào đấy, y tròng lên bảng ghi tên đường “Rue Paul Gauguin.” Lúc đó mắt y đắm lệ khi nghĩ rằng cuộc khiêu vũ khinh bạc của mình ở Tahiti đã kết thúc.

Người ta đã đặt vé cho y về Paris bằng chuyến bay Air France vào ngày hôm sau. Y trải qua buổi chiều trong vòng tay của Meeva. Cặp mắt ả trĩu nặng nỗi buồn cam phận của một cô vahine mà định mệnh khiến cho gã popaa bỏ rơi lại đằng sau. Tuy thế y không thể tin nổi là y sắp mất ả vĩnh viễn. Y xiết chặt tay Meeva, vòng xích cuối cùng nối liền với cái bản ngã đích thực đã mất của mình, với sự trong trắng trinh nguyên, với con người của y trước khi thế giới bắt đầu. ả sắp cho y một đứa con của một người cha vô danh nào đó, và nếu may mắn thì là một đứa con trai, đứa bé không mang giọt máu của y và vì thế y có thể thực sự yêu thương.

Meeva mặc chiếc áo đẹp nhất vào, chiếc áo đỏ có hoa trắng rực rỡ.

“Em đi đâu đấy?”

“Đi nhảy.”

Y biết ả có thể nhảy hàng giờ rồi làm tình với một cậu trai bản xứ nào đó trên bãi biển. Y biết Meeva đang hết sức đau buồn, theo cách Tahiti. Lần đầu tiên trong đời, Cohn biết mình thực sự được yêu thương.

Nhưng cú đánh cuối cùng đến lúc sáu giờ chiều, giống như mặt trời sừng vù bỗng nhiên gục xuống ở Mooréa.

Như thường lệ khi y sắp đảm trách một thân phận mới, Cohn thấy bồn chồn và lo lắng. Đó là tình trạng như một diễn viên thấy “khớp” khi ra sân khấu rồi hết sợ ngay khi biết rằng không còn cách nào lui vào được nữa.

Trước nay y vẫn vượt qua được cơn sợ đó, mặc dầu y đã từng chịu hàng tỉ cái chết qua lịch sử. Thế kỷ 17 ở Tây Ban Nha là giai đoạn mà y ưa thích nhất. Ở đó y đã trải qua một thời gian đùa giỡn tuyệt vời với Giáo hội, Vua chúa, với nhà cầm quyền, đến mức họ đã phải treo cổ y hàng chục lần, và có một lần tại Sevilla, Pháp đình đã tọng đầy nước vào người y cho đến khi y vỡ bụng mà chết. Nhân cách mà y thích nhất là Lope de Vega, không chỉ bởi vì ông ta đã viết hàng ngàn vở kịch dưới tên này, mà còn vì ông ta đã sống hoang dã hưởng lạc cho đến cuối đời, thách đố tất cả mọi định chế của thời đại và chẳng bao giờ thêm cầu nguyện cho tội lỗi của mình. Còn bây giờ thì y lại gồng mình để một lần nữa trở thành Marc Mathieu, gã thiên tài lập dị, và y quyết định không bỏ rơi công chúng của mình. Dẫu sao, không thể biết chắc những cuộc phiêu lưu nào đang đợi y. Điều duy nhất quan trọng là tiếp tục tạo ra những nhân cách, bản ngã mới cho mình suốt dọc con đường chông gai khó nhọc của một tên Picaro, và điều này chính là sự sáng tạo. Tuy vậy, mặc cho tất cả những chiến thắng đã qua, niềm sợ hãi rằng mình sẽ gặp thất bại không sớm thì muộn luôn luôn đeo đẳng trong người y. Tất cả những gì y có thể làm là đặt niềm tin vững chãi của mình vào vở diễn, và rồi rất có thể một ngày nọ Con người - kẻ bịp bợm cuối cùng sẽ đạt được tính chân thực. Việc sợ hãi khi bước ra sân khấu cũng là tự nhiên thôi, nếu ta xét đến sự mênh mông của sân khấu và tầm quan trọng của trọng trách trước mặt. Tuy nhiên để cảm thấy tự tin, con người chỉ cần nhớ lại tất cả thân phận đã qua mà hẳn ta đã thể hiện thành công trong suốt dọc đường lịch sử. Có lẽ cũng không phải là những thành tựu lớn lao gì lắm, nếu xét đến tài năng, nổi thống khổ và mọi nỗ lực vô cùng tận mà hẳn ta đã đặt vào vở diễn, nhưng dẫu sao thế cũng còn hơn không, và ngày nay người ta vẫn xem đó là nền văn minh của con người.

Cohn đang ngồi trên cát trước “Ngôi nhà Hoan lạc” hút điếu xì gà cuối cùng và ngắm nhìn mặt trời lặn thì thấy một người đàn ông lớn tuổi đang đi lại phía mình. Đó là một du khách trông sang trọng mà y

đã chú ý khi gặp sáng nay trên hiên khách sạn Vairia. Họ cũng có trao đổi với nhau một vài câu về thời tiết. Người Đức, Cohn nhớ lại. Y thấy ghét sự phá bình này. Lão người Đức sắp làm hỏng cảnh hoàng hôn của mình đây.

Người đàn ông quý phái tiến lại gần. Trông ông ta quả là một người văn minh, trí thức. Ông bận bộ áo màu xám, mũ cầm nơi tay. Mặt ông tươi cười, chiếc mũi thanh tú.

“Tôi xin phép ông.”

Cohn không nhúc nhích, không ai ở Tahiti có quyền quấy nhiễu một con người đang yên bình hút xì gà, đối diện với biển và ngắm mặt trời lặn.

“Ông Cohn, có phải không ạ?”

Trong người Cohn như có sẵn một hệ thống báo động. Nó nằm đâu đó trong đít y, và khi có nguy hiểm đe dọa, đít y sẽ co lại tạo thành làn hơi lạnh dọc theo sống lưng - máy ra đa ấy hiện giờ đang hoạt động dữ dội.

“Xin lỗi đã làm phiền ông, nhưng tôi muốn tìm con gái tôi.”

“Nhưng đây có phải là nhà chứa đâu mà hỏi”, Cohn trả lời nghiêm khắc.

“Tôi biết nó không muốn gặp tôi. Nhưng mẹ nó đang bệnh nặng. Bà ấy hấp hối. Chỉ là vấn đề hàng tuần, có khi hàng ngày. Tôi muốn Liebchen trở về Frankfurt, đầu chỉ vài ngày thôi cũng được.”

“Nhưng chẳng có ai tên Liebchen ở đây cả.” Cohn trả lời. Liebchen! Đó là điều y cần biết.

“Cho phép tôi tự giới thiệu. Tôi tên là Kremnitz. Tôi là giáo sư về môn luật quốc tế ở Tübingen. Thời còn trẻ, tôi cũng trải qua những cuộc khủng hoảng lãng mạn thường thấy nơi giới trẻ. Giấc mơ xưa cũ về việc chạy trốn khỏi nền văn minh, khỏi thế giới phương Tây - hẳn ông biết điều đó. Tuổi trẻ mà. Tôi đến Tuamotus và cưới một cô gái người Polynesie ở đó. Dĩ nhiên, cuối cùng thì tôi trở lại Đức với vợ và

con gái. Sau đó nó học về nhân chủng học tại đại học Tubingen. Con bé rất sáng dạ.”

Cohn thấy nhẹ nhõm. Báo động giả. Bộ máy ra đa của y chắc hỏng rồi. Phải sửa lại thôi.

“Liebchen là một trong những thanh niên nổi loạn luôn luôn xung khắc với mọi thứ. Gia đình, xã hội tiêu thụ, cuộc chạy đua điên cuồng của các thế lực chính trị... Nó mất ảo tưởng với mọi thứ, cả với Cuba, nơi nó có đến sống một vài tháng để tìm hiểu. Cơn khủng hoảng điển hình của giới trẻ ngày hôm nay, những kẻ có mọi thứ nhưng lại cảm thấy mình thiếu đi cái gì đó cốt yếu nhất. Sự trống trắng ngây thơ đã mất chẳng hạn. Cái ảo tưởng rằng mình có thể tìm lại bước chân nguyên thủy, trở lại cội nguồn, đại loại như vậy. Cái cảm giác rằng nền văn minh này đã hoàn toàn đi chệch hướng...”

Cohn lấy điều xì gà ra khỏi miệng, “nghe này, tại sao ông không đi tìm cô ấy ở Club Méditerranée? Chỗ ấy là nơi tụ tập những người như con gái ông đấy. Chắc chắn ông sẽ tìm được con ông ở đó.”

“Xin tha lỗi cho tôi. Tôi không đến đây để làm phiền ông vì chuyện riêng của gia đình. Nhưng lần cuối cùng tôi được tin nó là từ một năm nay rồi. Chúng tôi có điều tra. Chúng tôi được biết Liebchen có trở về Tuamotus rồi sau đó đến đây. Nó sống tại đây một thời gian, lấy tên bà ngoại người Polynesie của nó, Meeva.”

Toàn bộ ruột gan của Cohn nhảy loạn xạ cả lên. Điều xì gà rơi khỏi miệng. “Cái gì?”, Y nhảy dựng lên, “Ông vừa nói tên gì?”

“Meeva. Tôi tin rằng ông biết nó.”

Cohn vỗ đùi đen đét, gập người lại cười, “Liebchen?” y gào lên, “Liebchen! Trời đất thiên địa ơi!” Người y run rẩy vì tiếng cười còn nước mắt thì chảy đầm gò má. Y không ngừng lại được nữa.

Vị giáo sư người Đức nhìn y, ngạc nhiên và khó chịu, “Xin lỗi ông, nhưng tôi thật sự không thấy...”

“Liebchen!”, Cohn thấy nghẹn thở và y cố hít lấy một ngụm không khí. Rồi y nắm chặt tay, ngược mặt lên trời: Đứa-Con đang sẵn

sàng để bày tỏ thái độ với Đức-Cha thì y bỗng nhớ lại rằng y sinh ra đã mồ côi, với lại cũng chẳng có ai trên đó cả. Y bèn quay người và chạy xuống biển.

Vịnh biển chỉ cách nhà y vài trăm thước, nơi đó dòng suối rót vào đầm nước giữa rừng đước. Chiếc thuyền độc mộc cột vào gốc dừa, Cohn bèn xem xét sợi dây. Dây dài và chắc, đúng thứ y cần. Bây giờ tất cả những gì y phải làm là tìm cho ra một hòn đá đủ nặng, bởi vì “con tim nặng trĩu” chẳng qua chỉ là sự bịa đặt của văn chương, nó không bao giờ giúp cho người ta chìm xuống đáy được. Cuối cùng y cũng tìm được viên đá thích hợp, y nhắc lên, ném vào trong thuyền.

Đêm đã chập xuống. Đối với Cohn có vẻ như đêm cố xuống vội vã để khỏi lỡ dịp chứng kiến cái kết thúc của kẻ nổi loạn. Đêm vốn yêu thích những chung cục mẫu mực mà. Cohn ngước mắt lên một lần nữa. Vòm trời đầy sao ép xuống chung quanh y như một đám đông ngày hội. Y tìm kiếm chòm sao Thiên Cầu nhưng không thấy. Chắc nó quá bận rộn và không thể chăm sóc mọi đứa con của mình được nữa.

Cohn bắt đầu chèo thuyền, Y không cần phải đi xa. Phải là một kẻ mơ mộng tự lừa dối mới tin rằng mình có thể “giữ cho cây cung của mình kiên trì hướng về phía đất liền hiếu khách, ngôi nhà của tự do và của cái đẹp” - như Gauguin từng viết trong nhật ký của mình.

Đầm nước đang run rẩy với hàng tỉ sinh vật lân tinh. Đối với Cohn, có vẻ như những năm ánh sáng trên đầu y chiếu xuống một ánh sáng chiến thắng. Các thiên hà đứng về phía Đức Cha, về phía Nhà Cầm Quyền bất khả xâm phạm, không chấp nhận bất cứ ai dám thách thức Luật Pháp và Trật Tự. Phía dưới, đại dương mang trong các lần gập của mình cái thay đổi nhỏ nhoi của vô cùng.

Khi ra đến giữa đầm nước, Cohn buông chèo. Y cột một đầu dây vào tảng đá, đầu kia thắt thành thòng lọng thòng vào cổ mình. Rồi không tin vào cái trò cũ rích ấy, y tự cột luôn hai tay mình lại. Thế là tên vô lại đứng thẳng lên trên thuyền độc mộc, tay trói chặt vào vòng dây quanh cổ, y ngước mắt nhìn lên một lần nữa về phía mà người ta

gọi là trời. Cả hàng triệu ánh mắt vàng nhạt đang quan sát y. Y cũng hầu như nghe thấy tiếng rao bán lạc rang và nước giải khát từ trên bờ vọng lại.

Tảng đá nặng hơn y tưởng nhiều. Hai tay trói chặt làm y vướng víu. Chiếc thuyền lắc lư dữ dội và y thì sợ làm đau mình.

Cuối cùng y cũng nhấc được tảng đá lên, ôm nơi bụng. Y hít một hơi đầy phổi, rồi mới nhận ra rằng làm thế chẳng qua chỉ kéo dài sự đau đớn mà thôi. Y bèn thở ra, nhắm mắt lại, phóng mình khỏi thuyền.

Nhưng y không chìm.

Y mở mắt ra và thấy mình đang bồng bềnh trên đầu sợi dây. Hóa ra y đã buông hòn đá quá sớm và nó rơi lại vào bên trong thuyền.

Ngực Cohn như muốn bể ra vì cơn giận dữ trong khi sóng phủ lên đầu y. Với tất cả lòng cuồng nộ và lòng bất tín của một kẻ vô thần chân chính, y tuân ra một tràng lời lẽ phạm thượng đối với Đức Cha. Trong lúc điên giận y quên mất rằng Đức Cha không hiện hữu vốn rất thích thấy những biểu lộ của sự bất lực cũng như những dấu hiệu thừa nhận mình nơi Đứa Con bất tín kia, và những lời phạm thượng kia không có nghĩa gì với Người, chừng nào mà Người vẫn là cội nguồn của những mối xúc động đó nơi Đứa Con.

Cohn bèn cố gắng leo lên thuyền để bắt đầu lại một lần nữa. Nhưng y nhận ra ngay rằng y không bao giờ làm nổi. Tay bị trói khiến y luống cuống. Vừa chửi rủa, Cohn vừa cố giăng sợi dây, hi vọng tảng đá rớt ra khỏi thuyền, nhưng hành động đó chỉ kéo chiếc thuyền tiến lại phía y mà thôi.

Y bèn cố chìm xuống đáy chỉ bằng ý chí mà không có sự trợ giúp của tảng đá, nhưng mỗi khi lặn xuống, vừa ngạt thở, y lại vùng vẫy và ngoi lên mặt nước trở lại.

Rồi y nổi bập bềnh trên biển, lơ lửng giữa niềm tủi nhục và nỗi nhẹ nhõm vì đã một lần nữa thoát chết trong đường tơ kẽ tóc. Sau cùng y bắt đầu bơi về phía bờ bằng cách đập thật mạnh hai đầu gối. Nhưng y còn buộc với cả chiếc thuyền, và tay thì bị trói, nên y không

làm nổi. Y sặc nước và bắt đầu sợ. Chiếc thuyền vẫn không nhúc nhích dưới ánh trăng. Cohn gào lớn “Cứu, cứu với!” hi vọng có một đôi tình nhân nào đó trên bờ nghe thấy.

Đối với một kẻ khinh bạc nổi tiếng đang cố tự sát mà lại ở vào tình trạng như vậy thì quả là tủi nhục, nhưng y vẫn qui kết cho cảnh sát, nhà thờ, bọn trọc phú địa phương là những kẻ đã thắt vòng dây vào cổ y, đã trói y vào tảng đá, tóm tắt là đã cố loại bỏ một nghệ sĩ nổi loạn khác. Thiên hạ đều luôn cố sát hại Gauguin cho đến cùng chứ sao.

“Cứu tôi, cứu tôi với! Giết người!”

Đã một tiếng đồng hồ trôi qua và Cohn bắt đầu cảm thấy mình sắp hôn mê. Rồi y thấy một chiếc thuyền rời bờ và chậm chạp tiến lại phía y dưới ánh trăng.

“Cứu tôi! Bọn chúng đang giết chết một người lương thiện! Cứu tôi với!” Y gào.

Đó là Meeva.

Ả đứng thẳng trên thuyền, đang chèo. Tóc Meeva buông xõa và ả chẳng có thời gian kịp mặc quần áo, trần như nhộng dưới ánh trăng. Mũi Cohn nhô ra trên mặt nước khịt ra những âm thanh khinh bỉ. Cái con cuồng dâm người Đức này hẳn đang làm tình trên bờ biển như một ả Vahine trong sáng ngây thơ. Chỉ có một con điếm Đức mới xử sự như vậy. Đến Tahiti để bôi bẩn sự trinh nguyên còn cuối cùng trên thế giới, nơi duy nhất mà tội ác và tội lỗi không hề hiện hữu.

“Đồ điếm rạc! Đồ cuồng dâm!”

Chiếc thuyền lại gần. Meeva đang khóc, còn Cohn thì bụng đã đầy nước biển.

“Tốt lắm, khóc đi, đồ dối trá tồi bại!”

“Cohn, mẹ em đúng là một người Maori ở Tuamotus, em thề!”

“Mẹ cô, tôi chẳng hề cần biết là cái thứ gì!”

“Anh cũng biết là mọi người dân bản xứ ở đây đều mang vài giọt máu Âu Châu trong mình...”

“Vài giọt! Ha ha!”, Cohn muốn bật lên cười. “Liebchen!”, y gào lên chua chát, “Liebchen!”

“Em sống ở Tuamotus cho đến khi em mười hai tuổi. Cấu trúc tâm lý và tinh thần của em hoàn toàn là của người Maori và...”

Cohn nhắm nghiền mắt. Nếu như có một điều ghê sợ mà y không dám tin, đó là nghe những từ “cấu trúc tâm lý và tinh thần” nơi đôi môi của Meeva.

“Đúng cha em là người Đức, nhưng em phải nói rõ là ông ấy luôn luôn chống phát xít...”

“Hắn rồi, còn bây giờ, có một đứa con gái như cô, lão ta phải thành phát xít thôi!”

Meeva quì trên thuyền, cố kéo Cohn lên.

“Đừng đụng vào tôi!”

“Chúng mình sẽ trở về Fare của mình và anh cứ đánh em. Rồi sau đó mình làm tình với nhau.”

“Ồ Đức tồi bại. Cút đi! Tôi không muốn sống với loại người như cô, và như tôi!”

Nhưng y không còn sức lực để chống trả. Cuối cùng y được kéo lên thuyền, với một lượng đá trong tim đủ để xây một thánh đường mới.

“Cohn, nghe em nói đây này. Em muốn trở về cội nguồn, trở lại thành người Maori. Anh không hiểu sao? Em đi tìm lại sự đơn giản, niềm trong sáng đã mất...”

“Đúng rồi. Và đó là lý do tại sao cô phải học nhân chủng học năm năm ở Đại học Tubingen. Để lấy lại niềm ngây thơ đã mất. Merde! Merde!”

“Em có đến Cuba, nhưng chủ nghĩa Mác không thích hợp với em. Vả lại, nó đã đi sai hướng. Anh đã đọc Con Người Một Chiều của

Marcuse chưa?”

Cohn nổi da gà. Họ ở đây, hai người Tây phương trần như nhộng, ngồi trong chiếc thuyền độc mộc ở đầm nước Tahiti, nói chuyện về Con Người Một Chiều của Marcuse. Hóa ra ả Vahiné của y là một cô hippie. Y nhào người ra mạn thuyền, nôn oẹ. Rồi y nằm ngửa giữa thuyền, ngắm nhìn các vì sao hàng ngàn vạn năm ánh sáng đang chớp chồn với tất cả cái đẹp của một thế giới không hiện hữu. Y cũng không đẩy Meeva ra khi ả cầm lấy tay y.

“Liebchen, họ trả cho cô bao nhiêu để do thám tôi?”

Meeva nức nở, “Em không có chọn lựa nào khác. Họ dọa trục xuất em. Em không có tiền, cũng không có giấy phép cư trú. Em yêu anh, Cohn. Em yêu anh bằng tất cả con tim.”

“Nếu cô còn nhắc đến con tim một lần nữa... cô, con-điểm-một-chiều này...”

“Em đã phải đưa cho họ mọi mảnh giấy anh vứt tứ tung... Dẫu sao họ cũng biết anh là Mathieu...”

“Họ nói với cô thế nào về tôi?”

“Họ bảo rằng trước đây anh bị một cơn “sốc” và rằng anh đã kiên trì dồn nén cái bản ngã thật của anh lại, bởi anh không còn đủ sức đối diện với nó.”

Cohn bật cười. Vẫn là cái nền tâm thần học được cập nhật hóa, “Hẳn rồi, khái niệm Selbstverdammung - Sự dồn nén bản ngã - của Machner đấy mà. Một “ca” cổ điển. Đúng vậy. Rồi sao nữa?”

“Họ chụp ảnh các công trình của anh. Những gì anh viết trên cát ban đêm ấy mà. Họ thật sự lo lắng.”

“Ai chụp ảnh? Cô?”

“Vâng.” Cô lại bật khóc.

“Thôi đừng khóc, Liebchen”, y nghe mình nói bằng một giọng hết sức dịu dàng đến nỗi chính y cũng ngạc nhiên. Dẫu sao thì y cũng là một người vất đi.

Meeva hôn bàn tay Cohn. “Chúng mình từng sống hạnh phúc với nhau, phải không anh?”

“Đúng vậy, nhưng là vì lúc đó chúng ta không hiểu nhau. Cô thấy đó, Liebchen, khi một người đàn ông và một người đàn bà biết rất ít về nhau, họ mới có thể yêu nhau thật tình. Bởi ở đó có cái đẹp. Nhưng khi họ đã biết lẫn nhau, tình yêu không còn được nữa. Hết cả ảo tưởng, cô hiểu chứ? Chẳng còn gì ngoài sự thật trần như nhộng.”

Cohn nhòe mắt. Chiếc thuyền độc mộc vẫn nằm im trong ánh trăng. Y bắt đầu chèo về phía bờ.

“Cohn, nghe em nói đây. Em biết là anh không muốn trở lại bên ấy. Em biết anh không muốn làm việc cho họ. Em có thể giúp anh. Em có biết một hòn đảo trong quần san hô Atura. Chưa bao giờ có ai đến đó, trừ em, khi em còn là cô gái rất nhỏ. Em đi cùng với ông ngoại em, già Ouana, thủ lĩnh của người Atura. Ông ngoại em hiện còn sống. Ông có thể đưa chúng mình tới đó. Không một ai có thể tìm ra mình đâu. Chúng mình có thể bắt đầu một lần nữa...”

Khuôn mặt nguyên sơ trước khi thế giới bắt đầu...

Cohn chèo. Bờ biển gần hơn y tưởng nhiều.

“Em sẽ sinh con ở đó. Cũng đáng đấy chứ anh? Một khởi đầu hoàn toàn mới, trong sạch...”

Giờ đây, sau chùng đó lời dối trá, Cohn sợ cái điều tệ hại nhất.

“Của ai vậy? Tôi muốn nói đứa bé ấy.”

“Em bảo anh rồi. Em không biết.”

“Cô chắc chắn là không phải của tôi chứ?” Y không muốn làm điều này cho con mình. Y đã từng là một người cha tốt.

“Em không biết. Với tất cả các cậu ấy...”

Cohn vẫn chèo. Một niềm hi vọng mơ hồ, lưỡng lự dâng lên trong y. Y không muốn nhìn nó quá gần, sợ nó sẽ biến đi, tan rã trước cặp mắt thăm soi, nhạo báng của mình. Y là chính bản ngã ngày xưa

một lần nữa, luôn thèm khát một sự ra đời hoàn toàn mới mẻ trên một bờ biển xa lạ.

Họ hầu như đã đến đó.

“Ở xa đây không, cái hòn đảo của em đó?”

“Rất xa. Tụi mình phải khởi hành từ Tuamotus. Anh không thể tưởng tượng nó đẹp đến thế nào đâu. Em đã đến đó, em không bao giờ quên được.”

“Khi đó em còn nhỏ xíu. Em nhìn bằng cặp mắt khác bây giờ.”

“Tụi mình sẽ cố tìm.”

Họ đến bờ. Cohn lội xuống nước và đẩy thuyền.

“Em có bản đồ không?”

“Nó không có trên bản đồ đâu. Nhưng già Ouana sẽ dẫn mình đến đó. Tụi mình sẽ làm lại, Cohn ạ. Mình sẽ cố gắng. Có còn chỗ nào khác mình đến đâu?”

Cohn ngược mắt. Trên triền núi, nơi Bizien đã cho dựng hoạt cảnh về Moise, ánh đèn nê-ông chiếu xuống màu vàng, cam, đỏ. Đó là họ đang cố dựng lại Bụi cây rực lửa. Ánh đèn quét xuống thành một con đường mới bên trên Pouavia. Chuyển xe buýt đầu tiên chở du khách dọc theo từ Trạm Thánh Giá cho đến Trạm Tuần Nạn, hoạt cảnh này khai trương đêm nay, có sự hiện diện của Vị Thống Đốc Tahiti. Tại Mururoa, địa điểm thử nghiệm bom hạt nhân, cả nước Pháp đang làm việc ngày đêm cho kịp thời điểm đã định.

Người đàn ông và người đàn bà đứng trần truồng trên bờ biển, chờ đợi cuộc tái sinh.

Mục Lục

1. [Lời tựa](#)
2. [1](#)
3. [2](#)
4. [3](#)
5. [4](#)
6. [5](#)
7. [6](#)
8. [7](#)
9. [8](#)
10. [9](#)
11. [10](#)
12. [11](#)
13. [12](#)
14. [13](#)
15. [14](#)
16. [15](#)
17. [16](#)
18. [17](#)
19. [18](#)
20. [19](#)
21. [20](#)
22. [21](#)
23. [22](#)
24. [23](#)
25. [24](#)

26. [Mục Lục](#)

Table of Contents

[Lời tựa](#)

[1](#)

[2](#)

[3](#)

[4](#)

[5](#)

[6](#)

[7](#)

[8](#)

[9](#)

[10](#)

[11](#)

[12](#)

[13](#)

[14](#)

[15](#)

[16](#)

[17](#)

[18](#)

[19](#)

[20](#)

[21](#)

[22](#)

[23](#)

[24](#)

[Mục Lục](#)